NĂM THỨ MƯỜI SÁU • # 182 • JUNE 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

Tưởng Niệm THẠCH LAM

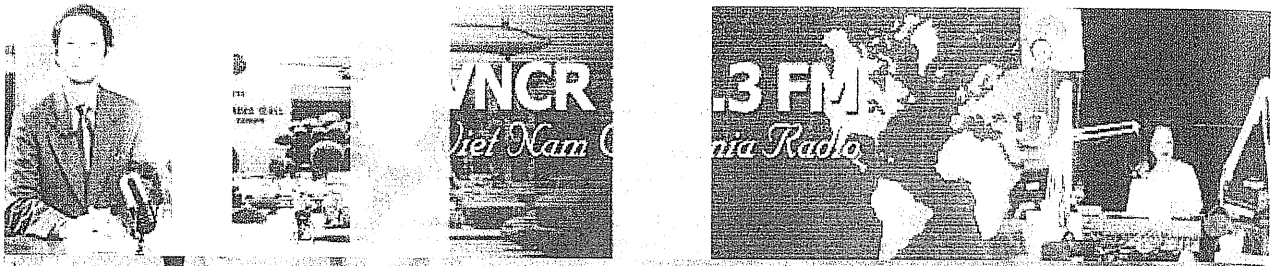

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

WindowsMedia Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Đọc tin

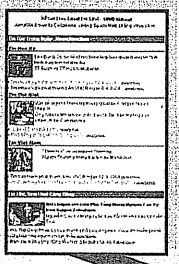

Email miễn phí

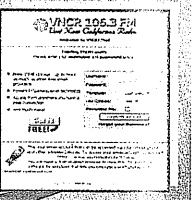

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) — 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

TOÀN TẬP TRẦN NHÂN TÔNG
Biên khảo của LÊ MẠNH THÁT

Lê Mạnh Thát là một nhà sư và là một học giả lớn của Việt Nam hiện nay. Cuốn "Toàn Tập Trần Nhân Tông" là một công trình nghiên cứu vô cùng giá trị của ông về một thời đại lừng lẫy của dân tộc Việt Nam: Trần Nhân Tông đánh bại quân Mông Cổ, Trần Nhân Tông xuất gia, Trần Nhân Tông nhà tư tưởng, nhà sáng tác văn học, Trần Nhân Tông với Thiền phái Trúc Lâm... Chưa có một nghiên cứu nào về nhà Trần có giá trị như bộ sách này. Giá 18 Mỹ kim.

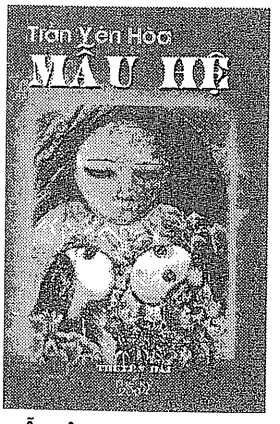

MẪU HỆ
Truyện dài của TRẦN YÊN HÒA

Xã hội miền Nam sau năm 1975 có quá nhiều vấn đề để nói. Mẫu Hệ là một truyện dài để mô tả một phần xã hội ấy, liên quan đến gia đình của một cựu sĩ quan VNCH đi cải tạo, vợ ở nhà lo bương chải làm ăn nuôi con. Nhưng một khi người vợ đã lên ngôi vị là người quyết định đời sống kinh tế gia đình thì nảy sinh nhiều chuyện đau lòng cho người chồng từ trại cải tạo về! Một tấn kịch gia đình, xã hội, tình yêu, tình dục... gói gọn trong bộ truyện.Giá 15 Mỹ kim.

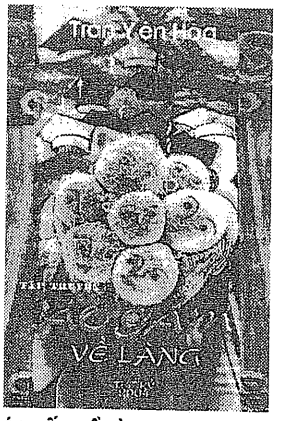

ÁO GẤM VỀ LÀNG
Tập truyện ngắn của TRẦN YÊN HÒA

Truyện ngắn của Trần Yên Hòa đề cập đến nhiều đề tài của người Việt Nam sau 1975, từ trại cải tạo, đến thảm cảnh xã hội, chuyện người di dân sang Mỹ, chuyện "Việt kiều" về nước làm ăn và ăn chơi... Những mảnh đời được tác giả mô tả đó là những chứng tích một thời. Đọc truyện Trần Yên Hòa người Việt Nam ở hải ngoại thường thấy có mình trong đó, giữa cơn chao đảo lớn lao của lịch sử. Giá 15 Mỹ kim.

300 TRUYỆN CƯỜI
của TRÀ LŨ

Chuyện cười giống như ca dao, thường truyền tụng trong dân gian không biết ai là tác giả. Mỗi người kể chuyện là một tác giả, trong lúc ấy. Vì làm cho người ta cười được thích thú là do cái công, cái tài của người kể. Trà Lũ là một trong những người ấy. Ông kể lại truyện cười của thiên hạ, nhưng theo cung cách của ông, và đọc ông chúng ta thấy thú vị, chúng ta cười... Đó là thành công của ông.
Giá 14 Mỹ kim.

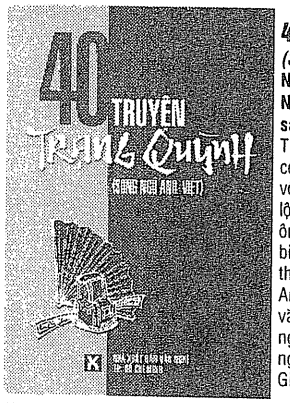

40 TRUYỆN TRẠNG QUỲNH
(Song ngữ Anh Việt)
NGUYỄN ĐỨC HIỂN biên soạn, NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG dịch sang Anh ngữ.

Trạng Quỳnh vẫn được dân gian coi như một nhân vật huyền thoại, với những hành vi, ngôn ngữ trào lộng và những chuyện gây cười của ông. Cho đến gần đây người ta mới biết rằng đó là một nhân vật có thật, sống vào thế kỷ 17. Bản dịch Anh ngữ giúp phổ biến một gia tài văn hóa cho người ngoại quốc hoặc người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài không rành tiếng Việt.
Giá 9 Mỹ kim.

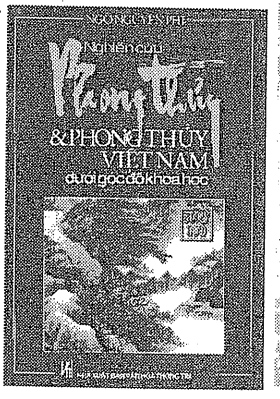

NGHIÊN CỨU PHONG THỦY
và PHONG THỦY VIỆT NAM
dưới góc độ khoa học
NGÔ NGUYÊN PHI

Phong thủy có phải là một khoa học không? Có một khoa phong thủy Việt Nam không? Cả hai câu hỏi đều đưa ra một vấn đề rất mới mẻ: làm sao chứng minh nó là khoa học? Và tự ngày xưa, khoa này hầu như độc quyền của những "ông thầy Tàu." Các nhà địa lý Việt Nam có thực đã xây dựng được một môn "phong thủy Việt Nam"?
Đây là một cuốn sách cần đọc để làm sáng tỏ những nghi vấn trên.
Giá 25 Mỹ kim.

DẤU TÍCH VĂN HÓA
THỜI NGUYỄN
HỒ VĨNH

Huế là kinh đô của triều Nguyễn, nơi đây đã lưu lại tất cả chứng tích một thế kỷ rưỡi tồn tại của triều đại này. Cuốn sách này lược ghi các khảo sát một số ấn triện, sách vở, các súng thần công, các vạc đồng, tế phục, lăng mộ cổ v.v... của triều Nguyễn. Một loại tài liệu ngắn gọn để hiểu biết một số dấu tích văn hóa mà triều Nguyễn đã để lại cho chúng ta ngày nay.
Giá 5.50 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicom.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name:_____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail:_____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #:_____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC

SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.

** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

- Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
- Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
- Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
- Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
- Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
- Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,

* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

- Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
- Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
- Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
- Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOAI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy dục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi

- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Cấm Bắt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ănk hông tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi. Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.

Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ dứt khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầyọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân đô thế.

Kính thư

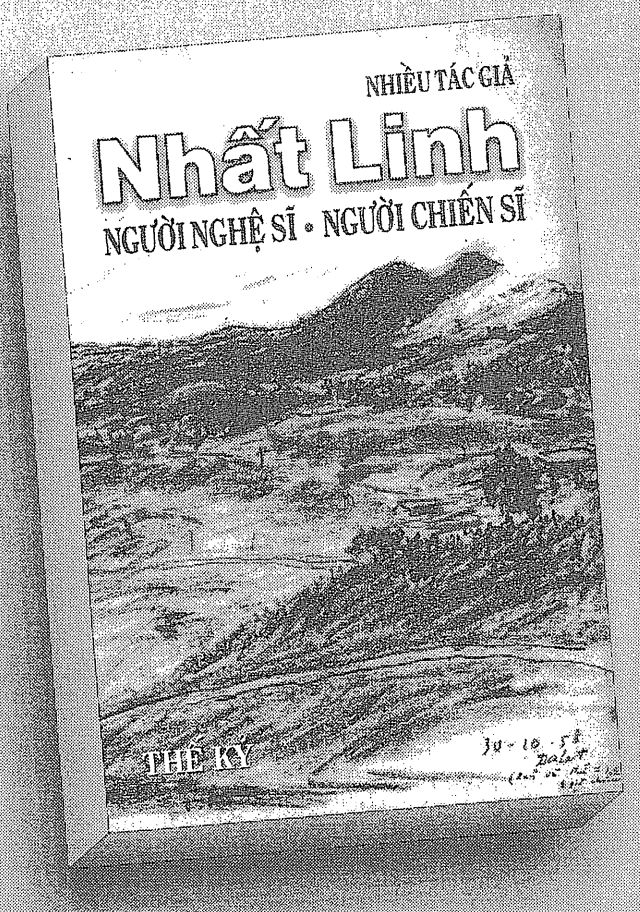

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. **Trình bày**: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.
Gồm bài viết của nhiều tác giả.
Một số văn phẩm của **Nhất Linh**.
Rất nhiều tài liệu quý giá, **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.
- **Tranh ảnh:** tranh chân dung ông bà Nguyễn Tường Tam do Nguyễn Gia Trí vẽ; ảnh chụp Hồ Chí Minh và Nguyễn Tường Tam trên chiến hạm của Pháp ký hiệp ước vịnh Hạ Long; ảnh các nhà cách mạng chụp chung với cựu hoàng Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương tại Hồng Kông; bức ảnh cuối cùng của Nhất Linh chụp tại Hội Văn Bút, Sài Gòn, trước khi qua đời; các họa phẩm của Nhất Linh... và rất nhiều hình ảnh hiếm có khác.
- **Tài liệu:** các bản viết tay của Nhất Linh: Thư gửi các bạn chiến đấu viết từ Trung Hoa đầu năm 1945; Thư từ chức bộ trưởng Ngoại Giao chính phủ Liên hiệp kháng chiến; di chúc; bản thảo Xóm Cầu Mới, Giòng sông Thanh Thủy v.v...
Sách phát hành vào đầu tháng Bảy 2004. **Giá 30 Mỹ kim.**
Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 không tính cước phí. Chi phiếu, bưu phiếu xin đề: **Thế Kỷ 21**

14781 Moran Street, Westminster CA 92683 - USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Thạch Lam*, tranh sơn dầu trên carton, 24 x 30 in. của họa sĩ **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa**
Hý họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Nguyễn Tường Giang, Nguyễn Tường Thiết,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 182 – Tháng Sáu 2004

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
8. Hệ thống dọc, hệ thống ngang – **Tôn Thất Thiện**
13. Lại vấn đề giá dầu – **Xuân Quang**
ĐẶC BIỆT VỀ THẠCH LAM
16. Sáu mươi hai năm đã qua – **Nguyễn Tường Bách**
19. Thạch Lam – **Thụy Khuê**
34. Bố tôi: Thạch Lam – **Tường Nhung**
38. Buổi chiều đi chơi với Thạch Lam – **Nguyễn Tường Giang**
60. Người em thứ sáu – **Nguyễn Thị Thế**
64. Tìm kiếm Thạch Lam – **Thế Uyên**
68. Tôi biết gì về ông? – **Lê Minh Hà**
71. Những kỷ niệm "chia ngọt sẻ bùi" cùng Thạch Lam – **Đinh Hùng**
79. Tính cách tạo tác của Thạch Lam – **Thế Lữ**
81. Thạch Lam – **Đỗ Đức Thu**
83. Tìm hiểu Thạch Lam thêm một vài khía cạnh – **Đ. H.**
85. Để tưởng nhớ mùi hương – **Ngự Thuyết**
87. Hoài niệm (thơ) – **Đinh Hùng**
90. Thạch Lam – **Nguyễn Tuân**
93. Thạch Lam, tiểu thuyết gia – **Huỳnh Phan Anh**
95. Gửi hương hồn Thạch Lam – **Đinh Hùng**
99. Quà Hà Nội – **Thạch Lam**
103. Hai đứa trẻ – **Thạch Lam**
106. Theo giòng – **Thạch Lam**
112. Về lại Cẩm Giàng – **Nguyễn Tường Thiết**
117. Chưa bao giờ (thơ) – **Trần Mộng Tú**
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc & Thư Trị sự
44. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
50. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Từ Nguyên**
55. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

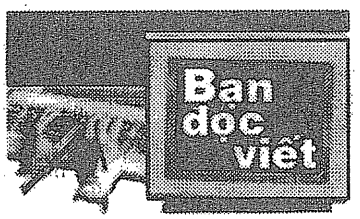

Quy luật của so sánh

Tôi nghĩ cái câu "Tôi khám phá ra rằng tại một số nơi Paris rất giống Sài Gòn, khiến gây nơi tôi những hoài niệm rất bất ngờ" trong bài "Bài thuyết trình không đọc" (Thế Kỷ 21 số 180) là hoàn toàn hợp cách, cho rằng nói như thế là "nói ngược" thì hơi khắc khe. Lý do: tác giả đến một nơi đất lạ, đang quan sát và khám phá ra điều này điều kia, và phát biểu ngay một nhận xét của mình: tôi thấy cái này giống một cái nào đó mà tôi đã thấy trước đó. Như thế là nói thuận chiều. Nếu thấy một cái gì đó đang ở trước mắt mà lại nói: cái mà tôi thấy mấy mươi năm trước rất giống cái này, ấy mới là nói ngược. Vì cái trước mắt là cái tức thì, nó hiện diện đầy trong thị giác và trong ý thức của tôi lúc đó, còn hình ảnh mấy mươi năm trước ẩn tàng trong ký ức, trí nhớ phải đưa nó từ "kho" lên màn ảnh ý thức. Trong trường hợp đó mà so sánh cái này với cái kia thì *cái này* phải là cái đang ở trong hiện tại, *cái kia* phải moi từ ký ức mới có, hiện tại nói trước, ký ức nói sau, thế là hợp cách.

Dựa vào đâu mà "Một độc giả" ở Canada gọi cách nói như thế là "ngược"? Tôi nghĩ dựa trên một loại tôn ti thuộc phạm trù đạo đức, mà trước hết là thứ bậc trong sự so sánh những người trong gia đình: cái hình mẫu phải là kẻ sinh trước (chẳng hạn người cha), nó yên vị một chỗ, các thành viên sinh sau phải làm vệ tinh chạy vòng quanh nó, và giống nó (nếu có giống), chứ nó không có nhiệm vụ phải giống đám sinh sau. Cái trật tự ấy tồn tại đã lâu và bỗng thành nếp trong so sánh hồi nào không hay, khiến vị độc giả kia đương nhiên coi là có một quy luật trong sự so sánh: cái sanh sau phải giống cái sinh trước chứ không được ngược lại.

Suy nghĩ tôi thấy áp đặt như thế có cái gì kỳ kỳ, không hợp lẽ. Sự "lễ phép" trong gia đình bắt là con phải giống cha chứ cha không được giống con, vâng, thì mình chấp nhận như thế, cho nó hợp "lễ nghĩa" của cái trật tự sinh thành. Nhưng tại sao bắt buộc phải nói Sài Gòn giống Paris chứ không được nói Paris giống Sài Gòn, ngay cả khi mình đang khám phá ra điều đó tại Paris? Như thế là cứng nhắc với quy luật quá chăng (một quy luật rất co giãn, không chắc tất cả mọi người đều đồng ý). Hay là do một đầu óc quá cố cựu, quen coi nước Pháp là mẫu quốc, so sánh ngược như thế là "hỗn láo" chăng?

Trung Tín (Internet)

"Việc cần làm ngay"

Tôi tự hỏi tại sao Đảng cộng sản Việt Nam lại không ra một cái nghị quyết thể hiện quyết tâm tiêu diệt tình trạng buôn bán phụ nữ và bé gái Việt Nam ra nước ngoài, mà lại làm nghị quyết 36 để quyết tâm "thanh toán nốt" người Việt Nam chạy trốn cộng sản trên thế giới. Tôi nghĩ rằng đáng lẽ họ phải ra nghị quyết để giữ gìn nhân phẩm của chính dân Việt Nam đang ở trong nước.

Vấn đề phụ nữ và bé gái VN bị buôn ra làm điếm ở nước ngoài là một sự đau đớn và nhục nhã quá sức cho dân tộc Việt Nam, thế mà đảng CSVN làm lơ, giả điếc, nếu không nói là có những bàn tay của chính họ ngầm hỗ trợ để thu đô la. Trong khi đó lại ra cả nghị quyết để "giúp đỡ" dân tị nạn cộng sản ở nước ngoài. Dân tị nạn, những người may mắn không làm mồi cho cá ngoài đại dương, nhờ trời, đã được phần nhân loại không phải là cộng sản giúp đỡ rồi, có đời sống yên ổn rồi. Chúng tôi chỉ yêu cầu đảng CSVN giúp đỡ cho thành phần sau đây:

Những Bé Gái Việt Nam Làm Điếm

những bé gái Việt Nam làm điếm
bé lên tám, lên chín, lên mười
bé biết bú (.....)
yum yum
no bum bum
thirty dollars each
(...)

cảnh sát bắt lục tung động đĩ
tung hồ sơ giấy tờ tung toé
mỗi quyển sách hình từng bé gái

bé tên Liên, tên Xuân, tên Ngọc
bé gái tám tuổi, chín tuổi, mười tuổi
bị bán đi từ Việt Nam qua Cam Bốt
làm điếm gái tơ, bé nhỏ
(...)

Việt Nam ơi khốn nạn Đảng
Cộng Sản Việt Nam
khốn nạn ơi
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc
N.L.V.
(sau khi coi Dayline NBC program ngày 13 tháng 2 năm 2004)

Đây là trích đoạn bài thơ đầy xúc động chúng tôi coi được trên Internet, xin mạn phép tác giả NLV ghi lại ở đây để gửi tặng đảng CSVN.

Nguyễn Trọng Phan (Denver)

Sống trên đời

Bài "Thịt chó thời cúm gà" số tháng Năm viết có duyên và có nội dung lắm – nội dung phóng sự. Ở Mỹ lâu ngày, nghe nhắc tới thịt chó thì thấy là lạ, có thể hơi ghê ghê, mặc dầu trước kia ở Việt Nam tôi cũng thuộc hàng đệ tử trung thành của môn phái cây còn. Tại sao vậy kìa, không lẽ nước Mỹ làm mình thay đổi đến mức ấy? Từ một người mê thịt cầy, mới mười năm ở Mỹ bây giờ nghe nhắc tới cầy thì đã thấy "ghê ghê," chẳng lẽ tôi "mất gốc" lẹ đến vậy sao?

Tôi nghĩ là vấn đề thói quen cả thôi. Cái gì cũng phải "văn ôn võ luyện" hàng ngày cả, bỏ lâu ngày không đụng tới thì mất thói quen là chuyện hiểu được. Nhớ

năm mới đi tù cải tạo về bạn bè mời thuốc ba số 5 là thứ thuốc hút tôi mê nhất hồi trước 75, hút vô thấy lạt phèo. Phải chơi một bi thuốc lào mới đã! Gần mười năm ở trong "nền văn hóa tù," quen rồi, phải một thời gian sống ngoài xã hội mới lấy lại phong độ – nếu còn phong độ để mà lấy lại.

Trở lại chuyện thịt cầy, quả thật tôi cảm thấy buồn buồn. Dù sao nó cũng là một trong những thứ quốc hồn quốc túy của mình, vậy mà mình nỡ quên nó một cách mau lẹ quá! Quên, bởi vì không được "tiếp cận" chớ mình đâu có quên bò lúc lắc hay nhúng dấm, gà nấu cháo xé phay v.v... cũng là những món rất Việt Nam. Không những không được gặp gỡ thịt cầy (giả cầy thì không kể ở đây) mà còn bị "tuyên truyền" về cái liên hệ tình cảm giữa người và các chú khuyển, thân thiết như vậy, sao nỡ ăn thịt nhau! Ôi chao, tôi bị tẩy não từ hồi nào vậy kìa? Người Mỹ thương chó là chuyện của họ, mắc mớ chi mà tôi cũng dây vô chuyện đó?

Có bạn nào chia xẻ với tôi nỗi khúc mắc này hay không?

Tôn Văn Mộc (Internet)

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Quý vị đang cầm trên tay số báo Tưởng niệm Thạch Lam. Điều chúng ta có thể nhận ra ngay là các bài thuộc mục thường lệ phải thu ngắn bớt lại, các bài đang đăng dở dang phải tạm ngưng, và những vấn đề chính trị, kinh tế, thời sự cũng phải rút gọn tối đa. Chúng tôi thành thật cáo lỗi các tác giả và quý độc giả về những thay đổi ấy. Phải như thế vì bài vở và tài liệu về nhà văn Thạch Lam quá dồi dào, "lấn sân" như thế mà cũng chưa thể đăng hết trong số báo này.

Cụ Nguyễn Tường Bách, người anh em duy nhất của Thạch Lam giờ đây còn tại thế, mặc dù tuổi đã cao, đã viết những dòng đầy cảm khái về người anh tài hoa bạc mệnh của mình. Nhà phê bình văn học Thụy Khuê ở Pháp đã bỏ nhiều công sức và thì giờ để sưu tầm tài liệu và nhất là viết một bài công phu về Thạch Lam. Nhà văn Lê Minh Hà, lớn lên tại Hà Nội thời gian đất nước còn bị chia cắt, đã may mắn có duyên sớm được "làm quen" với Thạch Lam, nhờ thế, hiểu phần nào quá khứ của Hà Nội để tiếp tục một tình yêu thương trìu mến đối với thành phố này. Và thật là một may mắn, chúng tôi được sự hỗ trợ tích cực của chị Tường Nhung cùng anh Nguyễn Tường Giang – là con cả và con út của Thạch Lam - về các bài viết rất phong phú cũng như nguồn tài liệu dồi dào. Và cũng dồi dào không kém là những hình ảnh vừa xưa vừa nay liên quan đến Hồ Tây và Cẩm Giàng do anh Nguyễn Tường Thiết cung cấp. Chúng tôi cũng xin gửi lời cám ơn và xin phép đến các tác giả và tạp chí có bài về Thạch Lam mà chúng tôi trích đăng.

Chúng tôi cũng rất cảm động được họa sĩ Đinh Cường vẽ bức chân dung Thạch Lam để làm bìa cho số báo này. Đây có lẽ là lần đầu tiên hình ảnh của Thạch Lam được thực hiện bằng sơn dầu, và bức họa đã thể hiện những nét thể chất và tinh thần của nhà văn với tấm lòng đồng cảm thiết tha của người họa sĩ.

Xin chân thành cảm ơn tất cả quý vị và các bạn.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Huynh Hong Mai FL – Nguyen Thanh Bich Belgium – Ngo Thanh Tung CA – Tran Thi Thanh Dao CA – Tran Nhung Binh CA – Le Huong CA – Phan Van Binh Japan – Pham Hai CA – Le Huu Thuan MD – LIB: Reservoir Serials De Australia – Quan Van Toan TX – Nguyen V Cuong OK- Truong Mai Huong CA- Nguyen K Ton CA- Le Phu OH – Nguyen Duc Cung NJ- Pham Dinh Dao PA- Nguyen Van Luan OK – Uyen Jackson CA - Nguyen Thanh Thang AZ – Ho Tan Mot WA - Truong Minh Cuong CA – Hao P PHung VA- Nguyen Chieu Giang CA – Ha Nhu Tuong CA – Nguyen Van Tha CA – Le Duc Minh France - Nguyen Huu Hong TX – Nguyen Duc Ban CA – Vietnamese Senior Center CO – Tran Thien Huong WA – Ho Lan Anh CA – Thai Thanh CA – Epsco Industries Inc. AL – Ha Van Son TX – Vu P An KS – Ngo Thanh Tung VA – Doan Thanh Dan VA – Nguyen Van Bich TX – Nguyen D Can FL - William Do CA - Tran Quoc Thai CA – Nguyen Chi Thiep TX – Nguyen Tuong Viet VA – Ha Thi Minh CA – Le Chi Toai CT – Tran Van Tien CA – Do Van Nhan OR – Le Pham Thuy Kim AZ – Le Chuong CA – Lai Quoc Trang CA – Nguyen Thi Trang CA – Swets Information Services (Netherlands) order for Swets Information Services Inc (PA-USA) and SBS Radio Melbourne Resource Centre (Australia) – Tran Tu Huyen CA – Tran Thi Tuyet Le CA – Vu T Giao IA – Vu Trong Tien CA - Nguyen Thu Nga, CA - Nguyen Xuan Hieu, CA - Vu Thanh Thong, CA – Ngô Phương Dung, Quebec (Canada).

ĐỘC GIẢ MỚI

Nguyen Ly CA - Tran Them CA – Vance Tran CA – Hoang Duy Thien PA – Nguyen Ngoc Kim PA – Nguyen Cong Thanh OR – Bui Huu Cam TX- Luu Trong Tuong CA.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Nguyen Van Hai KY – Vo Thanh Thong CA – Le Ngoc Minh CA – Lib: Canoga Park Br Lib – Le Xuan Chinh VA – Ngô Phương Dung, Quebec (Canada).

Tổ chức xã hội và phát triển:

HỆ THỐNG DỌC, HỆ THỐNG NGANG

TÔN THẤT THIỆN

Trong gần một thế kỷ qua, những người Việt thuộc hai thế hệ – sinh sau Thế Giới Chiến Thứ Nhất (TC.I) và sau Thế Giới Chiến Thứ Hai (TC.II), nghĩa là ở lứa tuổi 70-80, hoặc 50-60 — đã dồn rất nhiều, nếu không nói là hầu hết, thì giờ và tâm trí vào việc thực hiện mục tiêu độc lập và xây dựng chủ nghĩa cọng sản, hoặc độc lập và xây dựng dân chủ chống cọng sản. Nhưng, ngày nay, qua thời gian và những chuyển biến ở Việt Nam và trên thế giới, càng ngày ta càng thấy rõ rằng những mục tiêu trên đây, thực sự, không phải là mục tiêu căn bản của dân tộc Việt Nam.

Mục tiêu căn bản thật sự của Việt Nam là sửa đổi xã hội Việt Nam làm sao để có điều kiện cải tiến đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của đại đa số dân chúng, đặc biệt là mang lại cho họ sung túc, tự do, và một nền văn minh hiện đại hóa. Thay đổi chính trị — nhân sự và thể chế —, nếu có thay đổi thực sự, chỉ là một bước đầu, và nhỏ, trong tiến trình trên đây. Phần chính là phát triển, đặc biệt là phát triển kinh tế vì nó cung cấp phương tiện cho tất cả các loại phát triển khác. Nhưng điều kiện căn bản của phát triển là toàn thể xã hội phải chấp nhận những sự thay đổi cần thiết về văn hóa – cách suy nghĩ, hành động — để thích hợp với đòi hỏi của hiện đại.

Ta sẽ thấy rõ sự thực trên đây nếu ta làm một cuộc xét lại sâu rộng, triệt để, hết sức vô tư, khách quan, lương thiện, "không khoan nhượng," như anh Nguyễn Gia Kiểng nói trong *Tổ Quốc Ăn Năn*. Qua cuộc xét lại như vậy ta thấy rõ ràng rằng, trong hơn nửa thế kỷ qua, lật đổ các chế độ thực dân, phong kiến, tư bản, thiết lập (hay chống đối) chế độ cọng sản, chẳng đem lại cho dân chúng Việt Nam những cải tiến căn bản về đời sống mà họ mong mỏi vì xã hội Việt Nam đã không có thay đổi gì cả, ngoài thay đổi giới cai trị, trong khi bản chất xã hội vẫn giữ nguyên như cũ: một xã hội xây theo hệ thống văn hóa Khổng-Nho.

Như ta biết, tác phẩm *Tổ Quốc Ăn Năn* của anh Nguyễn Gia Kiểng đã gây nhiều sôi nổi, chống đối, tố giác gắt gao. Nhưng nó có một tác dụng rất quan trọng, là nó đã góp một phần rất lớn vào việc làm sáng tỏ vai trò tai hại của Khổng-Nho trong lịch sử của chúng ta. Cho đến thế kỷ XVII, có thể hệ thống này thích hợp với tình cảnh và có đủ điều kiện để đáp ứng những nhu cầu và giải quyết những vấn đề của thời đó. Nhưng, từ thế kỷ XVIII trở đi, nó gặp phải một loạt vấn đề mới xuất phát từ sự tiếp xúc với một nền văn minh và một văn hoá khác — văn minh và văn hoá Tây phương — với những nhu cầu và những vấn đề khác.

Chế độ Khổng Nho: hệ thống dọc

Chế độ quân chủ chuyên chế mô hình Trung Quốc Nhà Thanh, được thành lập sau khi Chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi Hoàng Đế, và được củng cố dưới các Triều Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, là một chế độ Khổng-Nho cực đoan. Đặc điểm của nó là quốc gia-xã hội xuất phát từ nó là một hệ thống tổ chức theo chiều dọc chỉ có một nhánh duy nhất.

Đứng đầu hệ thống trên đây là Vua, Thiên Tử, Con Trời, do Trời chọn theo số mạng. Trong thực tế, người đó là người đã dành được quyền lực nhờ đánh bại kẻ ngoại xâm, hay tất cả các địch thủ trong nước sau một cuộc nội chiến, không còn ai thách thức mình nữa. Dưới Vua là lớp sĩ phu Khổng-Nho, một phần làm quan chức của Triều Đình, một phần đang chuẩn bị làm quan, đồng tham vọng và đồng quan điểm với lớp quan chức. Trọng tâm của quan điểm này là khái niệm "trung quân": họ tuyệt đối chấp nhận quy thuận Vua, và tự coi như những kẻ thừa hành mệnh lệnh Vua, vì Vua là kẻ mang mệnh Trời.

Kế đến là dân, gồm ba thành phần — nông, công, thương —, trong đó thành phần Nông là

quan trọng hơn cả, theo thứ tự xếp đặt: sĩ, nông, công, thương. Cũng như Sĩ đối với Vua, dân phải tuyệt đối quy thuận quan, vì quan là đại diện của Vua. Đối với dân, quan là những kẻ có quyền hành rất lớn; ngoài ra, nhờ bổng lộc, điều kiện vật chất của họ cũng cao hơn là điều kiện của dân nhiều.

Trong một hệ thống dọc với một nhánh duy nhất như vậy, điều mà các nhà xã hội học Tây phương gọi là "upward social mobility" – con đường tiến thân trong xã hội – duy nhất là làm quan. Mà muốn làm quan thì phải thi đỗ. Và muốn thi chắc đỗ thì phải học — trau dồi thi phú, kinh sử , đặc biệt là kinh sử Tàu của các thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Văn của mấy ngàn năm về trước – những chuyện không ăn nhằm gì đến thực tại hiện đại của Việt Nam.

Trong một xã hội tổ chức như trên, tài năng sức lực, tâm trí, của cả một dân tộc chỉ dồn vào một mục tiêu duy nhất là làm sao giỏi thơ phú, kinh sử Tàu của các thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Văn, để có thể tiến thân qua con đường duy nhất mở ra cho cả xã hội, là làm quan , vì ngoài ra, không có con đường nào khác có thể đưa người có tài, dù có xuất sắc bao nhiêu, ra khỏi thân phận cơ cực của giới nông dân, hay bị khinh khi của giới công thương, được.

Ta có thể hình dung tổ chức xã hội trên đây như một cây ngừa sét (paratonnerre), chỉ có một nhánh, như trong hình I dưới đây.

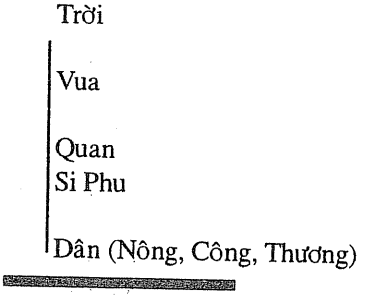

Xã Hội Cổ Truyền Khổng Nho
Hệ Thống Dọc Duy Nhất
Hình I

Quốc gia – xã hội, xuất phát từ một nền văn hoá Khổng-Nho như trên là một quốc – gia xã hội khép, nhất nguyên, yếu, không đương đầu được với những quốc gia Tây Phương, với một nền văn minh xuất phát từ một văn hóa mở, đa nguyên, với khoa học kỹ thuật đa dạng, tinh xảo, cho phép chế biến dụng cụ có hiệu lực lớn đủ các loại, đặc biệt là dụng cụ chiến tranh.

Điều trên đây rất rõ kể từ cuối triều Thiệu Trị, và suốt triều Tự Đức. Sau cuộc thủy quân Pháp bắn phá Đà Nẵng lần thứ nhất, năm 1847, dưới Triều Thiệu Trị, và lần thứ hai, năm 1858, dưới Triều Tự Đức, rồi vụ đánh chiếm Gia Định và các tỉnh Miền Đông, rồi Miền Tây Nam Kỳ, một cách dễ dàng, các giới Pháp chủ trương chiếm Việt Nam thấy rõ tình trạng yếu ớt cực cùng của Việt Nam, và sẽ dần dần khai thác tình trạng này để đô hộ toàn Việt Nam. Tiến trình lấn chiếm đô hộ Việt Nam này, khởi đầu với Hoà Ước năm 1862 (nhượng ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ) , rồi với Hoà Ước năm 1874 (chấp nhận chế độ bảo hộ Pháp) và các thỏa hiệp kế tiếp, đến Triều Khải Định (1925) chế độ quân chủ chuyên chế Khổng Nho mô hình nhà Thanh Trung Quốc của Việt Nam biến thành chế độ cũng quân chủ chuyên chế Khổng Nho mô hình nhà Thanh, nhưng trong đó Vua thực sự của Việt Nam là viên Toàn Quyền Pháp, còn người mang danh "Hoàng Đế" Việt Nam chỉ là một quan chức do Toàn Quyền Pháp lựa chọn, và phát lương hàng tháng cho, như tất cả những quan của Triều Đình Việt Nam hay công chức Liên bang làm việc trực tiếp dưới quyền quan chức Pháp.

Chế độ người Pháp dựng lên, trên danh nghĩa, là một chế độ mang danh hiệu "bảo hộ," vẫn còn "Vua" Việt Nam, nhưng "Vua" này chỉ là một bình phong mà người Pháp dùng để duy trì một chế độ với hệ thống tổ chức hàng dọc với một nhánh duy nhất không khác gì hệ thống Khổng Nho trước đó, với tất cả các đặc điểm của nó, đặc biệt là người Việt Nam chỉ có một con đường tiến thân là chấp nhận làm quan hay công chức theo những điều kiện do Pháp định. Tất nhiên là họ phải học hành, thi cử, theo chương trình do Pháp định, cũng trong tinh thần "dùi mài" văn chương và kinh sử, nhưng văn chương kinh sử Pháp.

Trên đây là tình trạng Việt Nam đến năm 1945. Xã hội "cổ truyền" kiểu Khổng Nho của Việt Nam, tổ chức theo hệ thống dọc, nhất nguyên, với một nhánh duy nhất, vẫn được tiếp tục áp dụng, với những hậu quả phung phí tài năng , và làm trì trệ sự tiến của dân Việt Nam, như hơn một trăm năm trước đó.

Phong trào Văn Thân

Ở đây cần nhấn mạnh trách nhiệm nặng nề của các giới mang danh là "Văn Thân" trong việc đưa Việt Nam vào tình trạng bị Pháp bảo hộ dưới

Triều Tự Đức. Trong các sách và tài liệu viết về phong trào Văn Thân, những người này được đề cao như là những người yêu nước đáng làm gương cho người Việt khác. Nhưng nếu ta xét lại thật kỹ và thật vô tư vai trò của họ trong những năm xáo trộn mà kết quả là Việt Nam bị thảm bại trong công cuộc chống xâm lăng Pháp thì ta sẽ thấy một số sự thực cần làm cho ta suy nghĩ về cách yêu nước chống ngoại bang kiểu Khổng Nho.

Danh xưng "Văn Thân" được dùng để chỉ những sĩ phu Khổng Nho, hoặc làm quan trong Triều đình, hoặc ở ngoài, tuy đỗ đạt, nhưng không thuộc giới quan trường. Là sĩ phu Khổng Nho, họ tiêm nhiễm tinh thần nhất nguyên, cho rằng nền văn minh Trung Quốc mà họ đại diện là đỉnh cao của văn minh nhân loại; họ khinh khi những kẻ nghĩ khác, làm khác, không biết đạo lý, không biết lễ nghi Khổng Nho, như những người từ Tây phương đến, tóc đỏ (Hồng mao"), mũi cao, da trắng, không biết "phép tắc" — không biết vái lạy —, là "man di."

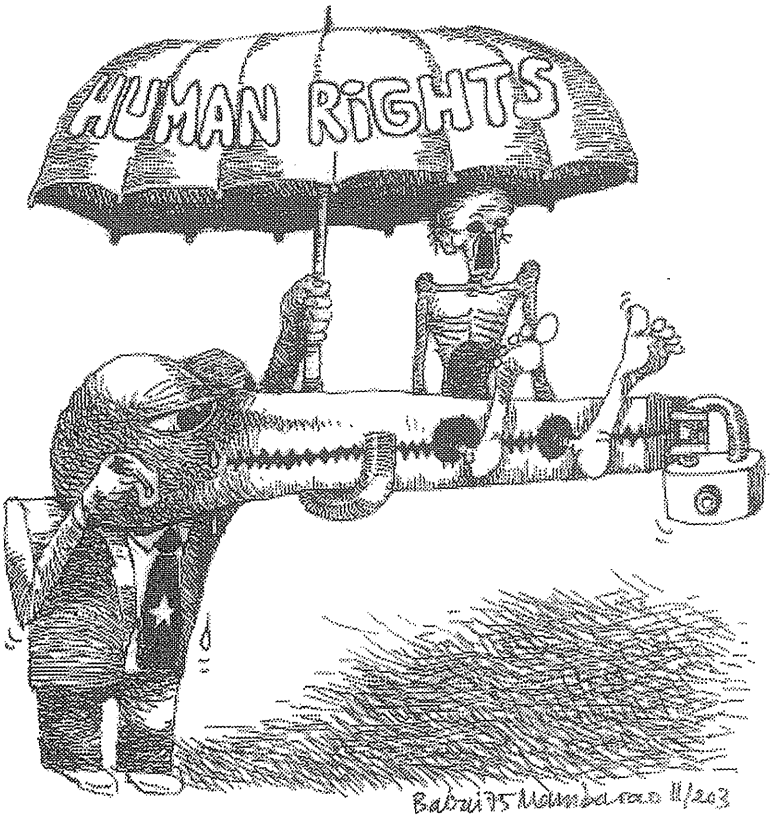

Cho nên những người trong giới Văn Thân chủ trương không nên giao dịch với những kẻ "man di" này, phải nhất quyết đóng cửa không cho họ vào, từ chối giao lưu với họ, và từ chối cả nghiên cứu văn minh mà họ đại diện, không cần đặt vấn đề học hỏi văn minh này – cương quyết chống canh tân —, tuy rằng đại bác họ bắn chìm thủy quân và phá tan đồn phòng thủ của Việt Nam, mà Việt Nam không thể nào chống đỡ nổi. Phần khác, theo Hịch của Cần Vương năm 1874, đạo Gia-Tô là một đạo "vô phụ, vô quân" – không biết cha, không biết vua, nghĩa là không biết tam cương – là "khuyển dương tộc loại" (thuộc loài dê chó), và những kẻ vào thuyết giảng đạo đó hoặc theo đạo đó trong xứ thì phải diệt trừ họ đi.

Thái độ trên đây làm cho Việt Nam yếu đi ngay lúc cần canh tân gấp để đương đầu với một lực lượng mạnh mẽ; đồng thời nó dồn Vua Tự Đức vào thế khiêu khích đối với các nước Tây phương, và cung cấp cho họ cớ chính đáng để dùng binh xâm lấn Việt Nam, trong tình trạng Việt Nam hết sức yếu kém về binh bị, không ngăn chận được quân địch. Yếu (vì không canh tân, do sự chống đối của giới sĩ phu Khổng Nho) nên đánh không thắng được, hoà không chịu (cũng vì cũng giới Văn Thân chống đối), phải tiếp tục chiến để chuốc lấy bại thê thảm, bị Pháp ép buộc đủ điều, và, qua thời gian, tước hết quyền hành của một vương quốc độc lập.

Xét kỹ lại lịch sử giai đoạn này, ta thấy Vua Tự Đức không phải không thấy nguy cơ cho đất nước, không muốn canh tân, và không muốn tránh

cảnh binh đao, nhưng vì áp lực của giới Văn Thân – giới sĩ phu Khổng Nho – Vua bị đẩy vào con đường rốt cục đưa đến thế mất Nam Kỳ, rồi bị ngoại bang áp đặt chế độ bảo hộ luôn trên toàn thể Việt Nam.[1]

Những điều trên cần được nêu ra, không phải để phủ nhận lòng yêu nước cũa giới sĩ phu Văn Thân, nhưng để vạch rõ ra sự tai hại của sự bám víu vào văn hóa Khổng Nho với hậu quả là thái độ này đã ngăn cản sự phát triển của tiềm năng của dân tộc Việt Nam, không cho nó chấp thâu những thay đổi cần thiết về văn hóa để canh tân, cho có khả năng thích ứng với điều kiện mới.

Chế độ cọng sản: Khổng giáo hiện đại hóa

Từ 1945 đến 1975 xã hội Việt Nam trải qua một cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng: cọng sản mô hình Xô-Viết – Lêninít-Bônsêvích —, và dân chủ mô hình Tây Phương. Rốt cuộc, xu hướng cọng sản thắng. Đảng Cọng Sản Việt Nam, người cổ xúy xu hướng này, nay hoàn toàn tự do thực hiện sự "cách mạng" xã hội Việt Nam mà họ hằng tuyên bố là mục tiêu của họ.

Nhưng, kinh nghiệm từ 1975 cho thấy rõ rằng họ chỉ lập lại chế độ xã hội theo hệ thống hàng dọc, nhất nguyên, với một nhánh duy nhất – hệ thống Khổng Nho – mà các chế độ phong kiến và bảo hộ Pháp đã áp dụng trước 1945. Cái "cách mạng" mà họ đã thực hiện là đưa ra một nhãn hiệu khác các nhãn hiệu trước: "xã hội chủ nghĩa."

Danh xưng "xã hội chủ nghĩa" mà ĐCSVN dán lên trên các danh xưng "Bảo hộ Pháp" hay "Vương quốc" Việt Nam là nhãn hiệu của một mô hình xã hội Lênin-Bônsêvích. Mô hình này là căn bản của một hệ thống xã hội hàng dọc, nhất nguyên, chỉ có một nhánh, và cách tiến thân duy nhất của những người trong chế độ là quy thuận và hoà nhập vào hàng ngũ của Đảng Cọng Sản, một loại triều đình mà bản chất không khác gì hệ thống Khổng Nho đã được áp dụng mấy ngàn năm ở Việt Nam. Kinh sử mới là chủ nghĩa Mác-Lê; hệ thống quan trường mới là Đảng; tham vọng mới là được thâu nạp vào Đảng, rồi lên cán bộ, bí, ủy, và vào cấp trung ương, tương đương với cấp đại thần của Triều đình xưa. Như anh Nguyễn Gia Kiểng viết trong *Tổ Quốc Ăn Năn*, "chế độ cọng sản là một chế độ Khổng giáo hiện đại hóa."

ĐCSVN, tuy tự xưng là "cách mạng," nhưng cũng chỉ là một tổ chức bảo thủ nặng, thực ra nặng hơn các chế độ thực dân và phong kiến trước họ. Họ chỉ mang mấy cái ghế cũ ra, phủi bụi đi, sơn quét lại với màu khác – màu đỏ – rồi ngồi vào đó. Cũng như các tập đoàn nắm quyền cai trị Việt Nam trước họ, ưu tư tối thượng của họ là bảo bệ quyền lợi của nhóm cầm quyền. Nhiệm trách tối trọng của một chính quyền Việt Nam thực sự lo cho dân — tạo điều kiện cho toàn thể xã hội việt Nam đi tới – không phải là một ưu tư lớn của họ.

Từ hơn 100 năm nay, về phương diện canh tân Việt Nam, không có gì thay đổi. Ba chế độ kế tiếp nhau – Vương quốc , Bảo hộ Pháp, Xã hội chủ nghĩa – mang nhãn hiệu, hình thức, mục tiêu công bố, khác nhau, nhưng về thực chất vẫn là hệ thống Khổng Nho. Công cuộc hiện đại hoá Việt Nam vẫn là một công cuộc chờ thực hiện. Mọi việc phải bắt đầu từ đầu. Như người Mỹ nói: "We are back to square one."

Hiện đại hoá: dọc lẫn ngang

Ở đây có ba câu hỏi lớn cần được trả lời: 1/ Công cuộc hiện đại hóa xã hội Việt Nam là gì? 2/ Nó đòi hỏi những gì? 3/ Ai là người phải lo về việc này?

Trả lời câu hỏi thứ nhất, nói một cách tổng quát, hiện đại hóa xã hội Việt Nam là biến xã hội này thành một xã hội có khả năng thích ứng với thời đại, giải quyết những vấn đề mới được đặt ra. Xã hội này tổ chức theo một hệ thống vừa ngang, vừa dọc. Nó có nhiều nhánh song song. Ta có thể hình dung nó như một cái ăng-ten TV với nhiều nhánh, như trong Hình II dưới đây.

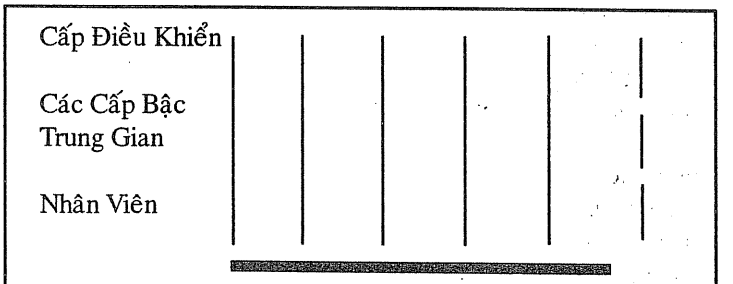

Xã Hội Phát Triển Hiện Đại
Nhiều Hệ Thống Vừa Dọc Vừa Ngang Thuộc Nhiều Ngành

Hình II

Xã hội Việt Nam hiện đại hóa này là một xã hội đa nguyên, đa dạng, trong đó tất cả những người tài ba, có khả năng khác nhau, dù chính kiến khác nhau, đều có cơ hội tiến thân. Vấn đề "upward social mobility" được giải quyết vừa theo chiều dọc, vừa theo chiều ngang. Vì số ngành không giới hạn, mà tầm quan trọng của các ngành lại đều nhau, nên tất cả những công dân tài ba, có khả năng, đều có chỗ thi thố. Hơn nữa, trong mỗi ngành, người xuất sắc có thể lên đến tột đỉnh của ngành mình, được thâu nhận vào cấp điều khiển, do tài đức của mình. Như vậy dân chủ được bảo đảm.

Trong một xã hội như trên, cơ hội tiến thân thật là vô hạn, vì số ngành hoạt động vô hạn: kinh tế, tài chính, kỹ nghệ, thương mãi, nghệ thuật, văn chương, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật v.v... Vấn đề tài năng của xã hội bị phung phí không còn nữa. Tiềm năng của xã hội được phát triển tối đa. Vấn đề "giàu, mạnh" của xã hội được giải quyết. Sự phát huy của tất cả tài năng của xã hội đưa đến sự chấp nhận dễ dàng, hay phát minh nhiều cái mới. Xã hội cải tiến không ngừng. Trong một xã hội như vậy, không còn vấn đề một thiểu số nào có thể áp đảo kẻ khác nhờ nắm độc quyền chính trị. Chính trị chỉ còn là một trong hàng trăm, hàng ngàn ngành hoạt động. Đó là một sự bảo đảm của tự do của người công dân.

Câu hỏi thứ hai là: biến một xã hội tổ chức theo hệ thống dọc duy nhất sang một xã hội tổ chức theo hệ thống dọc lẫn ngang đòi hỏi những gì? Trả lời là: nó đòi hỏi rất nhiều sửa đổi, hay thay đổi, trong rất nhiều ngành, nhiều lãnh vực. Nhưng nói chung, nó là một vấn đề thái độ, một vấn đề văn hoá. Tất cả những sửa đổi, hay thay đổi đó, đều liên quan đến cách suy nghĩ, xử sự, của đại đa số dân chúng, đặc biệt là sự sẵn sàng chấp nhận thay đổi, bỏ một số tập quán, giá trị cũ, "cổ truyền," để chấp nhận một số cách thức, giá trị mới, "hiện đại." Nói tóm, sự biến chuyển trên đòi hỏi một sự thay đổi văn hoá cũ, hẹp hòi, cứng rắn, và chấp nhận một văn hóa mới, phong phú đa dạng hơn, có khả năng đáp ứng những nhu cầu và đòi hỏi của thời đại hơn.

Câu hỏi thứ ba: ai là người phải lo việc trên đây? Tất nhiên là những người có nhiệm trách lo việc đó. Những người này là những người nắm chính quyền. Nhưng, như ta đã thấy ở trên, những người này đã không làm nhiệm vụ của họ. Tất nhiên, họ sẽ bị hất đi.

Tuy nhiên, sau đó, vấn đề vẫn còn nguyên. Những người nắm chính quyền chỉ là công cụ trong sự thay đổi văn hóa để cải biến xã hội. Ngoài họ ra, phải có một số người nghiên cứu vấn đề để biết phải thay đổi những gì, phải thay đổi thế nào. Đây là một công việc mà những người thuộc thế hệ TC.I và TC.II tự nhận là lãnh đạo tư tưởng phải làm. Cho đến nay, phần lớn những người thuộc hai giới này đã để quá nhiều thì giờ vào công cuộc tranh đấu chính trị, cho tự do, dân chủ, dân quyền v.v... Tôi thiết tưởng họ nên chuyển hướng suy tư và hành động, dồn thì giờ và chú tâm vào việc xét lại lịch sử của Việt Nam, đặc biệt là về phương diện tâm lý, xã hội, sưu khảo khía cạnh văn hóa của xã hội ta, nhận diện những yếu tố nội tại nào đã cản trở sự tiến của dân tộc, và đề nghị những giải pháp để loại bỏ những tập quán, những tư tưởng, những giá trị tiêu cực, và thay thế chúng với những giá trị mới (giá trị nào?) thích hợp hơn. Như vậy họ sẽ làm một công việc cụ thể, hữu hiệu, và căn bản hơn là đấu tranh chính trị. Không phải là đấu tranh chính trị không cần, nhưng đã có nhiều người, có thể nói là quá nhiều người, làm việc đó rồi, trong khi những vấn đề thật căn bản và lớn hơn, các vấn đề văn hoá, xã hội, được rất ít người chú ý đến. Nhưng nghĩ cho kỹ, những vấn đề này mới là vấn đề then chốt trong công cuộc hiện đại hóa nước Việt Nam.

Ottawa, cuối tháng 1, 2004

1. Chi tiết về giai đoạn lịch sử này được trình bày trong các tác phẩm sau đây:Phan Khoan, *Việt Nam Pháp Thuộc Sử (1884-1945)*, Sống Mới,P.O. Box 2744, Fort Smith, AR., 1961; Nguyễn Thế Anh, *Monarchie et Fait Colonial au Viet-Nam (1875-1925)*, Editions Lharmattan, Paris, 1992; Yoshiharu Tsuboi, *L'Empire Vietnamien face à la France et à la Chine (1847-1885)*, Lharmattan, Paris, 1987; Nguyễn Quốc Trị, *Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn*, tác phẩm sẽ xuất bản, và hiện đã được trích đăng từng phần trong *Thế Kỷ 21*, từ số 169, tháng 5, 2003 trở đi . (các số 169, tháng 5, 2003, 170, 171, 172, 173, ..., 175.) Chính sách mà Ông Nguyễn Văn Tường mưu với Vua Tự Đức là "hoà để mức chiến", "châm chước thời cơ".

Lại Vấn Đề Giá Dầu

XUÂN QUANG

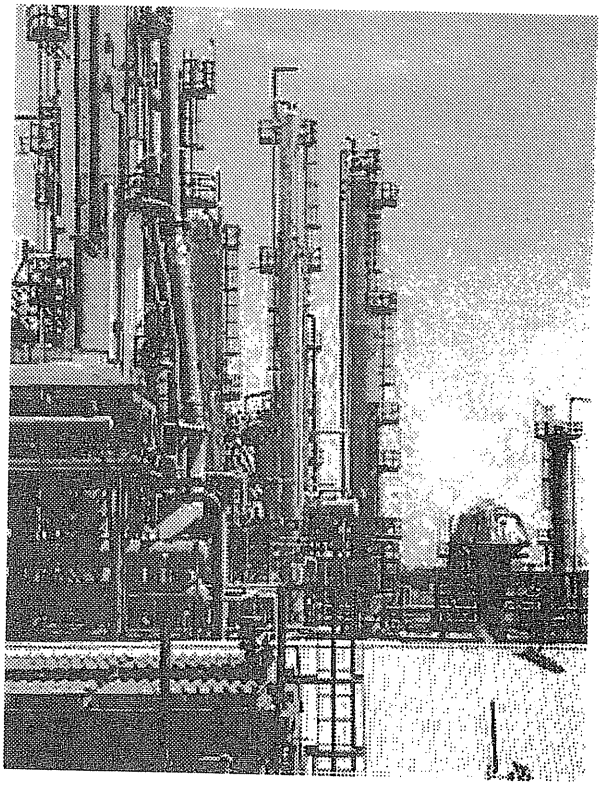

Trong những năm qua, thế giới vẫn bị giá dầu chi phối. Tình hình Trung đông đã gây nhiều xáo trộn trên thị trường dầu hỏa và kinh tế thế giới. Giá dầu đã lên trên $41.85/thùng và sau đó có xuống phần nào. Sau khi Arập Saoudi tuyên bố đề nghị tăng thêm 2 triệu thùng/ngày, thì giá dầu ở New York đã hạ xuống dưới mức $ 40/thùng.

Giá dầu tại các cây xăng tiếp tục tăng, trung bình thêm 5-10 cents/gallon vượt mức $ 2.25/ gallon tại California và trung bình là $ 2.05/gallon trên toàn quốc.

Vấn đề tiêu thụ

Tình trạng tiêu thụ xăng tại Mỹ gây căng thẳng trên thị trường dầu thô quốc tế. Hiện nay tồn kho dầu thấp hơn bình thường (4 triệu thùng dưới mức) trong khi tiêu thụ tăng trên 3%. Tại California, nhiều nhà máy lọc dầu đóng cửa để bảo trì "đúng" vào lúc này. Hậu quả, giá dầu thô Texan tại Mỹ (giá chuẩn) ở mức $ 39 đôla. Có khoảng cách 3 đôla giữa giá dầu tại Âu châu và tại Mỹ. Điều này quan trọng vì gần tới tháng hè cho nên có nhiều người đi nghỉ hè và các máy lạnh sẽ chạy làm mức tiêu thụ điện và xăng ở mức cao nhất.

Sức tiêu thụ dầu tại Trung Quốc cũng là mối căng thẳng khác trên thị trường. TQ tiêu thụ 6,3 triệu thùng/ngày, đây là con số tiêu thụ được dự trù cho năm 2010. TQ nhập 1/3 số xăng tiêu dùng của họ và hơn nữa, các nhà máy điện TQ đang chuyển từ chạy than sang chạy dầu và gaz. Mức tiêu thụ của TQ chiếm 7.5% số lượng dầu được xuất khẩu trên thế giới.

Nhìn chung, vì kinh tế nhiều nước, trong đó đặc biệt là Mỹ, Trung Quốc và các nước G 7, đang trên đà tăng cho nên nhu cầu tiêu thụ xăng tăng.

Vấn đề cung cấp dầu

Trong cuộc khủng hoảng dầu vào thập niên 1970, kinh tế theo một quy trình điều hành như sau: giá dầu tăng, nguồn cung cấp thiếu; hậu quả là lạm phát, phải tăng lương và các ngân hàng trung ương tăng lãi suất. Chính giá dầu đã làm trì trệ kinh tế thế giới, làm cho mức tăng trưởng thấp.

Những vụ tăng giá dầu trước đây là do kết quả các nước OPEC can thiệp vào nguồn cung cấp dầu. Giá dầu cao không phải là điều tốt cho kinh tế, vì giá nhiên liệu tăng sẽ làm tăng cho phí kinh doanh.

Đây là mối lo của các nước phát triển, khiến Tổng thống Bush và TThủ tướng Blair đã kêu gọi các nước OPEC tăng sản xuất. Các nước phát triển G 7 họp tại New York lên tiếng lo ngại về giá cả dầu thô, trong khi bộ trưởng năng lượng Spencer Abraham của Mỹ có mặt tại London để

thảo luận với các nước OPEC.

Arập Saoudi lên tiếng tăng sản xuất của họ từ 7.63 triệu thùng/ngày lên 10 triệu thùng/ngày. Phái đoàn Arập Saoudi cũng cho biết là họ có thể tăng thêm việc sản xuất dầu nếu cần. Arập Saoudi kêu gọi OPEC sản xuất thêm 1.5-2 triệu thùng/ ngày.

Như vậy, không có chuyện khan hiếm dầu. Nhưng **nếu không khan hiếm thì tại sao có việc tăng giá xăng?**

Tình trạng khan hiếm dầu có thể giải quyết và liệu nó có làm hạ giá xăng hay không? Theo ông Purnomo Yusgiantoro, chủ tịch OPEC kiêm bộ trưởng năng lượng Indonesia, thì giá hiện nay cao và OPEC muốn nó xuống. Năm nay giá dầu đã tăng 25% và theo ông Purnomo Yusgiantoro thì đó là do các hãng mua dầu đầu cơ, chứ không phải do vấn đề cung cấp dầu.

Theo OPEC giá cả không trong tầm tay của họ vì hiện nay không phải là vấn đề "cung cấp dầu" mà tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác, trong đó có khả năng lọc dầu của Mỹ. Theo ông Purnomo thì giá dầu tại cây xăng Mỹ lên cao là do các yếu tố 'đầu cơ," do lý do chính trị và cơ cấu phân phối xăng tại Mỹ. Khả năng lọc dầu của Mỹ ở mức 95% nghĩa là đến chỗ "tối đa" và hơn nữa, trong 20 năm qua, Mỹ đã không xây thêm một nhà máy lọc dầu nào. Các tiêu chuẩn về ô nhiễm khác của từng tiểu bang có nhà máy lọc dầu cũng là yếu tố gây khó khăn trong việc tiếp tế xăng.

Các nước OPEC (11 nước trong đó có Iraq) sẽ họp tại Amsterdam để bàn việc tăng 6 đến 10% lượng dầu hỏa – như vậy sẽ tăng khoảng 1.5 đến 2 triệu thùng/ngày.

Những yếu tố tăng giá dầu

Theo các chuyên gia thì ông Purnomo đúng

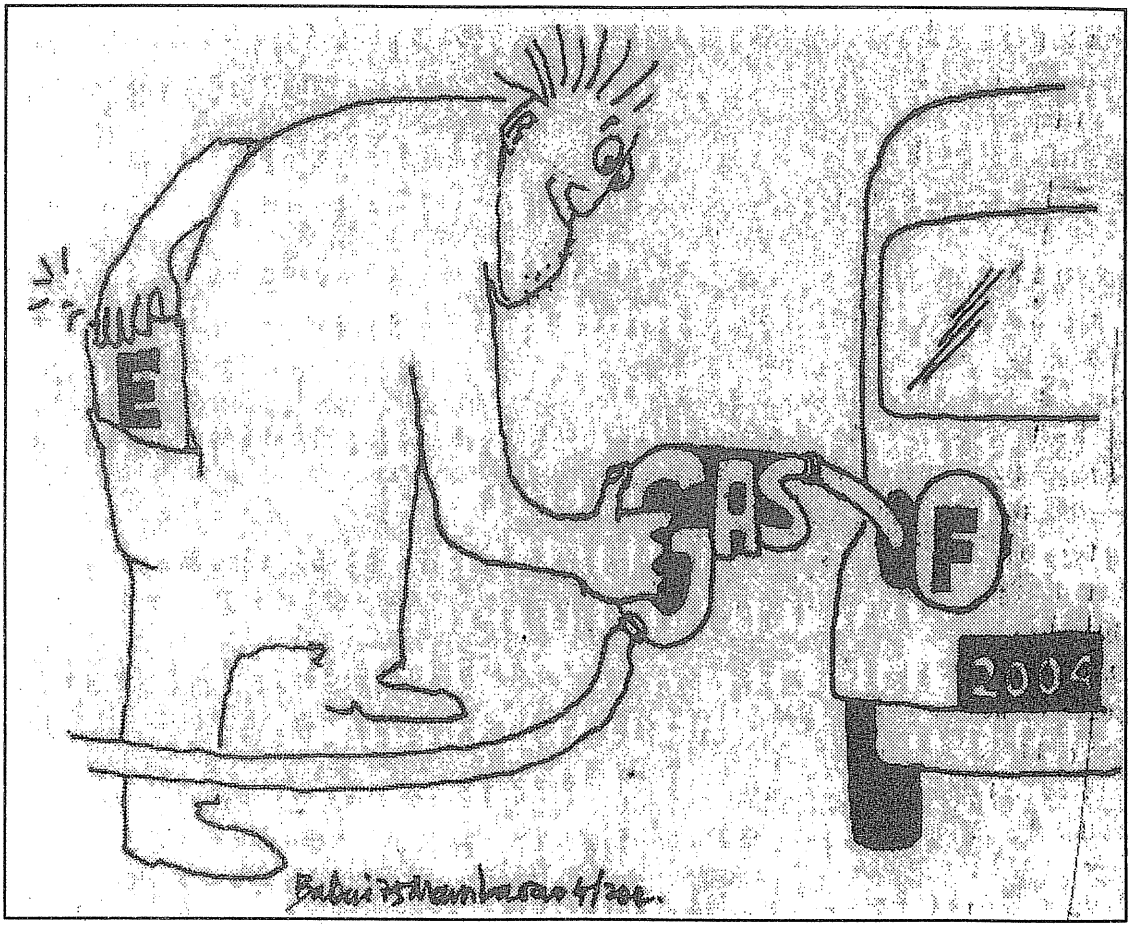

50%. Giá dầu cao một phần do các dự tính tiêu thụ - cung và cầu - và một phần khác là tâm lý - chính trị.

Theo ông Purnomo thì giá dầu tùy thuộc vào

ba yếu tố:

1) Tiêu thụ lên cao vì các nền kinh tế đang phát triển nhất là Mỹ và TQ;

2) Các vấn đề trong phân phối dầu-xăng tại Mỹ;

3) Đầu cơ về giá dầu tương lai.

Vấn đề nguồn cung cấp dầu nay không còn, vì các thành viên OPEC và Arập Saoudi sẵn sàng sản xuất thêm để hạ giá dầu. Hiện nay đúng như chủ tịch OPEC nói, sản xuất của các nước OPEC cao hơn quota (bán lậu trên quota của OPEC) và OPEC sẽ họp để tăng quota sản xuất dầu.

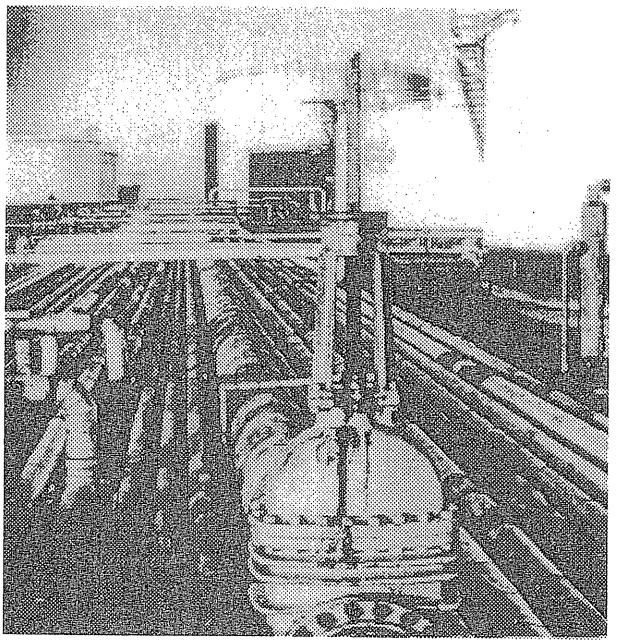

Yếu tố tâm lý - chính trị

Giá dầu đã trở thành một vấn đề chính trị trong năm tranh cử tại Mỹ. Có sức ép từ nhiều phía yêu cầu TT Bush ra tay, mở dầu dự trữ chiến lược của Mỹ để giảm giá và ép OPEC tăng sản xuất.

Tám công tố viên của tám tiểu bang trong đó có tiểu bang California đòi Bộ trưởng tư pháp John Ashcroft điều tra các hãng dầu lớn có "cấu kết" tăng giá dầu chăng? Ông Richard Blumenthal của tiểu bang Connecticut đặt câu hỏi có phải đây là trường hợp chính phủ Mỹ có bị các hãng dầu bắt chẹt [blackmail] không? Ủy ban liên bang về thương mại (Federal Trade Commission) đã điều tra các hãng dầu nhiều lần nhưng đã không tìm thấy dấu hiệu có cấu kết tăng giá dầu. Nhưng theo ông Bill Lockyer công tố viện California thì không thấy các chứng cớ chưa chắc đã là không có "ăn gian."

Tại Mỹ còn vấn đề lọc dầu và phân phối dầu. Việc phân phối xăng là một mối lo. Một trong lý do khác là có "căng thẳng" về lọc dầu vì hiện nay khả năng lọc dầu tại Mỹ đã tỏ ra không còn đáp ứng được nhu cầu. Ngoài ra không thấy chính phủ Mỹ nói về vấn đề tiết kiệm tiêu thụ xăng. Nên nhớ một mình nước Mỹ nhập khẩu gần 20% tổng số dầu của cả thế giới (chưa kể dầu sản xuất tại Mỹ).

Theo ông Paul Horsnell chuyên gia phân tích về thị trường dầu thì đây là một tình trạng ngắn hạn của thị trường xăng dầu của Mỹ. Việc nhiều nhà máy lọc dầu đóng cửa để bảo trì trong lúc này có phải là ngẫu nhiên hay để "ép giá xăng" trong mùa hè? òn có nhiều nguy cơ tâm lý. Việc cung cấp dầu có thể bị gián đoạn vì khủng bố và tình hình bất ổn định tại Trung đông (Iraq và Palestine). Đã có nhiều dấu hiệu các ống dầu tại Iraq bị phá và có nhiều khả năng các nguồn cung cấp khác tại Arập Saoudi có thể bị phá hại, ví dụ như vụ giết các kỹ sư dầu tại đây. Do đó giá dầu thô có phần lên vì các "rủi ro khủng bố." Đó là yếu tố "đầu cơ giá cả" trên thị trường dầu tương lai (future market). Nhiều người còn "đầu cơ" mua dầu trên thị trường tương lai có thể lên đến $ 45-50/thùng.

Các kinh tế gia ước lượng là giá dầu sẽ không xuống mau chóng vì những yếu tố như: tiêu thụ dầu gia tăng, các vấn đề tâm lý và nhất là vấn đề chính trị: việc chống khủng bố gây nhiều bất ổn tại Trung đông.

Giá dầu tăng — và giá xăng tăng ở các cây xăng — có lẽ là vì lý do an ninh/ chính trị và tâm lý nhiều hơn là khả năng lọc dầu của Mỹ. Tình hình chính trị, quân sự tại Trung Đông là nguyên nhân chính gây lo sợ cho các nhà buôn. Nhưng cũng không thể bỏ qua được các yếu tố mà các công tố viên của tám tiểu bang nêu lên: vấn đề "cấu kết" tăng giá dầu.

Tóm tắt, mặc dù giá dầu có phần cao trên thực tế, nhưng sau khi trừ đi lạm phát thì giá này vẫn còn dưới mức cao điểm hồi thập niên 1970- 80, và ở cùng mức với thời gian Iraq đưa quân xâm lăng Kuwait vào cuối năm 1990. Những vụ tăng giá dầu trước đây là vì các nước OPEC can thiệp vào nguồn cung cấp dầu. Giờ đây lại thêm yếu tố tâm lý chính trị . Và cũng không loại trừ yếu tố đầu cơ trên thị trường dầu tương lai, nó có khả năng giữ giá cao trong một thời gian trước khi OPEC cung cấp thêm dầu và các yếu tố tâm lý lo sợ về việc cung cấp dầu giảm bớt

nay thì đã đình bản. Có lẽ vì công việc chật vật, lại thêm nhiễm bệnh phổi nên sức khỏe anh càng ngày càng sút kém, chỉ nửa năm sau anh đã không thể cán đáng công việc nữa...

Thực là phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí... Riêng tôi, năm năm sau, sau khi xung đột với CSVN và thất bại, phải chạy sang Trung Quốc. Những sự kiện này đã được tôi ghi trong cuốn Hồi ký "Việt Nam, một thế kỷ qua," phần I (1916–1946), bạn nào đã xem thì chắc rõ.

Nay để kỷ niệm người anh thân mến đã quá cố 62 năm trước, xin trích một đoạn trong cuốn hồi ký đã nói về Thạch Lam, một nhà văn lỗi lạc của dân tộc ta.

5- 2004

THẠCH LAM QUA ĐỜI

Thạch Lam là người anh duy nhất mà tôi được trực tiếp ở bên cạnh khi anh qua đời. Tôi thương cảm anh vì tài hoa của anh đã bị tiêu vong lúc mới 33 tuổi đời. Cũng thương cảm anh vì anh đã sống một cuộc đời quá thanh hàn và ốm yếu, và vì anh là người đa sầu đa cảm, đã viết nên những áng văn có tính chất nhân đạo và đầy lòng trắc ẩn.

Mỗi lần về sau có dịp rẽ xuống con đường gạch đưa vào làng Yên Phụ, là mỗi lần bóng dáng người anh cao, gầy trong bộ Âu Phục cũ, với cái mũ dạ xám bốn mùa, từ tốn bước chân lại hiện ra trước mắt.

Nếu so về thông minh và tài hoa thì có lẽ anh hơn cả mọi người trong gia đình. Lúc còn trẻ anh không phải là người học trò ngoan nhất. Tôi thấy anh đi học một cách ung dung, không chăm chỉ ôn tập bài vở. Nhưng ai ngờ sau khi đỗ bằng Tiểu học, anh không vào trường mà tự học lấy. Chỉ một năm sau anh đã đỗ bằng Thành chung (thường phải học ít ra là ba năm) tôi còn nhớ là những ngày ấy mẹ tôi thúc dục anh nhiều. Gần đến lúc thi anh mới chong đèn trong màn đến tận nửa đêm để ôn bài. Có người đã gọi anh là thần đồng. Trong nhà hồi ấy hay uống thuốc Bắc, thường có ông lang Kinh đến bắt mạch cho đơn. Ông này rất mê đánh cờ và chơi cũng khá cao. Lúc ấy anh Lân mới lên mười tuổi, mới học đánh cờ mấy tháng mà đã có khi làm cho ông thất điên bát đảo. Anh học chơi âm nhạc và thể thao cũng tiến bộ rất nhanh, nhất là quần vợt và bóng bàn. Nhưng anh lại thích sống một đời lãng mạn, hơi ra ngoài quy củ một chút, khác hẳn với anh Cả và anh Tư. Thực ra anh có sinh hoạt thế nào tôi cũng không

rõ, nhưng
Nhớn lên,
nhỏ, không
hôm mẹ tô
gia đình. R
lương quá t
nông theo
Cách số
những tầng
những làng
là vì thế an
ốm yếu gầ
khoẳn, hồn
mà anh đã
Tam, Long
nhiều hơn.
cùng với c
dân, một tá
nghèo khó
Khi anh
Phong Hóa
tâm tư anh.
muốn viết
với anh em
"Hà Nội Ba
anh) và Trư
động, đã k
những nhân
những kẻ k
Kiều lấy trc
Liễu bồ
Thuyền
Phần lớ
Khanh cun
bút của Việ
anh đổi san
Lam. Nhữn
không nổi t
nhưng đối
của anh đặc
tình với nh
truyện có tí
gia đình thu
Mai hay
Dũng trong
những gia đ
vật người p
Thạch Lam
thấm thía h
cảm xúc sâ
khổ bất hạn
của anh đã
Ngôi nhà
cạnh đình Y

mẹ tôi tất nhiên không ưa việc này.
anh kiếm được một chân công chức
ệ biết anh tiêu pha thế nào, mà một
ội trách anh không mang tiền về giúp
út cục hai người đều khóc. Về sau thấy
hấp, anh bỏ việc vào học trường canh
gót anh Hai.

ng của anh đã khiến anh tiếp xúc với
lớp dưới của xã hội Hà Nội, gồm cả
chơi, và những dân nghèo. Đáng tiếc
h đã mắc bệnh và thân thể ngày càng
y còm, khác hẳn với chàng trai khỏe
nhiên trước kia. Nhưng có lẽ vì thế
có những cảm xúc khác với các anh
, vốn quen tiếp xúc với giới trung lưu
Và cả đời sống thanh đạm của anh,
ái ấy đã rèn nên một tâm hồn bình
ấm lòng trắc ẩn đối với những cảnh
bi thương.

mới vào trường Canh Nông thì báo
ra đời. Làm báo mới chính hợp với
Cũng như anh Tam và Long, anh rất
văn, và quyết định bỏ học cộng tác
n. Anh có tài viết phóng sự, loạt bài
an Đêm" của Việt Sinh (bút hiệu của
ường Khanh (một người bạn) rất sinh
hiến độc giả thông cảm sâu xa với
vật bất hạnh, sa ngã và trụy lạc, cùng
chốn cùng. Tôi còn nhớ mãi hai câu
ong bài phóng sự:

nấp bóng cây tùng
quyên còn đợi anh hùng... lĩnh lương.

n tài liệu trong phóng sự là do Trường
g cấp, nhưng bản thảo phải do ngòi
t Sinh viết ra mới thực là hay. Sau này
g viết truyện ngắn, lấy bút danh Thạch
g truyện ngắn của anh, có thể lúc ấy
iếng bằng Khái Hưng hay Nhất Linh,
với nhiều người và riêng tôi, truyện
biệt bình dân hơn, gần gũi hơn, đồng
ững người nghèo khó hơn là những
nh cách lãng mạn, trữ tình, tả những
ợng lưu.

Lộc trong *Nửa Chừng Xuân* hay Loan,
Đoạn Tuyệt, dù sao cũng là con cái
ình khá giả, hay quan lại. Nhưng nhân
hu xe già trong một truyện ngắn của
làm cho người ta rung động sâu xa,
ơn, nói lên nỗi đồng tình vô hạn và
u xa của anh trước những cảnh nghèo
ih trên đời. Những tác phẩm như thế
làm rung động biết bao người đọc.

à anh ở là một ngôi nhà tranh nhỏ ở
Yên Phụ bên hồ Tây. Hai bên nhà có

những rặng cây, trước mặt là hồ nước mênh mông, đằng sau là vườn hoa dân làng trồng. Nhà tuy đơn sơ nhưng cũng là chỗ cư ngụ thích hợp cho nhà văn. Đời sống gia đình anh thực là thanh bạch; anh vẫn giữ được phẩm cách không màng danh màng lợi chung của gia đình.

Sau ngày khủng bố của Pháp năm 1940, gia đình, anh em tan tác. Chỉ có bên anh Cả là yên ổn một chút, nhưng lại quá đông con, cũng vất vả. Anh Hai vẫn làm tại nông trường ở Bolovens, bên Lào. Đôi khi, chúng tôi lên "biệt thự Hồ Tây" để mượn rượu giải sầu, và riêng tôi cũng để né mắt bọn mật thám.

Bạn rượu thường xuyên nhất là Đinh Hùng, Huyền Kiêu và tôi. Nếu trong túi có được ít tiền, thì mua ít đồ nhắm lên theo. Song Đinh Hùng lúc nào cũng thấy nghèo kiết xác xơ, Huyền Kiêu may mắn thỉnh thoảng được gia đình tiếp tế. Thịnh soạn nhất là khi nào chị Thạch Lam tìm được con cá chắm tươi vừa đánh lên, hay một khúc thịt cầy, thêm vào có bia, hay chút rượu Văn Điển. Nấu xong, mấy anh em ngồi vừa nốc rượu vừa ngâm thơ để chờ trăng lên, nhìn ánh trăng xen qua lá liễu chiếu xuống mặt nước. Tuy không đến nỗi say túy lúy nhưng cũng ngây ngất, mặt Đinh Hùng thì tái xanh, mà Huyền Kiêu thì mặt đỏ hơn gấc, chưa uống cũng đã phải chịu phạt rồi. Thạch Lam thì không dám uống nhiều, mà tôi cũng vậy.

Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng theo chị tôi kể, Tết năm đó, trời lạnh, anh về tới Cẩm Giàng là cần ngay một hỏa lò than hồng để sưởi. Có chăn và nệm hẳn hoi mà anh vẫn kêu rét. Sau phải đốt một đống củi lớn ở giữa nhà, trải ổ rơm chung quanh, mọi người ngồi đánh bất để đợi giao thừa. Khi cả nhà ngồi vào mâm để uống rượu mừng năm mới, anh có vẻ buồn, lặng lẽ ngồi nhìn khói trầm tỏa lên cao. Đó là cái Tết cuối cùng của anh.

Những giây phút đầm ấm như thế cũng không kéo dài được bao lâu. Căn bệnh phổi quái ác đã dần dần gặm nát cơ thể anh. Tôi giục anh đi khám bệnh và chụp lại phổi. Tấm ảnh quang tuyến X của anh khiến tôi phải giật mình. Nhưng thời đó chưa phát minh được thuốc chữa bệnh lao có hiệu quả. Muốn đưa anh đi Đà Lạt dưỡng bệnh, nhưng ông Riyoalen, giáo sư khoa truyền nhiễm không đồng ý, sợ bệnh càng nguy kịch. Ông chỉ khuyên nên tĩnh dưỡng.

Bắt buộc, tôi phải thay anh trông nom việc xuất bản dù còn đương đi học. Tôi đến thăm anh luôn. Chị Sáu lại có mang đứa con thứ ba. Mặc dầu mọi người trong gia đình tận lòng săn sóc, bệnh tình của anh cứ nặng dần. Sang giữa năm sau, đã có lúc anh không đủ sức trở dậy, ra ngồi bên thềm nữa. Mẹ tôi từ quê lên cùng chị Thế giúp săn sóc hai đứa trẻ thơ.

Tình trạng ngày càng xuống. Anh đã bắt đầu tức thở, thường thường phải ngồi dậy, dựa vào mấy chồng gối. Chúng tôi rất hiểu nhau, một hôm anh hỏi tôi: "*Tôi hút thuốc lại có được không, chú?*" Tôi chỉ im lặng gật đầu.

Đến một ngày tháng 6 năm 1942, hơi thở của anh lả dần, đôi mắt đã hơi lờ đờ. Mẹ tôi, vợ con anh, anh Cả, chị Năm và tôi đều đứng chung quanh giường. Đến gần trưa, anh vẫn tỉnh táo nhưng không nói ra được tiếng nữa. Anh tự biết sắp đi đến tận cùng con đường mình đi. Ai nấy đều muốn khóc, nhưng không ai khóc ra tiếng. Run tay, tôi tiêm một ống thuốc cường tâm cuối cùng, thì anh bỗng mở to mắt ra hiệu cho mọi người đỡ anh ngồi dậy. Mẹ tôi ngồi đằng sau đỡ anh lên. Nhưng không còn ảo tưởng gì nữa. Thấy vợ khóc, theo lời chị tôi thuật - anh còn đủ sức nói anh đã chết đâu mà khóc. Nhưng lúc đó, thú thực, tôi cũng không nghe thấy gì. Không bao giờ tôi quên được cảnh tượng lâm chung của người anh ruột thân yêu đồng thời cũng là người anh trong sự nghiệp văn bút.

Anh đưa mắt lờ đờ nhìn mọi người như muốn nói lên một điều gì trước khi tử biệt. Hình như anh gọi tên tôi, tôi nghe không rõ. Bỗng anh nấc lên một tiếng, lên cơn suyễn rồi hai mắt nhắm lại. Hơi thở cuối cùng của nhà văn Thạch Lam đã dứt. Anh ngả về đằng sau, rồi dưới sự nâng đỡ của mẹ và vợ, anh nằm xuống giường, hai chân đã duỗi thẳng.

Người anh thân yêu đã vĩnh viễn bỏ cuộc đời khi mới ba mươi ba tuổi. Trong những tiếng khóc thê thảm chung quanh, muốn tránh nhìn lại anh, tôi vội bước ra ngoài cửa, mặc hai dòng nước mắt tuôn trên hai má. Chưa bao giờ tôi khóc nhiều như hôm ấy.

Vài hôm sau, chúng tôi im lặng đi sau xe tang, đưa anh đến nghĩa địa Hợp Thiện, gần ô Đống Mác, nơi đã chôn chị Cả đầu tiên và những người trong họ, Mọi người đã ra về, tôi còn ngồi lặng bên mộ anh rất lâu, dưới rặng cây âm u; nhưng nỗi thương cảm về cái chết đầu tiên trong anh em bẩy người, cũng như về bao xa cách, biệt ly - làm sao có thể khuây khỏa được?

Anh là nhà văn giàu tình cảm nhất trong dòng họ Nguyễn Tường, nhưng lúc nào anh cũng cố gắng để vượt qua mọi khó khăn. Trong một cuốn sách tặng anh, nhà văn Lê Văn Trương có đề "*Tặng anh Thạch Lam, một nghị lực phi thường trong một thân thể còm cõi.*"

Tôi tin chắc rằng Thạch Lam đã được người đời chấp nhận và đã có một vị thế xứng đáng trong lịch sử văn học Việt-Nam, sau một cuộc đời quá ngắn ngủi và đầy thương cảm./.

Thạch Lam

THẠCH LAM

(1910-1942)

THỤY KHUÊ

Tiểu sử: Thạch Lam sinh ngày 7-7-1910, tức ngày 1- 6 âm lịch, năm Canh Tuất tại Thái Hà Ấp, gần Hà Nội; mất ngày 28-6-1942 tại làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây, vì bệnh lao. Bút hiệu khác: Việt Sinh. Là con thứ sáu trong gia đình, cha là Nguyễn Tường Nhu. Quê nội làng Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam. Quê ngoại: huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tên khai sinh hồi nhỏ là Nguyễn Tường Vinh, năm 15 tuổi làm giấy khai sinh lại, đổi tên là Nguyễn Tường Lân. Năm lên bảy, cha qua đời. Thủa nhỏ học trường sơ học Cẩm Giàng tới 14 tuổi. 15 tuổi, đỗ bằng cơ thủy, xin tăng 4 tuổi để được vào học ban thành chung. Đỗ bằng Thành Chung năm16 tuổi, sau đó, vào học trường canh nông, được một năm, xin thôi, vào học trường Albert Sarraut. Sau khi đỗ tú tài phần thứ nhất, quyết định nghỉ trường, ở nhà học các anh.

Từ 1931, Thạch Lam bắt đầu làm báo, viết cho những tuần báo Phong Hoá, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Chủ Nhật. Tác phẩm đầu tay *Gió đầu mùa* tuy được độc giả hoan nghênh, nhưng sách của Thạch Lam tương đối vẫn bán chậm nhất trong Tự Lực văn đoàn. Tập tiểu luận *Theo giòng* chứng tỏ Thạch Lam có một quan niệm rõ ràng về sáng tác và một lý luận văn học chặt chẽ.

Tác phẩm đã in: *Gió đầu mùa*, truyện ngắn, Đời Nay, Hà nội, 1937. *Nắng trong vườn*, truyện ngắn, Đời Nay, Hà nội, 1938. *Ngày mới*, truyện dài, Đời Nay, Hà Nội, 1939. *Theo giòng*, tiểu luận văn học, Đời Nay, Hà Nội, 1941. *Sợi tóc*, truyện ngắn, Đời Nay, Hà Nội, 1942. *Hà Nội băm sáu phố phường*, Đời Nay, Hà Nội, 1943.

Theo báo Thanh Nghị (số 17, ra ngày 16-7-1942), Thạch Lam còn để lại hai tác phẩm khác, nhan đề *Huyền* và *Thập niên đăng hỏa*. Theo Đỗ Đức Thu, Thạch Lam *muốn viết* Thập niên đăng hỏa "Mười năm đèn lửa" nhưng cái chết đến quá sớm. Đinh Hùng cũng nhắc đến thời kỳ thập niên đăng hoả: "Anh *sẽ* viết *Thập niên đăng hoả*, một thiên ký kể lại thời kỳ suốt mười năm anh dan

díu với ả phù dung. Hiện anh đã ly dị cùng ả rồi, nhưng "mười năm đèn lửa biết bao nhiêu tình"? (xem bài Đỗ Đức Thu, Đinh Hùng, trên Thế Kỷ 21, số này). Theo Tú Mỡ, Thạch Lam có viết kịch. Trong *Từ điển văn học*, Hà Nội, 1984, Nguyễn Hoành Khung nhắc đến tuỳ bút "*Nghệ thuật ăn Tết*," bên cạnh "Hà Nội băm sáu phố phường."

Khi Đời Nay cho in *Hà Nội băm sáu phố phường*, có hứa ở trang đầu: "*Chúng tôi sẽ còn sưu tầm văn phẩm về đủ các loại của Thạch Lam để in ra Thạch Lam văn phẩm toàn tập. Tập Hà Nội băm sáu phố phường này là bước đầu trong công việc ấy.*" Tiếc rằng Đời Nay đã không tiếp tục công việc sưu tầm văn bản của Thạch Lam, và ngày nay trở thành công việc của chúng ta.

Một chú thích: Trong Văn 36, tưởng niệm Thạch Lam, ra ngày 15-6-1965, có bài sưu tầm của Lãng Nguyên, tựa đề Thạch Lam ký giả và họa sĩ, với đoạn sau đây: "*Ngoài tài viết văn, làm thơ, Thạch Lam còn là một hoạ sĩ. Khi vẽ ông ký tên thật là Nguyễn Tường Lân. Trong Ngày Nay số 2, ta thấy có bài phê bình tranh ông như sau: "Bức họa 'Hiện vẻ hoa,' cô con gái ngồi im lặng dưới bức dèm vừa cuốn của Nguyễn Tường Lân làm ta nghĩ đến những bức hoạ mỹ nhân, nét bút linh diệu nhẹ nhàng của hoạ sĩ Tàu và Nhật. 'Trên đường Bắc Kạn' cũng là một bức họa đẹp nét vẽ giản dị, màu không nhiều. Ông Lân năm nay đã tỏ ra một họa sĩ có bản năng, các hình màu đã rõ rệt, không có mịt mù như trước nữa."*

Tới năm 1939, tranh vẽ của Thạch Lam đã được họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung nhận xét rằng 'Vẫn dí dỏm gẩy lên những nét vui tươi xinh xắn trên những đường toàn thể rất sơ sài'." (Ngày nay, số 193, ra ngày 23-12-1939).

Khi còn sinh thời họa sĩ Lê Thị Lựu, chúng tôi có hỏi bà về vấn đề này, thì được biết: Bà có học cùng với Nhất Linh ở trường Mỹ Thuật Đông Dương trong một thời gian và hoạ sĩ Nguyễn Tường Lân không phải là Thạch Lam. Mới đây, chúng tôi hỏi lại họa sĩ Phạm Tăng, thì ông cũng xác định: Họa sĩ Nguyễn Tường Lân không phải là Thạch Lam, ông đã từng gặp hoạ sĩ Nguyễn Tường Lân trong kháng chiến, và sau ông Lân bị Việt Minh thủ tiêu vì tình nghi có hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Họa sĩ Nguyễn Tường Lân (1906-1947), là tác giả bức tranh lụa nổi tiếng "Hiện vẻ hoa" vẽ một thiếu nữ hay thiếu phụ ngồi trên đôn sứ, trước bức rèm cuốn, vẽ năm 1943, hiện để ở Viện bảo tàng Mỹ thuật, Hà Nội.

*

HÀNH TRÌNH CẢM GIÁC

Nếu Thạch Lam là họa sĩ,
Nếu Thạch Lam là nhạc sĩ,
Nếu Thạch Lam là nhà thơ,

Thật ra Thạch Lam có thể là cả ba, bởi nhà văn ấy ngắt câu bằng màu, chấm câu bằng nốt nhạc, chuyển đoạn bằng hình ảnh. Thử ngắm và nghe bức tranh Thạch Lam vẽ *Nắng trong vườn*, một bức tranh rất tầm thường, nhìn qua ta có cảm tưởng như ai cũng có thể viết được:

"... tôi thong thả theo con sông Cống, chạy khuất khúc lên giữa các đồi. Một cái cầu gỗ mong manh bắc qua sông. Hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuôi xuống tận gần bờ, giữa luồng gió thoảng và cái tiếng rì rào như nhớ nhung của lá thông trái gió nhắc tôi nghĩ đến những cảnh rộng rãi, bao la.

Buổi chiều rất êm ả. Về phía tây, mây trời rực rỡ những màu sáng lạn và ánh nắng chiều loáng một khúc sông, trông như một giải vàng nổi lên giữa đồi ruộng đã bắt đầu tím lại. Một đàn chim đi ăn về vút bay qua ngang đầu, tiếng cánh vỗ rào rào như trận mưa; tôi ngửng lên nhìn theo đến khi cái vết đen linh động của đàn chim lặn hẳn với chân mây." (*Nắng trong vườn*, in lại tại Hoa Kỳ, trang 8)

Ngòi bút vờn phác một dòng sông, có cầu gỗ bắc ngang, chấm phá thêm hai rặng thông từ trên đỉnh đồi *chạy* xuống, rồi điệu nhạc thầm nổi lên với âm chìm của *tiếng thông "trái gió"*, *tiếng nắng chiều "loáng"* trên sông, họa cùng âm nổi trong *tiếng chim vỗ cánh "rào rào"* như mưa, *tiếng chim "lặn"* vào chân mây... tất cả nhịp nhàng giao hòa trong thanh lặng, như thể cây cọ vẽ đến đâu, nhạc đệm len lỏi đến đấy, nhạc thoát ra từ thanh âm thầm kín của những con *sông chạy khuất khúc*, những cây *thông chạy từ đỉnh đồi xuống bờ sông*, những *lá thông trái gió/ nắng chiều loáng/ đồi ruộng tím lại/ đàn chim vụt bay/ cánh vỗ rào rào như mưa*, cho đến lúc *vết đen của đàn chim lặn hẳn*... nhạc cũng chìm vào chân mây.

Vậy mà dường như Thạch Lam không làm văn cũng không tả cảnh, ông chỉ đơn thuần ghi lại *hành trình cảm giác*. Đối với ông, những ngõ dẫn con người ra khỏi trạng thái bình thường, tầm thường, để đến với những gì khác thường, có thể thay đổi toàn diện mạch sống, đôi khi phát xuất từ những cơ nguyên rất nhỏ như một tia nắng, vài cụm mây, mấy giọt sương, đôi mắt ngây thơ của đứa trẻ, tia lửa hồng trong lò sưởi... vô vàn hạt châu vây quanh quanh chúng ta, nhưng chúng ta

không thấy, chúng ta vô tình dẫm lên, quay lưng lại. Thạch Lam lặng lẽ nhặt lên "*từng hột sáng*" ấy, dẫn chúng ta trở về lối cũ, dưới gốc hoàng lan, hưởng lại những mùi xưa, mùi tuổi thơ, mùi quê hương đã tàn phai trong trí nhớ truân chuyên phủ nhiều bụi bặm chua chát của trưởng thành. Nhà văn bảo chúng ta thử "*ngửi cái mùi cát, mùi đất, lẫn mùi khói rác người ta đốt ở đầu làng buổi chiều, theo gió với sương mà tràn vào trong phố.*" Rồi Thạch Lam mách chúng ta nghe "*tiếng tích tắc đều đều kêu se sẽ cái sống ban đêm của giây cót thép,*" cho ta biết "*nước giữ cái mát của đêm trên mặt, và cây hồng giữ cái mát của đêm trong kẽ lá,*» tất cả những thứ đó tạm gọi là những "thủ pháp" sống, tiếng Pháp có chữ "truc", láu hơn; và những nhân vật của Thạch Lam đầy những "truc" nhỏ như thế, Bính (trong Buổi sớm) cảm thấy "cái yên" và «cái mát" gặp nhau trong giác quan "thứ sáu" của mình: "*yên tĩnh và mát quá, một cái yên tĩnh mát hay một cái mát yên tĩnh chàng cũng không biết nữa*" (trang 116), Bính còn nhận ra cả "*cái chấm đỏ thắm như màu mệt của một ngọn đèn lục lộ treo giữa lối, lặng chiếu từ đầu xa*" (trang 116).

Phải thính và tinh lắm mới nhìn được những màu sắc như thế, nghe được những tiếng động như thế, hoặc bắt gặp được "*đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần*" như thế (trang 102).

Với giác quan "thứ sáu", Thạch Lam hay "chú sáu" có khả năng làm cho cái tĩnh trở thành cái động, cái động trở thành cái tĩnh, đôi khi cả tĩnh lẫn động cùng lên tiếng một lúc trong cõi giác vô âm: giác quan bí mật của nhà văn cộng hưởng với óc tưởng tượng của chúng ta; và để tạo nhạc, nhà văn không cần đến những tiếng động có sẵn, ồn ào bên ngoài.

Âm thanh, màu sắc, hương thơm, thoảng táp vào ngũ quản những bước âm thầm. Thạch Lam đã tìm ra con đường huyền bí nối liền thiên nhiên và con người, những huyền bí ấy đôi khi ta cảm thấy, nhưng không thể nói ra, không thể diễn tả một cách chính xác. Cuộc đi của Thạch Lam bao giờ cũng mở đầu bằng một ngẫu nhiên hết sức tầm thường:

"Gần hết mùa hè ... Tôi không rời bỏ Hà Nội một cách đột nhiên. Buổi sớm kia, khi trở dậy trong căn phòng nhà trọ, tôi thấy ánh nắng rực rỡ xuyên qua các khe lá đến nhẩy múa trên mặt tường.

Trời trong và gió mát quá, khiến tôi chợt nhớ đến cánh đồi, ruộng ở chỗ ông Ba ở mà đã lâu năm tôi chưa về thăm." (*Nắng Trong Vườn*, trang 7).

Đó là lối *kết hợp ngẫu nhiên và thiên nhiên*, một bí quyết nghệ thuật thường thấy trong tác phẩm của Thạch Lam: Hôm nay trời nắng, nẩy ra ý đi chơi, từ đó sinh ra bao "sự" khác: gặp lá, gặp hoa, gặp người... Hôm nay trời mưa, giở quyển sách cũ ra đọc, lạc lối đến một chỗ khác, vào những quanh co rắm rối khác của tư tưởng...

Bên kia sông, quê tác giả, qua con cầu gỗ, có một chốn bí mật gọi là bến Sen, cậu sáu hồi đó muốn sang khám phá lắm nhưng chưa dám. *Tình cờ* có anh bạn ở bên Sen xin vào học cùng trường. Thế là có dịp sang chơi bên Sen, gặp và yêu *chị Thúy*... Bà Cả (trong *Đứa con*) là một người đàn bà không có con, keo kiệt và đanh ác. *Bỗng* một hôm được bế một đứa bé khá khỉnh, lòng dịu đi, bà thay đổi thái độ, trở nên rộng rãi gần như nhân từ... *Chỉ cần* một chút than hồng, khơi thêm ngọn lửa trong lò sưởi, Vân (trong *Bóng người xưa)* đã thấy hiện lên hình ảnh một người vợ khác - người đàn bà trẻ chàng đã yêu ngày xưa - khác hẳn người vợ già mà chàng luôn luôn dày vò và hành hạ bây giờ. Đối hẳn cách sử xự với vợ, từ lãnh đạm tàn ác chàng trở lại với âu yếm săn sóc... *Chỉ cần* một hôm dậy sớm, tiếp nhận *"cái yên tĩnh mát" của buổi sáng và "một thứ ánh sáng lạnh và biêng biếc như thiếc mới"* là Bính thấy *"máu bắt đầu chẩy mạnh như xô nhau đi đón khí trời trong"* và chàng đã tìm lại được *"buổi sáng"* mà từ lâu, sống đời trác táng giang hồ, chàng đã *"quên không biết buổi sáng thế nào"*...

Thạch Lam khác với những người cùng thời, kể cả các anh. Trong khi mọi người thi nhau viết tiểu thuyết luận đề, hoặc hiện thực xã hội, với những mục đích chính xác: lên án xã hội hoặc cổ vũ quần chúng theo con đường mới. Thạch Lam cũng muốn "*tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác*" đấy, như ông viết trong "Lời nói đầu" tập *Gió đầu mùa*, nhưng Thạch Lam không cải thiện, giáo huấn, mà ông nhờ *thiên nhiên*, nhờ *tình cờ* nói hộ để gián tiếp "gợi ý" cho ta biết chỉ một "sự" cỏn con như vậy cũng có thể thay đổi định mệnh con người; ta có thể sống cao hơn, nhân ái hơn, tại sao không nghĩ ra? Và tất cả chỉ chênh vênh trên một "sợi tóc", ai cũng có thể "làm nên" hay "làm xuống" những truyện tầy đình. Từ chối chỉ đạo mà chỉ gợi ý, Thạch Lam đã làm công việc của một nhà thơ trong văn và ông coi *ngẫu nhiên* như một tất yếu của cuộc sống.

Phê bình Tchekhov, Nabokov có những nhận xét tinh vi: ông phân biệt Tchekhov với Gorki,

theo ông, Tchekhov là nghệ sĩ đích thực (artiste authentique) còn Gorki là nghệ sĩ giáo khoa (artiste didactique); và Nabokov thuật lại một giai thoại về Tchekhov, theo lời nhà báo Korolenko, lúc hai người mới quen nhau, Tchekhov hỏi:

- Anh có biết tôi viết truyện như thế nào không?

- Như...

Korolenko còn đang lưỡng lự chưa biết trả lời thế nào. Tchekhov nhìn quanh bàn, thấy ngay chiếc gạt tàn thuốc lá, cầm để trước mặt Korolenko và bảo:

- Nếu anh muốn, ngày mai tôi sẽ có một truyện cho anh, nhan đề "Chiếc gạt tàn thuốc lá."

Lập tức, chiếc gạt tàn thuốc lá, đối với Korolenko, đã biến dạng trở thành cái gì thần diệu: những tình huống hư ảo, những cuộc phiêu lưu nào đó chưa thành hình, bắt đầu kết tinh chung quanh cái gạt tàn thuốc lá để trước mặt ông...

Thạch Lam có nhiều điểm giống Tchekhov: như Tchekhov, Thạch Lam cũng chỉ viết được đoản thiên (truyện dài duy nhất *Ngày mới* chỉ là một truyện ngắn kéo dài) và Thạch Lam không viết luận đề cũng không bịa ra những tình huống éo le cho hợp với "chủ đề". Thế Lữ kể: Thạch Lam không cần tìm "đầu đề", tìm "câu chuyện." Đúng vậy, với Thạch Lam, cái gì cũng có thể là một "đầu đề", kể cả sợi tóc. Hơn nữa, một nhà văn đích thực, trên nguyên tắc, không thể "bí" được, tại sao? vì họ có thể "xoay" được trong tất cả mọi tình huống. Trong đời sống, mỗi thực thể đều có một "sự sống" riêng, kể cả sợi tóc, kể cả chiếc gạt tàn thuốc lá... vấn đề là bạn có đủ tinh tế để nhận ra và đủ óc tưởng tượng để kết nối những tương quan trong trời đất, trong đồ vật, sự vật và con người với nhau không. Nếu đầy đủ những khả năng ấy thì lúc nào và ở đâu, bạn cũng có thể viết được, nếu thực sự muốn viết.

Tchekhov có thể viết dễ. Còn Thạch Lam, vẫn theo Thế Lữ, cũng viết dễ: "*cái người tối hôm trước trả lời tôi rằng chưa biết viết gì, sáng hôm sau đã cho tôi cảm động vì một tập truyện viết đều hàng, nét chữ nhỏ và nhanh, câu văn đằm thắm...* " (Thế Lữ, *Tính cách tạo tác của Thạch Lam*, Thanh Nghị số 39, in lại trong Văn số 60, tháng 6-1966); nhưng Hồ Dzếnh lại bảo Thạch Lam viết rất khó: *"Thạch Lam là người viết rất khó khăn và thận trọng. Có những truyện anh phải viết đi và sửa lại tới bốn lần như truyện Sợi tóc, Một cơn giận, Nhà mẹ Lê"* (Hồ Dzếnh, *Với Thạch Lam*, tạp chí Sông Hương, số 31 tháng 5-6, 1988, in lại trong *Tự Lực Văn Đoàn trong tiến trình văn hoá dân tộc*, nxb Văn hoá Thông Tin, Hà Nội 2000, trang 506).

Cả Thế Lữ lẫn Hồ Dzếnh đều có lý, bởi cái dễ và cái khó có thể hiểu theo nhiều cách, ngay khi Tchekhov tuyên bố như trên cũng chưa chắc là ông viết dễ. Nói là dễ, bởi trong đầu những nghệ sĩ đích thực luôn luôn có nhiều tia sáng lóe ra về bất cứ một đề tài, một bối cảnh, một nhân vật, một tình huống... gì, có thể gọi là những tia sáng tạo, là cảm hứng này khác, Lâm Ngữ Đường gọi là những "con trùng" nó đục, nó thúc, bắt buộc phải viết, phải vẽ, phải làm thơ... nếu không thì không thể chịu được. Nhưng sau cái "khâu" trùng phá hoại hay "xúi dại" đến công việc đứng đắn hơn, tức là sửa lại văn bản, một mình khổ sai với chữ nghĩa, Lê Đạt gọi là "phu chữ", việc ấy nhanh hay chậm tùy người.

Phê bình Thạch Lam, Vũ Ngọc Phan cho rằng Thạch Lam "tiến bộ" rất nhiều từ hai tập truyện ngắn *Gió đầu mùa, Nắng trong vườn* sang đến *Sợi tóc*. Theo ông, trong *Sợi tóc* có năm truyện thì chỉ có *Dưới bóng hoàng lan* là tầm thường còn bốn truyện kia thuộc loại những truyện ngắn hay nhất Việt Nam. Cảm nhận như thế, có thể bởi Vũ Ngọc Phan không tinh tế như Thạch Lam, cho nên ông đã không tiếp nhận được những *cái hay khác* của Thạch Lam, trong *Gió đầu mùa*, nhất là *Nắng trong vườn*, mà ông cho là nhà văn chỉ "chuyên tả cảnh," hết "nương chè bên sườn đồi" lại đến "vườn sắn bên sườn đồi"... và rất tiếc là nhiều người viết sau hay chép lại nhận định của Vũ Ngọc Phan mà không suy xét, kể cả một người khá thận trọng như Đỗ Đức Thu... Còn một hướng khác, đến từ một số nhà phê bình muốn kéo Thạch Lam vào hàng ngũ những nhà văn "đấu tranh giai cấp" và có lẽ "nhờ đó" mà Thạch Lam là nhà văn trong Tự Lực văn đoàn được "phục hồi" sớm nhất. Tuy nhiên kéo vĩnh cửu xuống nhất thời cũng là điều chẳng nên làm, hãy để Thạch Lam giữ nguyên địa vị nhà văn đích thực của ông, với những tư tưởng nghệ thuật và nhân văn vượt trên mọi yếu tố tranh chấp nhất thời của các cuộc cách mạng này khác.

Số *sáu* có nhiều gắn bó với Thạch Lam, sinh vào tháng *sáu* âm lịch, mất tháng *sáu* dương lịch, là người con thứ *sáu* trong gia đình Nguyễn Tường, trong cuộc đời ngắn ngủi 32 năm, kể cả đoản thiên đầu tay *Cô áo lụa hồng*, in trên Phong Hoá, số ngày 4-10-1935, là hơn *sáu* năm đích thực viết văn, Thạch Lam đã để lại *sáu* cuốn sách nhỏ, trung bình mỗi năm một cuốn: *Gió đầu mùa*

(1937), *Nắng trong vườn* (1938), *Ngày mới*, tiểu thuyết (1939), *Theo giòng*, tiểu luận (1941), *Sợi tóc* (1942), *Hà Nội băm sáu phố phường* (1943). Những truyện ngắn của Thạch Lam trong ba tập *Gió đầu mùa, Nắng Trong vườn, Sợi tóc* và tùy bút *Hà Nội băm sáu phố phường* là một *chuỗi* tác phẩm viết *khá đều tay*, mỗi quyển đều có một số truyện thật hay, xứng đáng xếp vào loại những truyện ngắn giá trị của Việt nam trong thế kỷ hai mươi.

Một tác giả viết đều đều, với phẩm chất cao như thế là nhiều chứ không phải ít. Nhiều người trách Thạch Lam viết ít, cũng là trách vội. Có lẽ Thạch Lam chỉ cho in những gì ông biết là sẽ trụ được, trong khi khá nhiều tác giả nổi tiếng thường hay tham lam, lạm dụng tên tuổi của mình, gì cũng in, làm ô nhiễm những tác phẩm giá trị của chính mình và trong một chừng mực nào đó đánh lừa độc giả.

Nắng trong vườn

Nhận xét về Thạch Lam, Khái Hưng đưa ra một nét rất chính xác: Thạch Lam *dám* viết hết những cảm nghĩ trong đầu: *"Ở Thạch Lam sự thành thật trở nên sự can đảm, đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rùng rợn cả tâm hồn. Tôi xin thú thật rằng những điều nhận xét gay go về mình và những người sống chung quanh mình, tôi cũng thường có song vị tất đã dám viết ra. Tôi vẫn ước ao có cái can đảm ấy nhưng không sao có được cái can đảm mà tôi thấy ở Tolstoi, mà trong đám văn sĩ mới ở nước ta tôi thấy ở Thạch Lam. Lòng ta là một thế giới mênh mông, nếu ta để trí suy xét của ta len vào các ngách các nơi kín tối chăm chỉ tìm tòi, ta sẽ thấy nhiều mới lạ. Tưởng sống tới trăm tuổi ta cũng không biết thực rõ được lòng ta"* (trích theo Phạm Thế Ngũ, Việt Nam văn học sử giản ước tân biên, tập III , Đại Nam in lại, trang 495).

Đúng là Thạch Lam có bạo hơn các anh, bạo hơn những nhà văn cùng thời. Ông *dám viết* và *dám sống* những gì ít ai dám làm, trong thời ấy: Thạch Lam là người duy nhất trong gia đình lấy vợ vì yêu (theo Thế Uyên). Các anh Nhất Linh, Hoàng Đạo đều hô hào tự do hôn nhân, nhưng các ông lại lấy vợ theo diện bà mối, thậm chí các ông còn chẳng thèm đi xem mặt cô dâu, mà nhờ em gái xem hộ (hồi ký Nguyễn Thị Thế). Sự kiện này, làm cho chúng ta hiểu rõ hơn thái độ *cực kỳ mới* của Thạch Lam trong *Nắng trong vườn* với những đoản văn có tính chất tự truyện đầy nét tính dục: Các cô chỉ 15, 16; chàng "tuổi chỉ mới mười ba" đã yêu lần đầu. Thời ấy, trong văn chưa có "nhà nào" bạo thế, trừ đám nhà thơ vẫn quen yêu sớm: Nguyễn Bính chả biết mấy tuổi đã yêu "Chị Trúc", Hoàng Cầm, 7 tuổi đã biết yêu, 12 tuổi yêu da diết "chị Vinh" (lá diêu bông), nhưng cả hai đàn em này vẫn chưa bằng anh Thạch Lam, ở tuổi 13 (vào khoảng năm 1923) đã dám yêu "chị Thuý", tức là cậu sáu hồi đó bằng *"tuổi của nàng,"* Nguyên Sa ba mươi năm sau! Yêu sớm cũng chẳng có gì ghê gớm, thiếu gì người làm được, kể cả anh Khái Hưng, nhưng cái táo bạo của Thạch Lam là dám viết phăng ra trên giấy trắng mực đen điều đó ở thời điểm nghi lễ tôn nghiêm, anh cả, anh hai, anh ba, anh tư đều mẹ đặt đâu, con xin ngồi đấy; đám cưới anh Tam áo the khăn đoạn, xe rước râu chạy mấy vòng Hà Nội. Có phải chính ở cái chỗ "can đảm" ấy mà em Sáu đã làm cho anh Hưng phải "rùng rợn cả tâm hồn" chăng?

Rùng rợn hay không, Thạch Lam là người đi trước thời đại, tự do trong một xã hội đầy cấm kỵ và thành kiến. Thạch Lam không đòi hỏi tự do như những người khác mà ông thể hiện tự do qua cách *sống* và *yêu* một cách hồn nhiên, không gượng ép, không mảy may nề hà đến nền đạo lý chặt chẽ bao bọc chung quanh: Hậu trong truyện *Nắng trong vườn*, mới 15, 16 tuổi đã không ngừng tấn công cậu Bính rất sát: *"Hậu ngồi sát lại bên tôi, tôi nghe thấy hơi thở của cô rồn rập. Buổi sớm cô mặc cái áo lụa mỏng màu đỏ, càng tươi bên nước da trắng muốt của Hậu. Tôi đoán thấy cái thân hình mềm mại, hai cánh tay chắc rắn, đôi vú nhỏ và tròn. Người Hậu như thoảng ra một thứ hương thơm ngát và say sưa"* (sđd, trang 20). *"Hậu đưa tay nắm lấy tay tôi, lần lên vai rồi kéo tôi lại gần mình. Mái tóc chúng tôi vướng vào nhau, tôi thấy trước môi tôi cái miệng xinh thắm của nàng. Chúng tôi lặng lẽ ôm lấy nhau, say sưa trong cái hôn đầu tiên đắm đuối của linh hồn."* (trang 21)

Một đêm trăng rằm, cả gia đình đi xem hội bắt cá ở làng Vị, được người anh họ giữ lại xem hội đêm, mình Hậu phải về trông nhà, Bính cũng "tìm cớ thoái thác xin về," và *"Thế là chỉ có hai chúng tôi xuống thuyền. Bấy giờ trời đã tối, trăng bắt đầu lên, một mặt trăng vàng đỏ, to như một cái nia, từ từ nhô lên sau rặng thông ở chân đồi. Tôi đỡ Hậu xuống thuyền, rồi chúng tôi cởi giầy, để mặc thuyền theo giòng suối (...)*

Vừa xuống thuyền, Hậu đã ôm quàng lấy tôi,

kê đầu vào má tôi, ngập ngừng nói những lời ân ái. Tôi thấy tấm thân trẻ và dẻo dang của Hậu quấn lấy tôi như một giây leo. Chúng tôi hoà hơi thở với nhau, tóc nàng bỗng buông soã trên người tôi, thoảng ra một thứ hương ngát dịu và đầm ấm.

Khi tiếng trống hội làng Vị đã nghe không rõ, Hậu ngồi dậy ở đầu thuyền, một tay dúng xuống sông? Nàng nghịch tung những hạt nước long lanh sáng như hạt ngọc"(trang 24).

So sánh đoạn văn này (viết khoảng những năm 36-37), với những đoản văn khác của những người cùng thời viết về tình yêu, về sự gần gũi thể xác, mới thấy Thạch Lam đi trước thời đại.

Người Lạo nhất, có lẽ là Khái Hưng trong *Hồn Bướm mơ tiên*, từ 1933, đã cho Ngọc tán sát chú tiểu Lan, dụ chú tiểu ngủ cùng, nhiều lần cố tình đẩy chú tiểu ngã vào lòng mình, Khái Hưng đưa ra cảnh "chạy đàn" bất hủ, cảnh Ngọc đằng co với chú tiểu, Lan ngã, bị xổ áo, rất sexy, nhưng Khái Hưng chưa dám cho các nhân vật hôn nhau, kể cả trong *Trống Mái*. Nguyễn Tuân mới chỉ lơ mơ nhắc đến các "cố nhân." Nhất Linh trong *Đoạn tuyệt, Đôi bạn*, gần như yêu chay, đến *Bướm trắng*, Trương chỉ được tiếp xúc thể xác một cách rất hàm thụ với Thu qua trung gian chiếc áo cánh, và khi được hôn Thu là đã tự cho mình đi đến "*một mực cao cực điểm và từ nay trở đi chỉ là lúc tàn dần" (Bướm trắng*, in lại ở Hoa Kỳ, trang 151).

Nắng trong vườn là một truyện tình mùa hè giữa người con gái 15, 16 và cậu học trò 18, từ Hà Nội về quê nghỉ hè ở nhà người bạn cũ của cha trên đồn điền trồng sắn và trà. Hậu là con gái trại chủ. *Nắng trong vườn*, giữa thập niên ba mươi, Thạch Lam không viết một truyện tình lãng mạn kiểu cũ nữa, không yêu thầm, nhớ trộm trong tim, trong óc, mà là một truyện tình consommer, tình đi tới đích thể xác và không "có hậu". Các nhân vật của Thạch Lam không sử sự với nhau như Dũng, Loan trong *Đoạn tuyệt, Đôi bạn*, như Mai, Lộc trong *Gánh hàng hoa*, họ đi thẳng vào "thực chất vấn đề," không qua trung gian lễ nghi, cưới hỏi, đạo đức xã hội.

Truyện của Thạch Lam có không khí tự do của thập niên 60, những năm "đợt sóng mới" (nouvelles vagues) trong *Bonjour tristesse-Buồn ơi chào mi*, với những mối tình mùa hè, hết hè chia tay, rất thực tiễn, không thề thốt yêu nhau trọn đời, bởi ở tuổi ấy đã biết thế nào là trọn đời, mà thề thốt? Rồi xa nhau vì chính họ quyết định như thế: hết hè, Bính về Hà Nội, không thư từ cho Hậu nữa. Trước khi yêu Bính, Hậu cũng biết rồi sẽ như thế, nhưng vẫn bước vào cuộc tình. Sự đắm đuối ở những mối tình trong tập *Nắng trong vườn* đậm chất thể xác "Hậu quấn lấy tôi như một giây leo," người con gái biết thân xác mình là thuộc về mình chứ không thuộc về cha mẹ, và đó là một trong những yếu tính căn bản của ý thức tự do. Trong truyện "Đêm sáng trăng," Mai đã sống với người yêu những đêm trăng thần tiên trước khi đi lấy chồng và trước ngày cưới người ta thấy "*nàng nằm chết dưới vệ ao, mái tóc xổ ra vướng lẫn với cánh bèo"* (trang 73).

Đêm sáng trăng là một huyền thoại mới về tình yêu, với những bức tranh tuyệt đẹp: *"Trong cái vườn nhỏ bên bờ ao, Tuấn nằm trên chiếc chõng kê vào bóng tối, ngửa mặt lên trời. Chàng nhìn trăng qua cành lá tre, cành lá sắc và đen như mực vắt qua mặt trăng như một bức tranh tàu. Rêu ở tấm đá gần đó bốc lên hơi lạnh. Bức tường hoa giữa vườn sáng ánh trăng lên, lá lựu dầy và nhỏ lấp lánh như thuỷ tinh.*

Bóng cây trông mát quá, thân mật và kín đáo. Tim chàng đập mạnh lên. Tuấn với tay và lắng tai nghe; như có tiếng là động, tiếng chân đi nhẹ nhàng, và nhỏ nhắn. Một cành cây cong xuống, rồi vụt lên, lá rung động ánh trăng như ánh nước.

Khóm hoa đơn rẽ ra, một bóng trắng mơ hồ tiến lại. Tuấn giơ tay ôm lấy, cảm động thì thầm:

- Mai... em...

Nàng không trả lời, đến gần rồi yên lặng ngả người vào lòng chàng.

Tuấn cúi mặt vào đống tóc thơm, ngạt ngào một mùi hương quen mến. Tay ôm chặt lấy nhau, quấn chặt. Chàng tìm đôi môi xinh đẹp của nàng, hé ra, hai hàm răng chạm vào nhau trong một cái hôn say mê và đắm đuối.

Hồi lâu, hai người buông nhau ra. Mai gỡ tay vuốt lại mái tóc rối, những sợi tóc tung ra vuốt buồn trên da mặt chàng, vì hai người vẫn gần nhau quá. Họ nhìn nhau bàng hoàng, Tuấn thấy trong bóng tối của vành khăn, hai con mắt Mai long lanh yêu mến. Chàng đỡ lấy nàng, uốn xuống để ánh trăng soi tỏ mặt... " (trang 66-67)

Và đêm cuối cùng trước khi Tuấn trở về Hà Nội:

"Nàng vòng tay qua cổ Tuấn kéo chàng cúi xuống nàng hoà hợp trong một cái hôn lặng lẽ. Đôi môi nàng chảy máu và đau đớn. Mai sung sướng chịu đau, gửi thác trong cánh tay Tuấn tất cả thân thể và tâm hồn trong sạch của nàng" (trang 72).

Nhiều yếu tố cổ điển có mặt trong truyện ngắn

này: cô hàng xóm, bé tý đã *"lách rào chui sang vườn nhà Tuấn, rủ nhau ngồi thì thầm trong bóng tối như hai đứa trẻ phạm lỗi. Đến khi tiếng mẹ gọi vọng bên kia, Mai mới bỏ tay Tuấn lách hàng rào chạy về"* (trang 67). Năm mười ba tuổi, Tuấn lên tỉnh học, quên dần cô láng giềng... Cho đến hôm mẹ chàng từ quê ra, tình cờ kể chuyện cô Mai hàng xóm sắp về nhà chồng, Tuấn mới quyết định trở về thăm Mai...

Thạch Lam khởi đi từ sự táo bạo rất Nguyễn Du *xắn tay mở khoá động đào*, bước qua tình láng giềng Nguyễn Bính *nhà nàng ở cạnh nhà tôi*, và tìm đến cái chết bi kịch Roméo et Juliette để viết một truyện tình. Một truyện tình giản dị phi thời gian không gian: nếu không có "bóng tối của vành khăn," người đọc không thể xác định được Tuấn và Mai đang sống ở thời nào, họ chỉ là hai kẻ yêu nhau, và Mai, một mình, yêu đến chết.

Hai đứa trẻ (chuyện thật của hai chị em Thạch Lam, theo Nguyễn Thị Thế), một trong những truyện ngắn hay nhất của Thạch Lam dựa nền trên sự tương phản giữa ánh sáng và bóng tối. Những điểm sáng loé lên trong đêm tối tựa như những ánh diêm soi đêm đông buốt giá sưởi ấm những giấc mơ của đứa nhỏ trong truyện cổ tích Andersen. Thạch Lam viết về hai đứa bé sống ở một huyện lỵ, tối tối, sau khi đóng cửa hàng tạp hóa nhỏ và nghèo của mẹ, hai chị em ngồi chõng ngắm sao, ngắm phố... Trong bóng tối, hai đứa bé nhìn, đếm những ánh sao trên trời và chờ đợi những đốm lửa hiện ra ở chung quanh; mỗi lần gặp một đốm sáng, cuộc sống nội tâm của hai chị em lại bừng lên. Mỗi đêm, chúng sống một hiện thực đầy mộng tưởng, mỗi hình ảnh tạt ngang qua mắt, mỗi âm thanh vẳng đến bên tai gieo vào lòng hai chị em một mảnh đời, gợi lại trong ký ức chúng những lam lũ chung quanh. Hai đứa bé nghèo không có gia sản gì, trừ bóng tối, và từ bóng tối ấy, dấy lên những đốm lửa soi rạng tâm hồn chúng.

Câu chuyện bắt đầu từ ban chiều, buổi chiều tàn với những nét rực rỡ: *"Phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Giấy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời"* (trang 102). Các nguồn sáng toả ra từ một đám cháy: mặt trời và mây cùng bốc hoả, đốt dãy tre làng đen lại -đen lại chứ không phải đen- từ đen đến đen lại đã có chuyển động, rồi chính rặng tre đen, lại cắt hình trên nền trời như một nghệ sĩ tạo hình. Và chuyển động vẫn tiết tục: *"Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại xẫm đen hơn nữa, giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tý, và cái bếp lửa của bác Siêu; chiếu sáng một vùng đất cát. Trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa."* (trang 109).

Thạch Lam đi từ vĩ mô đến vi mô, thoạt tiên, ống kính nhà văn hướng về mặt trời, từ từ chuyển sang mây rồi di xuống những con đường làng và "zoom" lại trên ngọn đèn của chị Tý, quay sang bếp lửa bác Siêu, dừng lại trên ngọn đèn con của chị em Liên rồi chiếu xuống cả những "hột sáng" lọt qua phên nứa. Đấy mới là phần "ngoại cảnh." Về phía "nội dung," ngòi bút của Thạch Lam nhẹ nhàng lướt qua phố huyện ban đêm *"Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn hoa kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn giây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.*

Chợ họp giữa phố vãn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ấm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này" (trang 103).

Bút dạo một vòng phố huyện, đến từng trạm sáng, ở mỗi trạm bút rực lên một chút, như để táp sáng cho người và vật, tỏ sự hân hoan mừng rỡ chào đón một nguồn sáng mới: *"Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra. An trỏ tay bảo chị:*

- Kìa, hàng phở bác Siêu đã đến kia rồi." (trang 108)

Không ai bị bỏ quên, từ hạt cát, hòn đá, đến vỏ bưởi, vỏ nhãn, vỏ thị, lá nhãn, bã mía, rồi chuyển sang mùi: mùi cát bụi, mùi đất, và mùi quê hương, lần này nhà văn lại đi từ cái nhỏ nhất, hạt cát, để đến cái lớn nhất, mùi quê hương. Đời sống phố huyện đêm, từ từ mở ra với những điểm sáng lác đác ở nhà bác phở Mỹ, nhà ông Cửu, ở hiệu khách... càng về đêm càng khép lại, càng thu nhỏ đi, tàn lụi dần với những điểm sáng cô đơn cuối cùng, leo lét bên những thân phận nhỏ nhoi, xoay quanh ngọn đèn chị Tý, bếp lửa bác Siêu, gia đình bác Xẩm với chiếc thau sắt trắng và ngọn đèn con của chị em Liên. Úp trên những chấm sáng nhỏ nhoi ấy, là một *"vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt*

sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây" (trang 108), *"Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. (...)*

Trống cầm canh ở huyện đang tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào trong tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Tý mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và ăn thuốc lào" (trang 111). Đặt ngàn sao bên một con đom đóm, hài hoà cái lớn và cái nhỏ, nhà văn tạo sự tương phản không những trong thân phận con người mà còn tìm đến những tương phản trong thiên nhiên, vũ trụ. Nghệ thuật của Thạch Lam trong toàn thể truyện ngắn này là giao cảm, chỉ trong ba chữ "người vắng *mãi*," ông đã tạo được một vùng bí mật của chốn không người, rồi trống cầm canh *tung* lên, ngàn sao *ganh* nhau lấp lánh, vùng sáng nhỏ xanh *nhấp nháy rồi hoa rụng xuống* vai Liên khe khẽ...

Những chữ: mãi, tung, ganh, nhấp nháy... ở đây, giữ nguyên chất quyến rũ bí mật của chúng, tại sao lại *mãi*, lại *tung*, lại *ganh*, lại *nhấp nháy*? Bởi vì những chữ ấy đã tách biệt thế giới Thạch Lam với những thế giới khác, một thế giới thuần túy nghệ thuật, có những ngôi sao *ganh* nhau, những tiếng trống cầm canh *tung* lên rồi chìm vào bóng tối, những con đom đóm tỏa vùng ánh sáng xanh *nhấp nháy* bung ra như những cánh hoa khe khẽ "rụng " xuống... vai Liên. Ở đấy, người vắng *mãi*, một chữ *mãi* ẩn bao nhiêu ngụ ý: người chờ người, người mong người, quán đêm vắng chờ khách, chờ sự sống, chờ ngày mai... Phố huyện Thạch Lam thầm thì những tiếng bí mật như thế, tiếng của thanh vắng, của đêm khuya, của thiên nhiên và con người im lặng giao cảm với nhau trong vũ trụ. Đối diện với cái nhỏ nhoi tăm tối của người dân nghèo trong phố huyện là một vũ trụ bao la đầy ánh sáng huyền ảo của thiên nhiên và vạn vật, nhưng với chị em An, Liên trạm sáng đẹp nhất của mỗi đêm là *chuyến tầu qua tỉnh lỵ*.

Hai chị em đêm nào cũng cố thức chờ tầu, không chỉ để vâng lời mẹ đón khách mua hàng. Thằng nhỏ buồn ngủ nhíp mắt, nhưng vẫn dặn chị nhớ gọi em dậy khi tầu đến, vì sao, vì tầu sẽ đưa chúng viễn du ra khỏi phố huyện, đem chúng vào những giấc mơ:

"Chuyến tầu đêm nay không giống như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sang hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng, Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo.

Con tầu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tý và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng." (trang 112).

Phố huyện với từng ấy tâm hồn "*trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ*" và ánh sáng Hà thành do con tầu chở đến, đem lại cho huyện nhỏ vài phút mộng mơ. Nhưng con tàu chở ánh sáng ấy, chưa đến đã vội bước đi, như một niềm vui vừa bùng lên đã lụi tàn trong khoảnh khắc, *"chiếc tầu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre."* (trang 112).Con tầu như chiếc que diêm của đứa bé trong truyện cổ tích Anderson, lóe lên ánh lửa rồi tàn ngay trên những kiếp người cô đơn bỏ lại trong con phố *tịch mịch và đầy bóng tối*.

Nếu trong một số truyện ngắn Thạch Lam cố ý đứng riêng, đứng ngoài, để khách quan viết về các nhân vật của mình, thì trong truyện *Người đầm*, như một người viết "sơ hở" tác giả để lộ lòng mình. Cơ sự xẩy ra là do lỗi của một người: người đầm.

Người ấy đi xem ciné mà lại không ngồi lô, không ngồi hạng nhất, "*một người Pháp, mà lại là một người đàn bà, ngồi ở hạng nhì lẫn với người!*" chữ *người* sau cùng thật ghê, chỉ một mình nó đã nói thay bao chữ lớn lao về nhân quyền, về chế độ thực dân, về những đàn áp... mình nó bao trùm lên những thái độ, những chế độ không coi người là người.

Người đầm này cùng chung làn sóng với Thạch Lam, đã dám làm những việc mà người khác không làm: bởi thời ấy, các người đầm không bao giờ ngồi lẫn với "người" như thế.

Thạch Lam *tình cờ* gặp gỡ "người đầm," người đàn bà Pháp mới đến, lạ lẫm, không giống ai, một mình với đứa con bơ vơ trên mảnh đất xa lạ đầy cạm bẫy. Lướt qua những ánh mắt "lãnh đạm và ác cảm" chiếu vào hai mẹ con, Thạch Lam, cũng một mình, can đảm đi ngược chiều "cộng đồng", dám biện hộ cho "kẻ thù" dân tộc. Trút mọi thành kiến, hận thù, để chỉ nhìn con người trần trụi dưới lăng kính của cảm thông: người đàn bà tội nghiệp ấy với những ngơ ngác, nhũn nhặn,

tế nhị và nhân ái đã làm đảo chao mọi thành kiến về người Pháp và dẫn nhà văn đến một mối tương quan khác, lên trên và ra ngoài tương quan thực dân - thuộc địa, để trụ lại ở sự cảm thông, lòng trắc ẩn giữa người và người, đến tình nhân loại.

Thạch Lam khám phá ra những vùng bí mật ấy của con người bằng một bút pháp sẽ sàng, gần như thầm lặng. Những chữ bé nhỏ ấy hoá ra lại có khả năng tỏa sáng bằng bao nhiêu lời lẽ ồn ào, chúng dịu dàng chiếu vào những tương phản, tạo sáng-tối trong bức tranh đời sống. Nhà văn thường nhặt nhạnh ở chỗ chúng ta không ngờ nhất: một chút sương, vài ba gáo nước, hai gốc thông, mấy tượng đá dấu trong cỏ... những dấu ấn nhỏ nhoi đưa chúng ta vào hành trình cảm giác đôi khi có thể làm thay đổi cả một lẽ sống, một mấu chốt suy tưởng.

Gió đầu mùa và Sợi tóc

Về cách trình bày xã hội Việt Nam những năm 30-40, chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ hai mẫu hình: mẫu Tự Lực Văn Đoàn, gồm các ông Tuần ,bà Án, tượng trưng cho lớp già trong "chế độ" cũ đối chọi với những Loan, Nhung, Mai... lớp trẻ, phản kháng chế độ. Và mẫu hiện thực phê phán xã hội gồm bọn cường hào ác bá đàn áp bóc lột và người dân quê thấp cổ bé miệng trong các tiểu thuyết Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài...

Thạch Lam (đeo kính đen), Hoàng Đạo và 3 con của Nhất Linh chụp ở trại Cẩm Giàng (không rõ năm)

Thạch Lam không chiếu ống kính vào những nhân vật nằm trong hai phạm trù trên đây, dường như với ông, con người phức tạp hơn, không dễ chia cắt thành hai giới tuyến thiện ác thường xuyên đối chọi nhau kịch liệt như thế; ngoài ra, con người còn có trách nhiệm tự thân về những hành động của chính mình, cả trong những xã hội khép kín nhất.

Sớm nhìn đến vấn đề trách nhiệm cá nhân, những người con gái trong truyện của Thạch Lam trao thân cho người yêu không cần hỏi ý cha mẹ. Liên trong *Một đời người*, tuy bị chồng và mẹ chồng hành hạ, nhưng vẫn không bỏ chồng theo người yêu, một phần vì nàng thiếu tự tin và không dứt khoát, Liên không chỉ là nạn nhân xã hội. Những khổ đau của Dung trong *Hai lần chết* đã bắt nguồn từ khi chào đời, bị cha mẹ ghét vì Dung "yếu đuối, ghẻ lở, bẩn thỉu, khó nuôi" và khi bị gả chồng thì chính sự yếu đuối thể xác của Dung đã không cho phép nàng thoát ly gia đình. Dung cũng không thuộc lớp người phản kháng chế độ cũ, bởi ở nàng không phải là sự phản kháng mà là sự đầu hàng vô điều kiện.

Thoát khỏi những cliché thời đại, tác phẩm Thạch Lam mở ra một xã hội Việt Nam dưới những khía cạnh ít thấy xuất hiện trong tiểu thuyết lúc bấy giờ: một xã hội đói và buồn, như có gì báo trước thảm cảnh Ất Dậu.

Trước hết là cái đói. Cái đói trong *Gió đầu mùa* và *Sợi tóc* phũ phàng cuốn từ *Nhà mẹ Lê* sang người phu xe. Dư trong *Một cơn giận*, đến anh Bảo người học trò giỏi và đẹp như con gái trong Người bạn trẻ, lan đến Sinh người thanh niên bị mất việc trong *Đói*, rồi đến Liên và Huệ, hai cô gái điếm trơ trọi trong căn phòng sặm ẩm mốc *Tối ba mươi*, và cuối cùng đến Thành, chỉ xém một ly đã tránh khỏi việc ăn cắp tiền trong *Sợi tóc*.

Trừ gia đình bác Lê, bác Dư là những người thật nghèo, còn lại phần đông là cái đói của giai cấp trung lưu, thành thị. Cái đói của một xã hội

phá sản không có việc làm.

Đi đôi với cái đói là sự cô đơn. Cá nhân lạc loài trong xã hội như những bóng ma đơn côi, không ai giúp ai được. Thạch Lam dự báo *cái đói* và *ý thức cá nhân*: mỗi người có một phản ứng khác nhau trước cái nghèo, cái đói, như Tâm trong truyện *Trở về*, chọn lối thoát ngắn nhất lấy vợ giầu, đoạn tuyệt với dĩ vãng, dĩ vãng nghèo đói ở quê với mẹ mà chàng cho là bẩn thỉu, tồi tàn và chàng vội vàng chạy vọt ô tô, bắn vọt bùn lên quần áo mẹ, để người vợ giầu khỏi thấy di tích cái quá khứ lấm lem của mình. Hoặc như Minh trong truyện *Cái chân què*, liên miên bị ám ảnh bởi đồng tiền và khi chàng được nhiều tiền nhất là lúc chàng bị tai nạn xe hơi, phải cưa chân và được hãng bảo hiểm đền cho một món kếch sù. Minh yêu đời trở lại. Sau một thời gian chơi bời trác táng, trở về tay trắng, Minh mới cảm thấy rân rân đau "*cả vết thương ở ngoài hình thể và trong tâm hồn.*"

Trong ba truyện ngắn *Đói, Một cơn giận* và *Sợi tóc*, Thạch Lam đã tận dụng những nghiệm sinh của chính mình. *Đói,* mổ xẻ bản năng sinh tồn của con người dưới những khía cạnh ghen tuông, tham lam, thành kiến, độc ác... *Một cơn giận* mô tả tình huống một người, chỉ vì một cơn giận gần như vô cớ, đã đối xử tàn nhẫn với một người phu xe, đẩy thân phận xấu số này tới bi kịch. Và *Sợi tóc*, viết về hành trình của Thanh, một người đi từ "lương thiện" đến "ăn cắp," với tất cả những chuẩn bị, tính toán, đắn đo, liệu lượng... cuối cùng không hiểu sao, lại "thoát," không phạm tội. Và Thanh cho biết: *"Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngầm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc"* (Sợi tóc, Sống Mới tái bản tại Hoa Kỳ, trang 77). Ăn cắp hay không ăn cắp? That is the question: "*Cái gì đã giữ tôi lại? Tôi không biết... Có lẽ chỉ một lời nói không đâu, một cử chỉ nào đấy, về phía này hay phía kia, đã khiến tôi có ăn cắp hay không ăn cắp. Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên. (...) Hình như những ý nghĩ ham muốn hay trù trừ tối ấy, không phải là của tôi, hình như của ai ấy, của một người nào khác lạ, khác với cái người thường của tôi bây giờ... "* (trang 78).

Bộ ba truyện ngắn trên đây chứng tỏ lối phân tích tâm lý của Thạch Lam nhưng năm 40 cũng đã đẩy xa hơn những người cùng thời, và nếu có thua, thì cũng chỉ thua người anh, thua sự dài hơi của Nhất Linh trong *Bướm trắng*, bởi trong *Bướm trắng* những phân tích tâm lý chi li như vậy, chạy suốt dọc chiều dài tác phẩm.

Trong bối cảnh phá sản của xã hội, người phụ nữ hiện ra như những đốm sao băng, như Liên và Huệ trong *đêm ba mươi*, chìm nghỉm với miếng ăn trong cuộc đời giang hồ; như *bà mẹ Lê*, liều chết tìm gạo cho con lần cuối; như Tâm, *cô hàng xén*, tần tảo suốt đời, nuôi mẹ nuôi em, gánh vác nhà chồng cho đến tàn phai nhan sắc; như Mai, vì *đói*, phải bán thân kiếm vài miếng thịt ướp cho chồng, cho mình; như Liên, *một đời người*, bị chồng và mẹ chồng hành hạ, nhưng vẫn kéo dài kiếp sống, gánh đầy tủi nhục mà không tự mình gỡ bỏ; như Dung trong *hai lần chết*, muốn thoát ly khỏi ngõ cụt nhưng rồi cái chết cũng đánh lừa nàng.

Không phê phán xã hội, phê phán con người, dù tốt hay xấu mà chấp nhận họ, Thạch Lam lặng lẽ vượt trên bi kịch, bằng thái độ gần như lãnh đạm với tất cả mọi hình thức đấu tranh, ông đem cái "nhân phong" vào văn chương, thể hiện con người trong những hoàn cảnh sống, vừa như một thử thách, để lộ thú tính và nhân tính, và chính mỗi cá nhân đôi khi cũng không phân biệt được rõ ràng giữa xấu và tốt, bởi ranh giới chỉ nhỏ như sợi tóc, và bất cứ ai, trong một thoáng giây có thể chao đảo từ mảnh đất này sang mảnh đất kia mà không hiểu tại sao.

Từ hai phố huyện nhỏ, phố huyện Cẩm Giàng ở Hải Dương, nơi Thạch Lam sống những ngày thơ ấu, và phố huyện bên bến đò Tân Đệ, nơi cả nhà dọn lên ở với người anh cả dạy học ở Thái Bình, Thạch Lam tạo ra mảnh xã hội nhỏ bé của mình: một thế giới nửa quê, nửa tỉnh rồi ông nhẩn nha nghiêng mình xuống từng thân phận một. Những mẹ Lê, mẹ Hiền, mẹ Đối ... đều là những nhân vật có thật gắn liền với cuộc đời Thạch Lam bên phố huyện Cẩm Giàng và phố huyện Thái Bình. Cạnh những cô hàng xén chợ huyện, là những khuôn mặt khác của Huệ, Liên, anh Bào... ở Hà Nội, tất cả dệt nên hình ảnh một Việt Nam u buồn và đói kém những năm 40. Nhưng tại sao hình ảnh bà mẹ Lê và cô hàng xén lại rõ nét hơn cả, và tại sao cả hai anh em Nhất Linh, Thạch Lam lại bị cuốn hút bởi hình ảnh hai người đàn bà đó? Tại sao cái phố huyện nhỏ lại có một sức hút bí mật lạ lùng như thế?

Trước hết phải phân biệt hai mẹ Lê: mẹ Lê của Thạch Lam, trong *Gió đầu mùa*, xuất hiện

năm 1937. Ba năm sau, khoảng 1940, Nhất Linh viết *Xóm cầu mới* (lần đầu), mẹ Lê cũng lại xuất hiện, và nếu chú ý đến cô Mùi trong *Xóm cầu mới*, Mùi tuy không gánh hàng xén đi bán như Tâm, nhưng vẫn có nhiều nét giống Tâm.

Qua chân dung của hai bà mẹ Lê và hai cô hàng xén Mùi - Tâm, anh em Nhất Linh như đã dở lại từng trang ký ức đời sống thanh bần của chính gia đình mình với hai phong cách khác nhau: Nhất Linh vui và no, Thạch Lam buồn và đói. Nhất Linh lạc quan và đằm thắm, Thạch Lam đi sâu vào bi kịch, báo hiệu thảm cảnh Ất Dậu. Thạch Lam sở trường về đoản thiên (truyện ngắn, tùy bút), Nhất Linh sở trường về truyện dài, họ cùng gặp nhau ở sự tế vi và nhạy cảm, và chắc chắn là Nhất Linh đã "bị ảnh hưởng" của em, hoặc ít ra, cũng nghĩ về em khi dựng lại hai nhân vật "của Thạch Lam" bà mẹ Lê và cô hàng xén. Và việc ấy cũng không tránh được, bởi đó là hai nhân vật tha thiết nói lên cuộc đời thầm lặng của những người đàn bà tần tảo nuôi chồng, nuôi con, nuôi cha mẹ anh em, mà trong tay không có đến một tấc vốn, hình ảnh ấy có chung một nguồn: bà cụ Cẩm Giàng, mẹ của Thạch Lam, Nhất Linh, Hoàng Đạo chồng chết sớm, tần tảo buôn gạo nuôi bẩy người con ăn học. Bà cụ Cẩm Giàng chính là xuất xứ những mẹ Lê, những cô Tâm, cô Mùi, linh hồn của xã hội.

Gió đầu mùa, tập truyện ngắn đầu tay của Thạch Lam, ngoài không khí đói và buồn, nó còn hé cửa vào những ngõ ngách phố huyện, phố chợ trong buổi giao thời chuyển mình từ đời sống thuần tuý nông thôn sang thành thị, tạo ra một lớp người nửa quê nửa tỉnh, có những thân phận thoát được nghịch cảnh, có những thân phận chìm sâu trong dòng thủy triều cuốn mau, cuốn mạnh.

Tính chất tương phản giữa hai lối sống, hai trình độ khác biệt và kỳ thị nhau đó, đã được Thạch Lam nói đến ở ngay những dòng đầu *Nhà mẹ Lê*:

"Đoàn thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai giẫy nhà lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái giại nứa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bưng bít như một cái tổ chim, nhà của một người giầu trong làng làm ra đấy để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở những đâu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đói kém; làm những nghề lặt vặt: người thì kéo xe, người thì đánh dậm hay làm thuê, ở mướn cho những người giầu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đối, nhà mẹ Lê." (Trích, *Nhà mẹ Lê*, trong tập *Gió đầu mùa*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1982, trang 12).

Mẹ Lê thuộc thành phần "những kẻ ngụ cư," mà không phải là nông dân. Gia đình mẹ Lê thuộc diện ngoại vi, sống bên lề xã hội. Nếu đặt vào bối cảnh bây giờ, nhà mẹ Lê có thể là một trong những gia đình lam lũ sống trong các chung cư ổ chuột ở ngoại ô các thành phố lớn.

Nhà mẹ Lê cứ thầm lặng trôi đi trong cái khổ và cái đói, bác Lê và mười một đứa con quánh lại với nhau, không ai than thở, vì biết rằng mọi người đều khổ như thế cả, than cũng bằng thừa: *"Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm, vì đèn đóm không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm, bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khốn như nhau."* (trang 16)

Sự im lặng chịu đựng ấy kéo dài và bao trùm lên bi kịch y như giọng nói của Bác Lê, sau khi đi vay nợ ông Bá bị chó tây cắn, chỉ nhỏ nhẹ giảng giải phàn nàn với các con: *"Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi, lại còn thả chó ra đuổi."* Yếu tố "đối chất" duy nhất nằm trong câu "*cậu Phúc mà lại ác quá*" còn tất cả đều hiền lành. Phải chăng chính bởi lối viết đầy "nhân phong" ấy mà tác phẩm Thạch Lam cứ âm thầm dày vò chúng ta: *"cái nghèo nàn không biết tự bao giờ đã vào nhà bác, lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi; và từ đấy nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá cứ có người mướn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con... "* (trang 18).

Cuốn phim đời bác từ từ quay lại trong mê sảng của những cơn sốt, người ta chú ý đến câu "*giá cứ có người mướn làm thì cũng không đến nỗi*," như thể bác Lê ở bên kia cuộc sống vẫn còn phân trần, giải oan cho hoàn cảnh oan nghiệt của mình và các con. Nhưng Thạch Lam hiền lành trong lời nói bao nhiêu thì lại mạnh dạn trong hình ảnh bấy nhiêu: "*Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc,*" "*Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết*" (trang 13).

Cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc, thịt chúng nó thâm tím lại như thịt con trâu, những hình ảnh mạnh, cực thực, phi lý, gần như ác mộng báo hiệu thảm cảnh Ất Dậu, cứ chọc thẳng vào tim người đọc. Thạch Lam pha trộn chất bi đát cùng với chất thơ thành một thể tuyệt vọng mới, âu yếm trùm lên những thân phận không còn là phận người trước khi trở nên thây người. Cả truyện ngắn là một liều lượng pha trộn tuyệt vời đói khát với no đủ, yêu thương với ác nghiệt, hy vọng với tuyệt vọng qua những hình ảnh đẹp rướm máu, cái chết của mẹ Lê âm thầm dẫn đến những cái chết của mười một đứa con, tuy không nói ra, lại càng làm cho chúng ta cảm thấy bàn tay của tử thần sờ trán mỗi đứa nhỏ mỗi lúc một gần trong từng tích tắc còn lại.

Bác Lê chết rồi, nhưng hình ảnh "*một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé,da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô*" như vẫn chiếm trọn ký ức người đọc, cái ký ức ấy có lúc thấy "*Bác Lê đè thằng Hỉ, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một mảnh chai sắc*;" có lúc bác còn "*lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống một mẹ con đàn gà*" khiến cho bác Đối phải nhắc: *"Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không mất."* Và như thế, mẹ con bác Lê lại âu yếm quay trở lại như một éternel retour, một phục hồi miên viễn.

Hà Nội 36 phố phường

Hà Nội băm sáu phố phường, gồm những bài văn ngắn, phóng bút, có thể Thạch Lam đã viết rất nhanh để in trên báo. Sau khi ông mất, Tự Lực văn đoàn thu thập và cho xuất bản. Khi *Hà Nội băm sáu phố phường* xuất hiện, tác giả của nó đã qua đời và có lẽ tác phẩm cũng chưa biết rằng nó sẽ trở thành cuốn tuỳ bút đầu tiên, mở ra một thể văn mới, viết về Hà Nội, về món ăn và sự gắn bó của ẩm thực với đời sống văn hóa xã hội con người, trong văn chương Việt Nam.

Hà Nội băm sáu phố phường dẫn đến ít nhất ba hiện tượng đáng chú ý: sau Thạch Lam, người ta thi nhau viết về Hà Nội; sau Thạch Lam, thể tùy bút được phát triển; và cũng sau Thạch Lam, người ta ganh đua viết về món ăn... Nếu nói đến một "trường phái" viết về Hà Nội với những ngòi bút như Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Mai Thảo... thì Thạch Lam phải là người trưởng môn. Nếu nói đến thể văn tùy bút, người ta thấy rõ hai khuynh hướng: khuynh hướng trung thành với phong cách Thạch Lam, dùng văn nói và bàn phiếm có Vũ Bằng, Võ Phiến... khuynh hướng ly khai ảnh hưởng Thạch Lam, dùng văn chương phóng bút, có Mai Thảo.

Hà Nội băm sáu phố phường viết về Hà Nội, về cái ăn cái uống của Hà Nội, về thế thái nhân tình Hà Nội. Thạch Lam nói, bàn, kể, phê, tán thán, khi thì thầm, khi lên giọng, giận lắm sẽ gắt lên... với Hà Nội, với người Hà Nội, với người Việt. Loại văn này, ngày nay trở nên thông dụng, nhưng thời Thạch Lam, hình như chưa ai viết như thế:

- Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.

- Rồi mùa nực thì hàng xôi cháo: cháo hoa quánh mùi gạo thơm, xôi nồng mùi nếp mới. Xôi đậu, xôi lạc, xôi vừng mỡ và dừa. Ồ, cái xôi vừng mỡ, nắm từng nắm con, ăn vừa ngậy vừa bùi. Mà có đắt gì đâu! Ăn một, hai xu là đủ rồi. Mùa rét thì xôi nóng, hãy còn hơi bốc lên như sương mù, ăn vừa nóng người vừa chắc dạ.

- Đối với các bà, các cô đi chợ, cô hàng vải, cô hàng cau, v.v... là những người ưa món quà vì vừa rẻ vừa ngon, lại vừa no lâu, đã có món quà của cô hàng cơm nắm lẳng lơ với hai quang thúng bỏ chùng. Món quà này sạch sẽ và tinh khiết, tự quà cho đến cả quang thúng, cả cô hàng. Tóc vấn gọn, áo nâu mới, quần thâm, cô hàng trông cũng ngon mắt như quà cô vậy.

(*Hàng quà rong*, trong *Hà Nội băm sáu phố phường*, in lại tại Hoa Kỳ, trang 37-39).

Đó là "bản chính" của Thạch Lam, sau này nhiều người bắt chước nhưng ít ai viết được tự nhiên như thế. Thạch Lam là người tiên phong đưa món ăn vào văn hóa Hà Nội, khuynh hướng này trở thành một "trường phái" với Vũ Bằng, Nguyễn Tuân và những người viết sau ... tất cả đều ít nhiều chịu ảnh hưởng Thạch Lam, thậm chí có những "formule Thạch Lam" như "nhân tâm tùy thích," "của đáng tội," "thế mà không," "ngon từ cái mùi thơm, cái nước chấm ngon đi," "một miếng ăn là một sự khoái lạc cho khứu quan và đầu lưỡi" v.v... chỉ được son phấn qua loa rồi chạy thẳng vào văn Vũ Bằng.

Nhưng người đọc vẫn thấy "bản chính" của Thạch Lam thành thật và chính xác hơn các bản "remake." Vũ Bằng cũng tài hoa đấy, nhưng ông bị cái tật lém, hay phóng bút quá đà, cho nên văn ông nhiều chỗ giả tạo. Ví dụ viết về bánh cuốn Thanh Trì, Vũ Bằng cho những người bán bánh cuốn Thanh Trì *đi khắp các nẻo đường* là sai, Thạch Lam thấy họ đến từ phía Lò Lợn; rồi Thạch

Lam *nhớ từ cái nước chấm nhớ đi*, cũng là được, đến Vũ Bằng *nhớ cả cái dáng người bán hàng đội bánh nhớ đi*, là phịa quá rồi, nhỡ bà già thì sao? Chưa hết, Vũ hứng chí nhớ luôn *cái cảm giác bánh trơn trôi nhẹ vào trong cổ*, thành ra, tài là một chuyện, nhưng có tài mà thiếu thành thực thì chưa chắc đã viết hay được (1).

Lang thang trên phố phường Hà Nội, một trong những điều bận tâm nhất của Thạch Lam là sự đổi thay, thành phố nào rồi cũng phải đổi thay, nhưng cái lạ là những điều Thạch Lam nhận xét Hà Nội từ những năm 40 đến nay, vẫn còn nguyên tính thời sự y như mới viết hôm qua:

"Hà Nội đã thay đổi nhiều lắm. Những phố cũ, hẹp và khuất khúc, với những nhà thò ra thụt vào, những mái tường đi xuống từng bậc như cầu thang, những cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo, đã nhường chỗ cho phố gạch thẳng và rộng rãi, với từng dãy nhà giống nhau đứng xếp hàng. Thẳng và đứng hàng, đó là biểu hiệu của văn minh (...)

Chỉ còn một vài cái ngõ con, ngõ Phất Lộc, ngõ Trung Yên... mấy ngọn cỏ trên mảnh tường cổng Ô Quan Trưởng, là gợi dấu vết của Hà Nội cũ. (...)

Những nhà cũ của ta có một lối kiến trúc riêng, ở các phố Hà Nội hiện giờ, thỉnh thoảng cũng còn được một vài. Giữa nhà, mảnh sân vuông lộ thiên, có bể non bộ và cá vàng, có dãy chậu lan, có bể đựng nước, và trên tường có câu đối chữ nho. Đôi khi đi qua, một cánh cửa chợt hé mở, chúng ta được thoáng nhìn vào: bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân, hình dáng một ông cụ già cúi mình trên cây cảnh. Tất cả cuộc đời của những kẻ bên trong, cuộc đời xưa, những ý nghĩ cũ, những hy vọng và mong ước khác bây giờ." (sđd, trang 29)

Ai đã từng đi qua Paris, Florence, Athène, Istanbul, Trường An, St Christobal, Quế Lâm... hay bất cứ một thành phố nào trên thế giới còn giữ được một ít quá khứ, một khu phố cổ với "những nhà thò ra thụt vào," với "những mái tường đi xuống từng bực như cầu thang," hay "những "cửa sổ gác nhỏ bé và kín đáo," đều có thể bất chợt gặp được "một cây hoa nhô sau bức tường thấp," "bóng một thiếu nữ nhẹ qua sân," lại nhớ đến Thạch Lam, cảm thấy có một chút Thạch Lam trong tâm hồn mình, một Thạch Lam sẽ sàng sống với "cuộc đời của những kẻ bên trong" hay bên trong những cuộc đời, bằng lối văn mà Khái Hưng cho là thủ thỉ.

Bao giờ Thạch Lam cũng thủ thỉ, dù tức giận đến đâu. Hồi ấy Thạch Lam đã tức giận lắm khi đi qua đền Ngọc Sơn, thấy những sự thêm thắt kệch cỡm mà người ra bầy vẽ cho Hà Nội. Vậy mà ông cũng chỉ gắt nhẹ:

"Mắc cho đèn sáng, cho tiện các người đi lễ đền. Một ý tốt, rất tốt. Nhưng sao lại phải trả bằng một cách bôi nhọ vẻ đẹp của đền thế? (...) Mắc những vòng sắt với những cánh hoa hoét rẻ tiền kia vào cái cổng đẹp đẽ có lối kiến trúc riêng, có vẻ cơ sở ấy, thực là một cách đập phá mỹ thuật tai hại không gì bằng." (trang 34)

Những thêm thắt ấy, giờ vẫn chưa hết đâu. Nếu Thạch Lam trở lại, nhìn Tháp Rùa, chùa Trấn Quốc, với lớp sơn mới toanh, đỏ lòm, trắng bóc, bởi chỉ cần vài giờ "trùng tu," người ta có thể hớt hết màu thời gian rêu phong năm mười thế kỷ, hẳn Thạch Lam đau lòng lắm.

Hà Nội băm sáu phố phường không chỉ xót thương cho cảnh quan Hà Nội, mà còn hướng về sinh hoạt tinh thần của con người trong tiến trình văn hóa và lịch sử.

Sống ở Hà Nội là không chỉ sống trong không gian và cảnh quan hiện tại của hàng Ngang, hàng Đào... mà còn sống với vong linh những thời đã qua, những người muôn năm cũ. Ngõ ngách nào chúng ta đang đứng, có thể trước đấy đã là đền vua, phủ chúa, đã là nền các cửu trùng đài, đã là mộ những Vũ Như Tô... Thạch Lam nhắc lại điều đó trong tiếng thở dài:

"Không còn gì của Hà Nội ngoài năm sáu mươi năm về trước. Thăng Long của vua Lê, của chúa Trịnh không còn dấu vết nào: đâu còn những cung điện ngày xưa, những phụ đế của các bậc công hầu khanh tướng? Thỉnh thoảng một vài tên gọi còn nhắc lại, một vài đống đất còn ghi dấu, thế thôi. Chúng ta không biết được mấy về dĩ vãng, về cảnh phố xá kinh kỳ hồi cụ Lãn Ông một túi thơ, một bồ thuốc, đi từ Bát Tràng đến Hồ Tây để chữa cho hoàng tử." (trang 29-30)

Càng viết nhẹ càng đau, càng thấm, cái đau thương cho một lối xưa, một hồn thu thảo, không được đoái hoài, chăm sóc, gìn giữ, chúng ta không coi trọng quá khứ, dễ dàng đánh mất người cũ, đôi khi phỉ phui quá khứ, cắt rễ quá khứ, tiêu diệt quá khứ... và càng buồn hơn khi thấy những dân tộc khác biết bảo tồn quá khứ, gìn giữ quá khứ. Dường như tất cả mọi người đã biết từ lâu rằng chỉ có từ quá khứ con người mới có thể cắm mốc để xây dựng tương lai, duy chúng ta vẫn ngờ ngợ chưa thấy rõ điều đó: một sự trùng tu vội vàng như mèo rửa mặt, cũng chẳng khác gì việc đạp đổ văn bia, lấy đá lát ngõ.

Vấn đề Thạch Lam nêu lên trong *Hà Nội băm sáu phố phường* là những vấn đề hôm nay. Bởi Thạch Lam chưa bao giờ đi ra ngoài quỹ đạo đời sống, nên không lỗi thời, lúc nào ông cũng ở trong thời, để nhìn thấy những lố lăng, dốt nát của mọi thời:

"Chữ Elégant hình như được nhiều người yêu chuộng nhất: vì tỏ ra élégant phải không?

P.T. coiffeur élégant (Bạch Mai), Boulangerie élégante (hàng Bông), A la coupe de Paris -D M. tailleur élégant (hàng Quạt), Aux paradis des élégants (hàng Trống), Aux trousseaux des élégants (Lê Quý Đôn), hiệu này đâu trước là: Au gout des élégants... P. T. tailleur des élégants (hàng Quạt)...

Toàn những Elégance là Elégance, thật xứng đáng với "Hà thành hoa lệ". (...)

Một hiệu khác tham bác cả Tây lẫn ta, và tạo nên được cái tiếng thần tình này: Satin súp.

Nhưng đến tên các hiệu thì sự văn hoa và cầu kỳ thực đã đến cực điểm: Au parfait tailleur (hàng Quạt) -Chữ luxe chắc hẳn trong trí các ông chủ hiệu thợ may, là biểu hiệu của cái tuyệt đích trong sự sang trọng, nên có đến ba ông dùng: La mode tailleur de luxe, D.P.T. Tailleur de luxe (hàng Gai), Tailleur de lux (Lê Quý Đôn) (ông này lại viết lux không có e, ý chừng tỏ ra luxe một bực nữa). (...)

Nhưng ngẫm nghĩ kỹ ra thì cũng chẳng nên lấy làm lạ, vì ở một xứ có tờ báo (nghĩa là do hạng trí thức viết), dịch Hôtel de ville là khách sạn của thành phố và Stars à Hollywood là dân tộc Stars ở Mỹ Châu, thì các ông chủ hiệu trên kia kể còn là giỏi nhiều.

Mà, có phải không, tờ báo Phụ Nữ Tân Văn ở trong Nam đã treo biển "Le journal des dames" và tờ Phụ Nữ Thời Đàm ở ngoài Bắc, "La première organe de la femme Annamite" ? (sđd, trang 24-27).

Chỉ cần đổi những chữ Tây trên đây thành chữ Mỹ thì thấy ngay cảnh quang Hà Nội bây giờ. Hoá ra sự đánh Tây, đuổi Mỹ, chẳng ăn nhằm gì. Mà cũng không cứ chỉ có một mình Hà Nội, nó là quang cảnh chung của các sự học đòi bắt chước mà không hiểu rõ nội dung, như thể Thạch Lam viết thư cho chúng ta từ dưới mộ, những dòng chưa ráo mực.

Hiện nay, những ngôn từ rỗng tuếch, cóp đi cóp lại, cứ tràn ngập thị trường, thứ ngôn ngữ mà Pierre Bourdieu, nhà xã hội học người Pháp vừa qua đời cách đây mấy năm, gọi là novlangue này không biết từ đâu đến mà tất cả mọi người đều đồng thanh ca cẩm: nào là toàn cầu hóa, nào là mở cửa, nào kinh tế thị trường, nào chủ nghĩa cộng đồng, chủ nghĩa đa văn hoá, chủ nghĩa hậu hiện đại, tính sắc tộc, tính linh động... Thứ ngôn ngữ ấy, tệ hơn, được quảng bá rộng rãi trong môi trường trí thức, chúng đáng ngại hơn dăm ba chữ tây viết sái của mấy bác chủ tiệm may, và mớ kiến thức "phổ thông toàn cầu" này là sản phẩm của một thứ "đế quốc đặc biệt biểu trưng" và hậu quả của nó cũng "đặc biệt" tai hại. Người ta không cần biết nó là gì, nhưng người ta cứ nói như con vẹt và với những phương tiện tối tân của vi tính, các con vẹt lanh lẹ truyền đi, thành một "hiện tượng xã hội phổ quát" khiến Pierre Bourdieu phải bàn đến trong xã hội học, để vặch mặt chỉ tên một thế giới lấm lem, học lỏm, loè bịp từ nguồn cội chữ nghĩa đến tất cả mọi vấn đề. Tất cả những điều đó, trong một chừng mức nào đó cũng là những điều mà Thạch Lam nhìn thấy từ *Hà Nội băm sáu phố phường*, sáu mươi năm trước: *"Người ta bây giờ chỉ ham cái gì rẻ, và chỉ cần có cái màu mỡ bề ngoài. Sự giả dối, điêu ngoa và luộm thuộm thay chỗ cho sự thực thà, cẩn thận. Không cứ gì trong các thức ăn, cả những sản phẩm khác cũng vậy."* (trang 69).

Hà Nội băm sáu phố phường không chỉ là những tiếc thương cảnh quan đường phố, với Thạch Lam văn hóa là con người và con người bắt đầu bằng món ăn. Tất cả gói gọn trong câu: *"Sự bất tử ở văn chương và ở thực phẩm thật có giống nhau."* (trang 89). Thật thế, cơm tây và cơm tầu là hai chứng từ về sự đi đôi giữa thực phẩm và văn hóa, nói khác đi, món ăn là một sản phẩm văn hóa.

Thạch Lam trách người Việt có hai tật: Thứ nhất: *"Chúng ta đã khinh bỉ cái ăn, cái uống quá, tuy không tự thú rằng cái đó là cần, rằng tự mình vẫn thích"* (trang 90). Vì khinh bỉ nên *"cách ăn chơi của người mình mới luộm thuộm và cẩu thả"* (trang 91). *"Biết ăn tức đã là một điều tiến bộ lớn trong các điều tiến bộ, nếu không phải là trong hàng những điều quan trọng nhất."* Điểm thứ nhì: *"Người mình phần nhiều giàu có rồi thì không hay cố nữa. Đó là tật chung khiến cho không có một công cuộc nào phát đạt được lâu dài, cả từ trong cách buôn bán, khi đã đông khách rồi là tự nhiên người chủ "chểnh mảng đi", chất lượng ban đầu không còn nữa. Người ta không biết giữ những báu vật của mình. Những báu vật ấy là những tinh túy nghiêm cẩn của nghề nghiệp, như thể làm tồi đi, như đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng."*

Viết về món ăn tưởng dễ mà không dễ, Thạch

Lam không chỉ viết về món ăn, mà còn viết về cả môi trường của món ăn, về người ăn và người bán món ăn, tất cả quyện vào nhau trong một nhịp đập tri kỷ. Đây là bún ốc về khuya:

"... đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phấn và mệt lả, miếng ớt cay làm xoa xuýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình." (trang 47)

Tất cả những món quà Hà Nội, từ bánh tây, bánh cuốn, xôi lúa, cơm nắm, tiết canh, lòng lợn, phở, bún ốc, miến lươn, bún chả, bánh giầy giò, bánh ít, cốm, bánh cốm, bánh xu xê ... đến những món quà tàu như phán sì thoòng, chí mà phù, mìn páo, súi ìn, sa cốc màng ... dưới ngòi bút Thạch Lam, mỗi món đều tỏa ra một không gian văn hóa, quây quanh người bán, người ăn, người làm món ăn, thức ăn, khung cảnh và cả thời gian đã trôi qua trên bước đi của món ăn ấy từ xưa đến nay. Ông tạo không khí tương giao giữa những linh hồn đã làm thành khung cảnh văn hóa đó, thành một Hà Nội riêng, và mỗi lần ghé lại chốn ấy của Thạch Lam qua tiếng rao bánh giầy giò, chúng ta thấy lại không gian văn hóa của tất cả những nơi còn giữ được chất thiêng của kiếp người trên hương vị các món:

"Đêm khuya nữa ... ở các con đường vắng, một bóng người lủi thủi đi, một chấm lửa nhỏ lung lay theo từng bước. Chậm chạp và thong thả, bác hàng quà đi nhẹ như chân ma, thỉnh thoảng cất lên một tiếng rao khe khẽ, ngắn và chóng chìm vào quãng tối. Giầy giò... giầy giò...

Tiếng rao buồn thảm, yếu ớt và uể oải như hàm một mối thất vọng không cùng. Cái đời tối tăm ấy ở những đường phố xa, hẻo lánh như không còn mong mỏi chút gì. Cả cái thứ quà của bác ta cũng vậy: mấy khoanh giò nguội, mấy chiếc bánh giò chua ăn lạnh như sương trên mồ người chết. Cho nên bác cứ đi như thế, lẩn lút ở các ngõ tối đêm khuya, chả mong bán được mà cũng chả mong ế, lặng lẽ và chán nản như một linh hồn có tội... " (trang 58-59)

Trên đường tiến bộ và mở cửa, nếu chúng ta cố giữ được một vài mảnh linh hồn ấy, lưu lại được chút hương thời gian trong không gian trắng phau của Hà Nội văn minh bây giờ, dù trên tô phở, bát bún hay trên màu rêu một ngôi đền, trong ngõ hẻm, vài mái nhà thò ra thụt vào... của Hà Nội, cũng là quý lắm. Chẳng nên gột rửa quá khứ một cách kỹ càng, như cây đã cắt rễ, làm sao có thể vươn lên được?

Paris tháng 5-2004

Chú thích: (1)

Văn Thạch Lam:

"Nếu chúng ta về ở các tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới sẽ biết quà Hà Nội ngon là chừng nào. Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.(...)

Tang tảng sáng, tiếng bánh tây đã rao, lẫn với tiếng chổi quét đường. Đó là quà của những thợ đi làm sớm. (...)

Này đây mới là quà chính tông: bánh cuốn, ăn với chả lợn béo, hay với đậu rán nóng. Nhưng là bánh cuốn Thanh Trì mỏng như tờ giấy và trong như lụa. Vị bánh thơm, bột mịn và dẻo. Bánh chay thì thanh đạm, bánh mặn đậm chút mỡ hành. Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và rổ trên đầu, từng tụm năm, bẩy người từ phiá Lò Lợn đi vào trong phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn... "

(Hàng quà rong, *Hà Nội băm sáu phố phường*)

Và đây là văn Vũ Bằng:

"Có ai ở Hải phòng, Nam định, Thanh Nghệ chẳng hạn, về Hà Nội, mà đã có lần được thưởng thức món bánh cuốn Thanh Trì ăn với đậu rán sốt, tất còn lâu lắm mới có thể quên được món quà đặc biệt Hà Nội đó.

Khắp các nẻo đường, người ta vẫn được thấy những người đàn bà mặc áo nâu dài, đội cái món quà đó đi bán từ lúc trời vừa hừng sáng.

Cơ nghiệp của họ không có gì: một cái thúng đội đầu, trên có đậy một cái mẹt. Anh gọi, người bán hàng hạ thúng ở trên đầu xuống. Anh nhìn vào sẽ cũng chẳng thấy gì lạ hơn: một chai nước mắm, một chai giấm, một chén ớt, dăm cái chén, cái đĩa và mươi đôi đũa.

Thế thôi. Nhưng thưởng thức vài lần món bánh cuốn Thanh Trì rồi, anh sẽ thấy nhớ mãi món quà đó và nhớ từ cái dáng người bán hàng đội bánh nhớ đi, nhớ thứ nước chấm, nhớ cái cảm giác bánh trơn trôi nhẹ vào trong cổ... nhớ quá, nhớ khôn nguôi!

Hồi còn tạm lánh ở một làng vắng vẻ khu ba, có những buổi sáng êm trời, tôi vẫn vọng phía Thanh Trì nghĩ đến những hàng bánh cuốn đó và thấy thèm như thèm một hương yêu.

Nỗi "sầu Hà Nội" làm cho lòng người ta rã rời, se sắt (...). Không tài nào vơi được. (...).

Bánh cuốn Thanh Trì đặc biệt nhất ở chỗ tráng mỏng, hành mỡ thoa vào mướt mặt mà nếm vào thì thanh nhẹ, mát rượi đi. (...)

Ngay từ lúc trông thấy bàn tay người bán bánh bóc từng chiếc một, rồi cuộn lại một cách lơ là, bầy ra trên những chiếc đĩa khiêm nhường, ta đã thấy yêu ngay những cái bánh óng ả, mềm mại đó rồi. Có khi đương cầm đũa, ta muốn bỏ ngay ra để lấy ngón tay nhón từng chiếc bánh đưa lên cho khẽ chạm lấy môi ta như kiểu một cái hôn yêu trong buổi trao duyên thứ nhất."

(Vũ Bằng, *Bánh cuốn*, trích trong *Miếng ngon Hà Nội*, in lại tại Hoa Kỳ, trang 33-35).

BỐ TÔI: THẠCH LAM

TƯỜNG NHUNG

Ngày bố tôi mất, tôi lên sáu tuổi, em kế tôi ba tuổi và em út mới sanh được ba ngày. Cả hai em tôi đều là trai. Bố tôi bị lao phổi, vì thời gian đó làm việc quá sức. Một mình ông phải trông coi nhà in, xuất bản báo, viết bài, viết truyện. Bố tôi bị bịnh nằm nhà đã mấy tháng, nhưng vẫn tỉnh táo, ngay trước khi mất vài tiếng đồng hồ cũng vẫn tỉnh. Thấy bố tôi đau lâu mà không bớt, bà Nội và cô tôi đi coi bói hỏi về bịnh trạng của bố tôi. Thày bói nói sợ bố tôi không qua khỏi, nhưng sau khi ông bấm số của Mẹ tôi – Mẹ tôi lúc ấy đang mang thai người em út gần đến ngày sinh – ông bảo: "Nếu bà sinh con gái thì nên làm tiệc lớn ăn mừng, còn nếu con trai thì nên lo trước việc tang lễ, vì đứa con trai này khắc cha mẹ và anh chị em nữa." Tuy Bà và Cô tôi không tin hẳn lời của ông thày bói, vì bố tôi vẫn còn tỉnh táo lắm, nhưng cả hai đều rất lo lắng. Rồi ngày sinh em của Mẹ đã đến. Khi biết là con trai thì Bà và Cô tôi khóc rất nhiều. Mọi người giấu Mẹ tôi về chuyện đó. Mẹ tôi ở nhà thương được hai ngày thì tối ấy bố tôi hơi trở bệnh mệt hơn. Sáng sớm ngày thứ ba thì bà tôi cho người đến đón Mẹ về vì muốn bố tôi biết mặt em tôi. Lúc ấy Bà phải nói cho Mẹ tôi biết về lời thầy bói nói. Thế là cả ba đều khóc, phải xuống dưới bếp khóc vì sợ động đến Bố tôi. Người nào mắt cũng đỏ hoe. Mẹ tôi bế em tôi vào để bố nhìn mặt. Bố tôi bảo đỡ dậy để nhìn em cho rõ hơn. Bố tôi ngắm nghía em rồi khen thằng bé khá khỉnh và khỏe mạnh rồi quay qua Mẹ tôi mắng nhẹ, sao lại bế con về nhà sớm vậy, mới sinh nở còn non nớt, sức khỏe còn yếu, phải nằm lại nhà thương một tuần lễ chứ. Thế là Mẹ tôi không cầm lòng được nữa, khóc nức nở. Bố tôi cau mày và nói, tôi đã chết đâu mà khóc.

Đến trưa Bố tôi tỉnh dậy và đòi ăn na, thứ na bở bùi thơm ngào ngạt mà bố tôi thích nhất. Ngoài na ra bố tôi còn thích ăn dưa hồng và dưa gang, các thứ dưa đó khi chín cũng tỏa ra một mùi thơm thật nhẹ nhàng. Ăn được một vài miếng thì bố tôi lại đuối sức mệt lả, người nhà vội đỡ bố tôi nằm xuống và bố tôi bắt đầu thiếp dần. Chiều đến thì chú Bảy tôi đến thăm, chú đã ngồi lại trong phòng bố tôi rất lâu. Khi chú Bảy tôi đẩy cửa bước ra thì mọi người trong nhà đều nhìn chú Bảy tôi bằng ánh mắt chờ đợi một hy vọng may mắn do chú tôi đem lại, vì lúc ấy chú Bảy tôi đã đậu xong bằng bác sĩ cho nên chú biết rất rõ về bệnh trạng của bố tôi. Chú bước ra và đi rất vội vàng không nhìn ai cả. Có nhẽ chú sợ làm cho mọi người ruột thịt trong nhà mất hết niềm hy vọng đã đặt vào chú là chú có thể chữa khỏi bệnh cho bố tôi. Cho nên chú chỉ nói một câu tiếng Tây ý nghĩa là bệnh của bố tôi không khỏi được và sự ra đi vĩnh viễn của bố tôi cũng gần đến. Vài giờ sau đó thì bố tôi tắt thở.

Ngày đưa đám Bố, tôi được ngồi xe kéo chung với mẹ tôi. Trước giờ đưa đám, bà vú bắt tôi mặc áo tang may bằng vải sô thô sơ, lại có dây bằng gai thắt ngang bụng, lại thêm cái mũ mấn chụp vào đầu, kéo miếng vải ở phía trước chụp xuống mắt thì chỉ còn nhìn thấy hai bàn chân mình mà thôi. Tuy còn nhỏ nhưng có lẽ tôi cảm nhận được sự đau buồn qua chiếc áo tang hay có nhẽ vì trông chiếc áo và mũ đó quá xấu và kỳ dị mà tôi chưa thấy bao giờ, cho nên tôi đã khóc và trốn vào trong tủ áo nhất định không chịu mặc khi đưa đám bố tôi.

Chiếc xe tang có bốn con ngựa kéo, ngựa được phủ cái choàng màu đen có viền ren trắng, kéo theo chiếc quan tài được phủ bằng nhung đen chung quanh có tua, bốn góc của chiếc xe tang có bốn người thân tay cầm mỗi người một sợi dây từ bốn góc của chiếc quan tài đi chậm chậm theo xe tang. Mẹ tôi mặc áo tang may bằng vải sô, buộc ngang lưng bằng dây gai, đầu đội mũ mấn, tóc xỏa ngang lưng, chẳng nhìn thấy mặt mẹ tôi đâu cả. Lúc ấy Mẹ tôi mới ngoài 30 tuổi. Bố tôi chết đi để lại cho mẹ tôi ba đứa con còn quá nhỏ dại, về vật chất thì chẳng có gì, ngoài những cuốn truyện, tiểu thuyết ngắn dài, mà sau này khi chúng tôi khôn lớn đó là một gia tài vô cùng quý giá và là một niềm hãnh diện cho chúng tôi. Không biết mẹ tôi lúc ấy ngĩ gì và đau buồn ra sao, nhưng tôi chắc mẹ tôi đau buồn đến cực độ. (Tôi sẽ viết về Mẹ tôi vào một dịp khác).

Khi quan tài hạ huyệt thật là thảm thiết, Bà, Cô, chú Bảy cùng bạn bè thân thiết của Bố tôi, ai nấy đều quá đau lòng thương tiếc người ra đi còn

Năm và địa điểm: không rõ. Thạch Lam trong khoanh tròn. Hàng đầu tính từ phải qua trái: Nhất Linh (thứ nhất), Khái Hưng (thứ năm). Tất cả các nhân vật khác không rõ ai (may ra có độc giả lão thành nào nhận ra chăng?)

quá trẻ, khi nhìn cảnh Mẹ tôi cứ khóc ngất đi và không còn nói ra lời nữa. Tôi cứ nhìn mọi người khóc rồi cũng khóc theo luôn. Em kế tôi khi nhìn thấy có bát cơm đầy, trên có cắm đôi đũa vông và có hai cái trứng gà luộc thì chỉ tay và đòi ăn. Chị em chúng tôi nào đã biết được sự chia ly chết chóc như thế nào đâu.

Tôi còn nhớ rất rõ về hình dáng của Bố tôi. Bố tôi rất cao, da trắng hồng trông như lai tây vậy. Bố tôi hay mặc bộ vét màu kem nhạt may bằng hàng vải đũi, đầu luôn đội cái mũ phớt, chân đi giầy tây, lúc nào cũng bóng loáng. Quần áo của bố tôi lúc nào cũng phải là thẳng tắp, bố tôi rất ngăn nắp thứ tự và rất quý sách. Có một lần cô Năm tôi sang thăm, cô tôi có dẫn theo hai người con trai đang ở tuổi nghịch phá, và họ đã vào phòng sách và lục sách của bố tôi. Bố tôi nói ngay với cô tôi "lần sau chị sang thăm em thì chị đến một mình, đừng dẫn theo mấy cháu nữa." Cô tôi đã quá quen thuộc với tính nói thẳng của bố tôi cho nên không bao giờ giận bố tôi cả. Ngày bác Ba tôi có người con bị chết, bác Tư gái không đến chia buồn được, cô tôi nói với bố tôi về chuyện đó, bố tôi bảo "nếu chị Tư không đến đưa đám con chị Ba thì khi nào con chị Tư chết thì chị Ba cũng không phải đến." Tuy cô tôi đang buồn về việc cháu mất cũng phải phì cười vì câu nói của bố tôi. Cô chỉ lầm thầm một mình "Ai mà muốn con mình chết bao giờ." Cô tôi và bố tôi rất thân và thương nhau vì lúc nhỏ khi các bác tôi đi học ở xa, nhà chỉ còn có ba chị em mà chú Bảy thì lại còn nhỏ, Bố tôi chỉ kém cô tôi chỉ có một tuổi. Khi cô tôi đi lấy chồng, bà tôi cũng bắt đầu ngấm nghé vợ cho bố tôi. Bà rất ưng ý một cô con của bà bạn thân, nhà rất khá giả và cô cũng đẹp. Bà tôi có đánh tiếng và nhà gái bằng lòng chỉ chờ bố tôi đi xem mặt. Bà tôi thúc dục bố tôi mấy lần, nhưng lần nào bố tôi cũng tìm cách từ chối khéo, dằng dưa mãi cả gần năm trời, nhà gái thấy bố tôi vẫn chưa động tĩnh gì bèn nhờ người sang dò hỏi bà tôi một lần chót để bà quyết định vì có người khác muốn đi hỏi cưới cô con gái bà. Bố tôi biết tin ấy bèn thưa với bà tôi là "Mẹ bảo cô ấy đi lấy chồng đi" thế là từ đó bà tôi không đả động gì đến chuyện cưới vợ cho bố tôi nữa.

Khi gặp mẹ tôi, bố mẹ tôi đã yêu thương nhau ngay. Bố tôi về thưa chuyện với bà tôi để cưới mẹ tuy lúc đầu bà tôi có hơi ngần ngại vì chưa biết mặt mẹ tôi và gia thế như thế nào. Bà và cô tôi có bàn với nhau về chuyện đó, nhưng bà tôi biết tính của bố tôi, khi đã quyết định chuyện gì thì khó có ai mà lay chuyển đổi ý được, phần nữa tính của bố tôi rất khó chìu. Sau cùng bà và cô tôi đã chấp nhận mẹ tôi rất vui vẻ, bà và cô tôi nói với nhau thế là từ nay mọi chuyện của bố tôi đã có mẹ tôi gánh lấy, mẹ con mình được thảnh thơi.

Mẹ tôi hơn bố tôi vài tuổi, bà tuy hơi thấp so với bố tôi, nhưng bà rất đẹp và rất khéo chìu bố tôi. Bà hiểu rõ rất tỉ mỉ từng chi tiết, những sở thích của bố tôi và tôn trọng tất cả những gì mà bố tôi quyết định. Cà phê mà bố tôi uống mỗi buổi sáng phải chính tay mẹ tôi pha. Cà phê mua thứ thượng hạng nguyên hột đem về nhà xay lấy. Khi bố tôi vừa ở tòa soạn về thì đã có sẵn một chậu nước nóng ấm và một cái khăn mặt để sẵn để bố tôi lau mặt. Thay quần áo ra, sau khi tắm xong thì cơm nước đã dọn sẵn. Ăn cơm xong bố tôi có thói quen ra ngồi ngoài hiên trước nhà để ngắm cảnh, tuy đã về chiều nhưng cũng còn một vài chiếc thuyền, trên chở những cặp tình nhân, họ chèo thật chậm nhìn ngắm mặt trời lặn và thủ thỉ những lời âu yếm. Bố tôi lúc nào cũng rủ mẹ tôi ra cùng ngồi và trò chuyện tâm tình cùng mẹ. Bố tôi ít nói, nhưng khi nói thì đã diễn tả hết ý mình, mẹ tôi rất thích được nghe bố tôi nói chuyện, đó là những giây phút sung sướng của mẹ tôi.

Bố tôi viết văn, viết báo, và có nhà in riêng do một nhóm anh em và bạn bè chung vốn, bố tôi rất bận rộn với công việc. Sáng sớm đã rời nhà để lên tòa soạn làm việc, chiều mới về. Khi về, bố tôi đi tắm thay bộ áo ngủ, trong lúc bố tôi tắm thì mẹ tôi đã sửa soạn bữa ăn tối, thức ăn bố tôi không đòi hỏi phải nhiều thịt, cá hay thịnh soạn, nhưng món gì cũng phải thật tinh khiết, sạch sẽ, và bầy cho gọn và đẹp mắt. Bố tôi thích những món ăn thanh như canh giò sống nấu rau ngót, cải xanh nấu cá rô, rau muống luộc, đậu hũ chiên tẩm hành lá hay cá chép rán vàng, và tuyệt đối không bao giờ được dọn món ăn mà đã dọn ăn ngày hôm trước. Có một lần mẹ tôi kho một nồi cá thật công phu để làm món mặn ăn mấy ngày. Ngày đầu dọn cá kho ra bố tôi thích lắm vừa ăn vừa khen và ăn hết gần một khúc cá to. Qua ngày hôm sau mẹ tôi lại dọn cá kho ra nữa, bố tôi hỏi mẹ tôi "Cá này là cá gỗ phải không?" và không đụng đũa vào đĩa cá nữa. Từ đó trở đi không bao giờ mẹ tôi dọn thức ăn đã ăn ngày hôm trước nữa. Nhà cửa thì lúc nào cũng phải sạch sẽ, gọn gàng. Trước giờ bố tôi về, mẹ tôi luôn coi lại nhà cửa tuy lúc nào cũng dọn dẹp cho sạch rồi nhưng nhà có trẻ con thì không thể giữ được gọn gàng như ý muốn. Chỉ một chiếc guốc hay dép hoặc

đồ chơi của trẻ con vứt ở giữa nhà thì cả nhà bị mắng ngay. Bố tôi rất khó tính và ít khi cười nhưng lại rất thương người. Có thời gian nhà có một anh phu xe để kéo xe cho bố tôi đi làm hàng ngày nhưng khi trời mưa thì bố tôi bảo mưa ướt tội nghiệp, khi nắng thì bố tôi cũng bảo nóng quá kéo xe mệt, và thấy anh kéo xe đổ mồ hôi thì cũng không đành. Rút cuộc bố tôi lại đi xe ngoài để đi làm, anh phu xe chẳng mấy khi được kéo xe cho bố tôi cả, quanh quẩn ở nhà phụ việc lặt vặt với mẹ tôi.

Bố tôi rất yêu tôi, tối nào sau khi ăn cơm xong bố tôi cũng gọi tôi vào phòng sách chỗ bố tôi ngồi hàng đêm để viết văn. Trên bàn viết của bố tôi ngoài những giấy, bút, đặc biệt có một lọ kẹo tây. Những viên kẹo đủ màu sắc hồng lạt, đỏ, xanh, trắng, đựng trong chiếc lọ bằng thủy tinh trong thật đẹp mắt và thật là muốn ăn. Bố tôi mở nắp lọ, mùi kẹo bay thật thơm. Bố tôi lấy ra cho tôi một cái, chỉ một cái thôi không bao giờ bố tôi cho thêm, tôi biết như vậy cho nên cũng không bao giờ dám xin thêm. Tôi ăn viên kẹo đó thật chậm, chỉ ngậm chứ không dám nhai, khi chất ngọt của kẹo đã tan gần hết bên trong có một hạt hạnh nhân tôi cắn tan và nhai thật kỹ, vừa ròn vừa bùi.

Ngày tôi còn bé bố tôi bảo mẹ may một cái yếm dãi cho tôi lúc nào cũng đeo ở trước ngực có thêu chữ "Đừng hôn tôi." Chắc bố tôi sợ mọi người thấy tôi mủm mỉm dễ thương thì hay hôn lên má tôi như vậy không vệ sinh và có thể lây bệnh. Khi trời trở lạnh mẹ tôi nói để mua mũ cho tôi đội thì bố tôi bảo tóc con nó dầy và đen nhánh không cần đội mũ trông xấu xí. Khi mẹ tôi có thai tôi thì bố đã chọn tên sẵn con đầu lòng thì đặt là Bạch kế là Đằng rồi Giang, lấy tên một giòng sông. Đến khi tôi chào đời là gái bố tôi ngại khi lớn lên tôi đen đúa cho nên đổi tên khác cho tôi, nhưng sau vẫn giữ hai tên đã chọn sẵn cho hai em tôi. Có lẽ cũng là số mệnh đã định sẵn cho nên bố tôi đã chỉ chọn có ba tên.

Bố tôi không thích tiếp khách ở nhà, ngay cả bạn thân cũng vậy. Chỉ có chú Đinh Hùng và bác Thế thỉnh thoảng đến có một lần. Chú Đinh Hùng có lần uống rượu say nôn mửa tung tóe, mẹ tôi lấy vôi rồi bôi vào gan bàn chân của chú. Chú trẻ hơn bố tôi vài tuổi, người thấp và bé nhỏ, tóc để dài và chải ngược về phía sau và lúc nào cũng bôi brillantine bóng mướt.

Khi còn sinh thời (sống) bố mẹ tôi ở tại đầu làng Yên Phụ trong một căn nhà nhỏ nhưng rất thơ mộng. Nhà ở ngay hồ Tây có cây liễu rủ, tàn liễu xà xuống gần mặt nước hồ có cái cầu bằng gỗ đưa ngoài xa. Tôi hay ra cầu đó ngồi thả đôi chân xuống nước rồi đung đưa đôi chân dưới làn nước thật mát. Đường từ ngoài vào làng toàn lót bằng gạch đỏ, trên đường đi chỗ nào cũng nhìn thấy nước hồ, đi qua một cái đình lớn là tới nhà bố tôi. Đi sâu vào trong làng rất đẹp, hai bên là những dàn hàng rào trồng bằng cây duối, được cắt thật bằng phẳng khi tới mùa quả duối chín vàng trông xa như những sợi tơ tằm óng ánh, ăn thì thật thơm và ngọt. Trừ một vài gia đình từ xa đến ở thuê, phần đông làng Yên Phụ sống bằng nghề trồng hoa, đủ các loại từ thược dược tím, đỏ tía, cúc vạn thọ vàng ươm, đại đóa vàng mơn, lay ơn trắng hồng, huệ trắng thơm ngào ngạt v.v... Buổi sáng sớm các tay buôn hoa từ các nơi đều đến vườn hoa để mua buôn về bán lẻ lại tại chợ hoa và các chợ trong thành phố. Một số gia đình có đông người thì họ tự cắt hoa rồi đem ra chợ bán như vậy họ sẽ kiếm được nhiều tiền hơn. Sau khi bố tôi mất, bà nội tôi đã đón mẹ tôi và chị em chúng tôi về tại Cẩm Giàng ở với bà. Từ đó tôi chưa có dịp trở về lại làng Yên Phụ nữa.

Thấm thoát bố tôi đã ra đi hơn năm chục năm rồi. Hàng năm đến ngày giỗ bố tôi khi mẹ tôi còn sống năm nào bà cũng làm giỗ thật trang trọng dù lúc đó nhà nghèo bà cũng xoay xở để có đủ tiền mua gà, vịt, xôi chè, và các thứ cần thiết cho việc cúng bái, nhất là hoa sen và hoa cẩm chướng, hai thứ hoa mà bố tôi thích nhất và thạch trắng thái nhuyễn thả vào trong chén nước đường có thả hoa nhài, màu thạch long lanh trông như những mảnh vụn thủy tinh và mùi thơm của hoa nhài, cộng thêm mùi trầm hương của cúng tỏa ra từ trên bàn thờ, tôi có cảm tưởng qua làn khói mỏng đó, bố tôi đã hưởng được và ẩn hiện đâu đấy để vui cùng con cháu. Mẹ tôi mất cũng đã hơn hai chục năm qua, chị em chúng tôi cũng vẫn cúng giỗ bố tôi y như hồi mẹ tôi còn sống, năm nào cũng có cô tôi và các cháu của bố tôi tham dự. Năm nay lại sắp đến ngày giỗ của bố tôi, tôi viết bài này để dâng lên hương hồn của bố tôi và để tưởng niệm một nhà văn đã được khen là người viết truyện ngắn hay nhất của đầu thế kỷ thứ 20.

Bố tôi có viết một loại sách hồng cho trẻ em trong đó có cuốn tựa đề là Hạt Ngọc, có đề tặng tôi và em tôi (tặng Nhung và Đằng) bây giờ cuốn này đã bị thất lạc.

BUỔI CHIỀU ĐI CHƠI VỚI THẠCH LAM

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

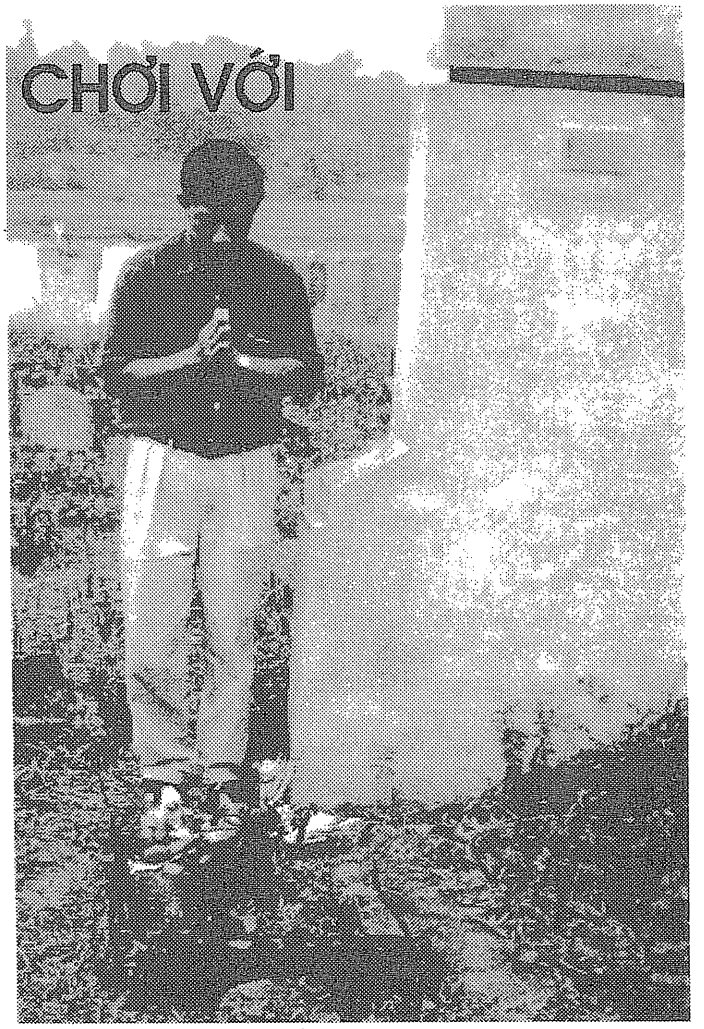

Tác giả, trước mộ cha vừa tìm thấy

- cuối cùng rồi con cũng đã về
- vâng, con đã về dù có hơi chậm
- cũng chẳng sao, bao nhiêu là đổi thay
- vâng, cũng là một đời người

Tôi nhìn ra phía sau ông, bầu trời hơi đục, có vẻ hiu hắt của mùa thu. Một dải núi thấp nhấp nhô cắt những đường viền mờ ảo, tím nhạt. Tôi hơi rùng mình, một cơn gió lạnh lùa qua. Ông đứng sững giữa khoảng không, trống và rộng, bàn tay phải để trên cằm, một ngón tay, ngón tay trỏ, tựa trên đầu mũi cao và thẳng. Đôi mắt sâu và đen nhìn bâng quơ ra phía trước, nhưng không chủ đích, tựa như ông nhìn một hình ảnh nào rất xa xôi trong quá khứ, không có ở nơi này. Tôi cúi xuống loay hoay gỡ những bông cỏ may bám vào gấu quần, đã lâu lắm, có thể hơn năm mươi năm, tôi mới gặp lại những bông cỏ may trên cánh đồng - thời thơ ấu nghèo nàn của những năm tản cư cùng anh chị và mẹ, như những nhân vật không có thật ở một xóm Đìa xa xôi vùng Nhã Nam, Yên Thế — thời đó ông đã chết rồi. Lúc tôi ngửng lên chợt thấy ông cao hơn tôi cả một cái đầu, dáng vẻ thanh tú và ung dung. Tôi cảm thấy ngượng vì thân thể đẫy đà của mình, tự hỏi nếu ông còn sống đến tuổi tôi, người ông có nặng nề như vậy không.

Khi tôi đến thăm anh Đạo ở phố Đinh Liệt, anh không có nhà. Đó là một cửa hiệu nhỏ bán quần áo trẻ con, trời đã vào cuối thu, đã thấy những cái áo len nho nhỏ rất xinh xắn treo ở gần cửa ra vào, một cái áo len của Gió Lạnh Đầu Mùa. Chị Đạo mời tôi một ly trà chờ cô con gái đi tìm bố về "bố cháu chỉ đi quanh quẩn đâu đây thôi." Thật là một đời sống thanh bình. Một cửa hàng nhỏ, những mầu sắc ấm cúng của mặt hàng, người vợ ngồi pha một ấm trà tiếp khách, cô con gái vui vẻ với một nụ cười rất có duyên đi tìm bố về. Đó chỉ có thể là một cảnh vật trong một phim

ảnh thời tiền chiến (tôi và một người bạn nhạc sĩ đã bao lần dự tính làm phim Đôi Bạn của Nhất Linh). Nhất định đó không thể là cảnh thật, bất cứ ở nơi nào, bất cứ ở đâu vào đầu thế kỷ 21. Từ một đời sống rất chộn rộn đầy lo âu bên Mỹ, tôi bàng hoàng ngồi đây, thời gian như ngừng lại, và tôi thấy có thể Thạch Lam đang tản bộ ở ngoài kia, ngắm nghía những tấm bảng kẻ tên các cửa hiệu của Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường. Anh Đạo vào, chúng tôi chào nhau và không cần giới thiệu chúng tôi có cảm tưởng như đã quen biết từ lâu.

Câu chuyện bắt đầu từ gần một năm nay. Khi anh Việt, con bác Tam (Nhất Linh) đến ăn giỗ Thạch Lam —chúng tôi dù hoàn cảnh thế nào vẫn tiếp tục giữ truyền thống giỗ tết trong gia đình kể từ ngày mẹ chúng tôi mất đi. Anh Việt kể lại việc đi tìm mộ ông nội chúng tôi, một cách rất tình cờ và may mắn ở Cẩm Giàng. Rồi mộ của Thái, con thứ của Nhất Linh, đã tìm lại được dù mộ được di chuyển từ một nghĩa trang ở Hà Nội đến Sơn Tây trong thời kỳ chiến tranh, mộ vẫn giữ được tấm bia cũ tên khắc thô sơ bằng tay. Lân la câu chuyện, tôi hỏi thăm các chi tiết và hy vọng sẽ có đầu mối để có thể tìm được ngôi mộ của cha tôi, trước đó đã được bốc và chôn ở nghĩa trang Hợp Thiện. Đó là một ngày u ám, những năm đầu của nửa thế kỷ trước, tôi thấy mấy người phu đào mộ mò lên từ một hố nước những khúc xương, có khúc còn dính thịt và được rửa sạch bằng rượu ta. Tôi vẫn còn nhớ như in cảnh mẹ tôi khóc thảm thiết khi tìm được một mảnh vải chưa tan đi cùng năm tháng và một vài lọn tóc được vớt lên. Tất cả được xếp lại ngay ngắn trong một cái tiểu sành, hai đầu nhô lên những góc nhọn, nhưng tuyệt nhiên tôi không còn nhớ được hình thù và những chữ khắc trên tấm mộ bia.

Anh Đạo đã viết một lá thư trong việc tìm ngôi mộ mới của cha tôi. Mộ đã được chuyển lên nghĩa trang Yên Kỳ/Sơn Tây. Hình như tất cả các ngôi mộ ở Hà Nội đều được chuyển lên Yên Kỳ trong thời kỳ chiến tranh. Chỉ có một vấn nạn là đã có hai ngôi mộ cùng tên Nguyễn Tường Lân, một ngôi mộ được xác định vị trí trong sổ sách của ban quản lý nghĩa trang Hà Nội ở Phùng Hưng, là nơi giữ sổ sách chính các mộ được di chuyển từ Hà Nội đến nghĩa trang Yên Kỳ và một ngôi mộ cùng tên trong sổ sách của ban quản lý tại Yên Kỳ lại xác định một vị trí khác, không ăn khớp với nhau. Cả hai ngôi mộ đều là mộ vô danh, không có bia và đều được anh Đạo chụp ảnh gửi cho tôi. Đó là lý do thúc đẩy tôi phải về Hà Nội gặp anh Đạo, và hy vọng từ đó có thể tìm ra manh mối giải quyết vấn đề.

Tôi và anh Đạo ngồi nói chuyện với nhau, chuyện gần chuyện xa, chuyện những tháng ngày anh đã trải qua ở miền Bắc sau 1954 và những ngày sau khi chiến tranh chấm dứt năm 1975. Chúng tôi tuy lần đầu gặp nhau mà như đã có nhiều kỷ niệm để chia sẻ. Cha anh Đạo đã bị bắt và mất tích từ năm 1948, cùng với anh ruột của Nhất Linh là Nguyễn Tường Cẩm ở Thường Tín/ Hà Đông. Cha anh là thư ký riêng của Nhất Linh trong những ngày hoạt động. Từ sau hết chiến tranh, anh Đạo đã bỏ rất nhiều công sức để đi tìm xác của người cha mất tích. Anh đã xây sẵn một ngôi mộ cạnh ngôi mộ của mẹ anh, ngôi mộ còn để hòm trống chờ mong được hài cốt về. Anh Đạo đã kể cho tôi nghe những khó khăn và các phương thức tìm kiếm, những câu chuyện về linh cảm tưởng như không có thực, những ngày tháng đào nát cả một khu ruộng hay vùng đất nghi ngờ là có chôn xương cốt của cha anh. Rồi anh thở dài, cho rằng sự thất bại là vì trong gia đình có nhiều sự chống đối. Người em trai của anh, một họa sĩ, đã phản đối việc đi tìm hài cốt của người cha mất tích "không lẽ anh mang về một cái xương bò để thờ tôi cũng phải lậy hay sao." Trong gia đình tôi cũng có một vài ý kiến không đồng nhất về việc đi tìm lại mộ của cha tôi. Chúng tôi bàn đến những giải pháp khác biệt, như hãy để yên những cái gì đã qua, như một giải pháp tĩnh lặng của nhà Phật — hay một cách rất khoa học là thử nghiệm DNA, nếu có thể lấy được một mảnh xương hay sợi tóc. Phương cách này bị người chị tôi nhắc nhở về chuyện "động mồ động mả," là một việc rất kiêng kỵ của nhiều người Việt Nam miền Bắc. Tôi có cãi lại "mộ cậu cũng được di chuyển từ Hà Nội đến Sơn Tây thì sao," anh chị tôi đều đồng ý là di chuyển vì chiến tranh và do người khác làm thì không sao. Tôi đưa ra phương án là nếu không giải quyết được khi tôi ở Hà Nội thì xây cả hai mộ để hương khói, có khi lại làm phúc cho một người, rồi sau đó sẽ tìm cách xác định cho chính xác. Sau buổi nói chuyện hôm đó với anh Đạo, anh cho biết là phương thức thử nghiệm DNA có thể gặp nhiều khó khăn. Anh có giới thiệu một vài người dùng linh cảm, nhưng thời gian chờ đợi rất lâu, tôi không thể ở lại Hà Nội được. Chúng tôi hẹn ngày mai "đi lại từ bước đầu" để xác định sự khác biệt trong sổ sách của Hà Nội và Sơn Tây. Tôi vẫn có linh cảm là sẽ có

một sự việc gì xẩy ra và công việc sẽ trôi chảy. Tôi về khách sạn với một nỗi buồn rất nhẹ nhàng, ngày mai tôi sẽ gặp cha tôi.

Anh Đạo ngồi chờ tôi ở dưới cửa hàng, trong tay anh có một bao ny lông để sẵn vài cái phong bì. Chúng tôi dự tính sẽ đến trụ sở nghĩa trang Hà Nội ở Phùng Hưng để xét lại vị trí của ngôi mộ trong sổ ở đây. Anh nói với tôi: "lần trước tôi không biết bên anh có quyết tâm hay không nên tôi chỉ hỏi sơ sài, nên không được tận mắt nhìn cuốn sổ." Rồi anh hỏi tôi có sẵn một số tiền để vào phong bì. Tôi hiểu ngay đó là tiền trà nước rất phổ thông bây giờ. Anh cũng đề nghị mua sẵn chói lọi. Tôi nghĩ đến những cỗ quan tài bằng gỗ quý, hồng tâm nằm lặng lẽ ở một căn phòng các gia đình quyền thế, chờ đợi mang đi một thân thể nhẹ như tơ của những người bình thản chờ đợi cái chết, không như bây giờ... người ta cứ hốt hoảng cả lên! Văn phòng nhỏ chỉ đủ chỗ cho hai cái bàn và hai kệ tủ, một tấm sơ đồ nghĩa trang Yên Kỳ với các khu đánh số treo trên tường, có một hai người đến trước chúng tôi. Tôi và anh Đạo ngồi chờ trên băng ghế hẹp kê sát tường. Khi đến lượt, anh Đạo chào người coi sóc giấy tờ, ngồi xuống mép bàn và nhẹ nhàng để phong bì phía trước. Tôi đứng cạnh anh, nhìn lơ đãng như một người

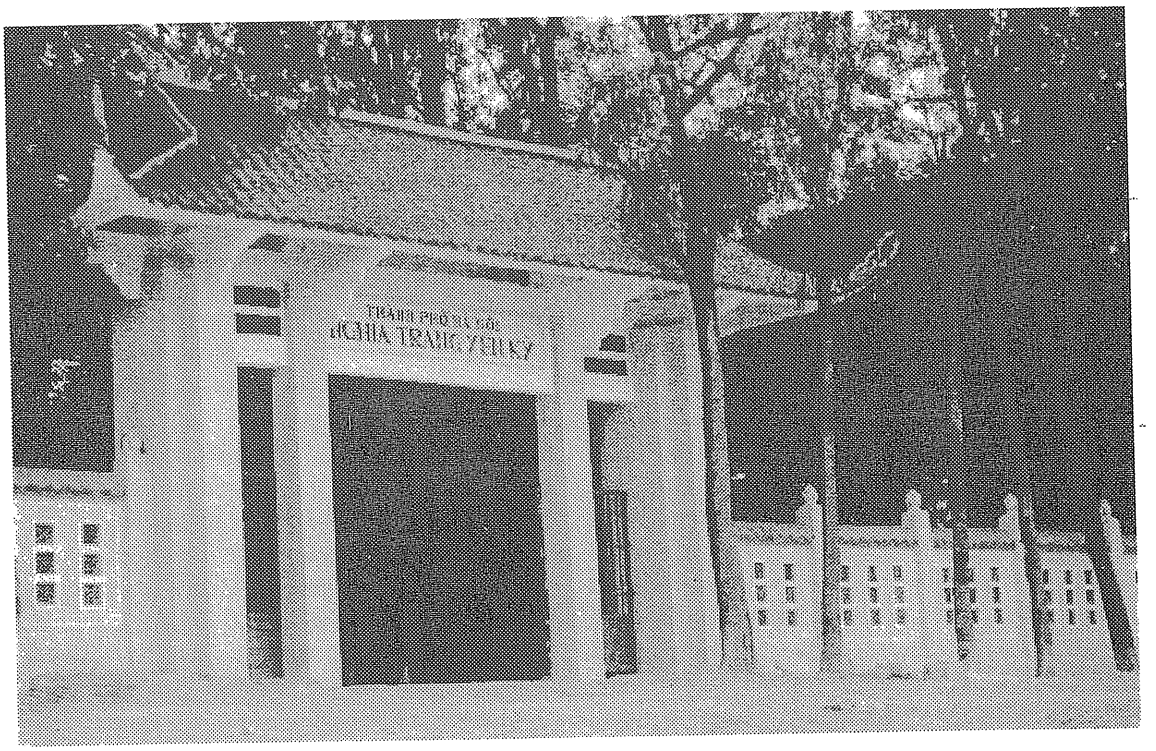

Nghĩa trang Yên Kỳ

một số hoa quả, vàng hương để cúng khi lên nghĩa trang Yên Kỳ. Tôi giao anh một số tiền nhờ anh cứ dùng tự do cho mọi việc trôi chẩy. Cô con gái rất có duyên và mau mắn chạy đi lo việc mua vàng hương, cậu con rể liên lạc thuê xe cộ để lên Yên Kỳ. Chị Đạo nói cũng sẽ đi theo. Chưa biết công việc xoay chuyển ra sao, nhưng tôi rất cảm động về sự chân tình của một gia đình nền nếp cổ, của một thời rất xa xưa. Anh Đạo đèo tôi trên xe máy đến trụ sở Phùng Hưng. Văn phòng ban quản lý nằm bên cạnh và có lẽ là một phần của ngôi chùa cổ, chúng tôi đi qua hành lang bên có xắp xếp rất nhiều cỗ đại quan, sơn son thếp vàng đi theo, không có công việc gì. Người trưởng ban chỉ vào khoảng 30-40 tuổi, gầy gò và có khuôn mặt thiếu cởi mở, tôi nghĩ có thể là vì thói quen nghề nghiệp. Anh tên Đức. Khi anh Đạo trình bầy lại vấn đề, anh Đức nói sõng: thì tôi đã đưa số ngôi mộ lần trước rồi, anh còn lôi thôi gì đây. Với một sự bình tĩnh và nhẹ nhàng tôi hiếm thấy ở Mỹ, anh Đạo vẫn từ tốn: vâng, xin anh cứ cho chúng tôi coi lại sổ một lần nữa cho chắc, có cả con ông Nguyễn Tường Lân ở đây. Sau một hồi dùng dằng qua lại, anh Đức mở tủ hồ sơ tìm một cuốn sách khổ lớn, bìa dầy, trông rất cũ như đã được mở ra đóng lại nhiều lần. Khi đến trang có

tên Nguyễn Tường Lân và số ghi địa chỉ ngôi mộ, tôi xin phép được chụp ảnh. Sau vài giây đắn đo, anh Đức đồng ý cho tôi chụp trang sổ có ghi tên Nguyễn Tường Lân, khu E 18, mộ 86. Tôi chợt thấy ở đầu tên có ghi số 586 bằng chữ rất nhỏ. Tò mò hỏi thì được biết là số được viết lên các tiểu sành khi di chuyển để không lẫn lộn. Anh Đức nói: mặc dù là cao điểm của thời chiến tranh nhưng chúng tôi cũng rất cẩn thận. Tôi quên hỏi không biết đó là khoảng thời gian nào, thời gian người dồn về Hà Nội quá đông, hay cần đất cho nhu cầu quân sự, hay thời gian Mỹ ném bom... nhưng dù sao đó cũng là một việc làm tốt, nếu không thể để yên mồ mả như xưa. Bài toán đố đã có đáp số, nhưng tôi và anh Đạo vẫn giữ vẻ bình thản và cám ơn anh Đức. Tôi có xin chụp ảnh anh để làm kỷ niệm nhưng bị từ chối, tôi chỉ xin phép chụp sơ đồ nghĩa trang Yên Kỳ để việc tìm mộ dễ dàng hơn. Ra đến ngoài, anh Đạo mới than phiền: "tay này chơi sỏ mình, lần trước anh ta coi sổ rồi viết số ngôi mộ đưa cho tôi, không cho tôi coi tận mắt. Vì không đưa tiền nên thiếu đi một con số..." Rồi anh vui vẻ nói với tôi: "thế là cả hai sổ đều ăn khớp, cụ linh thiêng thật." Chúng tôi rời trụ sở Phùng Hưng một cách rất hồ hởi, đến nỗi mấy bà bán hàng bên đường phải kêu lên: "hai ông già muốn chết hả," rồi hai ba giọng vang vang nhắc nhở: "đi ngược chiều rồi." Vừa lúc đó đèn xanh bật lên, một đợt xe máy chạy ào ào như đâm vào chúng tôi.

Đường lên Yên Kỳ, Sơn Tây đã được tu bổ nên xe chạy rất thoải mái. Những cánh đồng, bờ cây bụi cỏ hai bên đường và làng mạc xa xa đều gợi cho tôi một cảm giác man mác, như tôi chưa bao giờ rời bỏ quê hương này. Tôi hỏi anh Đạo về những địa danh bên đường nghe và đọc nhiều nhưng chưa bao giờ đi qua. Tôi đã về Hà Nội đôi ba lần, nhưng lần nào đi ra ngoài miền quê tôi cũng thấy bồi hồi , xúc động. Khi gần đến Yên Kỳ, những khu đồi đang được khai phá và san bằng để làm thêm nghĩa trang, trông như những khu đất được khai phá để xây thêm khu gia cư mới ở Mỹ. Rồi những ngôi mộ được xây cất ở hai bên đường, mái ngói xanh đỏ tựa như những mái nhà san sát ở các tỉnh đông dân bên Tầu, nhìn từ trên cao xuống. Những sự việc sau đó đều tuần tự diễn ra như dự tính của anh Đạo, chúng tôi gặp anh Song là người sẽ xây ngôi mộ cho cha tôi, chúng tôi vào uống nước (như một thủ tục phải có) ở một quán nước nhỏ lộ thiên trước cổng nghĩa trang, mời những anh phu đào mộ điếu thuốc lá thơm, một điếu hút, vài điếu bỏ túi. Những anh phu đào mộ trông mặt rất cô hồn, con mắt nào cũng có tia máu đỏ, không biết là vì rượu nhiều hay vì đêm ngày phải tiếp xúc với cõi bên kia. Anh Song đèo tôi và anh Đạo vào văn phòng của ban quản lý nghĩa trang, trà nước, phong bì và sổ sách. Người coi văn phòng mới vừa ngủ trưa, mặt lờ đờ còn hôi mùi rượu, căn phòng chập choạng không đủ ánh sáng dù là giữa ban ngày, tập sổ đã cũ bằng giấy học trò. Chúng tôi so tên và số mộ, đúng là ăn khớp với số mộ dưới Phùng Hưng, ghi số hàng và số mộ đếm từ bên trái. Nghĩa trang nào cũng mang một vẻ quạnh hiu, huống chi nghĩa trang Yên Kỳ rất lớn, nằm trên cả một ngọn đồi san phẳng. Phần trước của nghĩa trang, đa số các mộ đã có gia đình nhận nên xây cất mộ phần rất khang trang, với nhiều mô hình, không biết khi còn sống ra sao nhưng bây giờ thì ngôi mộ nào cũng vững chắc, đồ sộ, mái ngói xanh đỏ, nạm bạc nạm vàng. Về phía cuối của nghĩa trang, nhìn xa xa là các giải núi thấp, mờ mờ như trong sương, các ngôi mộ vô danh nhiều hơn là mộ có chủ, thấp lè tè, cỏ hoang mọc lấn các lối đi. Khu đất có ngôi mộ của cha tôi nằm trong vùng hoang dã đó, chỉ có một tấm bảng nhỏ kẻ chữ đỏ xác định vị trí. Tôi đi dạo quanh các ngôi mộ, từng hàng xếp so le, có nhiều ngôi mộ đã gần như chìm xuống bằng mặt đất, chỉ còn chút bờ xi măng nhú cạnh lên. Có một trục trặc nhỏ trong khi xác định vị trí của ngôi mộ, vì số hàng và số mộ ở trong sổ không phù hợp với số mộ đếm từ ngôi mộ đầu ở khu đó, tôi và anh Đạo lại phải trở đi trở lại văn phòng ban quản lý, xem xét từng ghi chú và tên tuổi các ngôi mộ lân cận đã có xây bia và có tên, rồi đếm ngược đếm xuôi để xác quyết đâu là ngôi mộ của cha tôi. Cuối cùng khi đã định được ngôi mộ, anh Đạo mới nhỏ nhẹ chỉ cho tôi hàng chữ Nguyễn Tường Lân anh đã đánh dấu bằng phấn mờ, thì ra anh đã lên đây nhiều lần và tìm dùm mộ cha tôi. Tôi đưa tấm ảnh chụp ngôi mộ này anh gửi cho tôi --vì lúc đó vẫn chưa ăn khớp với sổ ở Phùng Hưng. Anh chỉ cho tôi một tia sáng mặt trời chiếu vào ngôi mộ (có thể là artifact khi chụp). Anh nói: "khi tôi nhìn ánh sáng chiếu vào ngôi mộ này, tôi có linh cảm đó là mộ của cụ." Tôi vốn là một bác sĩ, có nhiều tinh thần khoa học, nhưng trên đời này có biết bao chuyện khoa học không hoặc chưa giải thích nổi. Tôi vẫn tin ở đời này, người ta chỉ cần một tấm lòng, và tấm lòng của tôi ngày hôm nay là gặp lại được cha tôi: "Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng." Chúng

tôi dọn cỏ, cúng hoa quả, thắp hương. Tôi dùng một hòn đá nhỏ khắc vào mặt trước bờ xi măng: Thạch Lam Nguyễn Tường Lân -1910 -1942, và đó cũng là mẫu cho tấm bia xây mộ, giản dị và nhẹ nhàng. Tôi cứ đi quanh quẩn mãi, thắp hương cho các mộ phần chung quanh, như ngày nào mẹ tôi dẫn chúng tôi đi tảo mộ ngày Thanh Minh, một ngày đã rất xa. Buổi tối, khi về gần Hà Nội, những đụn rơm được đốt trên cánh đồng tỏa khói nặng nề, không khí có vẻ đông đặc và ẩm, ánh sáng của lửa hiu hắt chập chờn, tôi nghĩ đến phong hỏa đài của thời chiến quốc, đến những mái nhà rơm rạ bị đốt cháy thời tiêu thổ kháng chiến, đến ánh lửa lập lòe như ma chơi trên nghĩa địa khi tôi chạy trốn Tây càn quét, tất cả đã xa rồi một thời chiến tranh tàn khốc. Tôi chợt rùng mình, bây giờ đã hết chiến tranh. Người tài xế đổi sóng phát thanh trên xe, người tôi mê đi, chương trình bắt vào phần cuối của bài bình văn: truyện ngắn Hai Đứa Trẻ của Thạch Lam. Tôi thấy lại cái âm u, buồn tẻ của một phố huyện nhỏ và tiếng còi tầu cùng những ánh sáng của toa tầu, tôi thấy lại cô tôi và cha tôi ngồi vẩn vơ bên cạnh ngọn đèn hoa kỳ, tôi thấy lại cả một thời thơ ấu của tôi, không có cha tôi.

Mộ Thạch Lam sau khi xây

Khi còn nhỏ tôi thường có những giấc mơ. Tôi vẫn có trong trí tưởng một buổi sáng nào đó, khi cha tôi đã quần áo chỉnh tề, với trên tường chiếc mũ phớt nhạt mầu, cầm một cuốn sách đang đọc dở, hay một tờ báo đầu ngày để đi đến tòa báo, tôi chạy theo ông. Có thể đó là một ngày ông cảm thấy vui vẻ, hay cảm thấy không phải với thời gian ít ỏi dành cho các con, ông cho tôi đi theo. Tôi nắm tay ông đi men theo con đường nhỏ lên bờ đê Yên Phụ. Tôi mặc một cái áo trắng cộc tay bỏ trong quần sọc, đi một đôi săng đan cao su, nắm chặt tay ông như sợ ông sẽ biến đi, cha tôi cười và bế tôi trên tay. Tôi vẫn không thể tưởng tượng nổi tôi sẽ làm gì trong tòa báo nhỏ bé, chạy loanh quanh dưới các gầm bàn đã cũ, hay loay hoay nhặt nhạnh những trang giấy in mẫu để sửa. Mẹ tôi thường kể rằng cha tôi hay ngồi đánh cờ tướng với bạn bè ở tòa soạn khi rảnh rỗi, ông đánh cờ khá cao, như anh Đằng tôi bây giờ cũng nổi tiếng là một người đánh cờ rất sắc nước. Hoặc ông với cây đàn tranh để lên bàn, lơ đãng và thanh thản gẩy lên những thanh âm theo cảm hứng, một bản cò lả hay nam ai. Thi sĩ Huy Cận, khi tôi gặp ông năm 95 để tìm kiếm một số kỷ niệm về cha tôi, đã kể với tôi rằng, có lần ông đến tòa báo tìm cha tôi, khi nghe tiếng đàn tranh vọng ra, đã đứng nép vào bên cửa để nghe, chỉ dám gõ cửa khi tiếng đàn đã dứt. Ông nói với tôi: "cha anh đánh đàn rất hay," rồi ông vội vã lật vài trang sách khoe tôi về những kỷ niệm ông viết về cha tôi: "Tôi đã từng quen Thạch

Lam, con người mảnh khảnh tưởng như chỉ một làn gió có thể đẩy đi, một thân hình tưởng như chỉ làm bằng cảm giác, cái khối cảm giác ấy đã hóa thân vào văn anh."

Có những sự việc giống nhau một cách rất tình cờ. Khi tôi bằng tuổi ngày ông mất, tôi cũng đã có ba con, ông: một gái hai trai, tôi: một trai hai gái. Nhưng sự giống nhau đã ngừng ở đây. Khoảng ba bốn năm trước đó, vì một sự thôi thúc mạnh mẽ không giải thích được, tôi quyết tâm bỏ nghề bác sĩ và lao đầu vào nghiệp văn chương. Sau khi đã xông xáo vào các hoạt động chính trị với tất cả lòng nhiệt thành của tuổi hai mươi, tôi và một số bạn bè cùng Thế Uyên hoạt động hăng say với cơ sở là nhóm văn hóa Thái Độ, đa số là làm báo chui, bất hợp pháp và vận động chính trị trong giới các sĩ quan trẻ, hy vọng sẽ đem lại một xã hội chủ nghĩa không cộng sản. Dĩ nhiên đó chỉ là một ảo tưởng, và một ảo tưởng rồi cũng sẽ tan vỡ. Tôi cũng còn nhớ một lần, đã rất lâu, tôi đến thăm bác Tam (Nhất Linh) ở chợ An Đông, hỏi thăm bác với tinh thần bác cháu trong gia đình, khi tôi sắp ra về, ông có nói với tôi: "bác rất thương cậu cháu, nếu cháu có định làm gì thì nhớ đừng bao giờ dính vào chính trị." Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu bác Tam tôi, ngày xưa, có một lần nào nói với cha tôi câu đó, hay bằng một hình thức tế nhị hơn, đã không lôi kéo cha tôi vào các hoạt động đảng phái — tình thương cho một đứa em yếu đuối hay sợ bà nội tôi buồn, để lại đứa em được bà mẹ thương yêu đặc biệt hơn trong gia đình. Năm tôi 32 tuổi, tôi và một số bạn bè đã chủ trương một tập san thuần túy văn chương: Tập San Văn Chương, chủ yếu chỉ có phê bình và sáng tác. Tôi lập nhà xuất bản Thạch Ngữ với tôn chỉ: sách đẹp, đúng chính tả và có giá trị thời gian. Nhưng chiến sự đã đưa tôi đến một ngã khác, đã lôi tôi ra khỏi "giấc mộng văn chương." Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi phải chăng tấm lòng yêu văn chương của tôi không phải là thực tâm, mà sự thúc đẩy và dằn vặt chỉ vì tôi sinh ra trong một gia đình văn chương. Nếu sự thật là như thế, sao đến bây giờ tôi vẫn thấy cuộc đời tôi thiếu thốn một cái gì rất mơ hồ, một cái gì đáng lẽ tôi phải làm nhưng tôi đã không làm... Tôi vẫn mơ có một buổi chiều nào tôi cùng cha tôi thơ thẩn trên một con đường ở Hà Nội, một con đường từ đê Yên Phụ đến Cổ Ngư, hay một ngã rẽ vào vườn hoa hàng Đậu, chúng tôi cùng 32 tuổi, cùng nói với nhau các chuyện đời thường, chuyện vợ con, cuộc sống và bạn bè, và chuyện văn chương. Tôi sẽ có dịp hỏi cha tôi có phải khi ông viết truyện dài Ngày Mới chỉ là một lời tạ lỗi với người mẹ, một người mẹ có lẽ rất buồn và không bằng lòng về đứa con bà yêu quý nhất đã tự ý lấy một người vợ lớn tuổi hơn mình, lại rất nghèo và không có danh phận — các đứa con khác đều nghe lời bà, có danh phận và có vợ thuộc gia đình khá giả. Cha tôi có lẽ có một tâm hồn rất yếu đuối, rất thương người vẫn hy sinh cả cuộc đời để chăm chút đến những số phận nhỏ bé nhưng đáng quý, một tâm tình nhân bản và hiền dịu biết bao. Tôi có thể kể cho ông những khó khăn ông để lại cho vợ con vào thời kỳ bắt đầu của súng ống và hận thù, của những cái nghèo đói thật sự mà ông đã phơi bầy trên nhiều trang sách. Tôi có thể nói với ông rằng ông đã không lầm khi chọn mẹ tôi làm vợ và che chở cho bà khi ông còn sống, và chúng tôi cũng rất biết ơn cái gia sản tinh thần ông để lại , trước bao nhiêu khó khăn dập vùi của cuộc sống, chúng tôi vẫn có những ngày như hôm nay. Tôi có thể kể bao nhiêu chuyện xảy ra từ ngày ông mất đi... nhưng có hề chi, vì tôi biết rằng, ông sẽ nhẹ nhàng nói với tôi: không có chuyện gì là sai hay phải, là xấu hay tốt, khi người ta cư xử với nhau bằng một tấm lòng.

Gió đã bắt đầu lạnh và buổi chiều đã về.

Ông nhìn tôi một cách dịu dàng rồi hỏi:

- con có vẻ có nhiều điều bận tâm.

Tôi nhìn ông, nhìn vào đôi mắt sâu và buồn. Tôi có biết bao nhiêu điều để nói, những chuyện riêng tư của gia đình, của anh chị tôi. Tôi muốn kể với ông về các cháu, chắt và cả chít nữa của ông, Nhưng ông còn trẻ quá, không biết ông có hiểu . Đứa con đầu lòng của tôi bây giờ cũng đã sống hơn ông năm năm, vẫn còn lông bông chưa vợ con. Thời thế đã khác rồi, nhưng tôi vẫn cảm thấy ông sống trọn vẹn hơn chúng tôi. Tôi vẫn mơ tưởng đến cái thời ông sống, vẫn hoài hủy đi tìm kiếm ông, bởi vì, tôi chưa bao giờ có ông. Còn ông, ông có nhớ chăng đến đứa trẻ ông chỉ để mắt nhìn thoáng qua, rồi gạt tay cho mẹ tôi mang đi chỗ khác, trước khi ông làm một chuyến đi xa, rất xa. Tôi nói với ông: "không, con không có điều gì bận tâm cả." Ông giơ tay định vỗ vai tôi, rồi chợt ngừng lại: "chiều rồi, chắc con phải về Hà Nội kẻo tối." Đến bây giờ tôi chợt nhớ ra là tôi lại sắp mất ông, tôi bật khóc và ôm chặt lấy ông.

Hai tay tôi ôm vào khoảng không.

05/10/2004

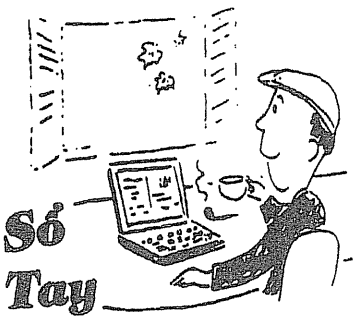

NGÔ NHÂN DỤNG

LỄ RA TRƯỜNG Ở ĐẠI HỌC FULLERTON

Cuối tuần này, lễ mãn khóa ở Đại học California tại Fullerton sẽ không treo cờ các nước có sinh viên theo học ở đó. Đại học Fullerton vốn có liên lạc mật thiết với Nhật báo Người Việt, có giáo sư thường dẫn sinh viên tới thăm tòa báo và mời nhân viên tòa soạn tới dự các sinh hoạt trong trường. Từ dăm năm gần đây, đại học này đã có sáng kiến treo cờ của các quốc gia gốc của những sinh viên trong trường mình, con số lên tới gần trăm lá cờ bay phất phới. Bây giờ bãi bỏ tục lệ đó đi, thật đáng tiếc, cho nhà trường cũng như cho các sinh viên. Nhiều sinh viên thiểu số đã tỏ ra bất bình trước quyết định của ban giám đốc. Một sinh viên người Pakistan viết trên tờ báo của các sinh viên rằng nếu đại đa số sinh viên người Việt muốn treo cờ Việt Nam Cộng Hòa thì tại sao ban giám đốc không làm theo ý họ, mà lại bỏ không treo cờ các nước khác?

Các sinh viên thuộc các nhóm thiểu số trong mấy năm qua chắc hẳn phải hãnh diện khi nhìn thấy lá cờ quốc gia gốc tích của mình bay trên khán đài. Trừ các sinh viên gốc Việt Nam cùng gia đình chạy qua Mỹ tị nạn cộng sản. Và điều này dễ hiểu. Mỗi người Việt Nam tị nạn đều mang trong lòng một vết thương, lớn hay nhỏ, vì hành động của những người cộng sản đã nhân danh lá cờ đỏ máu đó gây ra. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cướp lấy công trình đấu tranh giành độc lập của người Việt Nam để thiết lập một chế độ nhập cảng từ Nga xô, Trung Quốc, vừa vô nhân đạo lại vừa bất lực, gây nên cảnh trì trệ và tham nhũng mãi không dứt được. Họ cũng đấu tố, giết hại đồng bào Việt Nam, gây ra cuộc chiến tranh Nam Bắc vô ích, rồi xô đẩy bao nhiêu người ra biển cho sóng gió vùi dập, trong khi các cán bộ cầm tiền bỏ túi. Những vết thương đó khó xóa bỏ trong lòng người, kể cả những người thuộc thế hệ thứ nhì trong cộng đồng người Việt Nam tị nạn. Cho nên, khi các sinh viên Việt Nam ở Đại học Fullerton tỏ ra bất bình vì họ và phụ huynh họ phải nhìn thấy lá cờ cộng sản, điều đó rất dễ hiểu.

Nhiều người nói rằng lá cờ đỏ sao vàng không phải của riêng đảng Cộng Sản Việt Nam mà là cờ của một quốc gia. Đó là nói về hình thức mà thôi. Thực sự đảng Cộng Sản đã dùng lá cờ này trước khi họ cướp được chính quyền ở Hà Nội năm 1945; đó là lá cờ riêng của một đảng. Họ chọn các biểu tượng như mầu đỏ, ngôi sao, đều lộ rõ đây là một chi nhánh của Đệ tam quốc tế do Thống chế Stalin cho về Đông Dương vận động chiếm quyền hành. Lá cờ đó cũng giống cờ đảng Cộng Sản Trung Quốc, chỉ khác là bên Trung Quốc có năm ngôi sao biểu tượng cho các dân tộc Hán, Mãn, Mông, Hồi, Tạng mà đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ dám lấy một ngôi sao. Trong thời gian nhiều đảng phái ở Việt Nam cùng chống Pháp, các đảng khác đều có cờ riêng của họ, như ai cũng biết lá cờ sao trắng của Việt Nam Quốc Dân đảng. Khi ông Hồ Chí Minh cướp chính quyền, ông đã đem lá cờ của đảng ông dùng làm cờ quốc gia. Từ đó tới nay, các đảng Cộng Sản độc quyền cai trị Việt Nam cũng như ở Trung Quốc, không cho một đảng chính trị nào hoạt động đối lập, cho nên người dân Việt Nam chưa bao giờ có dịp nghĩ đến chuyện thay đổi. Ở Nga, Tiệp, Đức, vân vân, thì người ta đã thay đổi từ lâu, rồi cũng sẽ tới lượt Việt Nam thôi.

Trong thời nước Việt Nam chia đôi, hai miền Nam, Bắc dùng các quốc kỳ khác nhau, hai quốc gia, hai lá cờ, treo ở các sứ quán khắp các thủ đô trên thế giới. Miền Nam thua trận, bị chiếm đóng, hàng triệu người chạy tị nạn, nhưng trong lòng mọi người ở trong miền Nam cũng như ở ngoại quốc, lá cờ vàng ba sọc đỏ vẫn là một biểu tượng thiêng liêng.

Khi gần hai ngàn sinh viên Việt Nam ở Đại học Fullerton kiến nghị xin treo lá cờ Việt Nam Cộng Hoa cũ, nhà trường không làm theo ý kiến họ được vì, trên mặt kỹ thuật, đó không còn là cờ của một quốc gia nữa. Nhưng họ cũng không thể treo lá cờ cộng sản, vì không muốn làm đau lòng, nếu không nói là "lăng nhục" gần hai ngàn sinh viên trong đó nhiều người có thành tích xuất sắc. Cuối cùng, nhà trường quyết định không treo cờ, không treo lá cờ nào nữa. Họ có quyền quyết định, họ làm theo ý một khối sinh viên lớn, đó cũng là tinh thần dân chủ.

Trong quyết định kể trên, nhiều người quên không nghĩ tới các sinh viên từ Việt Nam mới sang đây du học. Chỉ có khoảng 25 sinh viên Việt Nam mới qua học ở Fullerton, và chúng ta có thể đoán rằng đối với họ thì từ khi lớn lên họ chỉ thấy một lá quốc kỳ, đó là lá cờ cộng sản.

Đó không phải là lỗi của họ, hay của gia đình họ. Gia đình tôi đã chia đôi khi có cuộc di cư năm 1954, nếu như tôi còn ở Hà Nội thì chắc tôi cũng nghĩ như các sinh viên du học. Nếu những người dân miền Nam nghĩ tới lá cờ Việt Nam Cộng Hòa như một biểu tượng thiêng liêng vì biết bao người đã chết cho mầu cờ đó khi chiến đấu cho lý tưởng tự do, thì các bạn trẻ miền Bắc cũng có cha, anh chết đi và thi hài được phủ dưới lá cờ cộng sản, lá cờ duy nhất mà họ biết. Ngay cả các thanh thiếu niên thuộc gia đình người tị nạn mà mới qua đây, sau 20 năm sống ở Việt Nam dưới chế độ cộng sản, thì họ cũng chỉ biết lá cờ cộng sản mà thôi. Thực ra các bạn trẻ đó không có trách nhiệm gì về những cuộc tương tàn do đảng Cộng Sản gây ra; họ cũng biết các vụ giết hại các đảng phái quốc gia hoặc Cộng Sản Đệ Tứ mà ông Hồ Chí Minh thực hiện từ 50 năm trước, trước khi chiến đấu chống Pháp cũng như trong thời kháng chiến. Các sinh viên mới từ Việt Nam sang du học, chắc hẳn cũng tủi thân nếu thấy lá cờ "của họ" không có mặt trong lúc cờ các nước khác vẫn tung bay, dù nhiều nước chỉ có vài sinh viên du học tại trường này. Có lẽ vì vậy nhà trường đã quyết định không treo cờ nào hết!

Nếu như các sinh viên Việt Nam ở trường Fullerton có thể thuyết phục ban giám đốc một giải pháp thỏa hiệp thì cũng giúp cho nhà trường khỏi phải bỏ mất một truyền thống tốt, mà sinh viên các nước khác cũng đỡ bực mình. Đại học có thể thay đổi quyết định "treo quốc kỳ gốc của các sinh viên" mà thêm vào một câu nói rằng có thể "treo quốc kỳ hoặc biểu tượng dân tộc" của các sinh viên khắp thế giới. Như vậy thì các sinh viên Việt Nam có thể chọn một biểu tượng cho dân tộc mình, thay vì một lá cờ. Bất cứ người Việt Nam nào, dù quốc gia hay cộng sản cũng có thể nhìn hình bản đồ nước Việt Nam mà coi đó là tượng trưng cho dân tộc mình. Hoặc chỉ cần hai chữ VIỆT NAM viết lớn trên một lá cờ cũng đủ. Trước năm 1975 khi đi tới những làng quê thuộc vùng các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, chúng ta vẫn thấy những miếu thờ bên đường, dưới gốc cây, bên bờ ao; trong miếu chỉ có hình một tấm bản đồ Việt Nam. Ai cũng biết đó là bàn thờ tổ quốc, ai cũng có thể tới thắp hương vái lạy mà không cần biểu tượng nào hết.

NGHỊ QUYẾT Ở WESTMINSTER VÀ GARDEN GROVE

Câu chuyện treo cờ ở Đại học Fullerton xẩy ra sau hai biến cố khác trong vùng này.

Hội đồng thị xã của hai thành phố Garden Grove và Westminster trong quận Cam đã thông qua những nghị quyết không cho các phái đoàn cộng sản Việt Nam được tiếp đón hoặc chính thức đi qua thăm viếng thành phố. Từ vài tuần đã qua mục này chưa bàn luận đến những nghị quyết đó, nghĩ rằng đây là những quyết định bình thường của các đại diện dân cử thuộc địa phương, trong nhiệm vụ bình thường của họ mà thôi. Nghĩ cho cùng, các hội đồng thị xã có rất nhiều quyền hạn, trong phạm vi lãnh thổ của họ, vì họ được dân chúng bầu lên. Có thị xã cho phép dân cư nuôi chó, có thị xã không cho; có nơi cấm tưới nước trên bãi cỏ vào ban ngày vì sợ thiếu nước dùng, có nơi không cấm; có nơi cấm xe vận tải trên 20 tấn, vân vân.

Nhiều người không hiểu các quyết định của hai thành phố vùng Tiểu Sài Gòn, chỉ trích rằng các hội đồng thành phố khi cấm cộng sản đến đất mình tức là làm quá quyền hạn của họ, vì đây là một vấn đề ngoại giao thuộc thẩm quyền chính phủ liên bang Hoa kỳ. Nhưng thực ra, các nghị quyết của hai thành phố không đả động gì tới chuyện bang giao giữa chính phủ Washington với chính phủ Hà Nội. Nó cũng giống như các nghị quyết ở nhiều thành phố và tiểu bang khác để công nhận lá cờ Việt Nam Cộng Hoa cũ là biểu tượng cho cộng đồng người Việt, mà 99.99 phần trăm dân Việt Nam ở đó là những người tị nạn cộng sản.

Có người chỉ trích hai thành phố trên, cho là họ phản lại lý tưởng dân chủ, tự do của dân Mỹ. Trong các cuộc bàn cãi ở hai thành phố trên, các nghị viên đã nêu lên nhiều lý do, trong đó có những lý do thực tế, như là ngân sách không cho phép thành phố cáng đáng những chi phí khi phải lo về an ninh cho các phái đoàn quan chức chính thức của chế độ cộng sản. Thực ra, các thành phố không bao giờ cấm chủ nghĩa cộng sản cũng như cấm người ta theo đảng Cộng Sản, nghĩa là không vi phạm các quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận. Mà khi các nghị viên thành phố biểu quyết theo nguyện vọng của cử tri, đó chính là tinh thần dân chủ, làm ngược lại mới là phản dân chủ!

CHÔM MẤT QUYỀN TỰ DO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Một con đường ở Sài Gòn đã nổi danh là "Phố Giầy Chôm," theo tin một tờ báo điện tử trong nước. Hai chục cửa tiệm giầy lúc nào cũng có sẵn đủ loại giầy rất "mốt" phần lớn do những tay ăn trộm giầy mang tới. Nếu khách muốn thửa một đôi giầy kiểu mới

nhất, cho biết kích thước, mầu mè, hẹn một tuần sau sẽ có! Ai có thể đi ăn trộm giầy theo đơn đặt hàng như vậy? Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đổi mới theo kinh tế thị trường nghĩa là nếu có cầu thì sẽ có cung, cung cầu sẽ tìm nhau tạo thế quân bình ổn định! Theo bản tin trên thì các nhà cung cấp giầy chôm có thể tới các chùa tìm trước cửa chính điện, nơi Phật tử tháo giầy ra trước khi bước vào lễ, nhà cung cấp có dịp chọn đủ thứ mặt hàng hóa. Một nguồn cung cấp khác chính là những em bé đánh giầy. Một người bạn tôi kể anh về Sài Gòn đang ngồi ăn thì một em bé đánh giầy tới xin "phục vụ." Không có nhu cầu đánh giầy nhưng anh bạn cũng chịu, và em bé đề nghị cởi cả đôi giầy trao cho em, để ngồi ăn thoải mái. Chính ông bạn tôi cũng không đang tâm ngồi duỗi chân cho một cậu bé rách rưới ngồi dưới đất lau giầy cho mình, nên đồng ý ngay. Em bé đánh giầy lau chùi, tô xi ra, đánh bóng, trông đôi giầy bắt đầu có "bộ mặt" đổi mới rõ rệt, không khác gì bộ mặt của đất nước mà ông Nguyễn Cao Kỳ đã làm chứng là có nhiều thay đổi. Em bé mang giầy ra chỗ trống để đánh bóng cho kỹ hơn. Một lát, ngoảnh đi ngoảnh lại, chiến sĩ đánh giầy tiên tiến đã biến đâu mất. Ở Việt Nam bây giờ người ta đã bỏ một thói quen phí thời giờ là đi trình báo cảnh sát, anh bạn tôi được thân nhân cho biết như vậy. Cho nên anh chỉ biết đi mua đôi dép cao su về nhà.

Phố Giầy Chôm biểu hiện đúng tinh thần đổi mới kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có người muốn mua thì sẽ có người cung cấp, đó là kinh tế thị trường. Lấy hàng đâu ra mà cung cấp? Đi chôm. Đó là định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi vì tự nguyên thủy các đảng cộng sản cướp chính quyền, giành lấy quyền lãnh đạo, rồi viết ra một thứ hiến pháp nào đó bảo vệ quyền lãnh đạo quyệt đối cho một phe mình hưởng, hành động đó tiếng Việt Nam gọi là "chôm." Những em bé đánh giầy vì nghèo đói phải đi kiếm ăn, rồi vì miếng ăn phải đi làm việc chôm chỉa; chẳng qua đó là vì các em học được đào tạo trong môi trường xã hội chủ nghĩa, noi theo tấm gương của Đảng. Lớn chôm lớn, nhỏ chôm nhỏ, thượng bất chính thì hạ tắc loạn, trên chôm dưới cũng chôm.

Nhưng tại sao người dân lại cứ chịu để cho người khác chôm của mình như vậy? Phải chăng mọi người cũng thấm nhuần tinh thần cách mạng của đảng cho nên coi những hành động chôm chỉa đó là chuyện bình thường, trời sinh ra như vậy? Chúng ta có thể huấn luyện một tập thể nhân loại coi chuyện mất cắp là chuyện tự nhiên hay không? Chắc có thể. Vừa rồi một nhóm đại biểu quốc hội từ Sài Gòn chuẩn bị đi họp ở Hà Nội, đã bàn đến một đề nghị cho các tư nhân và tổ chức, tức là các hội đoàn, được phép xuất bản ấn phẩm. Chữ ấn phẩm có nghĩa rộng, có thể hiểu là cả sách lẫn báo. Ông Nguyễn Đức Chính, giám đốc sở Tư pháp bèn nói: "Với mặt bằng dân trí của cả nước hiện nay, chưa đủ độ 'chín' để tự đánh giá chất lượng tác phẩm. Do vậy không nên để tổ chức, cá nhân tham gia vào khâu xuất bản." Ông nhấn mạnh: "Nhà nước chưa thể 'buông' được việc xuất bản, tổ chức bản thảo trong thời điểm hiện nay." Bản tin điện tử từ trong nước cho biết "nhiều đại biểu nhất trí cao với ý kiến của ông Chính."

Nghĩa là các đại biểu quốc hội cũng đồng ý, nhất trí cao, rằng dân trí dân Việt Nam còn thấp lắm, "chúng nó" không phân biệt được thiện, ác, thật, giả, xấu, tốt, vân vân, cho nên không nên để chúng hưởng cái quyền tự do xuất bản. Khi các đại biểu quốc hội nghĩ như vậy, mà người dân cũng không dám nói ngược lại, thì chắc họ đã được huấn luyện và đào tạo lâu đời, thấm vô xương tủy rồi.

Một biểu hiện của tinh thần cúi đầu chịu cho đảng Cộng Sản kéo dây đi đâu thì đi, là những lời phát biểu trong một hội nghị của Ban Tư tưởng Văn hóa, cùng với Hội Nhà báo tổ chức. Nhà báo cúi đầu chấp nhận những lời chỉ dậy như thế này: "... báo chí giữ nghiêm định hướng tuyên truyền," theo lời ông Hồng Vinh, một ủy viên Trung ương đảng. Ông bảo nhiệm vụ của báo chí là "tập trung tuyên truyền kịp thời và sâu rộng các sự kiện lớn của đất nước; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ..."

Chính một lãnh tụ đảng phải lên tiếng cho biết đảng sẵn sàng nới lỏng dây trói. Ông Nguyễn Văn An, chủ tịch quốc hội, bảo cho các đại biểu Sài Gòn rằng ở các nước khác họ cũng cho tư nhân xuất bản mà vẫn có cách kiểm soát nội dung và chế tài những tờ báo làm sai, có sao đâu! Theo ông An thì các nước khác họ còn chế tài cụ thể hơn "ta" nữa!

Phải nói rằng các nhà báo trong nước ta rất nhiều nhân tài và có ý thức về quyền tự do ngôn luận, và họ là đa số. Nhưng tất cả các tờ báo và nhà xuất bản đều do một đảng kiểm soát thì "ông chủ" bảo sao nhà báo không dám cãi! Mất việc thì chỉ có cách

đổi nghề chứ không có tờ báo nào ngoài đảng để mà tìm việc. Hiện nay các nhà báo chịu "mất quyền" tự do viết, tất cả mọi người dân chịu "mất quyền" xuất bản, chính vì đảng Cộng Sản đã "chôm" mất của dân Việt Nam những thứ quyền tự do này, mà đó là những quyền tự do rất bình thường, con người sống trên trái đất đều có quyền hưởng. Đảng Cộng Sản đã chôm quyền tự do báo chí của các nhà báo Việt Nam! Phố Giầy chôm nằm trong nước Chôm Tự do! Đảng Cộng Sản đã chôm mất các quyền tự do của dân Việt Nam, không biết có cái chợ nào cho dân đến mua lại như người ta đi mua ở Phố Giầy Chôm hay không?

Chính chế độ độc quyền toàn trị làm cho dân chúng, trong đó có các nhà báo phải chịu khuất phục không cục cựa được. Khi không còn chế độ độc tài thì các nhà báo mới thi triển hết khả năng, nhà văn được tự do mới phát triển được tài sáng tạo. Mà trình độ độc giả có như vậy mới tiến lên được. Nếu cứ tiếp tục chế độ độc tài thì dù có cho "tư nhân" xuất bản, như ông Nguyễn Văn An nói, các tư nhân đó cũng chỉ là công cụ của đảng mà thôi. Và "mặt bằng dân trí" do đảng đào tạo vẫn cứ thấp như cũ!

ABU GHRAIB, SỰ THẤT BẠI CỦA CHÍNH PHỦ GEORGE W. BUSH

Để làm giảm bớt mối bất bình và oán hận của dân Á Rập khi họ coi các tấm hình người Iraq bị hành hạ và làm nhục ở nhà tù Abu Ghraib, Tổng thống Bush đã nói trực tiếp trên truyền hình với công chúng các nước Á Rập rằng tất cả mọi người Mỹ coi các hành động đó là ghê tởm, không tiêu biểu cho nước Mỹ. Ông hứa những kẻ phạm tội sẽ bị đem ra trước công lý, phơi bầy cho dân Mỹ cũng như cả thế giới thấy họ bị xét xử và trừng phạt như thế nào.

Đây là một điều lầm lẫn ông Bush: Ông coi vấn đề của các hình ảnh nhục nhã tại Abu Ghraib là một vấn đề pháp lý; và ông sẽ giải quyết nó trong khuôn khổ một vấn đề kỷ luật quân sự và theo luật lệ của nước Mỹ. Trong khi đó, vấn đề thực sự quan trọng trong vụ Abu Ghraib này là uy tín của nước Mỹ trong dư luận thế giới; là giá trị những lời hứa của chính phủ Mỹ trước con mắt các dân tộc Á rập và Hồi Giáo. Đó là một vấn đề chính trị chứ không thuần túy pháp lý. Muốn chinh phục được lòng dân Á Rập và hơn một tỷ người Hồi Giáo để họ không nghe theo những lãnh tụ quá khích kiểu Osama bin Laden thì chính phủ Mỹ phải nhờ vào các người Á Rập và Hồi Giáo khác. Phải thuyết phục họ rằng nước Mỹ thật tâm muốn giúp họ xây dựng những xã hội dân chủ. Nếu chính phủ Mỹ muốn thành công trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, phải giải quyết vụ Abu Ghraib như một vấn đề chính trị. Các cuộc nghiên cứu dư luận ở Iraq cho thấy 90 phần trăm dân chúng không tin tưởng vào nước Mỹ; và hơn 70 phần trăm tỏ lòng ngưỡng mộ đối với lãnh tụ quân nổi dậy al-Sadr, đang lãnh đạo nhiều người theo đạo Si A ở thành phố Najab.

Chính phủ Mỹ không thể đem tất cả các người phạm tội tra tấn tù binh ở Abu Ghraib, và những thượng cấp đã ra lệnh cho họ, ra tòa án mà xử theo lối các chế độ độc tài. Guồng máy công lý của nước Mỹ rất phức tạp và tôn trọng tối đa quyền bào chữa của nghi can. Chúng ta có thể đoán trước các luật sư sẽ yêu cầu đưa ra tòa hàng trăm nhân chứng, người Mỹ và người Iraq, các sĩ quan thượng cấp của các cai tù phạm lỗi, để chạy tội cho thân chủ của họ; mà nhiều luật sư sẽ biện hộ miễn phí để lấy tiếng trong một vụ án đặc biệt như vậy. Đến khi xử án xong thì chắc dân chúng Iraq và các nước Á Rập cũng không còn để ý coi ai bị mấy năm tù nữa. Những thiệt hại cho uy tín nước Mỹ sẽ không có gì chữa được.

Vì vậy, chính phủ Mỹ phải có những biện pháp chính trị để bảo vệ uy tín của nước Mỹ. Và không có cách nào hiệu quả hơn là buộc những người chỉ huy cao cấp nhất ở bộ Quốc phòng phải từ chức. Vấn đề không phải là họ có chịu trách nhiệm trực tiếp về các vụ hành hạ và làm nhục tù binh và các nghi can dân sự người Iraq hay không. Nước Mỹ cần chứng tỏ cho người Á rập thấy là có người bị trừng phạt ngay lập tức, để họ yên lòng. Việc thuyên chuyển ông Tướng Sanướchez ra khỏi chức vụ chỉ huy ở Iraq không đủ, nhất là bộ Quốc phòng Mỹ vẫn nói đó là một thuyên chuyển bình thường.

Mới tháng trước, Tổng thống Bush đã nhắc tới thành tích của quân Mỹ đã lật đổ chế độ Saddam Hussein, ông nói, "Không còn những phòng tra tấn người nữa." Ngay sau đó, các hình ảnh tra tấn và hành hạ, sỉ nhục các người Iraq xuất hiện, chụp trong cùng nhà tù nổi tiếng của Hussein cũ. Bây giờ ông Bush mới quyết định sẽ phá hủy nhà tù đó, đáng lẽ quân Mỹ nên làm từ một năm trước!

Chính phủ Mỹ hứa sẽ xây dựng một nước Iraq dân chủ, trọng pháp. Theo tinh thần nền công lý ở Mỹ thì những bị cáo sẽ phải coi là vô tội cho đến khi bị tòa án chứng minh đã phạm tội. Do đó, các nghi can hành hạ tù nhân bây giờ vẫn được coi là vô tội. Nhưng các người Iraq sẽ hỏi

tại sao các người Iraq bị bắt và hành hạ bao nhiêu tháng, sau đó được tha mà không có tội gì cả. Năm sáu trăm người ở nhà tù Abu Ghraib đã được trả tự do, chứng tỏ họ vô tội. Còn những vụ làm chết tù nhân ở các nhà tù khác và ở Afghanistan, bao giờ chính phủ Mỹ mới điều tra xong?

NGƯỜI BẠN TỐT NHẤT CỦA NƯỚC MỸ

"Tôi là người bạn tốt nhất của Hoa Kỳ tại Iraq. Nếu chính quyền lâm thời liên quân (CPA) cần phải đến tấn công nhà tôi thì bạn hiểu mối liên hệ giữa CPA và người dân Iraq như thế nào!" Đó là lời ông Ahmed Chalabi sau khi hàng trăm quân Mỹ cùng với cảnh sát người Iraq đến khám xét nhà ông, tịch thu giấy tờ, tài liệu và máy vi tính, có người nổ súng làm bể cửa kính và còn vết đạn trên tường.

Nhưng nếu ông Chalabi quả thật là người bạn 'tốt nhất" của nước Mỹ ở Iraq thì điều đó còn đáng lo ngại hơn. Vì tuy ông thân thiết với nhiều nhà lãnh đạo, từ Phó Tổng thống Cheney đến Thứ trưởng bộ Quốc phòng Wolfowitz, và ông Richard Perle, cố vấn thân cận của Bộ trưởng Rumsfeld, nhưng nhiều hành động của ông đã gây tai hại cho quyền lợi lâu dài của nước Mỹ. Nhóm Neo-Con ở Mỹ chịu ảnh hưởng lý thuyết "thay đổi thế giới Á rập" bằng quân sự của Giáo sư Bernard Lewis, còn về chiến thuật thì họ bị nhóm các người lưu vong như Chalabi xúi giục!

Trước hết, ông là người đưa tin tức và thúc dục chính phủ Mỹ đánh Iraq. Cùng gia đình chạy khỏi Iraq từ lúc 13 tuổi, sau hơn 40 năm ông đã theo chân quân đội Mỹ về nước. Mặc dù ông đã bị tòa án ở Jordan kết án gian lận về ngân hàng năm 1992, (gia đình ông vốn là chủ ngân hàng và xí nghiệp từ lâu đời,) ông vẫn được nhóm "Tân bảo thủ," viết tắt là neocon trong báo chí Mỹ, tin tưởng và dùng ông để vận động chủ trương đánh Iraq trong giới chính trị ở Washington. Tuy vậy, ông bị các nhân viên của CIA và của Bộ Ngoại giao Mỹ nghi ngờ là có ý đồ riêng và không đáng tin cậy. Chính tổ chức Nghị hội quốc gia Iraq (INC) của ông đã đưa cho bộ Quốc phòng Mỹ những nhân chứng về vũ khí hủy diệt tập thể WMD của Hussein, đặc biệt là những phòng thí nghiệm vũ khí vi trùng và hóa học đặt lưu động trong các xe tải. Tất cả những tin tức đó, sau cùng đều sai sự thật.

Theo kế hoạch của nhóm Neocon trong bộ quốc phòng Mỹ thì ông Chalabi sẽ lên thay chỗ Saddam Hussein khi quân Mỹ thành công ở Iraq, nhưng bị bộ Ngoại giao và CIA chống. Và sau khi quân Mỹ chiếm được Iraq và ông Chalabi về, người Mỹ cũng khám phá ra là ông không được dân Iraq ủng hộ và rất ít người biết đến ông, cho nên ông chỉ được làm một trong 25 người thuộc Hội đồng chính quyền. Điều này khiến ông Chalabi rất uất hận, dù rằng bộ quốc phòng Mỹ vẫn tài trợ cho ông mỗi tháng gần 340 ngàn mỹ kim để nuôi một đảng chính trị, INC. Năm ngoái, khi Iraq bắt đầu loạn và chưa bắt được Hussein, có lúc Phó Tổng thống Cheney còn trách Ngoại trưởng Powell rằng nếu để cho Chalabi lên nắm quyền ngay thì đâu đến nỗi!

Tuy không được làm quốc trưởng Iraq ngay nhưng ông Chalabi vẫn tích cực chuẩn bị cho đảng của mình. Ông đã được bộ quốc phòng Mỹ cho bao thầu quy tụ các người chống Hussein ở ngoại quốc, tổ chức một nhóm để huấn luyện quân sự trước khi Mỹ tấn công, rồi cho về nước rất sớm. Nhóm này đã tới các cơ sở chính quyền Iraq cũ tịch thu các tài liệu, chứa nhiều bí mật của chế độ cũ, để cho ông Chalabi sử dụng sau này. Ông Chalabi cũng tham dự các chương trình bán các xí nghiệp quốc doanh của chế độ Hussein và làm chủ nhiều cơ sở kinh doanh, ông được trao cho việc tổ chức thế giới ngân hàng, và góp phần soạn thảo hiến pháp tạm thời của Iraq. Một người cháu ông bỏ nghề luật sư ở Mỹ để về Iraq soạn hiến pháp.

Bây giờ ông Chalabi bị tố giác là nhân viên của ông đã tiết lộ cho chính phủ Iran biết nhiều kế hoạch của quân đội Mỹ tại Iraq, về quân sự cũng như chính trị. Ông thuộc giáo phái Si A, và đã khoe từng về Iran và miền Bắc Iraq một tháng trước khi quân Mỹ đánh, chứ không phải đợi quân Mỹ đánh xong mới về như nhiều người lưu vong khác.

Mối quan hệ giữa ông Chalabi và chính quyền lâm thời CPA của Mỹ ở Iraq ngày càng xấu. Việc xếp đặt chính phủ mới cho Iraq để Mỹ trao quyền trướcngày 30 tháng Sáu được phó cho Đặc sứ Lakhdar Brahimi, một cựu ngoại trưởng Algérie, một người đã giúp Liên hiệp quốc dàn xếp thành lập chính phủ ở Afghanistan trước đây. Ông Chalabi rất ghét ông Brahimi, một người theo phái Sun Ni trong Hồi giáo. Ông Chalabi đã bỏ không dự những phiên họp của hội đồng chính quyền Iraq mỗi khi có Giám

quốc Paul Bremer tham dự. Một trong các lý do khiến cảnh sát Iraq, nhân viên CIA và FBI đến khám và tịch thu giấy tờ, máy computer từ nhà ông Chalabi là ông ta đã không chịu trao cho họ những tài liệu của chính phủ Iraq cũ liên quan đến vụ tham nhũng trong việc sử dụng tiền bán dầu lửa để mua thực phẩm, trong thời còn Iraq bị cấm vận trước đây. Những tài liệu của chính quyền Iraq cũ đáng lẽ phải trao cho chính quyền lâm thời CPA, nhưng ông Chalabi muốn giữ để dùng làm áp lực chính trị đối với những người Iraq trong chế độ cũ. Ông Chalabi cũng là người thúc đẩy chính quyền lâm thời CPA cấm các đảng viên đảng Baath tham dự guồng máy hành chánh và giải tán quân đội Iraq, những quyết định này gần đây được ông Bremer đảo ngược lại, dù ông Chalabi vẫn chống đối.

Tuy đã bị chính quyền lâm thời CPA xa cách nhưng ông Chalabi vẫn được giới tân bảo thủ neocon ở Mỹ ủng hộ. Một bài xã luận trên nhật báo *Wall Street* ngày hôm qua chỉ trích ông Paul Bremer về việc xét nhà ông Chalabi. Báo này cho là chính quyền lâm thời CPA đã không đặt lòng tin vào những người Iraq lưu vong như ông ta cho nên mới để sinh ra một khoảng trống chính trị gây nên những xáo trộn bây giờ. Báo này cũng chỉ trích quốc vương Jordan, ông Brahimi, vì cả hai đều ghét ông Chalabi. Và trong một bài xã luận trước đó, tờ báo *Wall Street* còn đổ lỗi cho Đại sứ Bremer và bộ Ngoại giao Mỹ đã gây nên cảnh rắc rối ở Iraq hiện nay. Nhưng thực ra ông Bremer được Tổng thống Bush bổ nhiệm làm giám quốc Iraq và đặt dưới quyền của bộ quốc phòng chứ không phải bộ ngoại giao Mỹ.

Nhưng tình hình Iraq quả thật là ngày càng rắc rối. Hội đồng chính quyền Iraq mà ông Chalabi là một thành viên, lên tiếng phản đối việc khám xét nhà ông ta, với hàng trăm binh sĩ Mỹ và nhân viên CIA, FBI. Nhưng chính quyền Bremer thì giải thích rằng cuộc hành quân cảnh sát này là do một quan tòa Iraq ra lệnh và do cảnh sát Iraq thi hành, chứng tỏ chính quyền CPA đã trao trả rất nhiều quyền hành cho cảnh sát người Iraq. Nhưng nếu cảnh sát Iraq hành quân mà hội đồng chính quyền Iraq, giả thiết là đứng đầu cả những lực lượng cảnh sát lại không biết mà còn phản đối, thì người ngoài không hiểu nổi. Tờ báo *Wall Street* hôm qua chỉ trích chính quyền Bremer nhầm lẫn "không để người Iraq tự quản lý lấy đất nước họ." Đó cũng là lời ông Chalabi tố cáo chính quyền Bremer rồi kêu gọi, "Hãy để cho dân Iraq tôi được tự do! Đến lúc để cho người Iraq quản lý lấy công việc của họ!" Nhưng Tổng thống Bush đang chuẩn bị sẽ trình bầy trước quốc dân Mỹ một kế hoạch theo đúng chiều hướng đó. Ông Bush đã đặt hết hy vọng ổn định tình hình Iraq vào tay Đại sứ Brahimi, mà không đặt vào tay ông Chalabi, nhưng ý định của chính phủ Mỹ vẫn là trả quyền hành lại cho một nhóm người Iraq để giải tán chính quyền lâm thời của ông Bremer. Sau ngày 30 tháng Sáu, ông Bremer về nước, người đại diện nước Mỹ ở Iraq sẽ là một ông đại sứ, ông ta sẽ báo cáo về bộ ngoại giao chứ không phải bộ quốc phòng nữa. Có lẽ đó là một thất bại của nhóm tân bảo thủ mà họ đang muốn giành lấy lại ảnh hưởng.

Nhưng dù bộ nào trong chính phủ Mỹ quản lý xứ Iraq sau này thì tình hình cũng không thay đổi mấy. Hôm qua lại có thêm hàng trăm bức hình về cảnh ngược đãi tù nhân ở Abu Ghraib được công bố. Nhưng tai hại nhất là tiết lộ về các lời khai của các cựu tù binh. Như quý vị đọc trong các bản tin, có những người tù Iraq bị bắt buộc phải chối bỏ đạo Hồi và phải cảm ơn Chúa Giê su. Những tổ chức khủng bố của các người Hồi giáo quá khích vẫn tuyên truyền rằng việc Mỹ đánh Iraq là một cuộc "thánh chiến" chống Hồi giáo. Những hành động của các cai tù đã tặng cho quân khủng bố khắp thế giới một lợi khí tuyên truyền mạnh nhất mà chính họ khó tạo ra được.

Bộ quốc phòng Mỹ đã bị chỉ trích nhiều về thiếu sót không có một kế hoạch hậu chiến ở Iraq. Nhưng thiếu sót lớn nhất là họ không hiểu cuộc chiến tranh nào cũng có mục tiêu chính trị, nhất là chiến tranh chống khủng bố mà bọn người khủng bố dùng tôn giáo để vận động. Tất cả những vũ khí tinh khôn của quân đội Mỹ không thắng được khủng bố nếu không thuyết phục được những người Hồi giáo khắp thế giới để họ hết tin các lời tuyên truyền quá khích. Giới lãnh đạo bộ quốc phòng Mỹ hoàn toàn không quan tâm đến khía cạnh chính trị cho nên mới để xẩy ra những lỗi lầm mà hiện nay mọi tội lỗi được đổ lên đầu các quân nhân trừ bị ở cấp thấp nhất. Điều này cho thấy những người lãnh đạo không có khả năng điều khiển một cuộc chiến tranh vì họ không hiểu biết về bản chất cuộc chiến tranh đó.

NÊN DÀNH THỜI GIỜ MƠ MỘNG VIỄN VÔNG

THANH THẢO

Những ngày gần cuối niên học như lúc này thường là thời gian các bậc phụ huynh Mỹ cũng như Việt Nam hải ngoại lo tìm lớp học Hè cho con. Không những chỉ có lớp luyện Toán, Lý, Hóa, Anh ngữ mà các bậc cha mẹ còn tìm cho con cả những lớp dạy đủ loại đàn, hát, vũ, kịch, vẽ... chưa kể những môn thể thao và những chương trình trại Hè dài hạn hoặc ngắn hạn nữa.

Lý do các bậc phụ huynh muốn cho con theo học hoặc sinh hoạt càng nhiều mục càng tốt phần lớn là vì chính cha mẹ cũng bận rộn đi làm, không muốn để cho con rảnh rỗi quá tính chuyện kém lành mạnh. Phần còn lại là muốn con mình dễ dàng được nhận vào các viện Đại học danh tiếng vì ngoài việc học giỏi, đa số các đại học lớn thường tuyển sinh viên dựa trên sự tham gia nhiều sinh hoạt khác nhau.

Sự chuẩn bị của bậc làm cha mẹ có bảo đảm các con được nhận vào các trường lớn không hay việc buộc con theo sinh hoạt đủ mọi thứ không những khiến cha mẹ điên đầu vì không theo kịp thời khóa biểu của con mà còn giúp tạo nên những "cái máy" sinh hoạt và làm việc sau này?

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 24 tháng Năm 2004, học sinh sinh hoạt thái quá chưa chắc bảo đảm được nhận vào trường đại học MIT (Massachusetts Institute of Technology). Trưởng phòng thu nhận sinh viên Marilee Jones cho rằng thanh niên nam nữ hiện nay ôm đồm nhiều sinh hoạt quá nên trường MIT không còn tuyển lựa sinh viên theo số mục sinh hoạt sinh viên tham gia mà tìm những người có cá tính và có năng khiếu riêng.

Bà Marilee Jones công bố hai năm vừa qua Đại Học MIT đã hoàn tất sửa đổi mẫu đơn ghi danh xin nhập học bằng việc giảm số hàng điền những sinh hoạt trong lúc rảnh rỗi của sinh viên từ 12 hàng xuống còn 6 hàng. Trong khóa học mùa Thu năm 2004 mẫu đơn ghi danh chỉ còn dành 5 hàng cho các sinh hoạt bên ngoài việc học.

Bà Jones cho biết trong số 1,665 sinh viên mới khóa 2004 của trường MIT (767 sinh viên thuộc phái nữ) khoảng 50 sinh viên được nhận vào trường không theo thông lệ cũ. Xác nhận con số này tuy khiêm nhượng nhưng bà Jones khẳng định đây là bước đầu trong trào lưu thu nhận sinh viên dựa trên cá tính và năng khiếu chứ không phải là những cái máy sinh hoạt cho có lệ.

Theo bà Jones thanh niên mới lớn thời nay bị biến thành những "cái máy" sinh hoạt ôm đồm thái quá vì cha mẹ bận rộn, đã gửi con vào những lớp sinh hoạt từ lúc còn rất nhỏ nhằm bảo đảm con không còn thời giờ rảnh trong lúc mình bận đi làm mà không cần biết con mình có thích hợp với những sinh hoạt đó hay không.

Nhưng lâu ngày việc cha mẹ ép con tham gia sinh hoạt đủ mọi thứ dần dà tạo nên những em chỉ biết có mặt tại một nơi nào đó và thời điểm nhất định nào đó như một cái máy mà không hiểu tại sao. Việc không cho các em có thời giờ rỗi rảnh cũng biến các em thành những người không còn biết mơ mộng viễn vông.

Các Đại học danh tiếng có vẻ còn khuyến khích cha mẹ cho con tham gia càng nhiều sinh hoạt càng tốt với những mẫu đơn ghi danh yêu cầu liệt kê những sinh hoạt bên ngoài việc học. Chủ trương của các Đại học là ngoài việc tìm sinh viên giỏi, trường còn tìm những người có nghị lực và có đời sống tình cảm cân bằng (thể hiện bằng khả năng chu toàn nhiều sinh hoạt một lúc) nhằm giữ được sự bình tĩnh đương đầu với những thử thách các em sẽ gặp phải sau này. Nhưng vì chú trọng thái quá vào những sinh hoạt bên ngoài, các viện Đại học tìm ra những em tham gia quá nhiều sinh hoạt một cách máy móc nên không tự tập óc phán đoán hoặc rèn luyện nghị lực. Những em này thường là người kém quân bình tình cảm nhất.

Vì vậy trong mẫu đơn ghi danh nhập học năm nay, Đại học MIT đặt những câu hỏi như "Em làm gì trong thời gian rảnh rỗi?" hoặc "Em mơ mộng gì trong tương lai?" đặc biệt nhất là "Em làm gì để tiêu khiển?"

Vài sinh viên được nhận vào trường trả lời rất khác biệt so với các sinh viên gương mẫu trước đây. Có em trai viết rằng em xem phim cổ điển với mẹ. Có em gái viết rằng em xay nước trái cây đủ vị khác nhau cho bạn bè uống thử vì điều

này đem niềm vui cho bạn. Còn có em khác cho biết em vào nhà đậu xe (garage) để mài miếng thủy tinh cong cho viễn vọng kính ngắm các hành tinh trên trời chỉ vì yêu các vì sao.

Những sinh hoạt vừa nêu chắc chắn không mang lại giải thưởng nào cho các sinh viên mới tập tễnh vào đời nhưng là khuôn mẫu cho thấy các em có cá tính và là lý do giúp các em được nhận vào trường MIT.

Bà Jones còn nói rằng bà đã yêu cầu những viện đại học danh tiếng khác toàn quốc hãy làm theo cách nhận sinh viên của MIT. Nếu điều này xảy ra trong tương lai gần có khi các bậc làm cha mẹ cần thay đổi cách giúp con rèn luyện năng khiếu và cá tính cũng như khuyên con dành thời giờ suy nghĩ xem mình thích làm gì và ước mơ gì không những trong các kỳ Hè mà còn trong những thời gian rảnh khác.

Nếu chỉ đo lường con người bằng khả năng máy móc có lẽ không ai qua mặt được các máy vi tính. Nhưng con người đã tạo ra máy vi tính (chứ không phải ngược lại) nên việc tìm người có cá tính mới là quan trọng.

Cá tính được đào tạo bằng những hành động trong lúc không ai quan sát vào giờ rảnh dùng để tìm tòi giải đáp những thắc mắc hoặc mơ mộng về việc thực hiện những việc làm khó khăn. Những bậc vĩ nhân (trước khi họ trở thành vĩ nhân) thường là những người bị chỉ trích chỉ "phí thời giờ" nghĩ ngợi vớ vẩn.

Nhờ việc "phí thì giờ" ngắm quả táo rơi xuống đất mà nhà toán học Newton tìm ra định lý về trọng lực. Và cũng nhờ "phí thì giờ" ngắm giải ngân hà và thắc mắc về ánh sáng mà nhà thần toán Einstein đã tìm ra định lý về năng lượng và thuyết tương đối trong vũ trụ.

Thử tưởng tượng hai bậc vĩ nhân vừa kể có trở thành người có công với nhân loại được không nếu họ bị buộc phải tham gia hàng chục sinh hoạt khác nhau khi còn niên thiếu?

CHỦ NHÀ LÀ CHUYÊN GIA TÂN TRANG NHÀ CỬA

Nhờ hệ thống cable TV, vài năm nay nhiều chương trình truyền hình về tân trang nhà cửa thực hiện từ ngân khoản nhỏ trên dưới $1,000 Mỹ kim cho đến những kế hoạch thay đổi nhà cửa công phu, tốn kém đến nhiều ngàn đã trở thành những chương trình được xem đều đặn tại hàng triệu gia đình toàn quốc. Nhiều đến nỗi ảnh hưởng không ít đến nền kinh tế nói chung. "Trading Spaces" , "Queer Eyes for the Straight Guys" là vài chương trình điển hình.

Có thể vì không cần nhiều thời gian và ít tốn kém nhất, phòng tắm được kể là loại phòng được tân trang nhiều nhất. Những khán giả các chương

trình TV loại này thường áp dụng mẹo vặt hoặc những cách thay đổi một căn phòng tắm trong vòng vài giờ làm việc. Có khi họ còn nảy sinh vài sáng kiến độc đáo trong lúc làm việc.

Vật liệu loại nặng như búa, kìm, cưa, đinh, ốc hoặc sơn... đã có các tiệm Home Depot hoặc Lowe's cung ứng. Còn những loại hàng gia dụng như khăn tắm, khăn dùng trang hoàng, những sản phẩm cùng họ màu với khăn tắm như đĩa đựng xà bông rửa tay, lọ cắm hoa, bình đựng bàn chải răng, chai xà bông danh hiệu... được bán chạy như tôm tươi tại các cửa hàng bán lẻ giá hạ như Target, K-Mart.

Tại K-Mart, vì số khăn tắm giá $12.99 hiệu Martha Stewart (chính bà Martha đã bị buộc tội khai gian trong lúc tuyên thệ với nhân viên chính quyền liên bang Hoa Kỳ sau khi vi phạm tội bán cổ phiếu chứng khoán Imclone trước khi cổ phiếu này mất giá nhờ tin tức mật phi pháp) bán đắt hàng, công ty này đã công bố một quyết định đáng chú ý. K-Mart đã gia hạn hợp đồng với công ty Martha Stewart đến năm 2009 nhằm bảo đảm nguồn cung ứng không bị gián đoạn.

Những công ty bán lẻ khác không dễ gì chịu thua K-Mart. Công ty Target vừa tăng lượng hàng trang hoàng nhà cửa mà còn ký hợp đồng với những nhà vẽ kiểu thời trang tên tuổi nhằm bán ra cho giới tiêu thụ những mặt hàng không nơi nào có. Một tên tuổi đáng nhắc đến là Rachel Ashwell's Simply Chic với những mặt hàng trang hoàng phòng tắm, phòng ngủ, màn cửa...

Sau phòng tắm những căn phòng được chú ý tân trang kế là căn bếp và phòng ăn nhỏ trong bếp. Những tiệm bán lẻ hạ giá hiện đều có ít nhất sản phẩm của một vài danh hiệu nhằm cạnh tranh lẫn nhau. Không những chỉ có kiểu chén bát, đĩa, hoặc muỗng, nĩa, dao là đáng nhắc đến, mà khăn trải bàn, khăn ăn, đèn trong phòng ra sao, thậm chí ngay cả những loại hộp chứa thức ăn dư bằng nhựa có nắp đậy màu gì cũng đều được các chương trình truyền hình đề cập đến và được khán giả nhiệt tình áp dụng.

Các công ty chuyên sản xuất hàng gia dụng như La-Z-Boy đã nhờ đến chuyên gia thời trang nổi tiếng Todd Oldham giúp sáng tạo một vài kiểu ghế ngồi nghỉ cho phù hợp với nhu cầu khác biệt của giới tiêu thụ hiện nay.

Công ty Office Depot cũng giới thiệu những loại bàn ghế dành cho phòng làm việc trong nhà chế tạo theo sáng kiến của chuyên gia Christopher Lowell trong chương trình hàng tuần của công ty Discovery Channel's Home Network.

Phòng ngủ và những căn phòng khác trong nhà được tân trang sau cùng có lẽ vì tốn kém nhiều hơn và vì cần thay đổi nhiều vật dụng hơn. Nhưng hiện nay nói chung người tiêu thụ đòi hỏi giá hạ, hàng tốt vừa phải nhưng phải có kiểu cách nào đó chứ không mua bất cứ hàng gì bày bán tại các tiệm bán lẻ. Khán giả các chương trình truyền hình TV về tân trang nhà và là người tiêu thụ trong vai trò chủ động của việc tân trang nhà mình đã vô hình chung trở thành "chuyên gia trang hoàng nhà" (dịch từ chữ designer). Nhà mình cũng là nhà chứ bộ!

Mùa Hè là mùa người tiêu thụ tại Mỹ chịu sửa sang, tân trang nhà cửa nhiều nhất. Mùa Hè năm nay cũng thế!

Người ta chịu sửa sang nhà trong mùa Hè một phần có lẽ vì ngày rộng tháng dài, mặt trời lặn trễ nên công việc có thể được làm xong trong một cuối tuần thay vì phải kéo sang cuối tuần sau.

Những chương trình tân trang nhà mang lại cho người tiêu thụ sự thoải mái, hãnh diện sau khi hoàn tất mà cùng lúc cũng giúp bảo đảm nền kinh tế Hoa Kỳ cứ tiếp tục tăng trưởng dù không nhanh vùn vụt.

Mười gia đình chịu tân trang nhà không đáng kể so với sự tăng trưởng chung của nền kinh tế nhưng nhân con số này lên vài chục triệu có lẽ con số thành phải đáng quan tâm. Và vì lý do này những chương trình TV về tân trang nhà đã cùng lúc đào tạo nhiều "chuyên gia" trang hoàng nhà cửa và góp phần không ít giúp phục hồi kinh tế Hoa Kỳ.

Lá Thư Paris

TỪ NGUYÊN

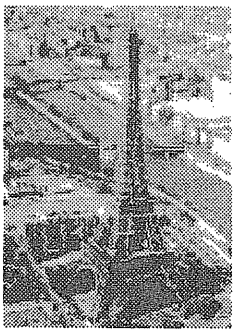

ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH CANNES, KỲ THỨ 57

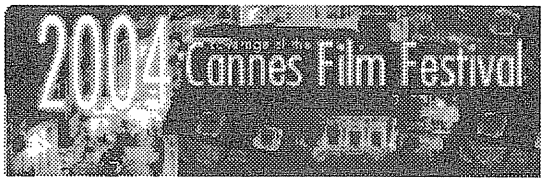

Rồi thì đại hội điện ảnh thế giới lần thứ 57 cũng đã khai mạc một cách êm thấm tại Cannes. Như mỗi lần, các minh tinh từ từ bước lên các bậc thềm trải thảm nhung đỏ giữa hai hàng phóng viên nhiếp ảnh, Cảnh sát và người mộ điệu chờ đợi trước đó từ lâu. Lúc đó đã về chiều nhưng trời ven Địa trung hải của những ngày xuân vẫn còn sáng. Đại hội sẽ diễn ra cho tới ngày 23/5.

Quentin Tarantino, chủ tịch hội đồng giám khảo xuất hiện với Sofia Coppola, con gái của Francis Coppola, người vừa thực hiện phim *Lost in translation*. Rồi chức quyền của đại hội, bộ trưởng Văn hóa và các minh tinh Laetitia Casta, Gong Li, Victoria Abril, Emmanuelle Béart được Benoit Poelvoorde kèm sát, cùng với Claire Chazal, Philippe Torreton, Gérard Jugnot bước lên. Toàn người lạ, người cũ đi đâu hết rồi? Ai cũng chọn cho mình một y phục đẹp nhất, thế mà, nổi bật vẫn không phải là những người đó.

Mười một người đại diện các tài tử, chuyên viên điện ảnh, truyền hình «bán thời gian» đình công phản đối chính phủ... cũng bước lên các bậc

thềm để nói lên nguyện vọng của mình. Cũng y phục dạ hội *smok'*, *robe long*, sau lưng mỗi người mang một chữ đỏ ghép lại thành «négociation,» thương thuyết. Thương thuyết chuyện gì ?

Đại diện cho chừng 100 000 nghệ sĩ, những người này đòi hủy bỏ thỏa ước ký cách đây một năm bắt họ phải làm thêm giờ mới được hưởng quyền lợi về bảo đảm sức khỏe và hưu bổng. Chính phủ và chủ nhân không nhượng bộ vì nếu tiếp tục theo chế độ cũ sẽ bị phá sản. Cuộc thương thảo vẫn còn dằng dai giữa hai bên. Mọi người thở phào: không có cảnh biểu tình chống đối, đập phá, đánh nhau với Cảnh sát ngay trước thềm này.

Trong phòng hội lớn, Laura Morante tài tử người xứ Toscane (Ý), chủ lễ của kỳ đại hội này tuyên bố mấy lời khai mạc. «Tôi vừa sung sướng vừa lo lắng..,» lời của nữ minh tinh trước những ánh mắt khuyến khích của hàng ngàn người trong hội trường. Mọi việc diễn ra như ý muốn và đúng theo chương trình sắp đặt trước.

Chủ tịch hội đồng giám khảo nói một câu rất chân tình: Tôi yêu thích ngành điện ảnh và thật là vinh dự cho tôi được làm chủ tịch của đại hội huy hoàng tráng lệ này. Lời của Tarantino, đạo diễn của những phim đấm đá, chém giết, Bill Kill rất là chân thành khiến mọi người cảm động. Chưa hết ngỡ ngàng, bỗng nghe tiếng hô: Vive le cinéma! của ông, nắm tay đưa lên trời.

Nhà thực hiện người Tây ban nha Pedro Almodovar (có phim nhan đề *La Mala Educacion*, Bad Education không dự thi nhưng trình chiếu khai mạc) tuyên bố dành buổi hội chiều nay để tưởng nhớ những người đã chết vì nạn khủng bố xảy ra ngày 11. 3 tại Madrid và gia đình của họ.

Giờ này thì giám khảo đã làm việc. Nếu bạn nói coi xi nê...là một cực hình thì quá đúng: Họ phải coi 1 300 cuốn phim trong đó chỉ có 19 tác phẩm dự thi (so với 20 năm 2003 và 22 năm 2002) tranh giải cành thiên tuế vàng. Trong số 19, hai phim có đề tài thời sự : *Fahrenheit 9-11* của Michael Moore và *Zivot je cudo* (Cuộc đời là một mầu nhiệm) của Emir Kusturica, từng có hai giải Palme d' Or của đại hội điện ảnh Cannes này.

(Số phim dự thi theo nước : Hoa kỳ 4, Pháp 3, Nhật 2, Đại Hàn 2, Anh 1, Đức 1, Bosnia 1, Ý 1, Trung Hoa 1, Thái lan 1, Á căn đình 1, Ba tây 1)

CHUẨN BỊ CHÀO ĐÓN MÙA HÈ

Mùa hè là những ngày vui chơi đi núi tắm biển đối với đa số người Pháp từ trước tới nay chuyện đó biết rồi, khổ lắm ! Đối với số người khác hay ít nhất đối với người lớn tuổi tại Pháp, từ năm 2003 trở đi, mùa hè là một cơn ác mộng. Con số hơn 15 000 người lớn tuổi bị thiệt mạng trong năm vừa qua đã đem lại nỗi ưu tư cho những người này và cho chính quyền, nếu chính quyền (trung ương, địa phương) không muốn bị chỉ trích dài dài là thiếu chuẩn bị, là vô trách nhiệm trong cái lúc cả nước bỏ đi chơi.

Vì vậy mà mới tháng 5, trong lúc trời còn rét lạnh, nhiều thành phố trên toàn cõi nước Pháp trong đó có đô thành Paris đã có biện pháp... chống hạn hán. Nhất là đối với những người lớn tuổi, trên 75. Các thành phố muốn bảo vệ những người này tối đa như là thiết lập hệ thống phòng ngừa và báo động, tăng cường máy lạnh hay quạt máy trong các viện dưỡng lão.

Bộ Y tế có kế hoạch hạn hán (plan Canicule) trong đó có dự định cấp cho mỗi người trên 65

tuổi một máy quạt phun hơi nước (brumisateur) và trong nhà già là những máy lớn hơn và là cách chống nóng hữu hiệu nhất. Kế hoạch hạn hán có bốn giai đoạn phải theo tùy theo mức độ trầm trọng của tình hình dành cho các cơ quan liên hệ (chính quyền địa phương, Cứu hỏa, Nha y tế và xã hội, các bệnh viện).

Đô thành Paris đã in ra cả triệu tấm bìa cứng chỉ vẽ cách chống nắng và chống nóng để bảo vệ thân thể khi nhiệt độ lên cao.

VẤN CHUYỆN CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

Đám cưới của những người đồng tính vẫn là đề tài thời sự, ở Mỹ cũng như ở Pháp. Tuần rồi khi họp đại hội tại Paris, các ông chưởng khế cũng đã bàn tới đề tài này. Các khía cạnh pháp lý và triết lý là chuyện của nhà làm luật, những người áp dụng luật như các ông chỉ nhắm vấn đề thực tế.

Theo các ông chưởng khế chuyên lo chuyện giấy tờ, tài sản, luật dân sự Pháp hiện hành không cho phép thị trưởng làm lễ cưới giữa hai người đồng tính. Luật nói rằng hai người được ông thị trưởng làm lễ cưới phải là một người chồng và một người vợ, hiểu rằng một người đàn ông và một người đàn bà, cũng như được ghi rõ trong hiến chương Âu châu về nhân quyền. Đám cưới do thị trưởng Noel Mamère làm chứng tuần tới đây hay một ông xã khác ở vùng Normandy sẽ bị tòa tuyên bố vô hiệu ngay.

Việc sửa đổi luật là chuyện có thể làm được nhưng cũng cần phải có điều kiện và thì giờ. Và những gì trong luật dân sự đã dành cho hôn thú cũng phải trù liệu cho trường hợp này. Đó là vấn đề ly dị, phân chia tài sản, và có thể có chuyện bồi thường bằng tiền bạc, và chuyện cấp dưỡng.

Chuyện kết hôn không thể tách rời chuyện con nuôi và tất cả những khó khăn rắc rối của vấn đề.

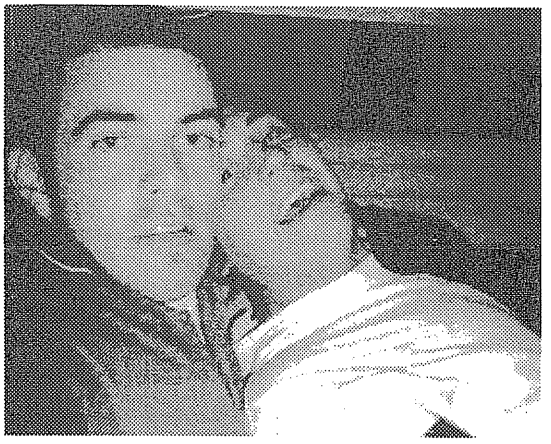

Đối với một chuyện quan trọng như vậy, các ông chưởng khế vốn cẩn thận, chỉ muốn từ từ rồi tính. Dù sao thì Pháp cũng đã sáng chế ra «khế ước giữa hai người đồng tính» sống chung với nhau (Civil Solidarity Pact) năm 1999, nên những người đồng tính không lo lắng chi chuyện sống chung trước pháp luật. Thắc mắc của họ ngày nay đã tiến thêm một bước để đòi quyền lợi của cặp đôi này trong đó có chuyện nuôi con. Chuyện đó, tưởng là phụ thuộc, trở thành chuyện chính và cuộc tranh luận về những điểm này, mới được bắt đầu, không những trong nước Pháp mà cả Âu châu.

KHI QUA PHÁP LẦN NÀY

Bộ Giao thông vừa loan báo: Con số người Pháp chết đường (chết chợ) năm vừa qua giảm xuống 21% (chỉ còn lại khoảng chừng hơn 5 000 bất đắc kỳ tử), người bị tai nạn cũng giảm hơn 20%. Từ nay qua Pháp bạn có thể yên chí lớn, có thể lái xe mà không sợ tai nạn như mấy năm trước! Nhiều lý do đã đưa tới tình hình khả quan này.

Trước hết là người Pháp không còn *vi vút* như trước đây. Máy *ra đa* sẵn sàng ghi sổ những kẻ lái quá tốc độ. Những máy tự động này in thư để gửi tới nhà đòi tiền phạt, đương sự chậm trả sẽ đưa bị ra tòa. Đúng là biện pháp nặng nề! Người ngồi trong xe phải thắt lưng giây an toàn, trước đây cũng bị bắt buộc nhưng nay chuyện này được kiểm soát kỹ và phạt nặng hơn (mất 3/12 điểm và phạt 90 euro).

Dấu hiệu khác có vẻ an ủi : tai nạn vì người lái xe say rượu cũng giảm bớt. Dù vậy, trong một tài liệu công bố các chi tiết này, Cảnh sát cho biết nếu tôn trọng mức 0,5 g trong máu sẽ tránh cho 1 644 người bị chết vì tai nạn. Nói rõ hơn: khi lái xe bớt uống rượu sẽ tránh được tai nạn.

Không phải ngày nay người Pháp có tinh thần công dân khá hơn trước, chuyện đó không nghe ai nói tới. Chỉ vì ngày nay, người Pháp rét Cảnh sát, lính sen đầm (Gendarmes) hơn trước. Quân số Cảnh sát hay lính Gendarmes đông hơn, khám xét nhiều, và phạt nặng hơn. Thêm một chuyện nữa là cảnh "phe đảng" không còn hay rất ít nên không thể kỳ vọng vào chuyện xóa bỏ giấy phạt, nếu không đóng tiền.

Lái xe trong thành phố ngày nay vẫn còn một chướng ngại: thanh niên lái xe gắn máy lượn qua lượn lại. Số người lái xe hai bánh bỏ mạng sa trường lại tăng lên khiến nhà nước đang có kế hoạch khắt khe hơn với những anh hùng xa lộ này./.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

PHÔN TAY

Buổi tối, chúng tôi, một nhóm người viết lách ở Montreal ngồi nhâm nhi cà phê ở Al Van Houtte, lang bang chuyện kim cổ, chuyện xa gần, chuyện trời trăng, chuyện viết lách với nhà văn Nam Dao, từ Quebec lên chơi. Tiếng điện thoại di động reo. Tôi bắt phôn. Xong. Nam Dao nhìn tôi, với nụ cười tinh quái như chế giễu. *Các ông dại quá đi mất, ôm cái cục nợ đó vô người thì chẳng còn một xó xỉnh riêng tư nào cho mình nương thân nữa!* Tôi cười vớt vát. *Nhưng mà nó tiện lắm, ông ạ!*

Tiện, ai cũng phải công nhận như vậy. Lúc nào người thân, bạn bè, khách hàng cũng ở trong túi mình. Lỡ có xảy ra chuyện gì, ới ông 911 cũng dễ. Nhưng chỉ có tiện thôi sao? E rằng không chỉ như vậy! Dắt cái điện thoại di động trong người như đeo một chiếc đồng hồ đắt giá, một chiếc nhẫn hột xoàn, một cái cà vạt loại sang... Nó là một món đồ trang sức! Trong tiệm ăn, ngồi vào bàn, chưa mở thực đơn đã vênh mặt dằn chiếc điện thoại trên bàn. Tới chỗ đông người, chiếc điện thoại lắt lẻo trên bụng, nó có reo hay không, không cần. Chỉ cần nó kéo được những cặp mắt ngưỡng mộ của người khác. Nhưng nếu nó reo thì vui hơn. Nhất là khi nó hớn hở mang giọng nói của người mình đang mong chờ tới thì... nhất.

Sương rơi thút thít ngoài hè
Lòng anh rấm rức quá nè, chẳng sai
Cái phone trở chứng ba gai
Nằm im dấu mỏ mặc ngày qua nhanh
Cái phone chẳng hiểu lòng anh
Không reo một tiếng thiệt đành đoạn ghê.
(Quan Dương)

Mà nó có làm thinh thì cũng làm như nó đang hét toáng lên. Kê điện thoại lên tai, nói năng ồn ào, như nói cho người chung quanh chứ không phải nói cho chiếc điện thoại nó chuyển đi. Thời vàng son đó bây giờ qua rồi!

Điện thoại cầm tay bây giờ như lá mùa xuân. Tràn đầy. Hình như người nào cũng dắt bên người chiếc máy biết la này, trừ ông Nam Dao. Theo ông Jorma Ollila, Chủ Tịch kiêm Giám Đốc Điều Hành của Nokia, thì tới năm 2008, thế giới sẽ có 2 tỷ người dùng phôn tay, và tới năm 2015 thì con số này leo lên tới 4 tỷ, một nửa dân số thế giới! Sao nó leo nhanh như vậy? Đó là nhờ giá cả càng ngày càng rẻ. Theo Rich Templeton, Giám Đốc Điều Hành của công ty sản xuất *chip* cho điện thoại di động Texas Instruments, thì không bao lâu nữa, người ta sẽ có một chiếc điện thoại di động có thể chụp hình và có thể truy cập được internet với giá 50 đô Mỹ. Ngay bây giờ nhiều hãng đã cho không khách hàng máy điện thoại nếu thuê đường dây trong khoảng từ một năm đến ba năm. Càng thuê dài hạn thì càng được biếu không máy điện thoại thứ xịn hơn. Thị trường điện thoại di động đang nóng khủng khiếp. Để cạnh tranh nhau, có hãng còn sẵn sàng đổi miễn phí điện thoại cũ của hãng khác lấy điện thoại mới của hãng mình. Tôi khoái cái vụ này lắm. Bởi vì cái điện thoại cũ của tôi, một cục, ném chó chó chết, tự nhiên biến thành cái điện thoại mới, gọn ghẽ, màn ảnh màu, đèn xanh đèn đỏ chớp tắt đến chóng mặt, mà chẳng phải móc túi chi thêm một xu nào cả. Đã điếu hết sức!

Điện thoại di động bây giờ bèo như vậy nên chẳng lo mất điện thoại nữa. Ngày trước, (chỉ mấy năm trước chứ có bao xa!), quên điện thoại trong xe hơi là có nhiều phần cửa xe bị đập. Bây giờ quên điện thoại ở đâu quay lại vẫn thấy "chàng" ngoan ngoãn nằm yên vị chờ chủ nhân tới tìm lại. Tuy vậy, điện thoại rơi vãi nơi công cộng không phải là không gây ra những chuyện làm há hốc miệng người chung quanh.

Năm ông có mặt trong phòng tắm rửa và thay quần áo sau một buổi chơi golf, bỗng tiếng reng vang lên từ một chiếc điện thoại di động trên một băng ghế trong phòng. Một ông vội nhấc điện thoại lên.

- Allô

- Cưng đó hả? Em đây. Anh đang ở hội quán sân golf phải không?

- Ừ!

- Hay quá! Em đang ở trong khu thương xá cách sân golf có vài khu phố. Em thấy một áo khoác bằng da rất đẹp. Anh à, cái áo trông thật dễ thương! Em mua được không anh?

- Bao nhiêu vậy?

- Chỉ có 1000 đô thôi!

- Một ngàn đô à? Được! Em cứ mua nếu em thích!

- Anh à! Em cũng có ghé qua đại lý xe

Mercedes, họ đã trưng bày những kiểu xe 2005 rồi anh ơi. Em thấy một chiếc mà em rất thích. Em nói chuyện với anh chàng bán xe và họ cho một cái giá thật rẻ... Và bởi vì mình cần đổi chiếc BMW mua năm ngoái...

- Họ cho giá bao nhiêu hả em?

- Chỉ có 60 ngàn đô thôi!

- OK, nhưng mà với giá đó anh muốn có đủ mọi *option* trong xe.

- Anh đừng lo, em biết tính anh rồi. Cái gì cũng phải nhất mới chịu! À, mà còn một việc nữa...

- Gì nữa em?

- Em vừa coi trương mục của mình, còn khá tiền anh ạ. Sáng nay em gặp ông *courtier* quen. Ông ấy giới thiệu với em căn nhà ở khu Mont Royal. Nhà lớn , đẹp, có hồ tắm phía sau... Anh nhìn thấy phải mê liền.

- Giá bao nhiêu vậy em?

- Chỉ có nửa triệu thôi! Thật rẻ anh ạ!

- Vậy thì em còn chần chờ gì nữa! Nhưng nhớ phải trả giá một chút nhé!

- Được rồi, cưng... Cám ơn cưng nhiều! Em sẽ gặp lại cưng tối nay nghe! Em yêu anh lắm!

- Anh cũng yêu em lắm!

Người đàn ông tắt và gấp máy điện thoại lại trong khi các ông khác nhìn ông với những cặp mắt kinh ngạc đầy vẻ thán phục. Ông giơ cao chiếc máy lên và hỏi. "Các ông có biết ai là chủ nhân của chiếc máy này không?"

Tại Việt Nam, điện thoại di động chạy đầy đường. Anh chị nào cũng kè kè bên người lấp lánh. Cửa hàng bán thẻ xử dụng điện thoại cũng đầy phố. Xó xỉnh nào cũng thấy. Hình như điện thoại di động bên đó chỉ xài toàn thẻ không thì phải. Không có lối xài bao hàng tháng như bên đây. Giá một chiếc điện thoại còn khá mắc. Ông bạn tôi giúi cho tôi chiếc điện thoại trông khá đẹp và thanh. *Ông giữ kỹ nhé, đừng lơ là kẻo bị giật đó, bên đó chắc chẳng ai thèm, nhưng bên đây, tôi mua nửa xín đấy ông ạ. Tôi nói tiền đô Mỹ đó!* Bỗng nhiên phải ôm một cái gia tài nho nhỏ đi nhung nhăng ngoài đường, tôi ngại. Ông bạn tôi trấn an. *Không sao! Tôi có cái mới đây rồi, bà xã tặng hôm sinh nhật tôi, cái này chụp hình được, ông quay mặt vô đây. Chụp nhé! Cũng hơi đắt. Bảy trăm ông Hoa Thịnh Đốn đấy ông!* Ở cái đất nước cửa đóng lâu ngày quá nên tối tăm, mới mở cửa nên còn chói ánh mặt trời, anh nào cũng say ánh nắng. Trên chuyến máy bay của Hàng Không Việt Nam từ Hà Nội vào Sài Gòn vừa đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, đang chạy trên phi đạo, tiếng cô tiếp viên trên máy phóng thanh yêu cầu hành khách đừng mở điện thoại di động cho tới khi máy bay ngừng hẳn. Tiếng cô chưa ngừng thì có tới quá nửa số hành khách đã kê điện thoại vào miệng, nói ồn ào như một cái chợ vỡ. Tôi nhìn quanh, hình như họ đều là những người có quyền thế cả. Đi máy bay, không cán bộ thì cũng thương gia thứ bự!

Xài điện thoại tay ở Việt Nam là "khẳng định" chính mình. Điện thoại phải xịn đã đành mà số điện thoại cũng phải đẹp. Một ông tên là Toản ở phố Giảng Võ, Hà Nội, đã nói với phóng viên báo chí. *Đây là lần thứ bảy tôi thay số điện thoại, hết Vina, Mobi, Cityphone, bây giờ thì chuyển sang S-Phone. Tôi sẵn sàng bỏ ra một khoản tiền kha khá để có được một bột tứ quý 8!* Thế nào là số đẹp? Có thể hiểu là những số dễ nhớ, hoặc những số được giới làm ăn hay những người chuộng tín ngưỡng quan niệm sẽ mang lại cái hên, sự thuận lợi cho họ. Số đẹp, theo một anh tên Hưng, cũng dân Hà Nội, là số 8. Nó mang lại cho anh sự may mắn trong công việc. Anh thường lang thang trên internet, lùng sục các đại lý điện thoại lớn để rình con số như ý.

Một bộ tứ quý 8 có bốn số chót là 8888 có giá từ 10 đến 25 triệu đồng! Cửa hàng Vân Yến trên phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, lúc nào cũng tấp nập người vào mua số đẹp. Họ lập hẳn một bản danh sách dài hàng vài trăm số của 4 mạng Vinaphone, Mobiphone, S-Phone và Cityphone để khách lựa chọn. Tùy theo túi tiền, khách có thể chọn tứ quý hay bộ tam, số tiến hoặc số lặp... Đắt giá nhất vẫn là bộ tứ quý 8, người mua phải đặt trước vài tuần mới có! Công ty Fonprimex ở đường Nguyễn Công Trứ, Hà Nội, còn chủ động sưu tầm các bộ số đẹp để bán với giá cao. Loại số VIP thường để dành biếu các sếp, loại số đẹp thì dân buôn bán hoặc dân lắm tiền của chi ra vài chục triệu là... chuyện nhỏ!

Dân xài điện thoại di động ở Việt Nam được liệt vào loại sành điệu. Như ở các nước Á Châu khác.Theo một nghiên cứu của hãng Strategy Analytics (Mỹ) thì phần lớn máy điện thoại di động có gắn máy chụp hình được tiêu thụ ở các nước Á Châu. Trong năm 2003, trung bình cứ sáu máy điện thoại di động bán ra thị trường thì có một máy có gắn máy bộ phận chụp hình, nhiều gấp năm lần so với năm 2002. Tổng số máy có gắn bộ phận chụp hình được sản xuất trong năm 2003 là 520 triệu và dự đoán trong năm 2004 là 580 triệu máy. Trong khi đó, máy chụp hình thứ thiệt chỉ bán được 49 triệu máy trong năm 2003!

Điện thoại di động có gắn bộ phận quay phim đang... động đậy dữ tại Bắc Mỹ. Người ta mang máy vào rạp chiếu bóng trong các buổi chiếu ra mắt trước hoặc trong các xuất chiếu đầu tiên, quay đầy đủ bộ phim mới tinh, bỏ vào computer tu chỉnh

lại, rồi in ra thành DVD bán với giá rẻ mạt trên đường phố. Với cung cách "ăn cắp" này, phim The Hulk mới đây đã được bán ngoài phố ba tuần trước khi chính thức được trình chiếu tại các rạp chiếu bóng! Các nhà sản xuất phim đã "rào giậu" sau khi đã bị mất bò. Vào rạp hát bây giờ, bạn có thể bị kiểm soát như trước khi lên máy bay ở phi trường. Họ tìm các máy thu hình tí hon hoặc điện thoại di động có gắn bộ phận quay phim. Ngoài ra còn có những "thám tử" được trang bị các máy dò tìm tối tân núp trong bóng tối hoặc sau màn ảnh tìm ra các máy quay đang hoạt động. Chuyện này ở Việt nam thuộc loại... xưa rồi Diễm! Trong chuyến về Việt Nam đầu năm 2003, tôi đã mua được ngay tại Khu Chợ Cũ cuốn phim Người Mỹ Trầm Lặng với giá hai chục ngàn (khoảng hơn 1 đô Mỹ) được quay trộm theo kiểu này trong khi các rạp chiếu bóng tại Saigon và Hà Nội còn đang chiếu. Ai bảo dân Việt mình chậm tiến?

Các nhà nghiên cứu tại Đại Học Carnegie Mellon ở Pittsburg, tiểu bang Pennsylvania mới sáng chế ra được điện thoại Sensay có thể kiểm soát các cuộc gọi tùy theo tâm trạng người xử dụng. Thiết bị hiện đại này, ngoài điện thoại, còn đi kèm với một chiếc hộp đeo vào cánh tay hoặc giây lưng, có gắn cảm ứng. Các nhà nghiên cứu đã nạp sẵn cho chương trình bốn trạng thái cơ bản của người xử dụng: bận và không muốn làm phiền, đang hoạt động, nhàn rỗi và bình thường. Trong tương lai, sẽ có thêm thiết bị phát hiện ánh sáng cho biết vị trí của máy điện thoại, trong cặp hay trong túi quần chẳng hạn, và thiết bị xác định tốc độ cho biết người dùng đang đi bộ, chạy hoặc đứng yên!

Điện thoại di động lềnh khênh như vậy, khi nó... qui tiên thì chôn nó ở đâu? Trung bình một điện thoại di động xài được 18 tháng thì ... quăng nó vào kho. Cái xác chết kim loại này bao gồm chì, đồng, cadmium và nhiều độc chất cho môi trường khác. Vứt chúng như vứt rác đâu có được! Ở bên Anh và một vài nước Âu Châu, người ta đã tính trước rồi. Khi bán ra thị trường một điện thoại di động hay các thiết bị điện tử khác, họ đã kèm theo một chứng chỉ... tái sinh rồi. Chi phí của việc tái sinh này đã nằm trong giá bán khi ta mua máy. Chi phí này được gọi là "chi phí điều hành cuối đời"! Ở Bắc Mỹ chúng ta, không có thứ chi phí... dọn dẹp này. Vậy mà mỗi năm chúng ta thải ra khoảng 130 triệu máy điện thoại di động!

Ở Quebec, Hội Nữ Hướng Đạo Quebec có chương trình thu hồi lại những máy điện thoại di động cũ. Họ lập ra những địa điểm thu hồi để tiện lợi cho người tới cho. Xong đem bán cho các cơ xưởng tái tạo ở Mỹ. Mỗi máy họ thu vào quỹ được 4 đô. Cơ xưởng tái sinh mới phân loại, cũ và cổ quá thì tháo ra để... rì xai, máy tương đối còn xài được thì tân trang lại rồi đem bán cho các nước đang phát triển ở Á Châu, Phi Châu, Trung Mỹ...

Ở Toronto có tổ chức Future Plumding chuyên giúp các hội từ thiện thu hồi các điện thoại di động để bán cho một công ty ở Michigan. Công ty này cũng phân loại và xử lý những điện thoại cũ này. Khoảng 80 % có thể mang bán lại được. Một chiếc máy còn tốt, loại xịn, có camera, có thể bán được tới 80 đô! Một số máy được gài thêm số 911 và cho không các nhà tá túc dành cho các phụ nữ bị ngược đãi.

Điện thoại di động cho các phụ nữ bị ngược đãi là điều hay, nhưng nó cũng là điều không hay cho các đấng mày râu bị... ngược đãi!

Điện thoại di động của anh chồng reng.

- Allô!

- Anh đấy à? Chiếc xe của em đề không nổ, anh có thể về coi cho em được không?

- Em nghĩ anh là ai vậy? Anh không phải thợ sửa xe!

Một lúc sau, điện thoại lại reo.

- Anh có thể về nhà được không? Cái TV bị hư chẳng có hình gì hết trơn!

- Này, cô nghĩ tôi là ai vậy? Tôi không phải thợ sửa chữa TV đâu!

Buổi trưa, cô vợ lại phôn phàn nàn về cái cửa bị kẹt không khóa được. Anh ta bực tức gào vào điện thoại.

- Cô làm phiền tôi quá! Cô nghĩ tôi là ai vậy? Tôi không phải là thợ mộc!

Buổi tối, anh chồng về nhà, cô vợ cho biết đã nhờ ông hàng xóm sửa được tất cả. Anh chồng hỏi.

- Ông ta có đòi tiền công không?

- Ông ta đề nghị rằng hoặc là em nấu cho ông ấy một bữa ăn, hoặc là "chiều" ông ta một tí!

- Thế cô đã nấu cho ông ấy ăn món gì?

Lần này thì đến lượt cô vợ giận dữ. Cô la lên.

- Anh nghĩ tôi là ai vậy? Tôi không phải là đầu bếp!

04/2004

RĂNG

Một thương.... Hai thương.... Ba thương.... *Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua.* Phải đợi tới cái thương thứ bốn trong bài ca dao *Mười Thương*, răng mới được nhắc tới. Hơi chậm! Răng phải là số một. Cứ nghĩ như thế này thì thấy. Cả một khối cơ thể con người, các ông bà bác sĩ săn sóc tuốt, chỉ trừ răng. Chỉ vẻn vẹn có tối đa 32 cái răng mà các ông bà nha sĩ thi nhau chăm chút.

Cùng có cái đuôi... sĩ, cùng ăn học như nhau, mà một đằng chỉ sờ tới bộ răng cân nặng chẳng bao gram, một đằng phải lo toan hết từ đầu tới chân, thường phải năm bảy chục ký có dư. Thứ nào quý hơn thứ nào?

Răng có thứ tự của nó. Răng cửa, răng nanh, răng hàm.... Anh răng nanh coi bộ phiền toái nhất. Anh răng cửa, nhe ra là trăm phần trăm. Anh răng hàm, nhe ra mà vẫn kín như bưng. Chỉ có anh răng nanh là ỡm ờ nửa kín nửa hở. Nếu anh răng nanh này nghịch tinh, hơi nhoài mình ra phía trước một chút thì... nhức nhối lắm! Nó thành răng khểnh. Nó mang lại cái duyên cho cả khuôn mặt. Vì vậy, các ông văn thi sĩ, khi nói tới người đẹp, cách gì cũng phải đè ra gắn cho được chiếc răng khểnh.

Mùa này là mùa mơ mùa vải
Và đúng như người ta vẫn thường nói
Con gái Hà Nội rất là xinh
Mắt xếch một mí và răng khểnh.

Ông Đỗ Kh. phân biệt đối xử. Cứ gì con gái Hà Nội mới răng khểnh. Người đẹp của ông thi sĩ xứ Huế Hoàng Xuân Sơn cũng... khểnh vậy!

sáng nay ngắm
một nụ hường
mới hay si dại
là hương của trời
chiếc răng khểnh
chiếc răng cười
là duyên bất định
để đời cho nhau

Ông Trần Doãn Nho, có thơ thẩn gì đâu, mà cũng răng khểnh một chiếc gắn cho nhân vật Hạnh của ông trong truyện dài Dặm Trường. *"...Nàng tên Hạnh, người ta không gọi là Hạnh –Lục, mà lại gọi là Hạnh-khểnh, vì nàng có cái răng khểnh, để phân biệt với ít nhất là hai cô Hạnh nữa, người thì là Hạnh- biển (dân ở biển lên) và Hạnh-nói (nói nhiều, hở cái là nói liên tu bất tận). Sau này, răng khểnh của nàng rụng mất, nhưng cái tên xem như đã chết, nên cứ Hạnh-khểnh."*

Răng nhô ra một hai chiếc là răng khểnh, tham lam nhô ra cả hàm trên thì lại thuộc diện khác, diện... thưa anh rằng! Chiếc mái Tây Hiên chẳng ai gọi là mái... khểnh được! Chữ nghĩa coi vậy mà khó khăn phát khiếp!

Vẻ đẹp của hàm răng, hầu như mọi người đều đồng ý là phải trắng và đều tăm tắp như những hạt bắp. Đều như bắp thì được đi, nhưng bắp e chừng không được trắng lắm. Răng ngà? Nghe thì có vẻ sang cả nhưng mầu ngà ngả về vàng. Mà răng ngà ngà vàng thì... hơi ngại. Nó không hứa hẹn sự thơm tho. Trên nửa thế kỷ trước đây, răng của con gái Hà Nội được tiêu chuẩn hóa là đều và bóng như hạt na. Hạt na không thể trắng được. Nó đen nhánh như hạt huyền. Răng đen phải là răng nhuộm. Nhuộm răng ăn trầu là phong tục xưa. Ăn trầu, ai cũng biết, nhất là những vị đã từng được nếm trái phật thủ vào mặt! Còn nhuộm răng là cả một công trình. Hồi còn nhỏ, tôi đã từng chứng kiến cảnh nhuộm răng của các bà cô, bà dì. Lấy lá chuối non, cắt thành một vành đặt vừa khít được vào hàm răng, bôi nhựa cánh kiến lên mặt lá áp vào răng. Buổi tối đi ngủ, dán cánh kiến vào răng, buổi sáng tháo ra. Răng sẽ trở mầu dần dần, từ đỏ tới nâu, rồi nâu thật đậm theo thời gian dán cánh kiến. Thường chu kỳ này phải mất vài chục ngày. Lúc răng đã sậm mầu, mới ngậm thuốc nhuộm cho răng đen và bóng. Như hạt huyền. Răng trắng, thời đó, bị chê bai là trắng nhởn như răng... me tây! Cũng như mặc quần trắng bị khinh bỉ là... ca-ve! Trong Tuyển Tập Nhớ Huế số 15, xuất bản tại Westminster, tác giả Lê Văn Lân đã nhắc lại vẻ đẹp răng đen của bà Cẩm Lợi, phu nhân của nhà văn Nhất Linh như sau: *"Anh em tôi hồi thiếu niên còn nhớ đã núp nhìn lén bà, thấy bà dung nhan cổ điển dễ nhìn với vấn tóc trần, hàm răng đen, và nhất là ăn nói linh hoạt rất thực tế hoàn toàn không giống nữ nhân vật tiểu thuyết tên Loan trong truyện Đoạn Tuyệt của Nhất Linh."*

Cái đẹp là một thứ hết sức đỏng đảnh. Nó trở mặt như trở bàn tay. Đang đen nó quay ngoắt sang trắng. Đời sống văn minh làm răng đen đâm ra bơ vơ. Mang hàm răng đen bị chê là... *le nhaque!* Thế là một hai ba chúng ta rủ nhau đi cạo răng cho trắng. Mấy ông thợ làm răng bỗng có việc làm. Rẻ tiền thì nó thành răng... cải mả. Đắt tiền thì răng mới... ngà ngà. Trắng tươi, khó lắm! Túi đông địa thì đi ngay một đường răng bọc vàng cho thêm phần lóng lánh, chụp hình chẳng cần đèn rọi, ban đêm ai nhìn cũng thấy!

Cạo răng dĩ nhiên là đau nhưng cái đau thấm gì với ... đau răng. Phải cất công leo lên ghế của nha sĩ. Mà ghế của nha sĩ là một loại phi thuyền không biết sẽ đưa người ngồi trên ghế đi tới đâu. Mấy ông chính khách được báo chí ví von đang ngồi trên ghế của nha sĩ có nghĩa là con đường danh vọng đang phiêu bồng mù mịt chẳng biết đâu mà mò. Chiếc ghế nệm êm ái, ngả người cỡ nào cũng ô kê, chân duỗi thẳng tự nhiên, tưởng là phải thoải mái lắm, ai ngờ nó... cực chi lạ! Mắt nhắm, miệng mở tê rần bất động đến rách khóe môi, tiếng dùi tiếng đục, tiếng sè sè đe dọa, đục đẽo tuôn trào máu me, nước miếng nhả ra liên chi hồ điệp mà không được nuốt. Răng cỏ, sao mi làm tội làm tình ta đến như thế này!

Tội tình này đã được các nhà sáng chế vừa đổ

xuống sông xuống biển cho bàn dân thiên hạ nhờ. Họ đã dùng tia laser để biến những buổi... hội đàm với nha sĩ thành những giờ phút dễ chịu hơn. Không kim, không đau, không tiếng động, không đục đẽo. Và nhất là không tê tái vì há miệng đường dài! Neil Gregory, một quản trị viên ở Calgary, Canada, vừa đi chữa răng bằng phương pháp mới đã ngôn với cái miệng cười rộng. " *Thật không thể tin được! Không kim kiếc gì cả. Cái khó chịu duy nhất là cảm thấy lạnh ở nướu răng khi nước bị làm bốc hơi đi. Chỉ có vậy!"*

Đi nha sĩ mà khoan khoái như vậy thì sợ chi. Khách chữa răng đổ xô làm theo phương pháp mới này mặc dù phải móc hầu bao chi thêm khoảng từ 30 đến 100 gia kim tùy theo mức độ công việc. Riêng tại Calgary đã có 13 phòng mạch được trang bị bằng những máy mới này. Tốn kém lắm không? Khoảng từ 90 đến 100 ngàn gia kim. Chính các ông bà nha sĩ cũng thích thú với... đồ chơi mới này. Nha sĩ Norman Cheng đã khoái trá nói: *"Đây là một kỹ thuật thú vị. Có ngày tôi không phải đụng đến cây kim. Chưa bao giờ trong 14 năm hành nghề của tôi lại có lúc như thế này."* Tia laser đã hoạt động ra sao? Nó tìm ra những tế bào có nước rồi làm bay hơi nước đi, rất nhanh và rất chính xác, không hề hấn gì tới cấu trúc của những chiếc răng không đau. Kỹ thuật này có thể dùng để trám răng, giải phẫu nướu và xương răng, và niềng răng. Chỉ có một phiền toái nho nhỏ. Vì kỹ thuật quá mới nên các hãng bảo hiểm sức khỏe chưa theo kịp: họ chưa chịu chi tiền cho các khách hàng chữa răng theo lối mới này!

Khi răng... hết thuốc chữa thì khỏi chữa luôn. Chơi một bộ răng giả là xong. Thường các cụ bắt răng phục vụ lâu quá, răng oải răng... đi chơi. Cho anh nướu răng... cô đơn! Nướu răng, tiếng Bắc Kỳ diễn nôm là... lợi.

Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thày bói gieo quẻ nói rằng:
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn!

Răng giả cũng có cái vui của răng giả. Nó cho chúng ta hưởng được cái thú vừa đánh răng vừa huýt sáo! Nhưng vì nó không dính chặt vào miệng mà chỉ khi *on* khi *off* nên cũng có cái phiền. Mới đây, một ông người Đức đã đi trình phú lít ở Dortmund là chủ nợ đã xiết bộ răng giả của ông khi ông không thể thanh toán tiền nợ vì thua bạc. Ông chủ nợ, mới 51 tuổi, răng cỏ chắc vẫn còn đầy đủ, nên không hiểu được nỗi khổ của người chỉ có thể ăn thức ăn lỏng. Được cái là ông cũng biết nể cảnh sát nên đã chịu trả lại bộ răng khi con nợ cam kết sẽ trả đủ 150 euro tiền nợ.

Răng giả chẳng phải chỉ để nhai thực phẩm mà còn là tình nữa.

Sau những ngày đông giá lạnh, chợt một chiều, thời tiết trở nên ấm áp, cặp vợ chồng nọ ra ngồi ngoài hiên nhà sưởi nắng và ôn lại quá khứ. Bà già nói với ông già.

"Em nhớ ngày xưa anh thường ngồi sát vào em."

Ông già xích lại sát bên bà vợ. Bà già lại tiếp.

"Em nhớ hồi đó anh thường choàng tay ôm chặt em."

Ông già run rẩy vòng tay qua eo bà già, siết chặt lại. Bà già lim dim mắt nhớ lại.

"Em nhớ là anh còn thích cắn vào vai em nữa kia!"

Ông già lập cập đứng lên.

"Được! Được! Để anh vào nhà lấy hàm răng giả ra đã!"

Cuộc sống, nhất là cuộc sống trong những thời khắc nghiệt ngã gần tàn, chẳng mấy khi là những thời khắc mộng mơ. Nó thực tế hơn nhiều.

Một đôi vợ chồng già bước vào một tiệm Mac Donald's gọi một cái hamburger, một gói khoai tây chiên, một ly nước. Họ cẩn thận cắt đôi bánh, chia đều gói khoai và rót nước ngọt thật đều ra hai chiếc ly. Thấy vậy, một thanh niên tốt bụng đề nghị mời hai vợ chồng già một xuất ăn nữa. Bà vợ lịch sự từ chối.

"Cậu không hiểu đâu! Chúng tôi lấy nhau đã hơn 50 năm và đã quyết định sẽ cùng nhau chia sẻ thật đều những gì mình có cho tới trọn đời."

Ông chồng bắt đầu dùng bữa trong khi bà vợ ngồi khoanh tay say sưa ngắm chồng. Thấy vậy, người thanh niên thắc mắc.

"Sao bác không ăn cùng với bác trai?"

Bà lão móm mém cười.

"Tôi chẳng nói với cậu là chúng tôi chia sẻ thật đều mọi thứ trong đời hay sao? Hôm nay tới lượt ông ấy dùng hàm răng giả trước!"

Răng, nó đau thì ta khổ. Trong trăm ngàn nỗi khổ của đời sống, nỗi khổ đau răng là nỗi khổ có hạng. Mất ăn mất ngủ. Đau răng mà thiền được chỉ có các thiền gia. Ni cô Trí Hải thiền với cái răng đau như sau.

" Đau răng mới biết rõ ý nghĩa của Vô Ngã."

" Răng với Vô Ngã có ăn thua gì với nhau đâu, thưa cô!"

" Khi răng không đau thì mình không để ý tới hắn, coi như không có. Khi hắn lên tiếng là có chuyện. Cũng thế, nếu mình vô ngã thì môi trường chung quanh mình rất dễ chịu. Còn mình lên tiếng ' Có tôi đây' thì có chuyện ngay. Bởi vậy, muốn lành mạnh phải vô ngã!"

03/2004
Website: www.songthao.com

Hình chụp ở Tam Đảo - không rõ năm. Ba người bên phải cùng: Hoàng Đạo (đứng, áo len, quần sọc), Bà Lê Thị Sâm (mẹ NL, HĐ, TL), Thạch Lam (ngồi, áo vét, cầm mũ), Nhất Linh thổi sáo bên trái cùng. Khái Hưng (giữa, cao nhất trong hình, áo vét, mũ phớt, chống ba toong). Người mặc áo vét, đội mũ, đứng cách Khái Hưng một người bên phải là Nguyễn Kim Hoàn (bố Duy Lam, Thế Uyên)

Cha mẹ tôi định cư tại huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải-dương. Gia đình tôi gồm bẩy anh em, tôi là thứ năm và mình tôi là gái. Khi tôi tới tuổi hiểu biết, các anh trai lớn chia nhau đi học xa. Anh cả tôi học trường Bưởi ở Hà-nội, anh thứ ba thứ tư học ở Hải-dương. Chỉ còn có tôi và hai em trai bé là học ở trường huyện. Người em út quá ít tuổi nên tôi thân với người em kế tiếp nhất, người em thứ sáu trong gia đình, kẻ sau này trở thành nhà văn Thạch-Lam. Thầy tôi chết sớm, mẹ tôi quanh năm buôn gạo khắp nơi xa ít khi ở nhà nên mọi công việc gia đình đều do bà nội rất hiền và rất thương các cháu lo liệu. Mỗi lần bà đi chơi đâu vài ngày là mấy chị em tôi hết sức mong đợi vì khi trở về, bà tôi mang theo hàng thúng quà, không những phân phát cho các cháu nội ngoại mà còn cho cả trẻ con hàng xóm. Nhưng thời kỳ tôi mong ngóng nhất là kỳ nghỉ hè vì lúc đó các anh tôi, người Hà-nội kẻ Hải-dương đều trở về quê. Ngày bãi trường, hai chị em tôi dắt nhau ra ga từ sáng sớm. Đoàn tầu còn xa đã thấy anh hai đứng cửa toa bên rương quần áo. Bao giờ tôi và Vinh cũng bở ngỡ và hơi sợ hãi lúc đầu vì sau một niên học, các anh thường lớn lên nhiều và có vẻ nghiêm trang như người lớn. (Vinh là tên thật của Thạch-Lam hồi bé vì thầy mẹ tôi đặt tên các con theo một vế câu đối: Thụy Cẩm Tam Long Vinh Bách Thế. Tôi thứ năm nhưng mang tên Thế cho có vẻ con gái, do đó Thạch Lam thứ sáu mang tên Vinh. Mãi sau này, vì làm khai sinh lại để tăng tuổi đi thi nhẩy, Thạch Lam mới đổi tên là Lân và giữ tên này cho tới khi chết).

Hai tháng nghỉ hè rất vui vì các anh lớn bầy nhiều trò chơi như xếp bàn ghế chia làm hai phe làm cung tên bắn lẫn nhau hoặc kéo một lũ tất cả mấy anh em ra cánh đồng đá ban hay bơi lội ở con sông đào nước trong trông thấy đáy. Tuy vậy tôi vẫn thích nhất những hôm trời có trăng, cả nhà ra ngồi ngoài sân, hai chị em, tôi và Vinh đi chơi chân không quanh quẩn chỗ mẹ và bà ngồi cho đến khi trăng tà sương lạnh mới kéo nhau vào ngủ. Năm đó hai anh lớn đều thi đỗ, tôi không nhớ tên bằng gì. Khi thi xong trở về, cả huyện nghe tin kéo sang mừng đầy nhà. Họ khen lung

tung, người thì bảo nhà có đất nên mấy cậu mới thi đỗ như vậy, người nói "nhà nối vây rồng," người bảo mấy anh em ai cũng tốt tướng cả. Vinh mắt nâu và sâu, tóc hơi đỏ thì được khen rằng: "Cậu này đẹp quá giống tây quá." Mẹ tôi cười bảo tại lúc bé không mướn được vú nuôi, phải cho ăn sữa bò hộp mang bên tây sang nên Vinh mới có mầu mắt và tóc như thế. Tôi ngây thơ tưởng thật và cứ yên trí là ăn sữa hộp nhiều là giống lai. Mãi sau này tôi mới biết là ngày ấy mẹ tôi nói đùa. Vào thời kỳ xa xôi ấy, thi đỗ là truyện quan trọng. Bên ngoại tôi có một người đỗ bằng tương tự, cả họ ăn khao ba ngày liên tiếp mời khắp làng xóm và gọi cả cô đầu về hát. Mẹ tôi và bà tôi những lúc ngồi bàn truyện vui, thường bàn tính nếu hai con thi đỗ, sẽ mổ bò ăn khao. Cứ nói đến đó là cả nhà xúm xít vào bàn nên làm thế nào, mổ ra sao trong khi mãi hai năm sau hai anh tôi mới dự kỳ thi. Mẹ và bà tôi quả có để giành đủ tiền mua bò ăn khao thực, nhưng đến hôm khao vọng, con bò biến thành con gà vì mẹ tôi phải rút bớt tiền ra để lo sách vở quần áo cho các con tiếp tục học nữa. Sau này gia đình khá giả hơn, chúng tôi còn hay nhắc tới câu chuyện "Con bò ăn khao nuôi hai năm lâu quá hóa thành con gà."

Mùa hè năm đó qua nhanh, chưa chi tôi đã thấy mẹ tôi gọi thợ vào cắt áo sửa soạn cho các anh tựu trường. Ngày các anh lớn ra đi, ba chị em, tôi, Vinh và em út dắt nhau ra sân ga tiễn, nhìn theo đoàn tầu và bóng áo dài trắng của các anh bé dần mờ mất rồi mới trở về căn nhà vắng lặng. Còn có ba đứa cháu, bà tôi cũng được nhàn rỗi nên mang mấy tay nải quần áo cũ ra sửa lại cho chúng tôi mặc. Trong số đó có cái áo "ma-ga" bà tôi bảo "người ta dệt bằng tóc, mua cho thằng cả từ mười năm rồi." Vinh rất thích, lấy tay sờ đi sờ lại cái áo này và cứ hỏi: "Bà ơi, người ta lấy tóc của ai mà dài thế?" Vinh ưa cái áo đó lắm vì mặc ấm và không bẩn, vì bụi đất dính vào chỉ đập mấy cái là sạch. Tuy quí cái áo như thế mà đến mùa đông năm đó, thấy con chị Lê bên nhà hàng xóm rét run, cả ngày không dám ra đường chơi, cứ chúi vào ổ rơm nên Vinh đã cởi ra cho nó mặc. Buổi chiều, chị Lê về thấy con có áo mặc, cứ tưởng Vinh sang chơi bỏ quên con chị lấy mặc nên vội vàng mang sang trả. Bà tôi gọi Vinh lên hỏi, Vinh thưa: "Cháu cho nó vì thấy nó rét quá. Cháu cũng không thích cái áo ấy nữa vì nó làm bằng tóc, mặc ngứa lắm. Cháu đã có cái áo gi-lê này đủ ấm rồi." Bà tôi nhìn em tôi cười rồi bảo chị Lê cầm về cho con mặc, nhưng chắc bà cũng rõ em tôi thương đứa bé rét nên nói vậy chứ thực ra nó còn thích cái áo đó lắm. Sau đó mấy ngày, tôi thấy bà tôi soạn hết quần áo cũ chúng tôi không mặc được, gọi chị Lê sang cho hết. Chị ấy mừng quá, ôm vội vàng đem về như sợ đi chậm bà tôi đổi ý đòi lại chăng. Vẻ mặt mừng rỡ của chị Lê ngày ấy tôi còn nhớ cho tới bây giờ. Sau này, khi các con tôi đã lớn, tôi vẫn cất quần áo cũ đi để cho những người nghèo. Bà tôi mẹ tôi em tôi bây giờ đã chết cả. Nhưng khi có người tới, dù bận đến đâu tôi cũng cố vào lục lọi vội vàng hòm tủ lấy vài cái ra cho. Tôi vẫn thấy vui thích khi làm việc đó và cả một thời kỳ dĩ vãng hiện ra trong óc tôi, thời đã xa xưa, tôi và Thạch Lam lang thang ở cái chợ nghèo nơi huyện lỵ nhỏ ngoài miền Bắc.

Tôi và Vinh đều đi học trường huyện làm trước sân chùa. Đi học phải qua phố huyện, qua cái cầu bắc ngang sông Sen có đường xe hỏa. Hôm nào đi học em tôi cũng cố đi sớm để lên cầu đứng lọt vào cột sắt đợi tầu chạy qua. Tôi thì tôi sợ lắm không lần nào dám lên. Tôi dút dát bao nhiêu thì Vinh bạo bấy nhiêu. Tuy tôi hơn nó một tuổi nhưng việc gì cũng phải nghe theo nó cả. Đi học ở trong lớp, thầy giáo hỏi cái gì cả lớp chưa ai giơ tay thì nó giơ tay trước, tay kia vẫn viết mồm trả lời thầy làm tôi ngạc nhiên vì ở nhà chẳng thấy nó học bao giờ. Đi học về là bỏ sách đi chơi liền. Sáng sớm, tôi cùng mấy đứa em họ nghèo rủ nhau dậy sớm học bài thi Vinh còn ngủ. Đã có nhiều lần thấy không chịu học, tôi đã la nó. Một hôm có thanh tra ở tỉnh về bất thình lình, mở sách học trò bảo đọc một bài hát trẻ con bằng tiếng Pháp, Vinh giơ tay tình nguyện lên đứng quay lưng lại bàn thầy đọc một mạch thong thả trơn chu, không run sợ. Ngồi xa, tôi thấy sợ quá. Chắc ai hỏi tôi một câu thôi, chắc tôi cũng không thể mở mồm ra được mà nó lại bình tĩnh được như vậy. Niên học năm đó em tôi được phần thưởng nhất và cũng là học sinh ít tuổi nhất trong lớp.

Cũng nhờ tính bạo dạn này, Vinh đã giúp đỡ mẹ tôi được nhiều việc. Nhưng cũng làm cả nhà hoảng hồn nhiều lần. Năm lên sáu lên bảy, nó rất thích xem tầu hỏa, ngày nào cũng ra đợi ngắm chuyến tầu kéo gạo 2 giờ trưa. Huyện Cẩm-giàng bán rất nhiều gạo nên ngày nào chuyến tầu đó cũng phải lui đi lui lại đến móc toa gạo. Vinh để ý đoàn tầu bao giờ cũng lên khỏi ghi rồi ngừng lại đúng chỗ đó. Nó bàn với tôi là lấy một hòn đá to để vào đúng chỗ tầu vẫn ngừng đánh dấu xem chuyến tầu sau có vượt quá không. Sau mấy hôm

liền, đoàn tầu đều dừng đúng chỗ. Chán con tính này, Vinh kéo tôi lại gần đường sắt, chỉ cho tôi xem cái vành bánh sáng bóng, hỏi tôi có đẹp không rồi muốn lại gần sờ tay xem sao. Tôi sợ quá, bảo nó nhỡ tầu hôm nay móc toa không ngừng đúng mức cũ thì sao. Nó quả quyết nhất định phải đúng và có sai một tí cũng không sao, có gì mà "chị phải sợ." Nó giằng tay tôi chạy vọt lên, bò tới trước bánh xe, lấy tay sờ lấy làm thú lắm. Nó vẫy tay tôi lên theo vào gầm toa với nó. Tôi thì đứng nín thở không dám nhúc nhích, nó cứ sờ đi sờ lại hoài bánh xe. Tôi gọi, vẫy thế nào nó cũng không ra. Người đi đường trông thấy la lên, nó cũng kệ. Khi chán bánh xe rồi, nó mới từ từ bỏ ra. Sau này có lần cùng đi xe lửa với Thạch Lam về quê, tôi có nhắc tới truyện này thì Lam cười nói: "Kỳ nhỉ! Sao chị nhớ mà em lại không nhớ nhỉ?"

Những ngày nghỉ học, hai chị em đi chơi quanh quẩn nơi xóm chợ, nhưng thích nhất là nhà ông Chiểu đan lờ. Hôm nào thấy ông ấy vác dao vào làng mua tre là hai chị em có mặt ở nhà ông đợi sẵn. Những cây tre xanh dài bổ làm hai, mùi thơm hăng hắc. Chỉ một chốc ông đã vót thành những sợi lạt nhỏ và dài, đem phơi nắng một ngày một đêm rồi hôm sau đan thành lờ, rọ đơm cá. Chưa tới mùa thu, trời đã trong và hơi lạnh, quán chợ các hàng cột vắng, cây đa ven đường đã có lá vàng rụng. Ông Chiểu ngồi đang lờ thiu thiu ngủ gật làm cho hai chị em tôi cũng muốn ngủ luôn. Tôi không dám ngủ ngày bao giờ vì có một lần ngủ ngày dậy ốm một trận nên sợ. Còn Vinh thì có một buổi chiều chủ nhật ngủ tới năm giờ chiều tỉnh dậy, tưởng là sáng sớm thứ hai rồi nên lúi húi mặc áo cắp sách đến trường vào lớp ngồi. Chỉ thấy người gác-dan quét dọn, nó tưởng đến sớm quá. Nhưng càng đợi thấy trời càng tối, nó mới nghĩ ra, cắp sách đi về nhà mặt mũi ngớ ngẩn làm cả nhà cười nôn ruột. Bà hàng xóm và tôi dọa nó là chắc bị con ma chăm học ám nên mới xẩy ra truyện ấy, nó nín lặng ăn cơm nên tôi không biết nó có tin không.

Sau khi hết mê ngắm và sờ bánh xe lửa, Vinh bắt đầu mê thỏ, ngồi suốt buổi ngắm hai con thỏ bạch mắt đỏ của một người quen cho. Một hôm có ông bạn của thầy tôi về chơi, cả nhà đi vắng, Vinh dắt ông khách ra chuồng thỏ để khoe và bàn về cách cho thỏ ăn cà-rốt. Tôi còn quá bé chưa biết làm cơm, ông khách bị bữa đói nhưng khi mẹ tôi về, không những vẫn vui vẻ còn khen Vinh là dạn dĩ và hiểu biết (không biết hiểu biết đây là về gì, về học lực hay về việc dạy cách nuôi thỏ).

Năm sau anh cả và anh hai đỗ bằng "*đíp-lôm*" nhưng còn ít tuổi quá không thi vào Cao-đẳng được nên đi dạy học trong khi chờ đợi. Anh cả được dạy tại huyện Thư-trì tỉnh Thái-bình, về đón cả gia đình xuống nơi dạy học. Chúng tôi tạm rời huyện Cẩm-giàng, Vinh được gửi trọ học tại nhà một người bạn. Đến ngày nghỉ, bà tôi tới đón về, mở rương ra thấy toàn quần áo bẩn mốc. Hỏi tại sao, Vinh ngây thơ trả lời: *"Cháu không biết giặt, cứ mặc bẩn xong lại nhét vào lấy cái khác ra mặc."* Một năm sau, gia đình tôi lên Hà-nội. Năm đó Vinh 14 tuổi vẫn chưa đỗ Tiểu-học vì quá lười học. Mẹ tôi hỏi tại sao, chú trả lời: "Mẹ cứ yên trí." Ngay năm đó chú thi đỗ và vì thấy mình đỗ muộn so với các anh nên quyết định đổi tên là Nguyễn-Tường-Lân để dự thi đíp-lôm ngay năm sau đó. Và năm sau chú đỗ thật. Tú-Mỡ làm một bài thơ khen tôi còn nhớ như sau:

"Có lời mừng bác Nguyễn-Tường-Vinh
Đáng bực thần đồng bọn học sinh
Năm trước vừa an kỳ tốt nghiệp
Năm sau đã chiếm bảng trung thành
Vẫn hay phúc ấm nhờ tiên tổ
Cũng bởi công phu gắng học hành"

(Bài thơ này của Tú-Mỡ tôi còn nhớ được vì sau này tôi có đọc cho hai con trai lớn nghe, chúng nhất định cãi không phải của Tú-Mỡ vì không lẽ Tú-Mỡ làm thơ dở như vậy).

Sau khi đỗ Tú-Tài I, các anh mở báo nên chú cũng bỏ không thi tiếp, quay ra làm báo với các anh. Năm chú 20 tuổi, tôi lấy chồng. Sau khi tôi sinh đứa con đầu là Lam, mẹ tôi, chú và chú Bách về ở một căn nhà ven bờ đê Yên-phụ vì các anh lớn đều đã có vợ con cả rồi. Sau thời gian chung sống một năm với vợ chồng tôi, chú cũng lấy vợ và dọn sang ở riêng ở căn nhà tranh đầu làng Yên-phụ, nơi gia đình riêng của tôi ở trước. Từ đó tính tình chú thay đổi, đang hoạt bát vui vẻ bỗng trở thành ít nói, khó tính. Thay đổi này nguyên do vì sức khỏe yếu hay vì gì, tôi không hiểu.

Tính chú càng về sau càng khó, khó đến độ buồn cười. Chú ưa tĩnh mịch nên khi có con, vú em được lệnh cấm không được ru và cũng cấm không được để nó khóc. Ngoài cổng, có khi chú còn cho treo một cái biển đề: "Ai hỏi gì xin lên tòa soạn." Về ăn uống, chú còn khó hơn nữa. Cà-

phê bao giờ cũng phải do tay vợ pha, người khác pha là không bao giờ uống. Có một hôm nhà hết cà-phê, chú bắt người làm lên tận cửa Ô Yên-phụ rất xa mua một ly cà-phê pha sẵn. Vậy mà khi mang về đến nhà, chú hất đổ ngay xuống đất, nói: "Làm thế để cho mà nhớ. Lần sau hết cà-phê phải mua ngay chứ không thèm uống cà-phê người ngoài pha!" Ngay người làm trong nhà, chú cũng bắt sạch sẽ: quần áo gọn ghẽ, móng tay cắt cụt và rửa sạch. Chú khó tính đến nỗi hầu như chỉ có thím là chiều chuộng được chú, còn tôi và mẹ tôi cũng đành chịu.

Mỗi lần mẹ tôi đến chơi phải sang nhà tôi trước, cho người sang hẹn giờ gặp chú sau chứ chú không muốn mẹ tôi đến thăm bất ngờ. Chú rất nghèo vì lương nhà báo chỉ có 30 đồng nhưng không bao giờ chú nhận sự giúp đỡ của bất cứ ai, dù của mẹ hay các anh cũng vậy. Vì nghèo nên chú chỉ ước mơ mua một chiếc ghế bành ngồi mà cũng không mua được. Mãi sau có một người bạn thân biết ý nên mua biếu hai chiếc.

Đến năm ba mươi tuổi chú bị lao hạch, phải đi mổ. Tuy chữa khỏi nhưng sức yếu đi rất nhiều. Đến năm sau, chú tổ chức ăn Trung-Thu tại nhà, viết thiếp mời bạn bè đến dự nhưng chua thêm là ai tới phải mang một món ăn theo. Năm đó tôi nhớ có mặt Đỗ Đức Thu, Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Tú Mỡ, Đinh Hùng, ông Thể một bạn rất thân và nhiều người khác tôi không nhớ tên. Khai mạc tiệc có tới hai mươi người nhưng thiếu Khái Hưng và Hoàng Đạo bị bắt an trí tại Vũ-bản, Nhất Linh ở bên Trung-quốc. Trời mưa nên không có trăng nhưng tiệc vẫn vui. Sang năm sau, các bạn người chạy trốn, người bị bắt, các anh phân tán nên chú phải quán xuyến nhiều công việc của tòa soạn. Vốn yếu sẵn nên chú bị ốm nặng. Chú Bách, người em út, học năm thứ sáu y-khoa và mẹ tôi đều về ở với gia đình chú để trông nom thuốc thang.

Lúc ốm liệt giường, chú kêu nằm giường cứng đau lưng nên mẹ tôi phải trở về trại Cẩm-giàng, xe chiếc giường cũ lên cho chú nằm. Vì thích cây liễu nên chú bắt kê giường làm sao cho chú nằm, vẫn nhìn thấy cành liễu rủ xuống khung cửa sổ. Một hôm thằng người nhà không biết, rứt mấy cành thấp lòa xòa sát đầu. Khi tôi sang, chú kể chuyện và cứ tiếc mãi. Từ đó về sau, tôi phải dặn tất cả mọi người không ai được dứt một cái lá liễu nào của chú.

Đau ốm, chú không cho bất cứ bạn bè hay họ hàng nào vào thăm. Chỉ những người thân trong nhà mới được vào phòng thôi. Một hôm tôi sang, chú đã yếu lắm rồi, không nhúc nhích người nổi. Chú bảo tôi rằng : "Chị đỡ em lên cao một tí để em nhìn thấy cây liễu." Chú nhắc tới những kỷ niệm ngày còn nhỏ và bảo tôi: "Hôm nào em đỡ, chị làm cho em ăn món em thích nhé". Bữa ăn chú nói tới đây xẩy ra đã lâu, một đêm chú đi chơi khuya về, tôi dọn cho chú ăn cơm với dưa chua và thịt kho. Chú nói dù đã ăn nhiều cao lương, chú vẫn chỉ nhớ bữa cơm tôi dọn cho chú một ngày xưa ấy. Tôi cười và nói đùa: "Ừ, khi nào khỏi, chị sẽ bảo chú đi chơi khuya rồi về lại dọn cho chú một lần như vậy nữa."

Thấy mẹ tôi lo lắng, chú vẫn cười: "Mẹ đừng lo, con còn đợi ăn na của mẹ đã chứ." Chú vẫn thích ăn na và na trong vườn mẹ tôi còn hai tháng nữa mới chín. Sau khi thím đẻ đứa con thứ ba được ba ngày, vì mẹ tôi biết chú sắp chết nên vào nhà hộ sinh đón về cho chú coi mặt con. Chú khen: "Ừ, trông nó cũng khỏe mạnh đấy." Sáng ngày 15 tháng 5 âm lịch, mẹ tôi, chú Bách đều có mặt. Buổi trưa tôi về nhà ăn cơm thì mẹ tôi cho người gọi sang ngay.

Đến lúc đó, tôi thấy chú vẫn có vẻ tỉnh. Sau khi chú Bách chích thuốc xong, chú đòi đỡ dậy và mắng vợ đương khóc : "Me còn ngồi kia, tôi còn ngồi đây, đã chết đâu mà khóc!" Mẹ tôi ngồi một bên, vợ chú ngồi một bên nắm hai tay chú. Bỗng dưng chú thấy tay rung lên nên chú bảo mẹ giữ thật chặt hộ. Rồi chú và chú Bách nói tiếng Pháp với nhau vài câu. Chú Bách bỏ ra ngoài hành lang. Tự dưng chú gọi em trai: "Bách ! Bách!" nhưng chú Bách không quay đầu lại. Mẹ tôi và tôi gọi theo: "Anh gọi, chú quay lại đã nào." Chú Bách gắng gượng quay mặt lại và tôi thấy chú đang khóc. Cúi xuống, tôi thấy người em thứ sáu trong gia đình đang từ từ duỗi chân ra. Mẹ tôi liền đỡ chú nằm xuống.

Từ đó tôi vĩnh viễn không được trông thấy người em thân yêu và không bao giờ còn dịp dọn một bữa cơm dưa chua thịt kho vào lúc đêm khuya nữa.

(Trích từ báo Văn số 36 ra ngày 15-6-1965 tại Sài Gòn)

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG
TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

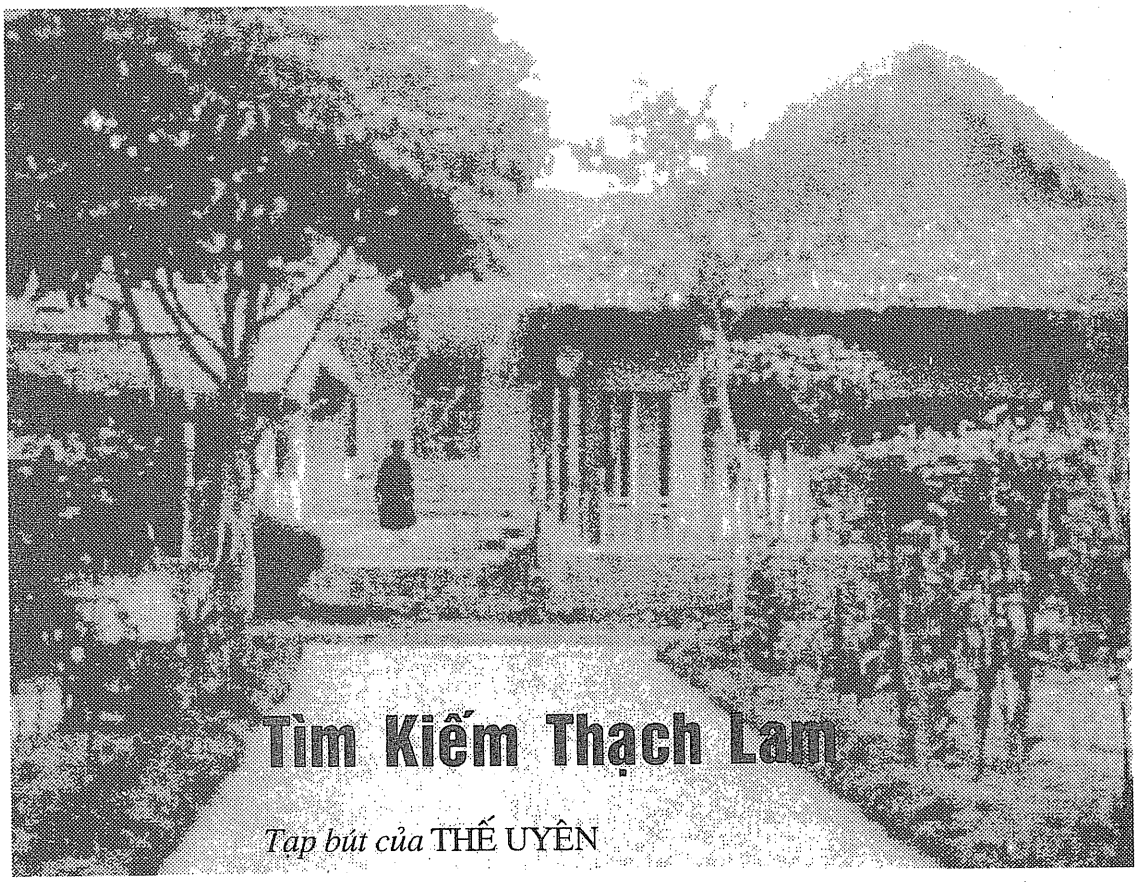

Tìm Kiếm Thạch Lam

Tạp bút của THẾ UYÊN

Trại Cẩm Giàng

Nói đến tìm kiếm bởi vì dù là em ruột mẹ tôi, Thạch Lam đối với tôi là một kẻ xa lạ. Khi tôi rời thời kỳ đứa trẻ chưa ý thức được vị trí của mình trong không gian và thời gian để vào tuổi biết rằng mình là mình, tôi thấy tôi ở một căn nhà ven sườn con đường dẫn lên Nghi-tàm Quảng-bá. Phía sau nhà là hồ Ao-vả. Bên kia hồ là làng Yên-phụ, nơi có nhà-cây-liễu của chú Sáu ở (trong gia đình, Nhất Linh là bác Tam sinh thứ ba, mẹ tôi là cô Năm, Thạch Lam kế tiếp là chú Sáu). Gọi là nhà cây liễu vì trong sân sát hồ có một cây liễu lớn, cành đổ nghiêng rủ xuống gần mặt nước do chính Thạch Lam trồng. Gia đình tôi trước kia ở nơi ấy cho tới khi tôi sinh ra đời mới nhường lại cho Thạch Lam. Mẹ tôi thường dẫn hai con trai lớn sang thăm nhưng tôi chỉ ở ngoài cửa, cùng Lam nghịch ngợm trong sân đình kế cận vì chú Sáu không ưa trẻ con. Tất cả những gì tôi ghi nhớ được về ngôi nhà có cổng đan bằng tre là một hôm chú đi vắng, tôi lẻn vào phòng, lục chồng báo Tarzan ra xem trộm và bị bắt gặp. Hậu quả vụ đột nhập này, theo lời mẹ tôi là chú yêu cầu bà: "Từ giờ chị sang thăm tôi thì chị để chúng nó ở nhà." Vì lời yêu cầu này nên "chúng nó" gồm tôi và Lam thuộc lòng từng viên gạch sứ đường làng, từng ngõ ngách ngôi đình nhưng gần như không biết gì về bên trong cổng tre, kể cả khuôn mặt ông chú khó tính. Có một lần ông hỏi mẹ tôi các cháu có sang không và khi mẹ tôi trả lời "Chúng nó đang nghịch ngoài kia!", ông trách cứ: "Sao chị không cho các cháu vào..." Lần đó dĩ nhiên chúng tôi được vào, vào lần chót vì ông qua đời trong ngày vì bệnh lao.

Ông chết trong một sự sáng suốt đến giây phút chót. Khi chú Bách (đang học y khoa) biết anh mình sắp rời cuộc sống, đứng dậy bỏ ra ngoài hiên, Thạch Lam không nói gì trong một lát. Nhưng đột nhiên ông ngồi dậy, gọi: "Bách, Bách!" rồi tắt thở. Tại sao trong tất cả người ông đã thương yêu trong đời, có mặt hay vắng mặt quanh giường, ông lại gọi người em kế như thế? Hai âm thanh cuối cùng thốt ra ấy biểu lộ cái gì, Lam và tôi sau này đã có lần tự hỏi như vậy. Cái tâm hồn phong phú, tế nhị và ý thức sáng suốt cái chết đến thật chậm qua nhiều ngày tháng ấy, đã thoáng nhìn thấy sự chết sắp đến như thế nào để có thể có

thái độ và tiếng gọi như vậy. Căn cứ vào sự kiện bảo mẹ tôi cho chúng tôi vào, có thể giả thuyết được rằng ông muốn có thêm – trong tất cả gia đình, chỉ có bà tôi ba me tôi và người vợ là hiện diện, những người đã cấu thành cuộc đời ông chung quanh khi đi vào nơi chết. Có thêm để làm gì? Biểu lộ một níu kéo tuyệt vọng với đời sống sắp rời bỏ? Nhưng tại sao lại gọi như thế, vào giây phút chót, kẻ đó quay lưng lại hay không, có ích gì cho ông?

Có thể nói Thạch Lam biết mình sẽ chết từ rất lâu và ông đã suy nghĩ về nó. Khi viết về Nhất Linh (1), tôi có kể lại lễ Giao-thừa đầu tiên tôi được tham dự ở trại Cẩm-giàng với đầy đủ các bác các chú và giòng họ và cũng đã ghi rằng đó là Giao-thừa chót tại căn trại này vì sau đó là chiến tranh và phân tán. Mẹ tôi kể lại cuối năm âm lịch sau, Thạch Lam có trở về trại ăn Tết như thường lệ. Dãy nhà ngang trông ra chiếc ao dài sát bờ tre từ xưa vẫn được coi là khu đàn ông. Căn đầu tiên trải thảm cói dầy, nhiều ghế bành mây, có cửa lớn nhìn ra đường xe lửa bên kia lũy tre, thường được các bác các chú xử dụng làm nơi uống trà vào buổi chiều trong những giờ khắc cuối cùng của một ngày. Hơn một lần, tôi đã tò mò ngồi trên cành cây sấu nhìn vào thế giới người lớn bên trong, thế giới đầy những lời đối thoại, tiếng cười về những điều tôi không hiểu trong làn khói thuốc lá mịt mù cho tới khi người nhà mang đèn măng-xông từ trên nhà chính xuống và tiếng mẹ tôi cất lên gọi về rửa chân tay ăn cơm tối. Căn trại này gần như biệt lập giữa đồng, người làm đều gần như thân thuộc, hẳn các ông đã bàn nhiều về văn nghệ, báo chí cũng như những dự định về cách mạng, giải phóng dân tộc. Khác với hai anh thứ nhất và thứ nhì không để ý và tha thiết tới văn hóa, cũng khác với anh thứ ba và thứ tư quá say mê cách mạng, Thạch Lam thường ngồi riêng một góc với vài bạn văn, "cách biệt với tất cả như đôi mắt sâu và tối của chú," mẹ tôi nói vậy. Tết năm ấy, trong tất cả các anh em trai, chỉ có Thạch Lam trở về trại: Hoàng Đạo đã bị bắt. Nhất Linh trốn sang Trung Hoa, các bạn thân kẻ bị bắt cùng như Khái Hưng, kẻ phân tán trốn tránh. Mẹ tôi kể lại ông tới ngồi trong phòng khách ấy một mình, đôi mắt sâu và tối hơn bao giờ hết và ngồi như vậy cho tới khi bóng tối tràn đầy căn phòng và dần dần bao phủ khu vườn phía trước.

Ngày hôm sau làm lễ nhập quan Thạch Lam, tôi và Lam có tham dự. Hai đứa đứng sau một chiếc ghế bành kê trong góc, ngơ ngác nhìn những người phu trải giấy rồi vải cạnh giường trong tiếng khóc lớn của các người đàn bà. Tôi nhớ mang máng ngoài trời có nắng, mặt hồ phẳng lặng và chiếc áo quan để giữa phòng. Khi một người phu niệm đứng lên giường chuẩn bị khênh xác, vạt áo hay một cái gì tôi không rõ làm rơi tấm giấy bản phủ trên mặt người chết xuống đất. Tôi xửng sờ nhìn khuôn mặt xanh lét khô cứng và đôi mắt mở lớn nhìn bằng được một cái gì... Một người phu khác cúi nhặt tấm giấy, phủ lại trên mặt rất nhanh nhưng từ giờ phút đó khuôn mặt ấy, đôi mắt mở lớn ấy vĩnh viễn ghi lại trong tâm hồn tôi đến nỗi ngay lúc này tôi có thể hồi tưởng lại hết sức dễ dàng. Cách đây vài năm, tôi nhắc lại sự kiện cũ với Lam trong một buổi tối trước ngày giỗ Thạch Lam, Lam làm tôi ngạc nhiên khi cho biết anh cũng nhớ rõ như tôi và còn tệ hơn nữa vì thấy đó là khuôn mặt của cái chết. Khuôn mặt của cái chết? Có lẽ còn hơn thế nữa vì đôi khi, muốn diễn tả sự chết, tôi tự động thấy hình ảnh khuôn mặt với đôi mắt mở lớn tức giận cố nhìn ngược lên này hiện ra rõ ràng từng chi tiết. Một ảo giác đặc biệt của tuổi ấu thời? Có thể là vậy nhưng sau này, đã gặp và kế cận với nhiều người chết vì nhiều nguyên nhân khác nhau, tôi vẫn không thấy xác nào có khuôn mặt chết bằng khuôn mặt sau cùng của Thạch Lam.

Cuộc tìm kiếm con người Thạch Lam trong dĩ vãng của tôi chỉ đưa đến có thế. Cuộc tìm kiếm khác về nhà văn Thạch Lam chỉ bắt đầu sau này qua các tác phẩm ông đã viết. Kết quả đầu tiên, như đã ghi khi viết về Nhất Linh, là tôi nhận ra chính Thạch Lam mới là người viết văn hay cả trong Tự-lực Văn-đoàn. Đa số là truyện ngắn của ông, gần đây tôi đọc còn thấy hay và xúc động trong khi tôi không thích thú nhiều khi đọc đa số các truyện ngắn truyện dài của Khái Hưng và Nhất Linh.

Theo lời mẹ tôi và thím tôi, Thạch Lam là một người khó tính và yếu ớt, thích suy nghĩ và nếp sống yên tĩnh. Cho tới khi chết, ông không có một hành động cuồng nộ đáng nói. Tôi cũng tin như thế khi đọc qua những *Nắng trong vườn, Dưới gốc hoàng lan, Ngày mới*... Hình ảnh rõ rệt nhất tôi xây dựng về ông là một người yếu đuối, mắt sâu, trầm tĩnh ít nói, tâm hồn đa cảm và tế nhị. Đọc một vài đoạn văn của ông, đôi khi tôi có cảm tưởng Thạch Lam chỉ là một hệ thống giây tơ bén nhậy đến độ có thể thu nhận được sự thay đổi về cường độ ánh trăng hay âm sắc các loại lá khi khô rụng va vào đất. Nhưng có một truyện

ngắn nhan đề TRĂNG thuật lại hai người trai gái hôn nhau dưới trăng đến nát môi và người con gái chết dưới ao tóc lẫn cánh bèo sáng hôm sau, làm tôi ngỡ ngàng tự hỏi hình ảnh tôi đã xây dựng về Thạch Lam có biểu hiện được đầy đủ con người của ông hay không. Tôi vẫn cho bút pháp của tôi nhiều khi dữ dằn, tàn nhẫn và cuồng nộ nhưng trong truyện ngắn *Trăng*, cuồng nộ dữ dằn ấy đã có ở một mức không kém. Nhưng con người cuồng nộ của Thạch Lam chỉ xuất hiện có thế. Điều đó thực đáng tiếc vì theo tôi, nếu Thạch Lam để con người này phát triển hơn và chi phối ngòi bút, hẳn văn nghiệp của ông để lại không phải chỉ như hiện nay.

Dĩ nhiên nhận xét trên chỉ là một giả thuyết, một mong ước phỏng đoán bởi vì dù có thế nào ông cũng không ra thoát khỏi cái thế giới của ông, thế giới của dĩ vãng và kỷ niệm. Căn cứ vào các người thân, tôi thấy rằng hầu hết các tác phẩm của Thạch Lam đều lấy chất liệu ở đời sống đã qua của ông, một thứ chất liệu *nguyên*, được hệ thống giây tơ trong tâm hồn ông rung lên phân tán phân hóa theo tiết tấu riêng. Truyện ngắn *Hai Chị Em* bán hàng sén ở phố huyện kế ga xe lửa cố gắng thức đợi tầu tối đi qua, chỉ là một hồi ức trọn vẹn. Cô chị là mẹ tôi, đứa em trai là Thạch Lam, bà già mua rượu là một người có họ xa, khung cảnh là khu phố huyện sau nhà ga Cẩm-giàng ghi tả lại đầy đủ từng chi tiết. Gia đình bác Lê với đàn con nheo nhóc là gia đình một hàng xóm hồi nhỏ – Nhất Linh về sau này cũng dùng gia đình này làm chất liệu trong một phần của truyện dài *Xóm Cầu Mới*. Có thể nói chất liệu văn chương Thạch Lam chỉ gồm có cuộc sống dĩ vãng và sự rung động của tâm hồn tác giả. Tưởng tượng chỉ giữ một vai trò nhỏ bé, khiêm nhường.

Vì áp lực mỗi ngày một đè nặng lên những phần tử quốc gia trong vùng kháng chiến, gia đình tôi hồi cư về Hà-nội từ năm 1947. Ngay ngày hôm sau, mẹ tôi cho tôi và Liên về thăm nhà cũ xem mọi sự ra sao – Lam không được đi vì đã quá lớn, sợ bị quân Pháp nghi ngờ. Lên khỏi dốc Cổ-ngư, lính Pháp chặn xét và khám rất kỹ hai chiếc mũ sói mầu xanh rộng vành có dấu giấy tờ

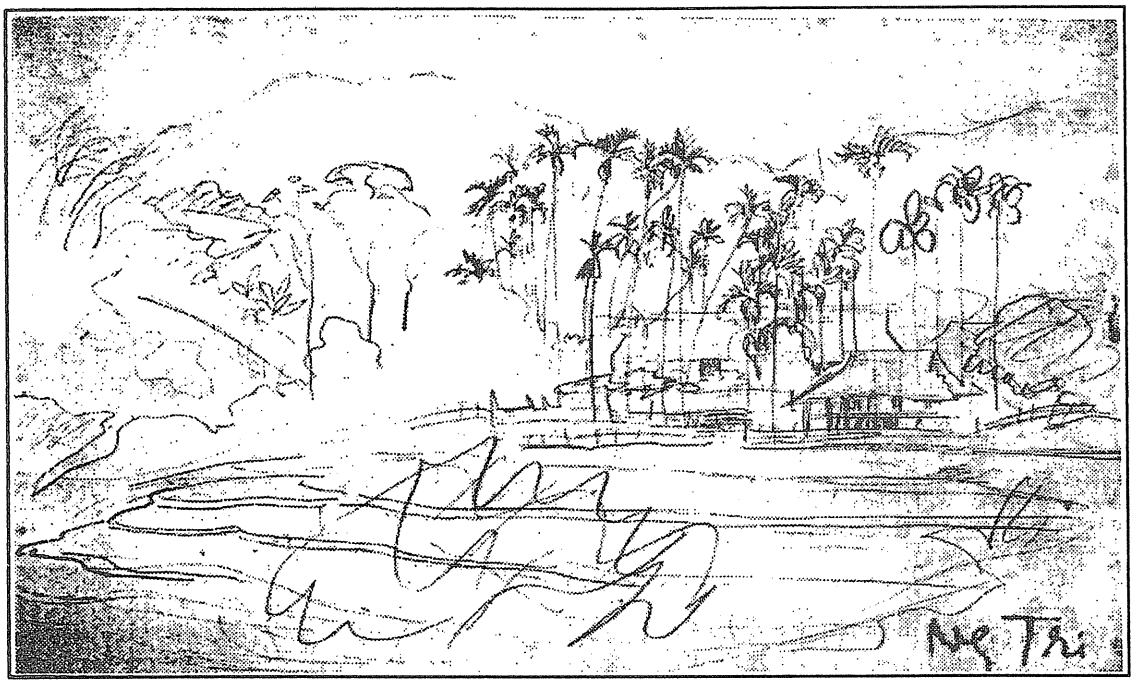

Phác họa của Nguyễn Gia Trí

gì không. Tôi đã đủ lớn để biết sợ Tây nên khi lính gác gắt gỏng, chỉ biết đứng im sợ hãi. Nhưng Liên còn chưa biết gì, tóc còn để kiểu Nhật-bản, thấy mũ bị vò, giơ tay lôi lại. Người lính Pháp có mái tóc vàng óng trợn mắt dọa và Liên cười như khi ở nhà hai anh đùa nghịch dọa làm ngáo ộp. Có lẽ nụ cười trẻ con này làm người lính viễn chinh đổi ý, để chúng tôi đi. Qua đồn, nhiều nhà cửa cháy đen, không một bóng người. Khung cảnh điêu tàn kéo dài cho tới dốc gạch dẫn xuống làng. Bắt đầu từ đây, nhà cửa còn nguyên nhưng vắng bóng sinh hoạt của người. Ra khỏi khúc quanh tới cây đa cổ thụ cành lá nghiêng về phía hồ Ao-vả, Liên reo lên: "Nhà cây liễu còn!" Đối

với chúng tôi, nơi Thạch Lam ở xưa kia được gọi như thế để phân biệt với Nhà Trong, căn nhà gỗ thầy me tôi làm sau này và ở cho tới khi tản cư. Tôi cũng mừng rỡ nhưng rồi xửng xờ vì cố gắng nhìn, không thấy cây liễu đâu. Cổng mở lớn, tôi chạy vào: cây liễu cổ thụ mất tích, phần đất mang gốc trước kia bây giờ là hồ. Chắc ai đã chặt đi, và bờ cứ lở kéo theo luôn phần đất. Sau khi Thạch Lam chết, gia đình Nhất Linh mua lại khu đất, phá nhà tranh cũ đi, xây một ngôi nhà gạch nhỏ và gia đình chúng tôi trở lại ở đó khá lâu cho tới khi được làm Nhà Trong. Suốt thời ấu thơ, đối với chúng tôi, Thạch Lam chỉ có nghĩa là cây liễu "do chú Sáu trồng." Tôi và Liên tiếp tục đi sâu vào làng qua những con đường nhỏ lát gạch rất quen thuộc nhưng bây giờ đầy đe dọa im lìm từng khúc quanh. Nhà Trong cũng còn nhưng đồ đạc tan biến. Hai đứa nhặt vội mấy cuốn sách rơi rải rác, xếp mấy cái bát cũ thổ phỉ chê vứt lại, trở ra ngay. Khu trong im lặng và um tùm quá. Hà Nội hồi đó khan hiếm thực phẩm tươi nên theo lời mẹ dặn, tôi dẫn Liên chui bờ rào vào các khu vườn hái rau và trái cây. Tôi luôn luôn thảng thốt ngửng lên nhìn quanh vì một tiếng chó cắn cũng không có, chỉ hết nhà bỏ hoang này tới vườn cỏ mọc um tùm khác. Bê hai chiếc mũ đầy rau tươi lên khỏi dốc gạch, tôi mới nhớ ra mẹ tôi dặn phải vào nhà cây liễu xem có còn gì không. Nhưng tôi không đủ can đảm và ước muốn để trở lại. Cây liễu biến mất và khu làng im lìm bỏ hoang này không còn là căn làng thần tiên tứ bề nước bao quanh của tuổi ấu thơ nữa. Trở về thành phố vào buổi chiều, sau khi thích thú vì được cả nhà vui mừng ra đón tiếp, tôi ngồi trên một khúc gỗ lớn lấy ở nhà cháy dở phía trước về làm củi, kể cho mẹ tôi và Lam nghe những điều đã thấy về nhà cũ và làng cũ. Ăn cơm xong, trời gần tối, tôi đứng cửa nhìn ra đường khóc một mình. Tại mẹ tôi đã khóc hay tại tâm hồn xúc động bất thường vì mệt nhọc sau mấy ngày đầy biến cố, tôi không biết. Đó là lần đầu tiên tôi đi xa một mình không có Lam và đó cũng là lần đầu tiên tôi khóc không cho mẹ biết. Hơn một năm sau, theo mẹ đi buôn thực phẩm, tôi có dịp trở về Cẩm-giàng và dù được báo trước, tôi vẫn không khỏi ngơ ngẩn khi nhìn dọc đường sắt về phía trước, không còn thấy hình dáng ngôi trại. Nhiều năm sau, dù đi chơi rất nhiều vùng Nghi-tàm Quảng-bá, rất ít khi tôi rẽ xuống làng Yên-phụ. Đường làng bây giờ hẹp quá, bẩn quá, cây đa cổ thụ hết bí mật. Nhà Cây liễu chỉ là một căn nhà gạch nhỏ xám xì, Nhà Trong cũ kỹ hư nát... Những giọt nước mắt của đứa bé đứng ở cửa nhìn ra đường phố tối đen ngày ấy đã xóa nhòa thế giới ấu thơ và cũng đã chấm dứt một thời kỳ. Tôi tự hỏi nên gọi thời kỳ này là gì: thanh bình? tiền chiến? Pháp thuộc? nhưng tôi biết nó chấm dứt với tôi bằng sự tiêu tan không vết tích cây liễu của Thạch Lam.

Tôi và Lam là những kẻ rất lười đi ăn giỗ, ngay cả những ngày cúng Hoàng Đạo hàng năm cũng không bao giờ tham dự. Nhưng mỗi năm, khi nào bà thím, vợ Thạch Lam, sang nói: "Tuần sau giỗ chú, chúng mày sang cả nhé!" là chúng tôi sang cả – không phải vì lưu luyến hay kính trọng ông chú này hơn các ông chú ông bác khác, mà vì gia đình thím tôi rất nghèo, và cũng vì mến người thím vui tính giản dị ấy. Căn nhà nhỏ tối nằm cuối một ngõ hẹp bên kia cầu Thị Nghè, năm nào cũng sang và năm nào tôi cũng phải nhờ cây sung trước cửa mới tìm ra. Đa số những người tới dự là đàn bà, trẻ con và bọn cháu lớn. Đàn ông thường chỉ có Nhất Linh và ông thường ít nói trong không gian chật chội đầy người và tiếng động. Buổi giỗ cuối cùng tôi tham dự cũng có Nhất Linh. Ông ít nói hơn bao giờ hết. Nhìn ông ngồi trên ghế trong căn phòng thiếu sáng đầy khói bếp, tôi tự hỏi ông nghĩ gì. Nghĩ tới người đã chết hay nghĩ tới một thời kỳ đã qua? Đã mấy năm, năm nay mới lại được ở Sài-gòn, dĩ nhiên theo tục lệ gia đình, tôi sẽ sang ăn giỗ. Lần này không có Nhất Linh, Lam và Sơn mỗi người một sư đoàn xa. Gần đây, nhắc tới sự vắng mặt của nhiều người, mẹ tôi lại ngỏ ý muốn lên Đà-lạt để bắt đầu xây dựng một căn nhà gỗ giữa một khu vườn rộng – lũ con chúng tôi đều chỉ có lợi tức đủ sống, bà không còn ôm mộng lập trại nữa. Nhưng điều đó chẳng quan hệ: tôi hiểu rằng điều bà muốn là tạo được một khung cảnh, một lối sống nào đó để có thể vừa mang lại một khu-vườn-thiên-đàng-ấu-thơ cho các cháu bắt đầu đông, vừa có thể mang lại một hoàn cảnh thuận tiện cho sự tìm kiếm dĩ vãng của bà –một dĩ vãng phảng phất cây liễu sát bờ cừ, nắng chiều trên Hồ Tây, mùi hoa sen mùa hạ, mùi ruộng khô lúa chín ngoài sân trại, một dĩ vãng có tiếng nói nặng giọng Huế của bà tôi đêm khuya, tiếng nói nhanh và dài của ba tôi, một dĩ vãng có khuôn mặt buồn của Nhất Linh và đôi mắt như chìm trong bóng tối của Thạch Lam ngồi một mình trong căn phòng trải thảm cói buổi chiều một tháng cuối năm.

(Trích từ báo Văn số 36, ra ngày 15-6-1965 tại Sài Gòn)

TÔI BIẾT GÌ VỀ ÔNG?

LÊ MINH HÀ

Tôi không biết gì về ông!

Tôi thấy ông lần đầu, trong thúng sách báo cũ của bà đồng nát, cùng Tố Hữu. Gió lạnh đầu mùa ép Gió lộng giữa một đống sách vở bụi bặm, mốc meo. Ông hàng xóm nhìn con bé ngớ ngẩn ngồi lục lọi, quát thôi mày cầm lấy rồi biến cho bà ấy còn bán hàng. Đống sách báo cũ, các thêm một ít tiền, ông hàng xóm đổi được một cái cặp lồng gia công bằng nhôm mỏng và một cái thẩu đựng lạc đựng vừng, màu thủy tinh xanh xanh đầy bọt khí. Tôi ăn theo được lòng tốt của ông: cùng hai quyển sách là một cái kẹo mạch nha quấn tròn ở đầu một cái que tre bà đồng nát ân cần dúi cho.

Khi đó tôi vừa sáu tuổi, vừa đi qua cuộc chiến tranh đánh phá lần thứ nhất, vừa hóng hớt (trong lúc nép bên bụng ông Di Lặc kín đáo thụ lộc chuối oản và bánh khảo mà cụ Từ phần cho) xong lớp vỡ lòng mà chị gái tôi được học ở một ngôi chùa, vừa được trở về Hà Nội, một Hà Nội lạ lẫm. Kí ức chưa kịp có về thành phố ấy ở tuổi Baby khi đi sơ tán đã được làm đầy bởi những hiểu biết có từ một làng nhỏ, thuở ấy, ven sông.

Nếu không có ông, tôi sẽ có gì về Hà Nội để ngẫm nghĩ thương nhớ sau này? Chao ôi là Hà Nội. Là ánh đèn huyền diệu lung linh bóng nước Thiền Quang. Là vị kem cốc ăn dưới mắt nhìn tươi cười của Hồ Chủ Tịch trên tấm ảnh vĩ đại treo ở nhà Ngân hàng rực sáng dưới ánh đèn pha rọi ngược. Là những bài ca không quên. *ÆTa đi trên đường Hà Nội rực rỡ chiến công... Anh chiến sĩ ơi đã bao đêm canh bên nòng súng ngắm những đường phố mà thấy sao tha thiết ôi thủ đô thịt da máu xương ta'... Æ... Tôi đứng đây trên nhịp cầu Long Biên lộng gió dưới chân cầu Hồng Hà vẫn ngàn năm sóng vỗ...'...Tổ quốc mến yêu Tổ Quốc mến yêu dặm đường đi mãi mãi thêm yêu người Tổ Quốc ơi...' Những âm thanh náo nức một tuổi thơ buồn, ngát hương sen, chỉ một bông thôi mỗi chiều hè chắt bóp mua từ tiền ăn sáng và từ tiền chợ mẹ đưa từng buổi.* Phải, của tôi, là Hà Nội ấy.

Cơn gió lạnh đầu mùa tươi và dịu của ông đã đưa tôi tới cùng một Hà Nội khác. Cũng không hoàn toàn xa lạ. Tôi đã biết về thành phố ấy qua kí ức vừa êm ả vừa khốc liệt của người thân. Nhưng không có cách gì kiểm chứng những tiếng thở dài tiếc nhớ và nhiệt tình nức nở ngợi ca những ngày xưa chưa xa.

Không có ông, có lẽ tôi sẽ nghĩ rằng chỉ còn những hàng cây đổ bóng thâm nghiêm và gió thổi miệt mài trên phố là còn ít nhiều thuộc hẳn về quá khứ.

*

Ông đã động bút vào truyện dài truyện ngắn và nhiều thể loại khác. Và ở mọi thể loại, cảm giác chung ông để lại luôn là thế: một cách nhận cảm cuộc đời hết sức ân cần, kĩ càng và tinh tế. Thời ông có những ai đạt tới sự vi tế của chữ? Trong thơ: Huy Cận. Trong phê bình: Hoài Thanh. Trong văn xuôi: là ông đấy. Với những trang viết như rủ rỉ, như thì thầm, về đời người, mà chính là về mình. Có thể ông cũng đã viết về những người con gái hàng hoa sáng sáng gánh tươi gánh mát vào cho Hà Nội. Như người cùng thời với ông và người cùng thời với tôi. Có thể. Nhưng mà tôi không nhớ lắm. Trong trí nhớ nhỏ nhoi của đứa bé gái ngày ấy cứ hiển hiện mãi bóng mòn bên lũy tre của cô hàng xén ngày xưa. Tiếng chào thân mật, ân cần, tự tin vì có ích (không phải cho cuộc đời chung chung - xa xôi quá, mà là) cho người ruột thịt trong bóng sẫm một chiều nào từ hơn nửa thế kỉ trước sẽ không ám ảnh nhiều như thế nếu không có những ao ước con gái rất thầm về một dáng đàn ông trẻ trẻ, nghèo nghèo trong tấm áo lương cũ cũ, nếu không có những giọt nước mắt thương mẹ thương em buổi về nhà chồng, nếu không có niềm vui liều lĩnh khi đầu tư mấy đồng bạc dành đóng thuế cho chồng vào chuyện sách vở cho em, để rồi tuyệt vọng. Sau này, đọc được nhiều hơn, tôi nghĩ rằng đấy là một trong hai hình ảnh cô hàng xén đẹp nhất của văn học Việt Nam hiện đại, dù rằng rất đỗi khác nhau. Phải, không có gì chung giữa những cô hàng xén răng đen cười như mùa thu toả nắng bên kia sông Đuống với cô hàng xén mà nụ cười cứ hao

dần, mờ dần. Như nắng tàn trên ruộng gặt. Như hơi thở của người biết tuổi trẻ mình đã đong trọn kiếp người. Đấy là một trong hai hình ảnh cô hàng xén đẹp nhất của văn học Việt, mà cũng là hình ảnh đàn bà dịu dàng nhất, uể oải nhất, xót xa nhất và gợi tình nhất của văn học lãng mạn Việt Nam. Nàng cúi đầu, đi mau vào trong ngõ tối, đi thẳng vào lòng người, và ở lại. Không có gay gắt, khốc liệt trong mọi kết thúc tác phẩm của ông, dù rằng ông không lẩn tránh sự chết, từ chết mòn vì đói, vì nhục, vì tuyệt vọng, từ chết vì chó cắn tới chết vì ho lao. Trong rất nhiều tác phẩm của ông, những cuộc đời hấp hối, nhưng từ đó vẫn ngời lên tia sáng của khát vọng. Sống! Con người cắn rứt mình, dằn vặt mình vì ý thức về thiên lương, về tính người - qua ông - rút cục cũng vì khao khát sống ấy. *Gió lạnh đầu mùa dưới bóng hoàng lan, trong nghĩa đó, là cái phần thanh nhẹ nhất trên những trang văn của ông.* Ông không đặt con người vào giữa những xung đột lịch sử xã hội. Con người của ông xung đột với chính mình, từng ngày, có vẻ như cam chịu trước cuộc đời nhưng không cam chịu trước chính mình, sẵn sàng làm trái những dự liệu hòng an ổn của chính mình. Tiếng thở dài âu yếm và cái rùng mình của cô hàng xén sau lúc dốc hầu bao cho em tiền sách vở trong khi vẫn tưởng ra giọng nói nét mặt bực dọc vì túng thiếu của chồng và mẹ chồng, tiếng khóc của cô gái điếm trước cái bàn thờ tự tạo trong căn phòng nhơ nhớp giữa đêm trừ tịch, bước lùi của người đàn ông trước sợi tóc thiên lương nhùng nhằng tâm trí, nỗi háo hức âm thầm của hai đứa trẻ khi dõi nhìn những ô cửa toa tàu sáng rực ập tới rồi mất hút trong đêm... là cái phần khiến ông không chệnh choạng lệch sang địa bàn của văn học hiện thực phê phán, và khi đứng giữa địa bàn tự lực lãng mạn của mình, ông cũng không lẫn với một ai. Nếu như những người anh em cùng tôn chỉ nghệ thuật với ông nhiều phần nghiêng về các vấn đề xã hội và văn hóa thì ông chỉ lặng lẽ đi quanh đời người.

Lặng lẽ và thiết tha. Không thiết tha với chính mình không thể thiết tha với cuộc đời đến vậy. Ai ân cần đến như ông khi dõi mắt theo con dao gọt vỏ nắm cơm của cô hàng cơm nắm. Ai có thể cảm ra được tê như một lượt rùng mình nhẹ cái vị đậm ngọt và hơi ngưa ngứa trong bát bún bung hay cái vị ngon chỉ trong một độ, cái ngon của sự chênh vênh và lo sợ, bởi cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đầu này và ở đầu kia trong món canh bún cá. Ai ngẫm ra được vị cà cuống thoảng như một nghi ngờ trong một bát phở có thật: nước trong, nóng bỏng, khói nghi ngút, rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt. Chịu di truyền lối ăn nhân sâm của họ Trư thì không bao giờ đạt tới cái sướng tinh vi như thế này.

Trên sự ăn uống, là ý hướng thưởng thức cái đẹp của cuộc đời, là sự trìu mến đời người. Tôi biết, anh biết, tất cả đều biết, vì ông nói, rằng ông sợ ốc. Nhưng mà cô hàng bún ốc lại là cô hàng ông thích ngắm nhất, vẫn lời ông. Tôi không hình dung nổi ông gật gù cạnh một cốc rượu với bát tương gừng, tay cầm miếng vó bò giữa đám người lam lũ bên một hàng cơm đầu gánh, nhưng cái cách ông mô tả nỗi sung sướng thành thật của những anh phu bác xe trong bữa cơm tái sản xuất sức lao động mới thiết tha làm sao. Không lặn vào đời và không biết gián cách với đời thì không thể chiết được ra những câu chữ đẹp và giản dị tận cùng như thế. Viết về miếng ăn miếng uống dễ mà khó. Đấy là một đề tài chềnh ềnh từng ngày với từng người, không đòi hỏi thẩm quyền riêng. Nhưng cũng là một đề tài chưa động bút đã có cơ bị sa mạc hóa. Ông là ốc đảo đầu tiên trên sa mạc này của văn chương Việt Nam thời chúng ta. Tất tả giữa những con chữ gợi hình gợi vị của ông luôn luôn là những bóng hình đàn bà tần tảo. Không phải lúc nào cũng xởi lởi và tươi tắn như cô hàng cơm nắm, cô

hàng bún ốc hay cô hàng nước, nhưng bao giờ cũng đẹp, đẹp trong sự khổ nhọc của ngày sống tầm thường.

*

Yên Phụ - Buổi sáng. Chớm hè. Sương là là cuốn lớp trên mặt hồ. Người đàn ông mặt gầy dáng gầy chống nhẹ can xuống một cái rễ cây. Bà hàng xôi ngước nón:

- Ông hôm nay ra muộn?

Người đàn ông kéo kéo cái cổ áo vét may từ đũi màu vàng nhạt nhạt, mỉm cười:

- Vâng bà ạ. Đêm ngỡ như giời giở lạnh, thành thử... Bà hôm nay cơ chừng hết hàng sớm!

- Ôi giời, giở lạnh gì nữa hả ông. Cháu đội cái thúng không này về tới ngõ là non trưa, là mồ hôi mồ kê rồi đấy ông ạ. Cháu để phần ông một gói, đã ngỡ hôm nay không được gặp ông.

- Xôi của bà ngon thế, tôi có lần ăn ở một hàng trong phố thấy không được như của bà. Ngô bà chọn ở đâu dẻo mà không nhạt. Mà hành mỡ hàng bà chưng cũng vừa miệng quá. Hành ròn mà không khét. Mỡ lại trong.

Người đàn ông một tay cầm can, một tay ấp gói xôi bọc trong mảnh lá sen già chậm rãi đi xuôi Cổ Ngư về Quan Thánh. Gió sớm từ hồ Trúc Bạch thổi qua vầng trán trắng, đôi môi khô. Người đàn ông quay mặt về hướng gió, cánh mũi phập phồng.

Buổi trưa. Nắng lên. Người đàn ông vẫn trong bộ quần áo đũi vàng nhạt một tay cầm can một tay ôm chồng sách báo dừng chân bên ghế đá. Gió trưa dập dìu trong tàn phượng. Người đàn ông ngước cặp mắt sáng rỡ trên gương mặt trắng lạnh nhìn lên: Đường Cổ Ngư. Một vầng hoa chói lói. Không biết nở tự bao giờ. Người đàn ông ngồi xuống ghế, bỏ mũ, nhắm mắt, mỉm cười.

Một người con gái dáng mảnh, áo nâu mới, quần sồi, quảy cái gánh chùng bước những bước nhanh và nhẹ. Người con gái dừng bước, đặt gánh gần gần ghế đá.

Người đàn ông mở mắt, bật ho khúc khắc. Người con gái hắng giọng, đánh tiếng rụt rè:

- Trưa thế mà đã muộn rồi.

- Ra cô Duyên đã xong buổi chợ. Mới gần một giờ cô ạ. Nắng đầu hạ làm người ta mệt nên dễ là cô tưởng vậy. Hôm nay hàng cô hết sớm?

- Dạ thưa chưa. Vẫn còn một ít. Ông có ăn chơi một miếng cơm nắm cho nhà cháu không ông? Muối vừng mới giã...

- Cảm ơn cô. Sáng có mỗi gói xôi lúa ăn nhẩn nha mãi không hết... thế mà no lâu. Nhưng cô cứ cho tôi một nắm cơm. Cô về trước đưa luôn cho anh người nhà nhà tôi cô Duyên nhé.

- Vâng ạ. Hay ông để chỗ sách báo này vào đây... đây... trên cái mủng này... cháu tiện gánh quảy luôn về cho ông đỡ nặng.

- Phiền cô quá. Cô mang giùm tôi... Tôi giữ tờ báo này ngồi đây đọc chơi thêm vài dòng...

Tiếng ho khúc khắc cố ghìm làm chậm lại bước của cô hàng cơm nắm, những bước chân vốn nhanh và nhẹ. Hai đầu thất lưng bần thần quấn lấy đôi bắp đùi thon.

*

Đạo diễn nhảy bổ ra từ một gốc cây:

- Ông ho cái kiểu gì mà như thằng nghiện lên cơn đau bụng thế? Nhớ cho tôi: Nhân vật của tôi đi nhẹ nói khẽ ăn ít no lâu. Sống. Yêu thương. Hết mình. Nhưng lặng lẽ... lặng lẽ... Như sắp bước ra khỏi đời sống này. Còn em nữa - (dịu giọng) - em đừng cười ẩn ý. Phải giản dị, tiết chế tột cùng mọi động tác. Em là một cô hàng cơm nắm ngày xưa, có lẳng lơ cũng phải là...

- Ôi giời - Vai nữ - Anh có làm tịt được tiếng xe máy gào rú này đi đã hẵng bảo mọi người thế nào là ngày xưa với lại hôm nay. Ngày xưa hồ có lều phều bao cao su trắng phớ như cá chết đàn thế này không?

Đạo diễn:

- Mình làm phim về ngày xưa, về người xưa. Xưa nhưng mà chưa xa. Thế nhưng tất thảy đều sắp như chuyện từ thời cổ tích mất rồi. Những gì mà ông ấy viết, không thể tìm lại được, đúng là thế, nhưng bản thân những trang viết ấy đã là Hà Nội, vẫn đang là Hà Nội, (với vai nam) ông nhớ cho tôi nhé. Tôi làm phim về ông ấy, và tôi muốn cho mọi người thấy một ông ấy của tôi. Phải! Của tôi!

*

Tôi muốn thấy một bộ phim như thế, mà cũng có thể là khác thế, về ông. Từ ông sẽ không có nhiều cách hiểu. Nhưng sẽ bao nhiêu là cách cảm. Đời chữ của ông là đời mưa nắng nhỏ, hay là đời heo may, trong miền khí hậu văn chương Hà Nội nhiều thời. Khuất ẩn và điềm đạm, cách thế yêu thương và cảm thông tinh tế của người văn yểu tử ấy sẽ còn buộc người ta tư lự. Vì lắm nỗi.

Mà có khi chỉ giản dị bởi thấy vẫn còn điều kì diệu, rằng hóa ra mình vẫn còn khả năng tư lự trong đời sống lục cục những ơ hờ và hậm hực hôm nay.

1.3. 2004

NHỮNG KỶ NIỆM "CHIA NGỌT SẺ BÙI" CÙNG THẠCH LAM

(hồi ký)

ĐINH HÙNG

Thạch Lam, trích từ bìa báo Giao Điểm

1. Sơ ngộ

Thuở đó, 1940, tôi vừa đặt chân vào ngưỡng cửa cuộc đời, cũng như ngưỡng cửa làng văn. Vốn liếng đóng góp mới chỉ có mươi bài thơ đăng báo, một vài tùy bút, ít truyện ngắn đăng trên các tập san, giai phẩm xuất hiện bất thường, tất nhiên tôi chưa mấy quen thuộc đối với đọc giả, mà cũng chưa có nhiều dịp làm quen với các văn thi hữu đi trước – thứ nhất đối với lớp người làm văn nghệ trước tôi cả chục năm trời và tên tuổi đang nổi, như nhóm Tự lực văn đoàn. Vậy mà một buổi sáng kia, Thạch Lam đã tìm đến với tôi rất tự nhiên, rất bất ngờ, để rồi sau buổi gặp gỡ đầu tiên, anh đã trở nên thân thiết với tôi rất chóng.

Hơn hai mươi năm qua rồi. Ngày nay tôi còn tưởng như nhìn thấy trước mắt (cũng như thỉnh thoảng, tôi vẫn thấy hiển hiện trong những giấc chiêm bao) cái dáng cao và mảnh của anh, chiếc mũ "Fléchet" đội rất thích hợp với khuôn mặt thanh tú, sống mũi thẳng, nước da trắng xanh, cặp mắt to và hàng mi dài – vóc dáng ấy hiện đến một lần để rồi mãi mãi tưởng chừng vẫn còn chiếm riêng một vị trí nào đó trong không gian và cả thời gian: có lẽ chính vì con người Thạch Lam không còn là một hình hài hữu thể, cho nên không bị hủy diệt, không hề đổi thay.

Tôi vẫn biết Thạch Lam ở cùng một khu ngoại ô Yên Phụ với tôi. Anh ở trong làng, ngay bên bờ Hồ Tây. Tôi ở ngoài lộ, đứng trên sân thượng cũng nhìn thấy Hồ Tây như một tấm gương lớn phía trước mặt, và sông Hồng Hà như một giải lụa uốn mình phía sau lưng. Nếu tính đường thẳng, từ nhà Thạch Lam tới nhà tôi, cách nhau chỉ một khoảng trời thu hẹp, chiều dài chưa quá trăm thước. Từ căn phòng nhỏ của tôi, trên lầu, ngồi bên cửa sổ, tôi có thể trông thấy khói bếp nhà anh và cả ngọn khóm tre đầu cổng nhà anh in lên nền trời. Hàng ngày, tôi vẫn thường nhìn thấy bóng anh đi khoan thai trên con đường gạch đỏ lượn khúc xa xa, lúc ẩn, lúc hiện, mỗi khi anh từ trên phố về hoặc từ nhà dạo lên đường cái.

Tuy nhiên, khi cái bóng ấy đột ngột hiện ra trước khung cửa phòng tôi (căn phòng nhỏ chênh vênh trên gác cao, từng bị Huy Cận và Xuân Diệu gọi là cái tổ chim) tôi không khỏi ngạc nhiên một cách thú vị. Thạch Lam tìm đến với tôi, như đến với một người bạn quen thuộc từ lâu. Anh nắm

tay tôi thân mật, vừa nhìn quanh gian phòng tổ chim một lượt, vừa cười nói:

- Thì ra chúng ta là hàng xóm láng giềng với nhau, gần nhà, xa ngõ...

Không kiểu cách, không khách sáo chút nào, anh tự giới thiệu và nói cho tôi biết lý do anh tìm đến gặp tôi: Trong khi chúng tôi yên chí rằng những người làm văn nghệ đi lớp trước chúng tôi, thứ nhất những người đã nổi tiếng như nhóm Tự lực văn đoàn và như Thạch Lam, hẳn chẳng bao giờ để ý tìm hiểu những kẻ đến sau, thì trái lại, Thạch Lam không hề có thành kiến phân biệt lứa tuổi, Thạch Lam vẫn nhìn bao quát tất cả mọi hướng trời, vẫn theo rõi từng bước đi của bọn chúng tôi mệnh danh là "thế hệ trẻ" thời đó. Với cặp mắt quan sát rất tế nhị mà khoan hòa, tác giả *"Hà Nội băm sáu phố phường"* đã không bỏ qua từ sắc thái, từ chi tiết, từ mỗi biến chuyển hết sức mong manh của đô thành văn nghệ. Và Thạch Lam đã không bỏ qua tới cả một đoạn tùy bút nhỏ của một cây bút mới. Anh cho tôi biết: tình cờ anh đọc được ở một đặc san, giai phẩm không định kỳ nào đó, một đoạn tùy bút hay phiếm luận gì đó của tôi, bàn về vấn đề thưởng thức "quà Hà Nội," nghĩa là góp thêm ý kiến cùng tác giả *"Hà Nội băm sáu phố phường..."* Anh lấy làm khoái ở một vài điểm, cho nên anh phải đích thân tới kiếm tôi để thảo luận cho vấn đề thêm sáng tỏ...

Anh còn cho biết thêm: Anh đã có đọc những văn thơ của tôi đăng tải trên các sách báo. Anh hỏi thăm, và được... bác hàng phở đầu ô Yên Phụ mách cho biết chỗ ở của tôi...

Cuộc nói chuyện giữa Thạch Lam với tôi trong buổi sơ ngộ ấy dĩ nhiên không thiếu hương vị đậm đà, vì toàn về nghệ thuật... ẩm thực – nghệ thuật tạo miếng ăn ngon, và phép tắc ăn cho có nghệ thuật.

Khi đứng lên ra về, Thạch Lam gật gù tỏ vẻ hài lòng, và mỉm cười một cách hóm hỉnh:

- Trên phương diện lý thuyết, chúng ta có thể "đồng vị" nhau ở nhiều điểm. Nhưng phải cần có "thực hành" (anh nhấn mạnh chữ "thực"...) Vậy chiều nay không gì bằng mời anh qua tệ xá uống chơi với nhau dăm chén rượu, nhân thể họp mặt cùng vài người bạn "tri kỷ, tri vị..." Để rồi, vừa ăn uống, vừa mạn đàm nó mới sáng thêm ra cái chân lý của nghệ thuật... ăn !

Tôi cảm động vì giọng nói rất ấm và thành của anh, liền nhận lời. Thật quý báu biết bao nhiêu, tấm lòng rộng mở thiết tha của anh Thạch Lam đối với Nghệ thuật ở mọi địa hạt, trên mọi cương vị! Và, đối với người nghệ sĩ của Cái Đẹp Toàn Diện như Thạch Lam, thì lựa chọn một món ăn ngon cũng có giá trị không kém gì viết một câu văn truyền cảm, và khám phá được một thứ mỹ tửu cũng quan trọng ngang với gieo được một vần thơ trác tuyệt, hoặc tìm thấy một người bạn hiền.

Nhưng, tôi chợt nhớ trong cuốn *"Hà Nội băm sáu phố phường"* hình như Thạch Lam có viết một câu hàm xúc ý nghĩa chẳng khác châm ngôn:

- "Bạn hãy nói cho tôi biết bạn ăn uống ra sao, tôi sẽ bảo cho bạn rõ bạn là người thế nào..."

Bất giác liên tưởng tới bữa rượu buổi chiều do Thạch Lam mời – mặc dầu mời rất ân cần, rất thành tâm – tôi vẫn cứ áy náy không yên. Thật tình, từ lúc đó tôi mới nhận thấy cái việc ăn uống nhiều khi cũng... mệt không khác làm Thơ !

2. Sóng rượu Hồ Tây

Tây Hồ có danh sĩ
Nhà thì ở nhà tranh
Cửa trác cài phên gió
Trước thềm bóng liễu xanh...
(thơ Huyền - Kiêu)

Ở sát cạnh Hồ Tây, làng Yên Phụ nhỏ, xinh như một bán đảo, gần nửa làng chạy vòng theo bờ nước. Hầu hết dân làng đều làm nghề trồng hoa. Mỗi năm, gần đến Tết, đi dạo quanh làng, có thể tưởng như lạc tới một hoa thôn trong cổ tích. Nhà nào cũng thấp thoáng bóng đào hồng, mai trắng bên thềm, và liễu xanh rờn buông mành trước gió, và cúc vàng rực từng luống trong vườn, với đủ các thứ hoa sắc màu rực rỡ: cẩm chướng, phù dung, tường vi, lan huệ... và đặc biệt dưới những giàn hoa lý, trên sân gạch, từng hàng chậu hoặc bát thủy tiên bày san sát, lá nõn vươn lên như bích ngọc.

Yên Phụ, theo ý tôi, có thể là một trong những làng đẹp nhất của miền ngoại thành Hà Nội. Mà từ làng vào thành phố cũng gần. Chỉ vòng con đường gạch đỏ, lên mặt lộ đi chừng hai trăm thước là tới cửa ô, tiếp liền với đường Cổ Ngư thơ mộng...

Trong năm cửa ô của Hà thành, ô Yên Phụ, theo ý nhiều người lại cũng được coi là cửa ô đẹp nhất, và sạch nhất, ít phồn tạp nhất. Khu vực ấy quả là chỗ ở lý tưởng của văn nghệ sĩ.

Căn nhà của Thạch Lam ở ngay khúc đầu làng Yên Phụ soi bóng xuống Hồ Tây. Nhà mái tranh, cổng gỗ, giữ nguyên vẻ thanh bạch, cổ sơ, tuy rằng, nếu muốn, có lẽ chủ nhân lợp mái ngói, xây tường gạch cũng không khó: chính Thạch Lam

từng nói với bạn bè như vậy. Nhưng cái bản chất giản dị ưa thanh đạm của Thạch Lam không muốn thế – bản chất thuần phác của một kẻ sĩ, dù không nhất thiết giữ thái độ "vong bần lạc đạo" cũng sẵn sàng sống theo cái tiết điệu nhu thuận nhịp nhàng của thiên nhiên. Bởi vậy Thạch Lam không hề có mặc cảm về sự "ở nhà tranh" của mình, cũng như chẳng bao giờ bận tâm về sự "ở nhà lầu" của người khác. Đối với anh, hình như sống trưởng giả trong cảnh giàu sang không khó, mà tạo được cái nghèo cho có... nghệ thuật mới đáng kể: Nghèo nhưng vẫn thanh lịch, nghèo nhưng vẫn không thấy là khổ, nghèo mà vẫn không thấy mình nghèo! Anh thường trầm ngâm tuyên bố:

- Ở được nhà lá, nằm được giường tre, ăn được rau đậu mà vẫn tìm thấy cái đẹp của mái lá, cái êm của giường tre, cái ngon của rau đậu, mới kể là biết sống có nghệ thuật.

Sự thật, tuy nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính lẫn cửa chớp, có thềm cao, với một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rũ cành lá xuống nước, và khóm tre xào xạc đầu cổng...

Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí óng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe nhịp sóng vỗ vào bờ thao thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thật đáng quý, khung cảnh đó thật dịu lành mà quyến rũ, và tôi hiểu thấm thía tại sao Thạch Lam không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lâu đài, dinh thự nào. Khi chỗ ở đã có một linh hồn, thì mỗi góc nhà, mỗi xó cửa, cho tới từng mô đất, từng bậc thềm, từng đám rêu, từng ngọn cỏ đều như có kết đọng một phần tính chất con người, và cũng có thể sinh hóa, truyền cảm như người. Tôi không thể không nói nhiều tới ngôi nhà của Thạch Lam, vì không riêng gì chủ nhân, không riêng gì tôi, còn bao nhiêu linh hồn thanh khí khác từng gặp gỡ nhau ở đấy, từng để lại bao nhiêu kỷ niệm; và những kỷ niệm, những bóng dáng, những tiếng vang, những dấu vết của một Ngày-xưa-không-bao-giờ-trở-lại, dưới mái lá đơn sơ của ngôi nhà trong làng Yên Phụ, một thời từng làm nên cái quá khứ huyền thoại của chúng tôi – ít nhất cũng ấp ủ những thiên giai thoại hào hứng chung quanh mỗi giao tình tri kỷ đượm ngát hương trà và say nồng men rượu.

Tây Hồ có danh sĩ
Nhà thì ở nhà tranh

Ngôi nhà tranh của Thạch Lam, tôi còn muốn gọi là "ngôi nhà lịch sử," vì ở đấy tác giả *"Hà Nội băm sáu phố phường"* đã sống một phần đời có lẽ sôi động nhất, cởi mở phóng túng nhất – cái phần chót cuộc đời anh, trước khi anh chính thức đi vào lịch sử, nghĩa là đi vào thiên cổ. Cùng trong khoảng thời gian đó, một năm trước khi anh ngọa bệnh rồi từ trần, bên cạnh Thạch Lam còn quy tụ một số khá đông anh em văn hữu: Những người ít nhiều đã từng đóng góp vào cả văn học cùng lịch sử xứ này, trong căn nhà có liễu rũ trước thềm kia, vẫn thường họp mặt nhau hàng ngày, nhiều khi thâu đêm suốt sáng, và sóng nước Hồ Tây cũng đã từng phen hòa cùng sóng rượu giao tình, nổi cồn men say ngây ngất. Hình như ngọn lửa hào hứng trong lòng Thạch Lam, tựa ngọn đèn trước khi tắt chợt bùng sáng lên mãnh liệt một lần cuối cùng, khởi sắc và linh động khác thường, ánh sáng tràn đầy sinh khí và tỏa rộng tinh anh, hấp dẫn như toát ra một điện lực kỳ lạ, khiến bè bạn gần anh hồi đó đều nhận thấy anh như sống thoát hẳn cái bản ngã trầm mặc cố hữu.

Viết về Thạch Lam, nhà văn Đỗ Đức Thu đã có những nhận xét như sau:

Hình như Thạch Lam sống với văn chương, với sách vở báo chí hơn là sống với người đồng thời. Những người biết Thạch Lam, cả đến các bạn làng văn, đã gán cho anh tiếng quả giao, đã chê cái thái độ mà họ cho là kiêu kỳ, khủng khỉnh. Sự thực, không phải thế... Thạch Lam là người giàu tình cảm, chỉ vì trường đời tạo cho anh cái thái độ dè dặt, bắt anh sống cái đời con ốc trong một vỏ kín bưng. Vì cái tâm hồn phong phú, cái đời tâm tưởng rồi rào ấy đã có lần sống cởi mở với thế nhân, đã sống hoang toàng rộng rãi để rồi chịu những thương tích, nó làm giảm dần lòng tin tưởng ở người đời. Tránh sao khỏi điều đó, khi một tâm hồn thanh tú, một con tâm mà một hơi gió, một ánh trăng đều rung động nổi, phải trực tiếp va chạm với những khắc nghiệt của cuộc đời thực tế.

Thạch Lam rất thận trọng trong việc giao du. Bè bạn của anh có thể đếm trên bàn tay. Thỉnh thoảng mới có người tìm đến cái nhà cạnh bờ Hồ Tây, phần nhiều cũng trầm lặng như chủ: đó là những người có thể ngồi im hàng giờ cạnh khay trà, đã đạt tới cái thuật "đối diện đàm tâm" của các bậc tác nho...

Thường nhật trước kia là như thế: Đúng như nhận xét của Đỗ Đức Thu, vì họ Đỗ là một trong số những người bạn ít ỏi tri kỷ với Thạch Lam,

một người bạn "đồng tịch đồng sàng" của thời kỳ "thập niên đăng hỏa." Nhưng, từ khi tôi quen biết anh và có dịp sống gần anh thân thiết, vào thời kỳ anh tự ý lìa bỏ ngọn "lửa giường," tôi nhận thấy anh trẻ lại rất nhiều, và hồn nhiên cởi mở, và phóng khoáng buông thả không dè dặt: Anh đã thoát ra ngoài "cái vỏ ốc" ngày nào để trở về cùng bản chất sơ khai và thuần khiết của một kẻ hào sĩ, đầy nhiệt tình, một nghệ sĩ toàn vẹn, đáng yêu hơn bao giờ hết.

Đó là thời kỳ mà cả mấy tờ báo *Phong Hóa, Ngày Nay* và *Chủ Nhật* đều đóng cửa. Nhóm Tự lực văn đoàn vẫn còn hiện diện đủ mặt, nhưng bị ngăn cấm ra báo nên chỉ còn hoạt động về xuất bản. Theo quyết định chung, công việc điều khiển nhà xuất bản *Đời Nay* sẽ luân phiên do mỗi người phụ trách một thời gian. Dạo đó tới phiên Thạch Lam đang giữ trách nhiệm điều khiển nhà xuất bản. Một phần có lẽ công việc cũng nhàn, nhưng một phần, hẳn là do cái phong độ ung dung thư thái của Thạch Lam, nên chẳng bao giờ tôi thấy anh tỏ vẻ bận rộn, và cũng chẳng bao giờ tôi thấy anh cho là quan trọng bất cứ việc gì.

Hàng ngày, công việc mà anh để ý tới nhất là, ngay từ sáng sớm, trịnh trọng sửa soạn khay trà, để cùng với mấy người bạn tri kỷ ngồi nhìn ra Hồ Tây mù sương trong khi đối ẩm. Để rồi sau đó lại cùng nhau họp mặt quanh mâm rượu, và cùng nhau say ngất ngưởng suốt từ sáng tới chiều. Cứ như thế đã thành cái lệ thường xuyên, trong suốt một năm trời, trước khi ngọn lửa hào hứng kỳ lạ trong anh chợt tắt theo cuộc sống.

Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam dạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cả vợ "nhỏ" là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, đôi khi Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, Nguyễn Tuân, một lần Nguyễn Đỗ Cung...

Tất cả những người kể trên đều đã có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân, tác giả *"Hà Nội băm sáu phố phường"* thực đã xứng đáng với cái danh "Hào sĩ" mà chúng tôi tặng anh. Hết sức hào phóng, lịch thiệp mà vẫn thân mật, ân cần với tất cả mọi người, bao giờ anh cũng giữ một nụ cười rất đạt trên môi, và lúc nào cũng nhã nhặn, thủ thỉ, cả trong những cuộc rượu bốc nhất. Mặc dầu có những chầu rượu say đảo lộn cả trời đất lẫn cửa nhà, dốc ngược cả khóm tre, cây liễu với Hồ Tây... Thạch Lam vẫn không hề nói lớn, và nhất là không... gây chuyện với ai. Trong khi Khái Hưng đấu khẩu cùng Thế Lữ, Trần Tiêu cãi lộn với Khái Hưng, Thế Lữ gây sự cùng tôi, Huyền Kiêu lại gây nhau với Thế Lữ, và chúng tôi cà khịa với cả Đoàn Phú Tứ cùng Nguyễn Tuân... thì Thạch Lam chỉ điềm nhiên nâng chén tiếp tục uống, và mỉm cười khuyến khích mọi người uống nhiều thêm. Dường như anh còn khích lệ cho cả mọi người cãi nhau hăng hơn, tuy rằng anh không dự cuộc... Anh vẫn ngồi rất chỉnh, đưa cặp mắt hóm hỉnh xét đoán phong cách "ăn nói" của từng người. Anh "đánh giá" bạn bè ở tửu lượng của họ, và chúng tôi thường bảo nhau:

- Nếu không biết uống rượu cho sảng khoái và không biết ăn cho... đẹp, có lẽ không thể nào là bạn thân của Thạch Lam.

Tôi không bao giờ quên được bữa rượu hội kiến đầu tiên; bữa đó có mặt: Nhất Linh, Thế Lữ, anh chàng Huyền Kiêu (tác giả bài thơ *Tương Biệt Dạ*), Thạch Lam và cả nữ kịch sĩ Song Kim (chỉ ăn thức nhắm mà không uống).

Thoạt đầu, chúng tôi còn uống rượu Rhum pha vào nước trà đường với từng lát chanh thái mỏng, theo kiểu "grog" nóng. Uống từ 6 giờ chiều tới 12 giờ đêm thì Thế Lữ bỏ cuộc, cùng vợ (nhỏ) trở về nhà riêng (cũng ở trong làng Yên Phụ). Còn bốn người vẫn tiếp tục uống, cho tới 3 giờ sáng thì cả rượu Rhum cùng thức nhắm đều hết nhẵn. Nhất Linh – tuy vẫn chưa có vẻ say chút nào – tỏ ý muốn đi ngủ, và anh ra nằm ở chiếc võng giữa nhà, ê a ngâm thơ, mặc Thạch Lam, Huyền Kiêu và tôi xoay ra uống rượu Văn điển suông với nhau. Khuya lắm, người nhà Thạch Lam đã ngủ yên hết, ba chúng tôi còn loay hoay xuống bếp nướng mực và mò gậm giường lấy dưa chua trong vại ra nhậu. Dần dần, cả mực nướng lẫn dưa chua đều vơi hết, chúng tôi liền vặt luôn những cánh hoa sen cắm trong lọ mà nhắm... Hết cánh hoa, đến nhụy hoa, rồi đến cả những hương sen mới nhú cũng biến thành món nhậu. Tới lúc đó thì trời cũng vừa sáng. Thạch Lam kêu người nhà đi mua thêm đồ nhắm. Anh Nhất Linh đã tỉnh ngủ từ bao giờ, lại ung dung ngồi vào dự cuộc. Trong khi chúng tôi đều say mèm, thì Nhất Linh vẫn sung sức, dẻo dai như khi mới bắt đầu uống. Tuy anh có tạm "nghỉ giải lao" từ đêm tới sáng, nhưng phải nhận rằng tửu lượng Nhất Linh thực cao: Vừa chớm bình minh, anh đã lại góp mặt cùng

chúng tôi hội ẩm, và từ lúc này anh uống rất thực thà, nhiều gấp đôi chúng tôi. Anh bảo: Như thế, để... đuổi bắt kịp cả làng, bù vào quãng thời gian tạm nghỉ ban đêm... Và cứ như thế, cuộc rượu bốn người kéo liền một mạch tới đúng 12 giờ trưa. Xin thú thực: tới lúc này, trí óc tôi không còn đủ minh mẫn nữa. Hai mắt tôi đã mờ vì cơn say thấm thía, nhìn mọi vật chỉ còn thấy linh lung bóng dáng... Những gương mặt quen đều nhòa đi như nhìn qua lăng kính. Vậy mà tôi vẫn còn nhớ – có lẽ bằng một thần trí hay một linh giác nào đó của riêng người say – và tôi nhớ rõ ràng, nhớ chắc chắn rằng: Tất cả những người khác cũng say lảo đảo không kém gì tôi. Thạch Lam với Huyền Kiêu rót rượu đầy tràn cả ra ngoài miệng chén. Nhất Linh giằng lấy chai rượu, đem giấu vào góc tủ. Tai tôi còn nghe rõ tiếng anh nói: "Thôi đấy nhé! Hết rượu rồi, không ai được uống nữa!" Đoạn Nhất Linh kêu nóng – có lẽ chính anh cũng say khá kịch liệt – anh cởi phăng ngay áo ngoài, và mình trần, quần cộc, anh chạy ra sân, nhảy tùm xuống Hồ Tây mà bơi ào ào, như một thể thao gia có hạng. Ở dưới nước, cách bờ tới dăm chục thước, anh lớn tiếng nói vọng lên:

- Các tửu đồ! Có hứng, thử nhảy xuống hồ này vùng vẫy chơi cho mát!

Tức thì tôi cũng thoát y, mặc "sì líp" nhảy đại xuống hồ theo Nhất Linh, và trong cơn say bừng bừng da thịt, tôi cũng rẽ sóng mà bơi thục mạng, mắt nhắm mắt mở nhằm hướng Nhất Linh mà bơi! Nhờ trời, từ thuở nhỏ tôi đã biết bơi khá thạo, nên không đến nỗi chết đuối. Nhưng đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu tại sao tôi không "trúng lạnh" hay "phải gió, ngộ cảm," hoặc bị "chuột rút" cứng đờ cả thể xác ngay trong nước? Không quay lơ, chìm nghỉm dưới Hồ Tây dạo đó, quả thực số tôi may mắn lạ lùng!

Nhưng dạo đó, tôi đâu biết nguy hiểm! Tôi chỉ thấy tức khí, muốn trổ tài bơi vượt anh Nhất Linh cho thiên hạ phục lăn, (chứ không phải để chính mình có thể lăn đùng!). Từ phía xa xa nhấp nhô giữa làn sóng lấp lánh bạc, tôi thấy Nhất Linh vung tay vẫy gọi, và anh nhoài mình bơi thật nhanh tới gần tôi. Còn cách nhau chừng dăm thước, và cách bờ ngoài ba chục thước, Nhất Linh thách thức:

- Tôi với anh bơi thi từ đây vào bờ, xem ai thắng?

Cố nhiên tôi ra sức thi đua liền. Lời thách thức của Nhất Linh đã có cái hiệu quả khích cho tôi trở về bờ, trong khi đó anh vẫn bơi kèm sát theo tôi, đề phòng bất trắc. Cả hai về gần tới bờ cùng một lúc. Nhất Linh cố ý bơi thụt lại, để kém tôi nửa sải tay.

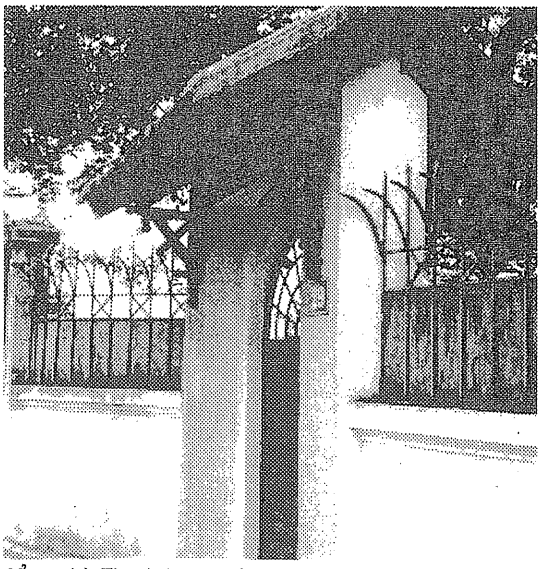
Cổng nhà Thạch Lam ngày nay

Thạch Lam và Huyền Kiêu đứng dưới gốc liễu, cùng nâng cao ly rượu, và cùng... đổ rượu xuống Hồ Tây, cả hai đồng thanh nói giọng say nhè:

- Hay lắm! Thưởng cho kẻ nào về nhất cả hai ly rượu vừa rồi!

Chúng tôi đặt chân lên bờ. Nhất Linh khoác cánh tay tôi dìu vào trong nhà, ân cần lấy khăn tắm cho tôi lau khô mình, và giúp tôi mặc quần áo, đúng như một người anh cả săn sóc cho đứa em hư...

Trước khi ngã lăn ra giường và ngất lịm đi, tôi còn nhớ mang máng: Cả Thạch Lam và Huyền Kiêu cũng nằm thẳng cẳng bên cạnh tôi như hai cái tử thi, trong lúc anh Nhất Linh lúi húi lấy vôi lần lượt bôi vào gan bàn chân cả ba người.

Bên tai tôi vẳng tiếng chị Thạch Lam nói:

- Đúng mười một cái vỏ chanh Văn-điển!...

3. Men xuân quê nhà Thạch Lam

Quê Thạch Lam ở Cẩm Giàng (Hải Dương). Mùa xuân năm đó (1942), mồng ba Tết, chúng tôi rủ nhau về họp mặt tại quê anh. Trong một ngôi nhà gạch kiểu Ánh Sáng, quang đãng mà ấm cúng, giữa một vườn cây nhiều hoa trắng, chúng tôi quây quần thù tạc. Ngày Tết ở miền quê, không khí gia đình hòa lẫn vào không khí thân hữu, tự nhiên đượm một phong vị vừa thân mật, vừa sảng khoái.

Bọn chúng tôi gồm có: cặp vợ chồng kịch sĩ và thi sĩ Song Kim – Thế Lữ, cố văn sĩ Khái Hưng,

cố văn sĩ Trần Tiêu, ông Hoàn, quản lý nhà xuất bản Đời Nay, anh bạn thơ Huyền Kiêu, nhà bác sĩ kiêm nghệ sĩ Nguyễn Tường Bách, Thạch Lam và tôi.

Trong bọn thì tôi ít tuổi nhất, nên những người kia đều gọi tôi là tiểu tử (Benjamin) để rồi lại gọi trệch đi là... tửu tử.

Bữa rượu đầu xuân năm ấy, phải nói rằng chúng tôi đã uống với tất cả chất men say ngây ngất bốc lên từ chính tấm lòng xuân phơi phới của mình, hòa với cái say của hương khói trong nhà, của mưa bụi ngoài trời, của lá hoa xuân hiền dịu, của mùi thơm cây cỏ ngoài vườn...

Câu chuyện "văn nghệ" điển hình nhất của chúng tôi tất nhiên khởi sự chung quanh... mâm cỗ Tết, có đủ các trân vị đặc biệt của cái Tết Việt Nam thuần túy: bánh chưng xanh, thịt mỡ dưa hành, cá kho, giò thủ, thịt đông, cùng các món đồ nấu cổ điển trình bày rất hòa điệu. Bởi vì đây là cỗ Tết của gia đình tác giả *Hà Nội băm sáu phố phường*, nhà văn đã nâng cao vấn đề ẩm thực lên thành một nghệ thuật tinh vi.

Chúng tôi đều biết cái khiếu thưởng thức món ăn của Thạch Lam rất tế nhị, và chúng tôi thường nói đùa rằng: "Thạch Lam ăn có nguyên tắc, uống có lập trường, và phê bình vấn đề ăn uống với một quan niệm siêu đẳng...".

Tôi không bao giờ quên cái dáng điệu ngồi rất đẹp của anh, khi nâng chén: cái đầu nghiêng nghiêng, cặp mắt lim dim, anh rung đùi nhắc lại một câu mà anh đã viết trong *Hà Nội băm sáu phố phường*: "Hãy bảo cho tôi biết bạn ăn uống ra sao, tôi sẽ nói cho bạn rõ bạn là hạng người nào."

Chúng tôi đồng thanh lấy giọng ê a như ngâm thơ, và cùng gõ nhịp đũa xuống mâm, đọc to câu đó lên trước khi cạn chén, để rồi gật gù kết luận rằng đó là một câu "danh ngôn" đắc ý nhất của "danh sĩ" Thạch Lam.

Tôi cũng không quên được cái chất men rượu xuân năm ấy, sánh quyện đầu lưỡi, ngọt lừ mà tê lịm, có thể cứ uống mềm môi mà say ngất lúc nào không biết. Rượu đựng trong những nậm sứ cổ, rót vào chén nhỏ men trắng như ngọc, càng tôn thêm phẩm chất và hương vị. Trong đời tôi, có lẽ chưa bao giờ được uống thứ rượu ngon như thế. Phải chăng vì rượu có thấm đượm cả cái men xuân kỳ diệu? Nhưng không phải tôi tự huyễn hoặc. Tất cả những người khác cũng đều công nhận là rượu ngon lắm: thuần chất hơn Mai-quế-lộ, say hơn Thanh-mai, thanh khiết hơn hết các thứ rượu cúc, rượu cẩm, và cố nhiên không nên so sánh với rượu Tây, vì đây là chất men hợp với huyết thống con người Đông phương trầm mặc.

Uống rượu ngon thì biết là rượu ngon duy không ai đoán biết là rượu gì! Thạch Lam cười bí mật, gọi người nhà bưng cả vò rượu lớn ra, chỉ vào mảnh giấy hồng điều dán làm nhãn hiệu có viết bốn chữ nho "Đào Lê Mỹ Tửu." Anh nghiêm trang giải thích: "Đào Lê Mỹ Tửu là rượu ngon, đành rồi! Còn Đào không phải là quả Đào với quả Lê, mà còn nói lái lại, chỉ là Đề Lao: Đề Lao là nhà tù, ai mà không biết? Thứ rượu này dẫn người ta đến nhà tù dễ như bỡn, vậy chỉ là rượu ngang, rượu lậu thuế!"

Chúng tôi cùng phá lên cười, và hô lớn:

- Đào Lê Mỹ Tửu Vạn Tuế!

- Đả đảo Tây Đoan!

Nói đến Tây Đoan, lập tức mọi người nhớ ngay đến anh chàng thi sĩ tác giả *Thơ Thơ* là Xuân Diệu, mà kịch sĩ Đoàn Phú Tứ gọi là Xuân Rượu, vì hồi đó Diệu vừa thi đậu làm cò-mi Đoan, và Diệu đã được làng văn tặng cho hai câu thơ:

Đương làm thi sĩ hóa Tây Đoan,
Nửa mặt nhà thơ, nửa mặt quan...

Nói đến Tây Đoan, người ta còn truyền tụng với nhau câu chuyện sau đây: "Đêm giao thừa, Xuân Diệu và Huy Cận đã rủ nhau về ăn tất niên ở Cẩm Giàng, quê nhà Thạch Lam, nghĩa là cũng ở gian nhà mà chúng tôi đang họp mặt – Hai anh chàng Xuân và Huy đã cùng thức trắng đêm bên cạnh nồi bánh chưng, để rồi, khi bánh vừa luộc chín, một mình nhà thơ Xuân Diệu đã ăn sốt sột hết đúng... bốn cái bánh chưng lớn còn nóng hổi, bốn tấm bánh chưng lớn vừa bằng bốn viên gạch lá nem vuông vắn, mỗi chiều xấp xỉ 20 phân tây, bề dày ít nhất cũng ba, bốn phân tây! Thành tích "ăn" đó có thể coi là kỷ lục xuất chúng ở vào cái thời đã khuất bóng cụ Lê Như Hổ.

Người ta kinh dị mà kể với nhau câu chuyện Thi sĩ Xuân Diệu (họ Ngô) một mình ăn hết bốn tấm bánh chưng cỡ lớn, và ăn liền một mạch như voi cuốn, ăn thẳng thừng không ngẫm nghĩ, không suy tư, tất nhiên là không cần 'ăn có lập trường' như Thạch Lam!".

Câu chuyện rất thực, không phóng đại mảy may. Chính Thạch Lam, xưa nay vẫn được tiếng là không nói phiếm bao giờ, cũng phải xác nhận là đúng. Anh chép miệng phê bình bằng một nửa câu danh ngôn bất hủ: - "Hãy nói cho tôi biết bạn ăn uống ra sao...". Và anh bỏ lửng câu nói để thay thế bằng một nụ cười đầy ý nghĩa.

Thạch Lam, cũng như Khái Hưng, cũng như Trần Tiêu, không sống lâu trên cõi đời để mà chứng kiến bao nhiêu lớp tuồng ảo hóa kỳ khôi xảy đến những năm sau này. Để mà có dịp nhận thấy rằng: "Con người văn nhân thi sĩ mà ăn liền được một lúc bốn tấm bánh chưng lớn tất phải là con người đã mang sẵn cái chất... duy vật vô sản trong máu huyết."

Quả nhiên không phải là chuyện dị thường! – Có phải chăng, anh Thạch Lam, người nghệ sĩ giờ đây đã thoát hẳn mọi ràng buộc của vật thể, để chỉ còn... "ăn hương, ăn hoa" vô cùng thanh khiết?

4. Cơn say chưa tỉnh

Những cơn say như thế cứ liên miên tiếp diễn, suốt một năm trời. Không mấy ngày, từ căn nhà nhỏ bên bờ Hồ Tây, không vang lên những tiếng cười, những tiếng ngâm thơ, có khi cả tiếng đàn, nhịp phách cùng tiếng hát đào nương. Dạo ấy Nhất Linh chưa trốn sang Tàu, Khái Hưng chưa bị bắt đưa đi Vụ Bản, Thế Lữ vẫn còn ở cùng một khu, Trần Tiêu ở Hải Dương mỗi tháng thường lên Hà Nội vài ba chuyến, Nguyễn Tường Bách tuy sắp thi ra bác sĩ, nhưng thực chất cũng nghệ sĩ không kém gì mấy ông anh ruột: Giữa những người đó, cuộc tụ họp nhau hàng ngày tại nhà Thạch Lam đã hầu thành một cái lệ cần thiết, từ khi nhóm Tự lực văn đoàn nghỉ ra báo. Riêng Huyền Kiêu và tôi, gần Thạch Lam rồi thân với Thạch Lam giữa thời kỳ anh phải ngừng hoạt động về báo chí, mối giao tình của chúng tôi càng thuần khiết hơn, nhất là càng có hoàn cảnh và thì giờ để kết chặt thêm những niềm cảm hòa điệu từ tâm linh thầm kín. Chúng tôi ăn, ngủ tại nhà Thạch Lam như ở gia đình mình. Hơn thế nữa, vì có khi ở chính gia đình mình còn không được... say sưa nghiêng ngả bằng.

Tới đây, tôi không thể không nhắc tới chị Thạch Lam (1) mà chúng tôi vẫn gọi là "chị Lân" và thành thực quý mến như một bà chị ruột. Chị quả là một bậc hiền phụ, một người đàn bà Việt Nam điển hình, theo kiểu bà vợ Tú Xương:

"Nuôi đủ năm con với một chồng..."

Chính nhờ bàn tay nội trợ đảm đang của chị mà Thạch Lam mới sống được trọn vẹn cuộc đời nghệ sĩ phóng dật của mình. Và chị cũng phải thuần hậu lắm mới có thể chịu đựng nổi lũ "thiếu niên tửu quỷ" trong số bè bạn "vô công rồi nghề" của chồng. Không những luôn luôn chị phải bận rộn làm thức ăn ngon, món nhấm tốt cho họ thưởng thức, mà tới khi họ say, chỉ còn phải lo... dọn dẹp, nếu họ nôn mửa, và chuẩn bị xoa dầu nóng, bôi vôi, nếu họ trúng gió. Hơn nữa, có nhiều khi chị còn phải lo cả cái việc phiền toái mà thông thường nhất ở đời là cái việc... chạy tiền, cái việc điều hòa ngân quỹ gia đình mà tác giả *"Hà Nội băm sáu phố phường"* có thể quên lãng. Chao ôi! với nếp sống thanh bạch của một nhà văn chỉ sống chuyên bằng ngòi bút tiểu thuyết – mặc dầu được tiếng có tài rất nhiều, nhưng sách lại bán rất ít – chị Thạch Lam ngày ấy hẳn đã từng phen phải hi sinh cực nhọc bao nhiêu để giữ cho chồng nguyên vẹn cái tiết tháo của một "phong lưu hàn sĩ," để rồi lại gây được cả cái mỹ hiệu là tay "hào sĩ" một thời. Là vợ của một văn sĩ chưa hề nhận quan tước triều đình như Mạnh Thường Quân hay Bình Nguyên Quân thuở xưa, chị cũng vẫn tạo được cái tác phong "năm ngày một tiệc lớn, ba ngày một tiệc nhỏ," và "mỗi ngày một... bữa rượu thường xuyên," dù chỉ rau đậu đơn sơ, nhưng thịnh tình đôn hậu và không khí chân thành của ngôi nhà bé nhỏ ở đây là những yếu tố mà Bình Nguyên Quân và Mạnh Thường Quân chưa dễ đã tạo nổi một cách hồn nhiên, không vụ lợi như chị!

Nếu sóng nước Hồ Tây đã có lần hòa lẫn với rượu, thì tấm lòng biển rộng của chị Thạch Lam cũng phải thông cảm bao dung lắm với lũ người say chúng tôi, mà chính anh Thạch Lam là một kiện tướng. Thạch Lam say cùng chúng tôi cơn say dài, trước khi nhập vào Đại mộng. Như vậy, có nghĩa là anh mang theo cả cơn say sang thế giới bên kia, để không bao giờ tỉnh lại nữa. Có lẽ linh tính hay linh giác anh đã đoán thấy, cảm thấy trước cái ngày tịch diệt của thể chất – sự hủy thể không thể tránh được. Anh đi vào cơn say như ngao du tới những phương trời huyền mặc, hay đúng hơn, như tìm về Quê hương quen thuộc – quen thuộc nhưng không bao giờ hết kỳ bí.

Tôi tin rằng trong những cơn say, Thạch Lam đã bắt gặp được những cái gì lạ lắm. Ít nhất, trong lúc say, người ta sống với cái thần trí phiêu diêu bên ngoài cả không gian và thời gian. Cho nên Thạch Lam không muốn tỉnh, vì những lúc tỉnh, anh nhìn thấy không gian thì tù hãm, thời gian ngắn quá, chẳng vô cùng. Anh lo sợ "thời gian đi mất" và anh hằng thao thức muốn giữ lại cái "thời gian sắp mất" đó. Một năm trước khi chết, thái độ sống của anh là một thái độ sống hào phóng, khoáng đạt, vì chính ở trong nếp sống đó, anh đã thấy mình sống được "nhiều" hơn, "bao trùm"

hơn. Sống như vậy, anh đã nắm giữ được phần nào cái "thời gian sắp mất," và khi thời gian ấy đi mất hẳn, thì anh cũng không còn tiếc hận gì, vì anh đã từng hòa đồng vào nó rồi – nghĩa là trong phút giây xuất thần nào đó, anh đã hòa mình vào Vĩnh cửu.

Đừng vội bảo Thạch Lam hưởng lạc, cũng đừng luận rằng Thạch Lam muốn tạo tại nếp sống "tài tử" để nếm cái "phong vị hàn nho" như Nguyễn Công Trứ, khi thấy tác giả "Hà Nội băm sáu phố phường" thận trọng và tinh vi trong việc chọn từ miếng ăn, thức uống, từ món quà nhỏ mọn hương vị quê mùa của đất nước.

Không, bình thường thì Thạch Lam hồn nhiên hơn Nguyễn Công Trứ, và cũng không phiền toái như một Tản Đà trong nghệ thuật sống, tuy rằng theo Thạch Lam, muốn sống cho có nghệ thuật, tất nhiên không thể buông tuồng.

Nhưng, vào giai đoạn chót cuộc đời, thì cái phóng túng cái buông thả của Thạch Lam là biểu thị của một thái độ, một triết lý sống phần nào có nhuốm màu sắc siêu hình và thần bí. Trước khi chết, chính Thạch Lam nhiều lúc thường nói với chúng tôi bằng một giọng bí mật:

- Những lúc say, thú vị thực! Vì lúc đó, giá có chết ngay cũng không biết mình chết...

Phải chăng vì thế mà căn nhà tranh bên Hồ Tây đầu làng Yên Phụ đã chứng kiến những "cơn say suốt tháng, trận cười thâu đêm," trước khi tất cả chìm vào tịch mịch?

Sự thực, tất cả đã lắng vào tịch mịch vài ba tháng trước khi Thạch Lam lìa bỏ cõi đời.

Nhất Linh, sau một đêm *"hiu hắt trăng khuya lạnh bốn bề"* (2) họp mặt lần cuối cùng với chúng tôi bên bàn rượu kề gốc liễu tảng sáng bỗng ra đi biệt tích.

Khái Hưng bị bắt đưa đi Vụ Bản, Thế Lữ sợ liên can cũng lẫn trốn mất dạng. Huyền Kiêu về ở quê nhà tại Vân Đình. Bạn bè thân, sợ không còn mấy lai vãng tới căn nhà "cửa trúc cài phên gió" nữa. Trong nhà quạnh vắng, chủ nhân cũng bắt đầu ngọa bệnh. Chỉ có Nguyễn Tường Bách là em ruột Thạch Lam, và tôi vốn ở gần thỉnh thoảng còn lui tới. Khi đó bệnh tình của anh có vẻ chưa nặng, chính Tường Bách bác sĩ cũng không ngờ!

Một hôm Thạch Lam bảo tôi:

- Các anh Tam và anh Lễ (Thế Lữ) phải lánh mặt cả, vì có báo động. Mật thám giăng lưới và rình mò quanh nhà này. Anh hãy tạm ngưng lui tới một thời gian, kẻo bị liên lụy.

Một thời gian qua, buổi tối hôm ấy, ngồi bên cửa sổ nhìn ra ngoài trời về phía nhà Thạch Lam, tôi chợt nghe thấy một điệu nhạc văng vẳng một điệu kèn clarinette. Rõ ràng tiếng kèn clarinette của Nhất Linh! Dạo trước, Nhất Linh vẫn thường đem kèn tới nhà Thạch Lam thổi chơi. Ngoài Nhất Linh, không có người nào khác biết thổi clarinette ở khu này.

Tôi liền khoác áo, vùng xuống đường, rảo bước theo điệu nhạc, vòng ngõ vào làng Yên Phụ, tiến về phía nhà Thạch Lam. Tiếng kèn vẫn hắt hiu trầm bổng, đứt quãng. Tới gần nhà Thạch Lam, tiếng kèn chợt im bặt. Tôi ngỡ ngàng trong bóng tối. Nhưng đã tới trước cổng ngôi nhà có khóm tre xào xạc. Cổng không cài then. Tôi đẩy tấm cánh gỗ, bước vội vào căn nhà yên lặng. Chỉ có một ngọn đèn dầu hỏa lẻ loi. Và góc nhà, một chiếc giường, màn buông kín mít. Thạch Lam nằm trong màn đó, và bên mép giường, chị Thạch Lam ngồi lo âu. Chẳng có tiếng kèn clarinette nào vọng lên ở chỗ này. Và cũng chẳng làm gì có Nhất Linh ở đây! Có lẽ tôi đã bị lầm vì một ảo tưởng âm thanh nào đó.

Chị Thạch Lam cất tiếng:

- Chú sang chơi. (Chị vẫn gọi Huyền Kiêu và tôi là Chú Kiều và Chú Hùng). Anh ấy mới giở bệnh, nặng lắm!

Tôi vạch màn, vặn đèn sáng thêm, và cổ tôi bỗng như nghẹn lại: Thạch Lam nằm đấy, nhưng trên sắc mặt trắng bệt của anh, tôi tưởng như đã nhìn thấy bóng dáng Tử thần.

Vậy mà anh còn cố gượng ngồi dậy, bắt tay tôi, nắm thật chặt, cặp mắt lim dim như vẫn còn nặng trĩu những cơn say ngày nào, miệng anh vẫn mỉm nụ cười khoan hòa như mọi khi. Nhưng rồi anh lại nằm xuống, không nói được lời nào, vì anh đang mệt.

Mấy hôm sau anh từ trần. Tôi đã thức suốt một đêm bên quan tài anh, để nghĩ rằng: Thạch Lam vẫn còn say chưa tỉnh, anh đã mang theo cả những hình ảnh tuyệt vời của cơn say dài bất tận về Hư vô. Trong khi chúng tôi ở lại, chẳng còn chất men kỳ diệu nào để mà say, nên cứ phải dương mắt ra nhìn đời giữa lúc rất tỉnh – sự tỉnh táo vô vị của những con người đại bất hạnh.

(Trích từ báo Văn số 36, ra ngày 15-6-1965 tại Sài Gòn)

(1) Hiện ở Sài Gòn (Chú thích của tác giả, khi viết bài này năm...)

(2) Trong bài thơ Tương Biệt Dạ của Huyền Kiêu

Tính cách tạo tác của Thạch Lam

THẾ LỮ

Ngày tháng không làm nguôi được nhớ tiếc trong lòng các bạn hữu Thạch Lam. Sự thương đau bột động ban đầu chìm lặng đi để thành thấm thía mãi mãi càng ngày càng đậm thêm, sâu thêm. Thạch Lam vẫn hiển hoạt trong tâm tưởng của chúng tôi, trong câu chuyện khi chúng tôi có dịp gặp nhau bất cứ lúc nào, và trong bất cứ dịp hội họp nào cũng có một lời nói làm cho Thạch Lam như "có mặt" ở đó. Ở ngoài số người thân mật, vây quanh mình Thạch Lam hồi anh còn sống một tình yêu trong chân thành, và khi mất anh thêm khăng khít với nhau vì có chung nhiều kỷ niệm quý báu, tôi thường được yên ủi vì những lời mến mộ của nhiều bạn văn khác khi nhắc đến cái tài rõ rệt, mạnh mẽ, chững chạc trong sự ít ỏi của việc trước tác, và bền vững vì chỉ là tinh túy là tình cảm *thực* diễn thành văn...

*

Nay nhân ngày giỗ đầu Thạch Lam tôi xin nhắc lại một vài kỷ niệm để các bạn đọc chú ý đến tính cách tạo tác của nhà văn sĩ.

Thạch Lam thuộc vào số nghệ sĩ không cần sửa soạn công phu trước khi khởi công. Anh ít khi phải làm lại những đoạn đã thành hình và không bao giờ đặt khuôn khổ nền móng cho một chuyện, một đoản thiên hay một tiểu thuyết. Vậy mà Thạch Lam là một nhà văn rất thận trọng: tìm lối diễn thuật thích đáng, về lời, về thể, về âm hưởng của Việt ngữ nữa, bao giờ cũng là sự quan tâm tha thiết và có khi đau đớn của nhà văn sĩ này. Nhưng Thạch Lam là người trầm lặng, bao nhiêu băn khoăn về nghệ thuật, bao nhiêu tư tưởng, cũng như bao nhiêu tình cảm, rung động, lúc nào cũng chứa chất dồi dào trong tâm trí: cái kho tàng cuộc sống bên trong ấy cất sẵn châu báu mà chỉ cầm đến bút Thạch Lam đã thấy dàn xếp theo hình thể của lời.

Thạch Lam không bao giờ phải tìm "đầu đề," phải tìm "câu chuyện." Một ý chợt đến, một việc chợt xảy ra, một hình sắc chợt để mắt tới, một hương vị thoáng qua, thế là cả một đoạn đời sống súc tích rung động và nổi dậy. Vẻ dịu mát của màu xanh cây một buổi chiều nhìn ra ngoài đường nắng đưa trí nghĩ tới vườn lá của một đoạn tuổi thơ quê nhà. Tôi được nghe Thạch Lam gợi lên những kỷ niệm ngày còn nhỏ của anh trước mấy

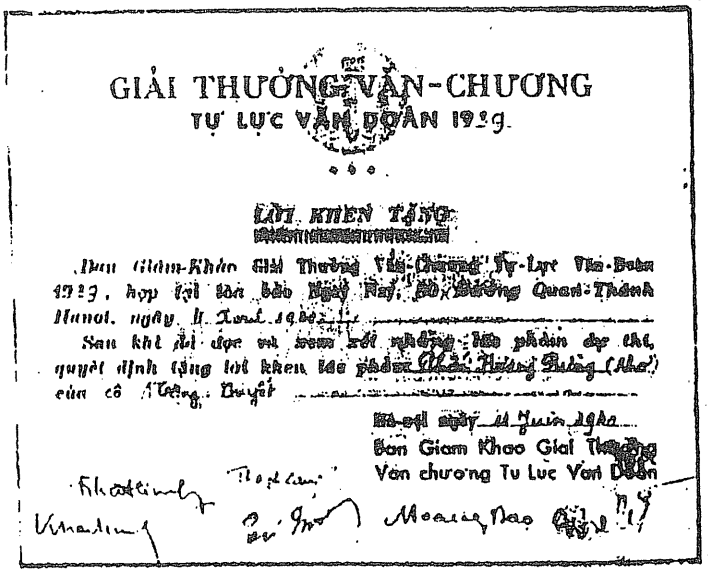
GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN 1939

LỜI KHEN TẶNG

Ban Giám-Khảo Giải Thưởng Văn-Chương Tự-Lực Văn-Đoàn 1939, họp tại tòa báo Ngày Nay, 80 Đường Quan-Thánh Hanoi, ngày 11 Juin 1940

Sau khi đọc và xem kỹ những tác phẩm dự thi, quyết định tặng lời khen tác phẩm Gió Đầu Mùa (Nhà) của cô Thế Lữ.

Hà-nội ngày 11 Juin 1940
Ban Giám Khảo Giải Thưởng Văn chương Tự Lực Văn Đoàn

Bằng khen tặng của Tự Lực Văn Đoàn với các chữ ký: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thế Lữ.

ngày anh viết bài "Trở về" trong đó ta thấy sáng gay gắt làm âm thầm thêm bóng cây lá. Khái Hưng trong bài tựa *"Gió đầu mùa"* nhận thấy rõ những duyên do xúc động của Thạch Lam trong nhiều đoạn ở tập sách này. Chính Thạch Lam cũng thường nói riêng tôi rằng cái *"Lòng Quê hương"* là niềm nhớ quá vãng vẫn mãi mãi sống cùng hiện tại ở trong anh. Đó là lời thú thực của một người nặng tình có nhiều lúc muốn thoát khỏi những giây vương. Không có một sáng tác nào của Thạch Lam mà không có rất nhiều Thạch

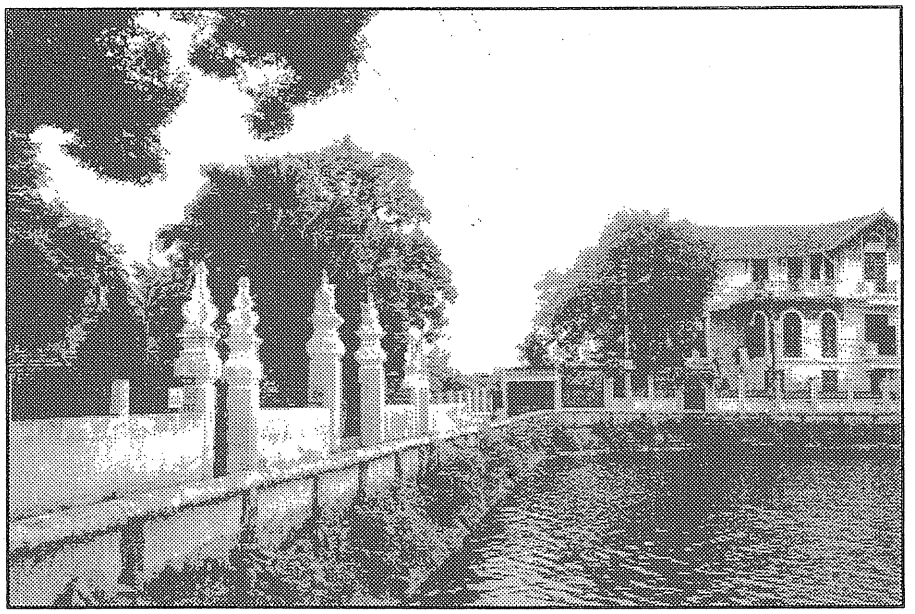

Toàn cảnh nhà Thạch Lam đã ở. Bên trái là đình Yên Phụ. Khi Thạch Lam còn sống, ngay chỗ cột điện là bụi tre đã xuất hiện trong Theo Giòng. Sau cột điện chỗ cây lớn là vị trí cây liễu được nhắc tới trong văn chương. Hồ nước trong ảnh xưa kia là đầm sen.

Lam trong đó. Gió bụi xa xưa, hương ruộng lúa, mùi rạ phơi, tiếng lá tre reo rét, thứ bóng tối uất ức nhẫn nại của đời thôn quê dưới mái lá nát, hay những đêm sâu điểm trống huyện, những buổi sáng trăng dặt dìu, từ sự thực lầm lội đến cảnh êm dịu mơ màng, không một tình nào trạng nào ta thấy ở những trang châu báu còn lại cho chúng ta kia, không làm cho Thạch Lam cảm động đê mê từ bao nhiêu tháng năm trước. Cả đến những "truyện ngắn" viết nên vì phải có cho một kỳ báo, cả đến những văn phẩm mà người ta gọi là gượng ép, ở Thạch Lam cũng là một công trình đôn hậu dồi dào. Trong những dịp làm việc chung với nhau, nhiều lần tôi được thấy Thạch Lam túng bấn trước cái hạn 12 giờ phải đưa truyện ngắn cho báo. Gặp những lúc vội vàng ấy tôi ở địa vị anh rất lo sợ để rồi sau cùng quyết định sai hẹn. Thạch Lam thì không. Cái người tối hôm trước trả lời tôi rằng chưa biết viết gì, sáng hôm sau đã cho tôi cảm động vì một tập truyện viết đều hàng, nét chữ nhỏ và nhanh, câu vần thấm đẫm những cảnh tình thắm thiết bày dãi trên trang hoặc đĩnh đạc ung dung, hoặc say mê ảo não. Những dòng ít đập xóa ấy có những đoạn khuôn mẫu cho cách hành văn. Đôi khi Thạch Lam phàn nàn rằng "chưa biết viết gì" để một người bạn kể một chuyện nào đó. Thạch Lam viết. Không ai dám bảo – cả chúng tôi cũng vậy – rằng không phải chính Thạch Lam nghĩ ra. Tôi được thấy cái chuyện người thiếu niên về nghỉ ngơi ít ngày trong lặng lẽ của quê nhà dưới sự thương yêu thong thả mát mẻ của bà tổ mẫu mà tôi thuật cho Thạch Lam nghe chỉ mấy ngày sau thành thiên "Dưới hàng hoàng lan," một tác phẩm nhân từ như một lời yên ủi. Họa sĩ Nguyễn Gia Trí có lẽ không ngờ có lần nhân kể một chuyện ly biệt khác hẳn, đã nhắc khiếu quan sát lạ lùng và rất cảm động của Thạch Lam viết được câu truyện "Người đầm" vấn vít một tình thương cùng với một ý mỉa mai rất nhẹ nhàng. Đỗ Đức Thu kể lại một "nỗi niềm" của tâm lý: "Sợi tóc" với những đoạn suy nghĩ khắc nghiệt chi li đã thành công rực rỡ theo sự phong phú của Thạch Lam. Cái bản năng văn nhân là một sự sáng suốt dị kỳ, phong phú dồi dào thêm nhờ cái vốn tâm trí của một trăm năm ở đời người trong một người chỉ sống *ba mươi ba* tuổi. Thạch Lam *sống* hết cả từng ý "văn" từng câu *văn* anh đã viết trên giấy và văn chương ở Thạch Lam đẹp đẽ một dáng đáng trọng đáng yêu khác thường. Trong đời ngắn ngủi và rất từng trải – tôi nói đời bên trong – của Thạch Lam, nhà văn sĩ này tự ác nghiệt với mình để giữ những tình ý "thực," để chỉ diễn những tình ý đó, những trạng huống đó. Sự thực của tâm hồn mà Thạch Lam diễn trong lời của văn chương phức tạp nhiều hình nhiều vẻ, nhưng bao giờ cũng đằm thắm, cũng nhân hậu, cũng nghẹn ngào một chút lệ thầm kín của tình thương. Nếu Thạch Lam theo một chủ ý nào trong công việc viết văn của anh thì chủ ý ấy là diễn ra và gợi lên sự Thương Xót.

(Đây là bài Thế Lữ viết nhân ngày giỗ đầu của Thạch Lam, đăng trên Thanh Nghị số 39, ra ngày 16- 6- 1943 tại Hà Nội. Chúng tôi trích đăng lại từ báo Văn số 60 ra ngày 15-6-1966, Sài Gòn)

THẠCH LAM

ĐỖ ĐỨC THU

Một lớp nhà nhỏ gần đê Yên Phụ trên bờ Hồ Tây. Trước nhà một khoảng sân con, một cây liễu ngay ven hồ, cạnh một cái cầu ao thô sơ rủ là xuống mặt nước. Đó là chỗ ở cuối cùng của Thạch Lam, một nhà văn trong nhóm Tự lực văn đoàn, mà tác phẩm ở các báo Phong Hóa, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Chủ Nhật, cách trước đây mười năm đã thu hút được rất nhiều đọc giả, và nâng cao giá trị cho văn học Việt Nam.

Trong tập "Nhà văn hiện đại," nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã nói nhiều đến Thạch Lam, phân tách kỹ càng những tác phẩm của nhà văn để lại, và đã do nhà xuất bản Đời Nay in thành sách. Tác phẩm đó cũng không nhiều: một tập truyện dài "*Ngày mới*", vài tập truyện ngắn "*Gió đầu mùa,*" "*Nắng trong vườn,*" "*Sợi tóc*" và một thiên tùy bút "*Hà Nội băm sáu phố phường.*"

Về tập sau này, tiếc rằng không thấy nhà phê bình họ Vũ nói đến, có lẽ vì lúc ấy tập tùy bút chưa được đem in. Phê bình tác phẩm Thạch Lam, mà bỏ qua mất "*Hà Nội băm sáu phố phường*" là một điều đáng tiếc, vì tập này mới là kết tinh cái tư tưởng, quan niệm của Thạch Lam, mới cho đọc giả thấy rõ nhà văn qua ngòi bút. Nhà phê bình họ Vũ đã nhận xét rất đúng, là từ cuốn truyện đầu tiên "*Gió đầu mùa*" đến cuốn "*Sợi tóc,*" nghệ thuật của Thạch Lam đã tiến rất nhiều, thì tác phẩm sau cùng "*Hà Nội băm sáu phố phường*" này mới là tác phẩm then chốt của hết thảy văn phẩm, Thạch Lam mới gần tới chỗ toàn thiện, toàn mỹ.

Vũ Ngọc Phan đã cố công tìm tư tưởng Thạch Lam tản mác trong các truyện ngắn, và đã thấy một tâm hồn thanh tú, tỉ mỉ, những nhận xét tâm lý tinh vi, sâu sắc – *Tối ba mươi, Đói, Sợi tóc* – lòng mến yêu đất nước, cảm tình đối với những số phận kém hèn – *Cô hàng xén.* Thì những ý tưởng đó đầy rẫy trong "*Hà Nội băm sáu phố phường,*" mà cách hành văn sáng sủa, tinh vi, làm người đọc thấy được gần, được hiểu tác giả nhiều hơn.

Vì ngay khi còn sống, Thạch Lam đã được ít người đồng thời biết tới, ngoài ra qua mấy tờ tạp chí hàng tuần, mang vào cuộc đời một tư tưởng của nhà văn mới, của một tâm hồn tha thiết với văn chương đã định cuộc sống của mình bằng ngòi bút. Hình như Thạch Lam sống với văn chương, với sách vở báo chí hơn là sống với người đồng thời, những người biết Thạch Lam, cả đến những bạn làng văn đã gán cho anh tiếng quả giao, đã chê cái thái độ mà họ cho là kiêu kỳ, khủng khỉnh. Sự thực không phải thế, Thạch Lam là người giàu tình cảm, chỉ vì trường đời tạo cho anh cái thái độ dè dặt, bắt anh sống cái đời con ốc trong một vỏ kín bưng. Vì cái tâm hồn phong phú, cái đời tâm tưởng rồi rào ấy đã có lần sống cởi mở với thế nhân, đã sống hoang toàng rộng rãi, để rồi chịu những thương tích nó làm giảm dần lòng tin tưởng ở người đời. Tránh sao khỏi điều đó, khi một tâm hồn thanh tú, một con tâm mà một hơi gió một ánh giăng đều rung động nổi, phải trực tiếp đụng chạm với những khắc nghiệt của cuộc đời thực tế!

Thạch Lam rất thận trọng trong việc giao du. Bè bạn của anh có thể đếm trên bàn tay. Thỉnh thoảng mới có người tìm đến cái nhà cạnh bờ Hồ Tây, phần nhiều cũng trầm lặng như chủ: đó là những người có thể ngồi im hàng giờ cạnh khay trà, đã đạt tới cái thuật "đối diện đàm tâm" của các bậc túc nho.

Tuy vậy, đời sống Thạch Lam không phải thu vào trong lớp nhà chật hẹp. Có thể nói: chỗ ở của anh là tất cả Hà Nội, tất cả vùng thủ đô mà anh đã hiểu rõ cả cảnh lẫn người, đã mến yêu với mối tình tha thiết của người con dân yêu đất nước. Ngày ngày sau công việc ở tòa báo, Thạch Lam thường lang thang ở các phố, hoặc một mình hoặc với một vài người bạn. Họ im lặng đếm bước giữa cái đám người đông đúc mà tâm hồn thường vẫn đơn lẻ như đi trong sa mạc hoang vu. Thỉnh thoảng họ dừng chân ngắm một vài cửa hàng, một cảnh lạ mắt. Mấy chữ "Bách Thảo Đường" ở đầu phố hàng Đường, nét chữ đẹp như cắt cái biển "marchand de chinoiseries" ở phố hàng Bồ, đến

Cổng làng Yên Phụ ngày nay

nay vẫn còn là những tác động đã cấu tạo nên cuốn "Hà Nội băm sáu phố phường", nhất là về đêm, khi đời sống đã dồn vào những căn nhà đóng kín, thành phố lặng lẽ dưới ánh đèn điện lạnh lùng chiếu mấy cảnh binh hoặc phu xe kéo, Thạch Lam có cảm tưởng Hà Nội là của mình và đã tạo nên những đoạn văn giá trị. Thạch Lam thường lang thang cho tới hai ba giờ sáng rồi về trước chợ Đồng Xuân, xem họp những phiên "chợ xanh."

Đó là những nông gia các vùng lân cận mang thực phẩm vào cung cho thành phố. Rau đậu bầu bí hoa quả mới hái còn đẫm hơi sương, bày la liệt đầy một khu trước chợ, đủ các màu xanh rờn dưới ánh đèn nhợt nhạt. Nhà văn ngắm không chán mắt, ra uống cốc trè nóng pha đường ở "hàng nước cô Dần" rồi lững thững trở về viết lên giấy những ý tưởng đã thai nghén trong ngày hôm ấy.

"*Hà Nội băm sáu phố phường*" là tác phẩm sau cùng của Thạch Lam. Anh có ngỏ với anh em còn muốn viết cuốn "Thập niên đăng hỏa" nhưng tiếc thay, cái chết tới sớm quá đã không cho anh thực hành ý muốn. Không hiểu Thạch Lam muốn nói gì trong "Mười năm đèn lửa," những bạn thân nhất của anh chỉ hiểu sơ rằng tập đó sẽ nói tới một vấn đề quan hệ cho cả một thế hệ thanh niên ngày nay: Vấn đề thuốc phiện. "Đèn lửa" đây là lửa đèn dầu lạc. Cho tới nay, khi thấy trong văn giới chưa có một tác phẩm nào mang được chút ít ánh sáng, ta lại càng thấy thiếu nhà văn đã khuất.

Thạch Lam chết giữa lúc công nghiệp anh đang nhiều hứa hẹn như nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã nhận thấy tài nghệ của anh đã tiến rất nhiều từ tác phẩm đầu tay "*Gió đầu mùa*" đến tác phẩm sau cùng "*Sợi tóc*" thì sẽ tiến đến mực nào nếu anh được sống để trau dồi nghệ thuật. Nhưng Thạch Lam đã phải chịu chung cái cảnh của nhiều nhà văn nước ta: cái nghèo. Ngòi bút, không nuôi nổi nghệ sĩ, đã gây biết bao nhiêu nạn nhân: Nguyễn Khắc Hiếu, Vũ Trọng Phụng, Vũ Trọng Can v.v... Thạch Lam, cũng trong cảnh đó, đã mắc phải cái bệnh ác liệt : bệnh lao. Khi được thầy thuốc cho biết, anh chỉ thốt hai tiếng: "Không may!" Thạch Lam không hề phàn nàn, vẫn làm công việc hàng ngày, cho đến ngày... anh thất thanh gọi: "Bách ơi, Bách!" Người em, bác sĩ Nguyễn Tường Bách đang ở ngoài sân vội chạy vào, thì Thạch Lam đã nằm xuống, thành người thiên cổ.

(Trích từ báo Văn số 36, ra ngày 15- 6- 1965 tại Sài Gòn)

TÌM HIỂU THẠCH-LAM THÊM MỘT VÀI KHÍA CẠNH

Đ.H. sưu tầm

THẠCH-LAM LÀM THƠ

Đọc văn Thạch-Lam, nhiều người nhận thấy tác giả *"Gió đầu mùa," "Nắng trong vườn"* cũng như *"Hà-nội băm sáu phố phường"* có một tâm hồn thanh tú tế nhị của nhà thi sĩ, cho nên lời văn của ông nhiều chỗ truyền cảm và đẹp như thơ.

Chính Thạch-Lam rất thích đọc thơ, phê bình thơ rất đúng, và am hiểu thấu đáo âm luật cùng các thể điệu thi ca. Bài thơ *"Tương Biệt Dạ"* của Huyền-Kiêu sự thực có mấy câu không phải của Huyền-Kiêu, mà là của Thạch-Lam đã sửa lại - phải nói là Thạch Lam sáng tác thì đúng hơn, vì Thạch Lam đọc bài thơ của Huyền-Kiêu không ưng một vài câu, liền đề nghị thay thế bằng mấy câu đổi thay hoàn toàn.

Những câu sau đây của Thạch Lam:
Ngậm ngùi chén rượu ánh vầng giăng.
.....
Đã tắt lò hương, lạnh phím đàn
.....
Trời cao, mây nhạt, ngàn sao rụng
Một giải sương theo vạn dặm buồn
.....
Trăng mùa xuân đó, ai tâm sự,
Anh đã xa rồi, anh biết đâu?

Xét ra, lại chính là những câu cần thiết để tôn giá trị bài thơ!

*

Tuy nhiên Thạch Lam chưa đọc cho ai nghe một bài thơ trọn vẹn do chính mình sáng tác bao giờ *(1)*. Có lẽ vì thực với lòng mình, Thạch Lam không muốn gò ép vần điệu, khi không có rung cảm mạnh. Có lần, nói chuyện về các trường phái thi ca Đa-đa và Siêu-thực, Thạch Lam cao hứng liền ứng khẩu đọc luôn mấy câu sau đây :

Năm năm, tháng tháng, ngày ngày
Giờ giờ, phút phút, giây giây.
Tic tac... tic tac... tic tac...

Theo lời Thạch Lam, đó là một bài làm thơ theo kiểu "Đa-đa," để tả... thời gian!

THẬP NIÊN ĐĂNG HỎA

Đỗ Đức Thu viết về Thạch Lam, có ghi một điểm thắc mắc:

"Anh có ngỏ với anh em còn muốn viết cuốn *'Thập Niên Đăng Hỏa,'* nhưng tiếc thay, cái chết đến sớm quá đã không cho anh thực hành ý muốn. Không biết Thạch Lam muốn nói gì trong 'Mười Năm Đèn Lửa'?... Chỉ hiểu sơ rằng tập đó sẽ nói tới một vấn đề quan hệ... Vấn đề lửa đèn 'dầu lạc'..."

Đúng như vậy. Trong một buổi uống rượu say tới quá nửa đêm, Thạch Lam cùng chúng tôi đích thân xuống bếp lúi húi thổi lửa hâm thức ăn và đun nước pha trà, anh đã thủ thỉ tâm sự rằng: Anh sẽ viết *Thập Niên Đăng Hỏa*, một thiên hồi ký kể lại thời kỳ suốt mười năm anh dan díu với Ả Phù-dung. Hiện anh đã ly dị cùng Ả rồi, nhưng "Mười năm đèn lửa biết bao nhiêu tình"? Anh sẽ trình bày câu chuyện lửa đèn khác hẳn lối Nguyễn Tuân viết *Ngọn Đèn* và *Tàn Đèn Dầu Lạc*, cũng không giống Vũ Bằng viết "Cai". Anh sẽ phân tách tâm lý rất kỹ, sẽ đặt vấn đề dưới nhiều khía cạnh, khả dĩ thoát khỏi cái tật phiến diện của những người chưa từng biết một chút gì về những chất ma túy, đã lên giọng dạy đời. Anh nghiêm giọng kết luận:

- Đó không phải là một vấn đề mà đàn bà, trẻ con hay kẻ phàm phu có thể hiểu được. Đó là tấn bi kịch mà cũng là huyền thoại của những kẻ ít nhất cũng phải trải qua mười năm từ cả thiên đường lẫn địa ngục.

(1) Sau này, Nhất-Linh có sưu tầm một số bài thơ của Thạch-Lam cho đăng trên giai phẩm "Văn-hóa Ngày-nay". (Ghi chú của tòa soạn VĂN).

SỰ THÀNH THỰC VÀ THÁI ĐỘ TRÍ THỨC

Trên báo *Ngày Nay*, một đạo Thạch Lam phụ trách mục *"Theo Dòng,"* hàng tuần bản về những vấn đề đọc sách, tư tưởng học thuật... Đó là những bài khảo luận nho nhỏ, rút kinh nghiệm, nhận xét qua sách vở, theo dòng thời gian, viết bởi một ý thức sáng sủa, một giọng văn đơn sơ, dễ hiểu mà vẫn có những cảm nghĩ thâm trầm sâu sắc. Những người trẻ tuổi hiếu học thủa đó rất thích đọc mục *"Theo Dòng,"* vì họ tìm được ở đấy những kiến

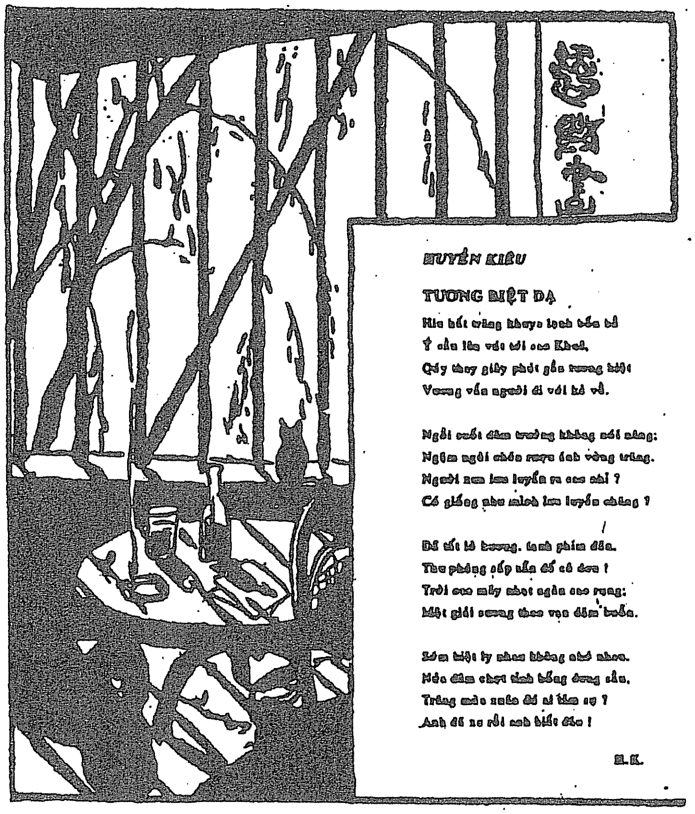

Bức tranh Trăng Xưa của Khái Hưng và bài thơ Tương Biệt Dạ của Huyền Kiêu

thức bổ ích, phổ biến vừa trình độ họ bởi một ngòi bút đứng đắn mà vẫn giản dị, nhũn nhặn, không lòe đời, không thích đưa ra những vấn đề có vẻ uyên bác, không bao giờ dùng những danh từ dao to búa lớn để thiên hạ phải nghĩ rằng mình thông thái.

Có lần Thạch-Lam viết về Marcel Proust (thủa đó Proust chưa có áng văn nào được dịch sang tiếng Việt, mà cũng chưa được văn giới Việt-Nam nhắc tới). Giới thiệu tác phẩm "Đi Tìm Thời Gian Đã Mất" *(A La Recherche Du Temps Perdu) của Marcel Proust. Thạch Lam có nhắc tới câu chuyện "La Petite Madeleine" và Thạch Lam dịch là... "Cô Bé Madeleine" chưa ở bên cạnh. Sự thực, có xem trọn truyện mới biết "La Petite Madeleine" chỉ là cái bánh Madeleine. Chắc tác giả* Theo Dòng *chỉ đọc lược khảo và trích dẫn, nên không khỏi nhầm là tên một cô bé...*

Ngày nay thì ai cũng biết như thế. Nhưng dạo đó, mãi chẳng thấy báo chí đồng nghiệp nào khám phá ra cái nhầm của Thạch Lam. Mà thủa ấy nhóm Tự Lực Văn Đoàn rất sẵn kẻ thù. Các đồng nghiệp thân mến chỉ chờ đợi cơ hội nắm được bất cứ một sơ hở nhỏ nào của báo *Ngày Nay* để mà xúm vào tấn công hạ uy thế những kẻ xưa nay vốn được tín nhiệm. Tiếc thay! Được một dịp tốt quá mà các đồng nghiệp lại sơ ý bỏ qua - kể cả những tay kiện tướng chuyên bới lông tìm vết kỹ nhất. Thành ra "Cô Bé Madeleine" cứ phây phây đứng nguyên vị trên báo *Ngày Nay*, qua liền hai, ba tuần vẫn bình an vô sự. Thế rồi, chợt cũng trên mục "Theo Dòng," chính Thạch Lam lại tự nêu cái nhầm của mình lên báo, để thẳng thắn nhận lỗi vì đã không đọc trọn tác phẩm của Proust. Và Thạch Lam thú thật rằng: Điều nhầm lẫn đó, tác giả *Theo Dòng* đã được độc giả viết thư mách cho biết. Tác giả ngỏ ý rất cảm ơn độc giả nọ, và mong bạn đọc sẽ còn chỉ dẫn cho những khuyết điểm khác, nếu có.

Thái độ trung thực và minh bạch đó của một nhà văn đang có uy tín khiến chúng ta không khỏi nghi tới tình trạng "âm dương hỗn độn" của văn nghệ giới hiện thời: Liệu những vị mệnh danh là "học giả" nhưng chưa từng... học thật, những bậc thông thái chuyên dùng tài liệu nghiên cứu và khảo sát của... người khác, những thiên tài văn nghệ thường mượn tạm cả bút hiệu cùng sáng tác của thiên hạ... những nhân vật khả kính đó liệu có đủ "lương thiện" và can đảm để mà thú nhận cả những nhược điểm của mình như Thach Lam, không mặc cảm và không thẹn với lương tâm? - nếu họ còn có trong người chút-gì-gọi-là-lương-tâm, hay na ná giống như lương tâm...

(Trích từ báo Văn số 36 ra ngày 15-6-1965 tại Sài Gòn)

ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

NGỰ THUYẾT

...Mỗi mùa
cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc
để tưởng nhớ mùi hương.
Dưới Bóng Hoàng Lan
Thạch Lam

Tiểu thuyết là một thể loại văn học ra đời sau những thể loại khác như thơ, phú, từ, kịch. Ở nước ta, tiểu thuyết càng sinh sau, đẻ muộn. Văn học cổ điển của ta không có tiểu thuyết bằng văn xuôi. Một cuốn tiểu thuyết lịch sử rất giá trị viết theo lối chương hồi như *Tam quốc Chí Diễn Nghĩa* là cuốn *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô Gia Văn Phái cuối thế kỷ thứ 18 mới xuất hiện, lại viết bằng chữ Hán. Mãi đến những thập niên 1910, 1920, cùng với sự du nhập những trào lưu văn hóa phương Tây, chủ yếu là văn hóa Pháp, tiểu thuyết viết bằng chữ quốc ngữ mới ra đời. Đó là những bước đầu chập chững, dò dẫm, vụng về.

Trong thời kỳ phôi thai ấy, cuốn *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925) đã nổi lên như một biến cố quan trọng trong văn học sử Việt Nam, nhưng bây giờ đọc lại, ta không thể chịu được lối viết cổ lỗ của nó. Vào thời kỳ kế tiếp, thể loại tiểu thuyết đã phát triển mạnh mẽ, và đạt những bước tiến như đi hia bảy dặm. Theo những nhà phê bình nghiên cứu văn học như Dương Quảng Hàm, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, cuộc cách mạng Thơ Mới và Tiểu Thuyết đã xảy ra trong những năm từ năm 1932 đến năm 1945. Các báo và văn đoàn ra đời như Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Hà Nội Báo, Ích Hữu, Phụ Nữ Tân Văn, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Phong Hóa, Ngày Nay (Tự Lực Văn Đoàn) v.v... Nền tiểu thuyết trong văn học Việt Nam đã trưởng thành. Tuy thế, lấy con mắt bây giờ nhìn lại thời kỳ tiểu thuyết ấy cách đây ba phần tư thế kỷ, ta không khỏi bỡ ngỡ và thất vọng vì trình độ còn non kém của nó. Đó là nói một cách tổng quát.

May mắn thay, một số tác phẩm văn xuôi tiền chiến vẫn đứng vững trước thử thách của thời gian bất chấp những nỗ lực công kích nó, gạt bỏ nó, loại trừ nó với tham vọng thúc đẩy nền tiểu thuyết Việt Nam lên ngang tầm của thế giới. Đó là một số tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, và của vài tác giả khác.

Đọc lại *Hồn Bướm Mơ Tiên* chẳng hạn, cuốn đầu tay của Khái Hưng xuất bản năm 1933, chỉ tám năm sau cuốn *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, và cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn, tôi ngạc nhiên một cách sung sướng. Từ *Tố Tâm* đến *Hồn Bướm Mơ Tiên,* thời gian chỉ có tám năm trời mà cấu trúc, cốt truyện, bố cục, nhân vật, đối thoại, bối cảnh v.v... của cuốn sau đều đã đạt được một trình độ nghệ thuật rất cao, vượt xa cuốn trước rất nhiều. Các nhà phê bình văn học thường đánh giá cuốn *Hồn Bướm Mơ Tiên* không đúng với tầm vóc của nó. Có thể nói rằng cùng với *Đôi Bạn* và *Bướm Trắng* của Nhất Linh, *Hồn Bướm Mơ Tiên* đã trở thành một trong những tiểu thuyết giá trị và tiêu biểu nhất trong văn học Việt Nam thế kỷ thứ 20.

*

Một nhà văn chủ lực khác trong Tự Lực Văn Đoàn là Thạch Lam. Ông là nhà văn có tài, tiếc thay đã qua đời lúc mới 32 tuổi. Thạch Lam sinh năm 1910, mất năm 1942 vì bệnh phổi. Mặc dù mất sớm, ông đã để lại các tác phẩm đặc sắc, từ tập truyện ngắn đầu tay *Gió Đầu Mùa* xuất bản năm 1937 đến *Hà Nội Băm Sáu Phố Phường* gồm những bài đăng rải rác trên *Ngày Nay* gom lại xuất bản thành sách năm 1943 sau khi ông giã từ dương thế.

Chỉ trong sáu, bảy năm trời trên trường văn trận bút, Thạch Lam đã trở thành một nhà văn tiếng tăm lừng lẫy. Ngoài truyện ngắn là sở trường *(Gió Đầu Mùa, Nắng Trong Vườn, Sợi Tóc)*, ông còn viết một truyện dài *(Ngày Mới)*, một tập bình luận văn học *(Theo Giòng),* một tập tạp bút/tùy bút *(Hà Nội Băm Sáu Phố Phường).* Ông cũng đã dịch ra tiếng Việt một số truyện ngắn của

Alphonse Daudet (Les Étoiles, ...), Somerset Maugham (Rain, ...) v.v..., dịch những bài bình luận văn học của Charles Baudelaire, Jean Prévost v.v..., cho đăng rải rác trên tuần báo Ngày Nay. Ông có một quan niệm đúng đắn về việc dịch văn. Trên báo *Ngày Nay* số 219 ngày 3-8-1940, ông viết: *"Dịch văn là một việc rất cần ích trong nước ta ngày nay. Cuốn sách dịch tức là thứ cửa sổ cho ta nhìn ra ngoài, nơi xa xôi có những cảnh và những tình mới lạ. Chúng ta sẽ bàn nhiều về vấn đề này. Hiện nay việc dịch văn ngoại quốc đã bắt đầu được người ta coi bằng con mắt quý trọng xứng đáng với giá trị của nó, và đã có một vài ngọn bút đứng đắn làm việc một cách cũng nhiệt thành và thận trọng ngang với việc sáng tạo của mình..."* Ngoài ra, Thạch Lam cũng là một trong những cây bút chính giữ mục phê bình, tranh luận, điểm sách, điểm báo đương thời của tờ *Ngày Nay* .

Phần vừa trình bày trên đây chứng tỏ rằng Thạch Lam là một nhà văn có biệt tài trên nhiều lãnh vực, và coi việc viết lách là nghề chuyên nghiệp cần phải học hỏi không ngừng, luyện tập công phu. Hơn nữa, ông có óc cầu tiến và luôn luôn mở rộng tầm nhìn để đi đến những chân trời khám phá mới. Tiếc thay ông đã qua đời quá sớm trong lúc tài năng đang độ phát triển mạnh mẽ.

Tập truyện ngắn đầu tay của Thạch Lam, ***Gió Đầu Mùa,*** đã là một thành công đáng kể. Rồi cứ thế, truyện ngắn của ông càng ngày càng tiến dài trên đường nghệ thuật. Đến tập ***Sợi Tóc,*** nhà phê bình Vũ Ngọc Phan trong *Nhà Văn Hiện Đại* đã viết: *"Trong tập **Sợi Tóc**, có tất cả năm truyện, thì trừ truyện Dưới Bóng Hoàng Lan, không có gì đặc sắc, còn những truyện Tối Ba Mươi, Cô Hàng Xén, Tình Xưa, Sợi Tóc, đều là những truyện vào hạng những đoản thiên tiểu thuyết đáng kể là hay nhất trong văn chương Việt Nam."*

Trừ truyện *Dưới Bóng Hoàng Lan* mà Vũ Ngọc Phan cho rằng không có gì đặc sắc nên không bình luận gì thêm, bốn truyện còn lại đều được ông viết những lời ca ngợi khá dài. Dưới đây chỉ xin trích dẫn ngắn gọn ý kiến của Vũ Ngọc Phan đối với mỗi truyện:

Tối Ba Mươi: ... Cái đêm giao thừa của hai cô gái nhà săm dưới ngòi bút của Thạch Lam thật là cái đêm buồn tẻ và chán ngán... Tả cái phút cay đắng của bọn gái giang hồ đến như thế, thì khéo tuyệt...

Cô Hàng Xén: ...Có nhiều đoạn tả tình, tả cảnh tuyệt hay, trong trẻo và xinh tươi một cách lạ... còn cho chúng ta thấy cảnh nghèo nàn và cuộc đời vất vả của người gái quê nữa. Thật là buồn. Nhưng cũng thật là đẹp.

Tình Xưa và *Sợi Tóc: Đến truyện Tình Xưa và Sợi Tóc mới là những áng văn tuyệt mỹ của Thạch Lam. Hai truyện này không những tác giả tả tình, tả cảnh rất hay, mà về tâm lý cũng rất đúng nữa... Tỷ mỷ và sâu sắc, đó là hai đặc tính của những truyện xuất sắc nhất của Thạch Lam.*

*

Tôi đọc kỹ ***Dưới Bóng Hoàng Lan.*** Trái với nhận xét của Vũ Ngọc Phan, càng đọc truyện này tôi càng thấy đây là một truyện ngắn rất đặc sắc và tiêu biểu cho phong cách Thạch Lam.

Cây hoàng lan là một loại cây to, cao vút, hoa màu ngà, thơm, cành lá sum sê tỏa nhiều bóng rợp. Ở quê miền bắc, hoàng lan thường được trồng tại một góc vườn hay ngay trước sân nhà, đến mùa hoa nở, hương thơm lan tỏa ra cả một vùng rộng lớn. Hoa được hái từ trên cây càng tốt, nhưng cũng giống như các loại nhài, bưởi, hoa hoàng lan dù già và rụng xuống đất vẫn giữ mùi thơm lâu dài để cô láng giềng, trong những lúc muốn sống lại kỷ niệm, có thể nhặt và cài lên mái tóc.

Có phải là tình yêu chưa khi cô láng giềng bé nhỏ ở miền quê xưa nói khe khẽ bên tai Thanh, nhân vật chính của truyện:

"Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá."

Hay đó chỉ là những lời nói ngây thơ, trong trắng khiến cho *có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.* Nhưng không phải thế, lòng chàng đã bắt đầu rung động bằng một thứ tình cảm khác. Phải chăng đó là dấu hiệu của tình yêu mới chớm, phải chăng chàng muốn ôm nàng vào lòng hay ít nữa cầm lấy tay nàng. Thanh chưa dám làm thế, hay đang còn ngần ngại, cho nên đành phải:

"Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên."

Bàn tay Thanh muốn giao cảm với bàn tay cô gái qua trung gian của một nhánh hoàng lan. Nhưng cuối cùng trong đêm khuya khi hai người sắp chia tay:

"Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình, Nga cũng đứng lên yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay khẽ nói:

-Thôi, em về.

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn."

Câu kết thúc ngắn ngủi cho một lần chưa kịp ngỏ ý, *"Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn"* ngấm vào lòng người đọc như dư vị khó quên của một thứ trà rất ngon và rất đạm.

Tình yêu thoang thoảng, mong manh, và mơ hồ ấy được lồng vào trong khung cảnh tĩnh lặng, âm thầm của một thửa vườn xưa, một ngôi nhà cũ, ở đó trừ đôi nam nữ chưa ngỏ lời với nhau, mọi thứ đều già cỗi: ngọn đèn con và cái điếu cũ kỹ, cây hoàng lan đã ở đấy từ ngày mới có căn nhà, con mèo già nằm tròn lim dim mắt, và bà của chàng gầy còng tóc bạc phơ.

Truyện ngắn *Dưới Bóng Hoàng Lan* không có

ĐINH HÙNG

Hoài Niệm

Gửi Thạch Lam

Chiều mùa đông,
Đốt ngọn lửa hồng,
Ta đọc tập thơ sầu, cười với bóng
Khói thuốc xanh bay về hư không.
Trăng lên đầu phố vắng,
Ồ bóng ta say!
Nhớ cố nhân tình sâu nặng,
Cốc rượu ngọt uống cay nồng.

Bạn là người bạn chung tình,
Đôi hồn lữ thứ
Bốn phương lỡ gót đăng trình.
Trời giăng sao tỏ,
Bao mùa thu
Cửa phòng ta để ngỏ?
Giấc mộng ta hững hờ?
Bạn với tôi xưa
Đứng bên hồ
Nằm chung mộng
Ân ái cùng thơ.

Đêm hoa, cành nguyệt
Gió trăng sao động ngoài màn
Bạn hát bài ca phóng đãng,
Cười lên trăng xanh, tôi dạo đàn,
Xuân đến giấc mơ đầy thiếu nữ,
Ta nằm ta ngủ,
Lệ đa tình chứa chan.
Ôi thời gian! thời gian tình tự!
Mặc nỗi lòng người thở than.
Mộng cung tần
Xoay nghiêng mặt gối,
Ai cười? Ai nói? Ai xênh ca?
Lênh đênh nước biển trăng nhòa,
Những vì sao lạ đã sa xuống gần.
Trời buồn dáng điệu giai nhân,
Trái đất xoay vần – đứng lặng mà nghe
Rạt rào sóng nhạc pha lê,
Đêm tàn, núi đổ, ra đi một mình.
Ra đi! Ra đi! đời ngủ cả!
Vào cuộc luân chuyển ân cần
Của các hành tinh!
Ôi những trời sao mùa hạ!

Về đâu! Về đâu! những mảng sao sa?
Về đâu nữa cả bóng hai ta
Lạc vào tục phố,
Nhịp bước giang hồ ca,
Ánh hoa đêm hay tàn đèn rung
Trong những ca lâu đầy huyễn ảnh với đàn bà
Lòng đã đi qua
Bao nhiêu quán trọ là nhà?
Ta biết thương gì quê hương đã mất
Giang sơn đây trong buổi chiều tà
Gọi hồn ta ta về cười ngây ngất
Rung sắc hồng pha,
Xây đô kỳ nghệ thuật,
Ôi những phố trường sầu đi mất về đâu!

Ngày tàn, gió thổi,
Vườn cũ hoang liêu, tình cũ hoang liêu,
Bên sông hoa rụng từng chiều
Lòng anh không nói
Hàng mi sầu đọng bao nhiêu?
Anh nói làm chi! Tôi nhắc làm chi?
Lòng tôi đây và lòng anh đó
Nghe câu chuyện trường sầu sao chẳng điên mê?
Nhẹ gót, anh về,
Trúc gầy, liễu đổ.
Ôi câu chuyện huyền vi
Trong lòng nấm mộ
Tôi muốn nghe và anh đã nghe!
Ôi những bước u hồn về lạc phố
Tôi sẽ đi và anh đã đi!

cốt truyện. Nó coi nhẹ thế giới hiện tượng bên ngoài nhưng đi sâu vào những ngõ ngách tâm tình bên trong. Nó gợi ý hơn là kể lể, nó đòi hỏi người đọc tham gia vào việc khám phá. Bề mặt thì phẳng lặng, thời gian đứng, không gian chìm, nhưng có những làn sóng ngầm của bất an, bối rối, khủng hoảng. Nó còn nhiều khi kín đáo hé lộ những khoảng trống để tĩnh lặng chen vào, để bi kịch xuất hiện. Và nó mang cái thi vị của một bài thơ đẹp và buồn.

Truyện bắt đầu bằng câu:

"Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào."

Câu mở đầu ngắn và gọn. Nó mô tả một cách linh động cử chỉ nhanh nhẹn, thoải mái của Thanh, nhân vật chính của truyện, từ phương xa trở về ngôi nhà cũ, trở về lòng lâng lâng, hồn thư thái, vui sướng, bình yên. Ít nhất cũng vui sướng, bình yên vào thời điểm khởi đầu ấy. Trở về như một con chim bé nhỏ bay về ẩn vào cái tổ hẻo lánh, quen thuộc, khuất lấp sau cành lá. Trở về như một con thú rừng chui vào cái hang bí mật, an toàn, chỉ một mình nó biết. Vâng, Thanh không cần phải gọi người nhà mở cửa vườn, đã biết rõ cánh cửa gỗ chỉ để khép hờ. Câu mở đầu ấy đã khép lại cái thế giới phiền toái bên ngoài, là đời sống thực của anh ngày này qua ngày khác, đồng thời mở ra cái thế giới yên ổn, âm thầm, bên trong, là đời sống của một quá khứ ước mơ. Câu mở đầu như thế có giá trị đưa người đọc đến cái khí hậu bãng lãng, nao nao, và mơ hồ của toàn bộ câu chuyện.

Thanh bước vào nhà. Mọi thứ đều y nguyên như ngày xưa, "yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bực cửa."

Anh bồi hồi xúc động:

"Thanh nghẹn họng; mãi chàng mới cất được tiếng gọi khẽ:

- Bà ơi!"

Bà ơi! Sao lại *"Bà ơi!"* Thế bố mẹ anh đâu? Có lẽ bố mẹ bận đi làm suốt ngày chăng, chỉ còn một mình bà ở nhà? Và cháu về với bà, "*cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.*" Câu ca dao *Bà Ru Cháu* bỗng hiện lên:

Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về
Cháu vẫn còn trằn trọc sao? Thì:
Ừ, cái ngủ mày ngủ cho say
Mẹ mày vất vả chân tay tối ngày

Nhưng câu chuyện này đã khác hẳn rồi. Bố mẹ Thanh không còn nữa, một bi kịch vừa hé ra, tác giả không nói rõ vì sao, có lẽ vì tai nạn chăng, chỉ còn lại:

"...một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ."

Mỗi lần trở về là mỗi lần anh được bà của anh săn sóc từng ly từng tí, từ bữa ăn cho đến nơi ngủ, chẳng khác gì trước kia khi chàng còn bé:

"Thanh đi bên bà, người thẳng mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ."

Lần trở về kỳ này đã cách kỳ trước hai năm. Như thế chứng tỏ Thanh lâu lắm mới về quê một lần. Công việc hàng ngày của Thanh bận bịu đến thế sao, hay cũng có thể đời sống xô bồ nơi đô thị nhiều lúc khiến cho anh quên bẵng ngôi làng xưa ở đó có cụ già tóc bạc phơ sống những ngày cuối cùng trong đời đang chờ đợi anh.

Đáp lại tiếng chàng gọi "Bà ơi!":

"Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn. Thanh định thần nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ ve vẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mãn:

-Bà mày đâu?"

Vậy là xa nhau đã hai năm, con mèo già vẫn nhận ra Thanh ngay. Không những thế, vườn cây, trong đó có cây hoàng lan cũng nhận biết và chào đón anh. Nơi cái chốn về này, mọi thứ đều già cỗi, và không có gì thay đổi, từ bà cụ, đến con mèo, đến thửa vườn và cây hoàng lan. Thời gian như đứng lại, hoặc quay ngược, không gian còn nguyên:

"Chàng thấy mình bé quá... Tất cả những ngày thủa nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ... Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng. "

Trong khung cảnh có vẻ "bình yên và thong thả" ấy của chốn cũ, một hình ảnh thật tươi mát hiện lên:

"*... cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc*

bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật."

Và cuộc đời của ba nhân vật trong *Dưới Bóng Hoàng Lan* sẽ cứ thế êm ả trôi xuôi như dòng nước trong veo và hiền lành của một con suối nhỏ trong một khu rừng của chuyện ngày xưa? Thế thì cụ cũng sẽ sống lâu, chàng sẽ ra đi một vài năm quay về một lần, và nàng sẽ chờ đợi mãi?

Từ ngàn xưa, con người nam vốn tham lam, hiếu thắng, liều lĩnh, và ôm nhiều giấc mộng, trong đó phải kể đến giấc mộng khá lạ lùng và ích kỷ này: Ta hãy cứ rong chơi hồ hải cho thỏa chí, trong khi đó người yêu, người vợ ở quê nhà vẫn sẽ một lòng chờ đợi hết tháng này qua năm khác.

Quả là nhân vật Thanh trong *Dưới Bóng Hoàng Lan* cũng đang dệt giấc mộng đẹp cho mỗi lần trở về. Nhưng có cái gì trục trặc luẩn quẩn đâu đây. Là vì ta không thể không tự hỏi mọi tình huống trong truyện này rồi sẽ kéo dài được bao lâu? Đến lúc nào thì những ngọn đèn leo lét sẽ cạn dầu? Bà cụ còn sống thêm bao nhiêu tuổi thọ để Thanh có thể trở về thăm như về một nơi "bình yên và thong thả"? Phải chăng Thanh và cô láng giềng, cô Nga dịu dàng, cũng sẽ gắn bó nhau lâu dài dù chỉ mới gặp lại nhau một tối và ngày mai chàng lại ra đi:

"Bao giờ anh lên tỉnh?"

"Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn."

Và nàng sẽ lủi thủi ở lại quê nhà một mình chờ đợi?

Vâng, trên bề mặt sự việc là như vậy, ước mơ của Thanh là như vậy, nhưng tác giả đã kín đáo hé lộ những bất an, những tình thế thật mong manh. Không có gì rõ ràng, chắc chắn, không có một ràng buộc nào giữa hai người. Ngay cả tiếng cười của cô bé ngày xưa, thoạt tiên Thanh nghe cũng ngỡ ngàng:

"Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được."

May nhờ có *bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng* gợi lên nơi chàng những kỷ niệm ấu thời khi hai người còn bé cùng đi hái hoa:

"...Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

- Cô Nga..."

Để đáp lại:

"...Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên, rồi tiếng nhẹ nhàng:

- Anh Thanh! Anh đã về đấy à?"

Lúc mới gặp lại nhau sau bao nhiêu ngày xa cách mà chỉ có thế thôi! Lẽ ra, nếu không ôm chầm lấy nhau thì cô nàng cũng phải đứng dậy hỏi han rối rít chứ. Rồi hôm sau chàng lại ra đi mà nàng cũng không tiễn đưa, cũng không tạo cơ hội để gặp nhau lần cuối:

"Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đỡ va-li cho chàng. Thanh dặn khẽ:

"Bảo tôi có lời chào cô Nga nhé."

Mọi thứ đều mong manh, mơ hồ, thoang thoảng như mùi hương hoàng lan của một quá khứ nào. Mọi thứ đều có thể như *những mảnh trời xanh tan tác:*

"Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng *bể với những mảnh trời xanh tan tác."*

Chốn cũ của chàng chỉ có chàng biết. Cánh cửa gỗ để khép hờ cho phép chàng vào dễ dàng thì cũng không cầm chân chàng lại được. Chàng cũng sẽ dễ dàng "lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước ra." Bà cụ chẳng bao lâu sẽ qua đời, và cô em láng giềng có lẽ cũng sẽ giống như cô lái đò trong một bài thơ của Nguyễn Bính:

Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi
Cô đành lỗi ước với tình quân

DướiBóng Hoàng Lan chỉ là một góc nhỏ trong khu vườn đầy hương sắc của của nhà văn yểu mệnh đó. Thạch Lam còn có nhiều truyện ngắn đặc sắc khác, kể cả tập *Hà Nội Băm Sáu Phố phường,* một tập tùy bút/tạp bút kiệt tác mà giới nghiên cứu phê bình chưa đề cập đến một cách đầy đủ. Tác phẩm của Thạch Lam đã có chỗ đứng xứng đáng trong văn học sử Việt Nam, và đã trở thành cổ điển. Những thành quả ban đầu của tiểu thuyết Việt Nam qua những cây bút như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng v.v... cách đây ba phần tư thế kỷ khiến ta phải cúi đầu thán phục. Tuy nhiên, ta đang sống trong một thời đại biến đổi không ngừng trên mọi lãnh vực của cuộc sống trong đó sinh hoạt chữ nghĩa cũng đang trăn trở từng giờ, từng phút. Cho nên ta quay nhìn quá khứ với lòng biết ơn tiền nhân, nhưng cũng không quên nỗ lực tìm tòi, khai phá, nếu không muốn bị sa lầy./

THẠCH LAM

NGUYỄN TUÂN

Trong văn học Việt Nam trước Cách mạng 45, Thạch Lam là một trong số những nhà văn được nhiều cảm tình của người đọc. Lời văn Thạch Lam nhiều hình ảnh, nhiều tìm tòi, có một cách điệu thanh thản, bình dị và sâu sắc. Dưới cái hình thức không những thoát ra khuôn sáo cũ của cách hành văn đương thời mà lại có rất nhiều đức tính sáng tạo ấy, văn Thạch Lam đọng nhiều suy nghiệm nó là cái kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm và từng trải về sự đời. Xúc cảm của nhà văn Thạch Lam thường bắt nguồn và nảy nở từ những chân cảm đối với những con người ở tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam là một nhà văn quý mến cuộc sống, trang trọng trước sự sống của mọi người chung quanh. Ngày nay đọc lại Thạch Lam, vẫn thấy đầy đủ cái dư vị và cái nhã thú của những tác phẩm có cốt cách và phẩm chất văn học. Mặc dù in ra ít, sách Thạch Lam có đánh dấu lại được cái tâm hồn súc tích, rộng rãi và tiến bộ của một nhà văn xuôi chân chính.

*

Thạch Lam sinh năm 1909 (*), mất năm 1942, sự nghiệp văn học gồm truyện ngắn, truyện dài, truyện thiếu niên và những bài bình luận văn học. Tác phẩm đầu tay là một tập truyện ngắn in năm 1938, tập *Nắng trong vườn* (*). Và sau đó, tiếp theo luôn hai tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* và *Sợi tóc*.

Thạch Lam có viết sách cho trẻ em. Cuốn *Quyển sách* và cuốn *Hạt ngọc* tả cảnh thôn quê cốt giới thiệu cảnh làm lụng nông thôn với một chú bé quen sống ở thị thành.

Tiểu thuyết dài của Thạch Lam in năm 1939, và Thạch Lam cũng chỉ viết có một truyện dài *Ngày mới*. Nhưng nói đến Thạch Lam người ta vẫn nhớ đến truyện ngắn nhiều hơn là truyện dài. Ngoài các tập truyện, Thạch Lam có viết một tác phẩm xinh gọn duyên dáng để riêng ca ngợi những phong vị và sắc thái của Thủ đô. Tập *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* này được truyền tụng nhiều, nhất là đối với những người có ít nhiều quan hệ trực tiếp với cuộc sống vật chất và tinh thần hồi đó của thủ đô Hà Nội. *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* có giá trị của một tác phẩm văn học giúp ta nhận thức thêm về những khía cạnh nhiều màu nhiều vẻ của "Tổ quốc ta tươi đẹp."

Thạch Lam còn có một số bài báo luận văn học, sau góp lại in ra năm 1941, với tên sách *Theo giòng*.

Nói đến nghệ thuật của Thạch Lam, tức là nói cụ thể đến nghệ thuật viết truyện ngắn của Thạch Lam. Một số truyện ngắn của Thạch Lam có thể coi như là mẫu mực được. Có những truyện ngắn Thạch Lam, ở cái thời bấy giờ, đọc xong thấy nó đọng lại trong người ta như một câu hỏi bức thiết của tác giả, như là một lời trách móc kín đáo của nhân vật truyện. Những vi phạm vào quyền sống của hạnh phúc tuổi trẻ, những nỗi cay đắng oan uổng của cảnh bị ép duyên, đâm đầu xuống sông mà không chết ngay được, để sau đó phải chết mòn oan trái trong truyện *Hai lần chết*. Những cuộc sống phụ nữ hết lo cho em lại đến lo cho chồng, cứ chìm chìm xám xám như thế quanh một cái chợ. Những "*cô hàng xén*" tuy không lên tiếng đòi quyền sống trong truyện nhưng qua kẽ dòng truyện, vẫn như đòi hỏi thầm người độc giả rằng ý nghĩa cuộc sống có phải là như thế không?

Truyện *Hai đứa trẻ* có một hương vị thật là man mác. Nó gợi một nỗi niềm thuộc về quá vãng, đồng thời cũng dóng lên một cái gì còn ở trong tương lai. Đây là một mẫu sinh hoạt hàng ngày và kéo dài của hai chị em đứa trẻ thay mẹ trông nom một gian hàng vặt ở một cái phố huyện, gần một cái ga xép. Đêm đêm có những bóng người bình thường lù mù đi qua trước gian hàng. Những bóng người ấy cũng lù mù như nhiều chấm lửa ở những nguồn ánh sáng quanh quất nơi phố huyện. Trong cái bốn bề chìm chìm nhạt nhạt, bỗng có những tiếng động mạnh và có những luồng ánh sáng mạnh của một chuyến xe lửa kéo qua hàng ngày. Hai chị em đứa trẻ ngày nào cũng chờ một chuyến tàu đêm kéo qua rồi mới chịu đóng cửa hàng. Nơi cái thế giới quan của đôi trẻ ở một phố quê, hình ảnh đoàn tàu và cái tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và của ước vọng. Đọc *Hai đứa trẻ*, thấy bận bịu vô hạn về một tấm

lòng quê hương êm mát và sâu kín.

Trong cái tấm lòng quê hương mát mẻ của Thạch Lam, đôi lúc vẩn lên cái bóng dáng một vài con người thực dân Pháp, cái bóng dáng của một *Người đầm*. Mặc dù chỉ là vài nét chân dung chấm phá, lồng vào khuôn khổ hẹp của một câu chuyện kể lại theo thể thức một truyện ngắn, truyện *Người đầm* gợi nhiều. Nó không dám công khai hô hào cổ võ, nó chỉ nói thầm nhưng lại nói thầm một cách rành rọt. Dưới cái thời Tây còn làm chủ nước ta, Thạch Lam bỏ nhỏ vào tai bạn đọc những điều ghê gớm mà Tây thuộc địa không muốn một người "bản xứ" nào bàn đến. Lòng yêu âm trầm đất nước quê hương ông bà đã luyện cho Thạch Lam một cách nhìn ý nhị về người đầm xâm nhập trái phép vào ta. Thạch Lam đã lễ phép trình bày một hình tượng của cái sự kiện lịch sử đó. Có người bảo lối viết hàm dưỡng kín đáo ấy, cũng là một cách để lọt lưới kiểm duyệt thời xưa. Có thể có cái khía ấy nữa, nhưng theo tôi nghĩ, đây chính vẫn là cái phong cách im ả thâm thúy của Thạch Lam. Qua cái hơi văn càng bình thản bề ngoài ấy, ta thấy thực dân cái (cũng như thực dân đực) càng trở nên kệch cỡm, nó dị dạng tới cái mức phải cho nó cút đi khỏi cái chân trời chung của cả tác giả lẫn độc giả.

Truyện *Người đầm* xem như là lối truyện không nặng về cốt câu chuyện. Nó nặng về biểu hiện mặt trong của suy nghĩ, hơn là diễn tả cái bên ngoài. Hầu hết bút pháp của độc thoại nội tâm, trừ một vài chặng đối thoại, như chỗ bà đầm nói chuyện với chú bé bán kẹo vừng bên Hồ Kiếm. Đọc truyện tôi thích những tác giả có cái bút lực dựng đám đông tấp nập, ồ ạt nhiệt náo, quát thét, vận động nhiều, hành động nhiều hơn là bàn bạc. Nhưng tôi lại thích cả những cách diễn đạt trầm trầm mà chuyển, đêm dài một bóng một đèn, một nhân vật đó và mình thấy cũng thấm đáo để. Nhà văn Thế Lữ có kể lại rằng câu chuyện này là do họa sĩ Nguyễn Gia Trí thuật lại và Thạch Lam viết ra theo một cách diễn tả riêng. Nếu thật là như vậy, thì càng thấy rõ việc sáng tác chính là ở chỗ vận dụng được kinh nghiệm sự sống, vận dụng được cái vốn suy nghĩ và tưởng tượng của bản thân mình. Còn như có sống trực tiếp hay chỉ là gián tiếp cái cốt truyện cái khung truyện dựng ra kia, thì đó chưa phải là mặt quan trọng trong sáng tác văn học. Cái chủ yếu nhất vẫn là cái cơ sở nhân sự thực tế, cái vốn thực tế đã từng trải, đã thể nghiệm, đã tích lũy. Chuyện của người khác được sống lại một cách sinh động trong truyện kể hấp dẫn của mình, ấy là nhờ có cái sự tích lũy quý báu đó vậy.

Truyện *Nhà mẹ Lê* viết cách đây khoảng hai chục năm mà đọc đến thấy đâu như truyện năm ngoái năm kia gì đó. Đọc *Nhà mẹ Lê*, có lúc cứ lầm tưởng đâu như là Thạch Lam có đi theo một đội phát động nào! Cũng cảnh đi làm thuê ở mướn. Cũng địa chủ tàn bạo. Cái thảm kịch của những người nhà quê sống những năm khủng hoảng kinh tế 1930 – 1935 dưới thời đế quốc. Cũng cảnh nhà nghèo mà lại đông những mười một mụn con, đến nỗi người cùng xóm phải nhắc "thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất." Người mẹ muốn lao động mà không có quyền lao động. Kẻ giàu đã không cho vay gạo nuôi con, lại còn xùy chó Tây cắn chết. Bao nhiêu đoạn khổ tình thương.

Để thấy rõ thêm con người và thái độ của tác giả *Nhà mẹ Lê* xin dẫn ra đây một đoạn văn Thạch Lam ghi vào lời nói đầu tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*: "... Đối với tôi, văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn."

Trong bài phê bình *Người nhà quê trong văn chương*, Thạch Lam còn có những mong muốn rất là cụ thể:

"... Sự thực là người nhà quê chỉ yêu quý ruộng đất chừng nào mà họ là chủ ruộng đất..."

"... Chúng ta phải đợi có một nhà văn nguồn gốc ở đồng ruộng, tự cày bừa lấy trang sách nói về người nhà quê, vạch một luống thẳng thắn và mạnh bạo trên đất màu..."

*

Thạch Lam hay đi vào những cảnh ngộ nghịch trái, mà đồng thời cũng là đi sâu vào những tâm trạng, tâm tình, cảm xúc cảm giác. Truyện *Tối ba mươi* dựng lên cái tâm trạng đau thương của những người đàn bà phải lấy thể xác ra làm hiện vật buôn bán trong một cái xã hội mà tiếng nói của đồng bạc là tiếng nói quyết định. Họ chịu đựng sự rẻ rúng của xã hội tiền bạc, nhưng đôi lúc – như cái lúc hết một năm để sang năm khác của đời con người ta, - trong cái tâm hồn đọa lạc và đùng đục ấy, vẫn sáng lên những ý nghĩ và tình cảm trong lành. Truyện *Sợi tóc* ghi lại một cơn bão phút giây trong một tâm tư, ghi lại những cái tinh tế của một cuộc giao tranh luân lý giữa cái

thiện và cái ác, giữa chính và tà mà "chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên." Không dùng nhưng chữ to tát, giọng Thạch Lam điềm tĩnh pha mỉa mai nhẹ nhàng nó cũng là cái lối nói quen thuộc của tác giả. Với giọng đó, Thạch Lam trình bày một trường hợp về nhân phẩm của con người, và ghi lại một chiến thắng của một cuộc đấu tranh tư tưởng trong bản thân một người. Trong cuộc sống phức tạp hàng ngày, con người đạo đức trong chúng ta, ở thời cũ đó, đã có dịp dẹp tan biết bao vụ ăn cắp ăn trộm xảy ra trong ý nghĩ chúng ta như thế, mà chúng ta, vì bận rộn quá, hay quên đi đó thôi! (Trong con người, vốn lại hay có những cái vĩ đại bị vệt ố của hèn hạ). Nhìn qua *Sợi tóc*, vượt lên cái bề ngoài những đoạn văn hoài nghi, người bạn đọc sâu sắc sẽ tìm thấy thực chất của truyện *Sợi tóc* là một truyện đem lại sự yên tâm cho ta hơn là ngờ vực.

Dưới bóng hoàng lan, nhân vật có bà cháu, cháu đi làm trên tỉnh. Một cô thôn nữ Nga vẫn chờ đợi xây dựng với cái anh Thanh đi làm việc trên tỉnh kia. Cái bóng cây có hoa thơm ở đây, dưới ngòi bút Thạch Lam, cũng đóng một vai nhân vật, nhân vật cây cỏ hoa ấy đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm thơm lành, và mát dịu, và giúp thêm cho tác giả định nghĩa về danh từ quê hương nó là "một nơi mát mẻ và sung sướng để thường về nghỉ sau việc làm." Bóng hoàng lan đây, là một bóng mát ở một chốn quê cũ của tuổi thơ trẻ, nó giúp cho người bộ hành nghỉ chân trên đường đời, trước khi tiến lên nhiều chặng nhiều quãng mới. Những cái bóng mát này, rất cần, mặc dù trong thực tế cuộc sống nhỡn tiền, có nhiều chặng nghỉ, có nhiều cách nghỉ không hoàn toàn giống hầu như trong truyện "có cái gì dịu ngọt chăng tơ đâu đây, khiến chàng vương phải."

Đi sâu vào sở trường của mình là tả những tâm trạng, Thạch Lam đã dựa trên một sự việc nhỏ bé hàng ngày như cái việc đi xe và mặc cả xe kéo hồi trước đây, mà dựng nên truyện *Một cơn giận* để nêu lên một cái sự thật thường xảy ra luôn luôn trong cuộc sống tình cảm: "Sự giận dữ có thể sai khiến con người ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ." Và "người ta có thể tàn ác một cách dễ dàng." Một cơn giận đây có giá trị của một sự kinh nghiệm và cuộc sống hay bày vẽ ra một số oan khiên vô ích. Cái kinh nghiệm ấy được kể lại với sự chân thành nhiệt ái và lòng hối lỗi. Nó có cái tác dụng của những lời ân cần nhắc cuộc sống hàng ngày hãy coi chừng với bản thân mình, tỉnh táo hơn, tỉnh táo trong xúc động, trong phản ứng để cuộc sống mọi người bên mình thêm nhiều công bằng và nhịp nhàng hơn.

*

Đọc Thạch Lam, có người chê câu văn Thạch Lam và nói chung văn phẩm Thạch Lam là ít động tác ít hành động và kết luận: "Cho nên Thạch Lam viết truyện dài không thành công." Tôi đồng ý là truyện dài *Ngày mới* của Thạch Lam không thành công, nhưng rất dè dặt về cái điểm "câu văn và văn phẩm nhất thiết phải có động tác, phải nhiều hành động," bởi vì nhiều khi, nhiều động tác quá thì lại hóa ra túi bụi. Cái chính trong truyện là nhân vật có làm, phải làm cái này cái kia, nhưng nhân vật còn phải có cảm nghĩ, có suy nghĩ nữa. Và cái thế giới bên trong đó của một nhân vật của những nhân vật rất là cần cho sinh khí tiểu thuyết. Cái phần ấy mới đem đến cho nhân vật một cái chiều sâu và do cái thâm thúy đó, mới thỏa mãn được người bạn đọc và giúp gì cho người bạn đọc.

Về Thạch Lam và đọc truyện ngắn Thạch Lam, tôi cứ nghĩ đó là một người tính tình nhẹ nhàng tinh tế từng trải sự sống ở một số mặt sống, vừa sống vừa lắng nghe chung quanh cùng là lắng nghe mình phản ứng trước mọi diễn biến cả bên trong mình. Rồi trang trọng đề nghị với mọi người cùng bạn bè về điều hơn lẽ thiệt mặc dù cái điều hơn thiệt đưa ra bàn bạc có khi chỉ nhỏ như một sợi tóc... Nhưng đứng về mặt góp phần vào việc xây dựng một nền văn xuôi Việt Nam hãy còn trẻ tuổi, đứng trên chỗ đó mà bàn về Thạch Lam thì cũng dễ có sự đồng tình của tất cả, để cùng thấy cái chỗ đóng góp của nhà văn xuôi Thạch Lam. Bằng sáng tác văn học, Thạch Lam đã làm cho tiếng nói Việt Nam gọn gẽ đi, co duỗi thêm, mềm mại ra, và tươi đậm hơn. Thạch Lam có đem sinh sắc vào tiếng ta. Và theo tôi nghĩ, đứng bên cái tiêu chuẩn thái độ tư tưởng nó là cái tiêu chuẩn chung cho các thể, các ngành văn nghệ, thì đây là một cái chuẩn quan trọng – nếu không là duy nhất – để nhận định giá trị của một nhà văn, nhà văn ấy dù qua đời rồi hoặc còn đang làm việc cho văn học. Và đánh giá một nhà văn, đứng về nghề nghiệp chuyên môn mà bàn, thì giá trị một nhà văn xuôi, cụ thể còn là những công đức lập ngôn của nhà văn đó mở mang thêm vốn liếng dân tộc về tiếng nói được tới mức nào, và đã góp được phần sáng tạo của mình vào ngôn ngữ Việt Nam như thế nào.

10-1957

Thạch Lam, tiểu thuyết gia

HUỲNH PHAN ANH

Thạch Lam vẫn được xem là một nhà văn chuyên về truyện ngắn. Trong Tự Lực Văn đoàn và cả trong văn chương Việt-nam, tính đến thời đại ông, Thạch Lam gần như chiếm giữ một địa vị riêng biệt nhờ ở "một ngòi bút lặng lẽ, điềm tĩnh vô cùng, ngòi bút chuyên tả tỷ mỷ những cái rất nhỏ và rất đẹp, những cảm tình, cảm giác còn con nẩy nở và biểu lộ ở đủ các hạng người, mà ông tả một cách thật tinh vi" (1). Chỉ cần ba tập truyện ngắn (*Gió đầu mùa, Nắng trong vườn, Sợi tóc*) lần lượt xuất bản trong khoảng cách năm năm (1937-1942), Thạch Lam đã khẳng định cho mình một giọng văn và từ đó một vũ trụ văn chương độc đáo bên cạnh những tài năng sáng chói cùng thời. Điều đáng nói là khác hẳn với Nhất Linh, với Khái Hưng, Thạch Lam viết rất ít: tác phẩm ông vỏn vẹn có sáu quyển trong số đó chỉ có bốn quyển thuộc loại sáng tác. Và cũng khác hẳn với hai nhà văn trên, Thạch Lam không thể hiện trong tác phẩm mình quá nhiều tham vọng vượt khỏi thẩm quyền và giới hạn của một nhà văn, một tác phẩm văn nghệ. Những cuốn sách của Thạch Lam cần được quan niệm trước tiên như những tác phẩm, những cách thế thể hiện của cái đẹp hay một chân lý thuần túy văn chương nào khác, trước khi chúng lãnh nhận một vai trò hay một sứ mạng nào ở bên ngoài chúng. Và có lẽ Thạch Lam khi cầm bút viết những trang sách đầy rung động và xúc động của mình cũng đã không có một ưu tư nào khác hơn là ưu tư nhằm thể hiện, biểu hiện, thực hiện những giá trị nghệ thuật bằng chính tâm hồn và chữ nghĩa của mình. Có thể nói rằng trên khắp các trang sách của Thạch Lam đều bàng bạc mối ưu tư cao cả đó. Tưởng tượng một tâm hồn nhà văn không ngừng lắng nghe và trò chuyện với từng nhân vật, từng cảnh trí, từng sự kiện hay sự vật nhỏ nhặt nhất góp phần làm nên cái thế giới giàu có ở bên ngoài hay ở ngay trong tác phẩm của hắn. Đọc Thạch Lam người ta dễ dàng bắt gặp tâm hồn nhà văn của ông như đang rung động theo từng dòng chữ ông viết nên. Có lẽ cũng vì thế người ta đọc Thạch Lam và thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, dễ chịu hơn khi đọc những tác phẩm mệnh danh là luận đề của hai tác giả nói trên. Vấn đề là tham dự vào những xúc động của tác giả, tham dự và, một cách nào đó, sống chính những xúc động đó. Văn Thạch Lam là một lời mời gọi không của lý trí sáng suốt đầy ẩn tình, ẩn ý mà của tâm hồn, không của tư tưởng mà của rung động và cảm tình.

Viết về Thạch Lam, Vũ Ngọc Phan đã đi tới một kết luận như sau:

"*Đọc các văn phẩm của Thạch Lam, người ta thấy ông chỉ sở trường về truyện ngắn. Trong truyện dài của ông, người ta thấy nhiều đoạn tỷ mỷ vô ích, nhân vật nào cũng giống nhân vật nào, làm cho người đọc phải chán. Sở dĩ các nhân vật trong truyện Thạch Lam giống nhau, là vì Thạch Lam đã đem những tính tình riêng của mình để tạo nên các nhân vật. Tất cả các nhân vật trong truyện của Thạch Lam đều có những cái phảng phất của tâm hồn Thạch Lam.*" (Sđd. Tr.140)

Ý kiến của Vũ Ngọc Phan về Thạch Lam trên đây cũng là ý kiến chung của rất nhiều người thường chỉ chấp nhận ở Thạch Lam một cây bút sở trường về truyện ngắn và từ đó, để nói một cách nào đó, phủ nhận một Thạch Lam, tiểu thuyết gia. Dường như đối với họ, những người có khuynh hướng trên đây, *Ngày mới*, quyển tiểu thuyết độc nhất của Thạch Lam, ngoài những khuyết điểm lớn lao của nó, đã không giúp cho người đọc quên được những thiên truyện ngắn tuyệt vời của chính ông. Những trang sách đẹp nhất của *Ngày mới*, những đoạn tả tình hay tả cảnh rải rác trên khắp *Ngày mới*, tất cả dường như đã chỉ làm nổi bật một Thạch Lam "sở trường về truyện ngắn." Nghĩa là *Ngày mới* sau cùng chỉ còn giữ lại những trang sách, những dòng chữ dùng để làm chất liệu cho truyện ngắn. Cuốn tiểu thuyết *Ngày mới* của ông, do đó được xem như một thất bại. Và cùng chung số phận với quyển trên, quyển *Theo giòng*, tức là quyển bình luận về văn chương của Thạch Lam đã không để lại một tiếng vang nào vì những ý tưởng được xem là "rời rạc, tan tác như bèo trôi" của nó, để nói theo ngôn ngữ phê bình của Vũ Ngọc Phan.

Như vậy tài sản văn chương của Thạch Lam sau cùng chỉ còn lại có ba tập truyện ngắn là đáng kể.

Dĩ nhiên tôi không đồng ý với quan niệm có phần khắt khe và độc đoán đó, nói rõ hơn là quan niệm của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan.

Điều có phần chắc chắn là nhan đề của bài viết này, THẠCH LAM, TIỂU THUYẾT GIA sẽ khiến một số người không hài lòng, những người vẫn quen phủ nhận khả năng viết tiểu thuyết ở Thạch Lam, tức là mặc nhiên xem *Ngày mới* như một phần thừa thãi trong tác phẩm Thạch Lam. Dĩ nhiên khi viết bài này tôi không cố tình làm chuyện ngược đời, cố tình đặt cho *Ngày mới* một ý nghĩa hay một địa vị lẽ ra không xứng đáng đối với nó. Công việc đó thừa vì *Ngày mới* tự nó là một cái gì không thể tách rời khỏi Tác phẩm của Thạch Lam, Tác phẩm được xem như một toàn thể, một định mệnh. Vấn đề không phải là loại bỏ, lại càng không phải là khôi phục. Vấn đề là đặt cho đúng chỗ một tác phẩm trong toàn bộ một sự nghiệp. Bởi vì một trong những lỗi lầm tai hại của người phê bình là đặt nặng phần này xem nhẹ phần kia để từ đó tự ý giản lược tác phẩm theo chủ quan độc đoán của mình. Thậm chí có người không ngần ngại loại bỏ trọn một sự nghiệp tác phẩm để chỉ giữ lại một cuốn sách, một trang sách hay một câu văn được xem là điển hình nhất, có giá trị nhất, xứng đáng nhất để được tồn tại.

Viết về một Thạch Lam, tiểu thuyết gia, tôi muốn nói tới một khía cạnh vẫn thường bị bỏ quên hay coi thường ở tài năng Thạch Lam. Viết về *Ngày mới*, cuốn tiểu thuyết duy nhất của Thạch Lam, tôi mong góp thêm một cái nhìn gởi đến một Tác phẩm hiểu như một toàn thể, một Tác phẩm cho tới bây giờ, theo tôi, vẫn được nhận thức một cách bất công và thiếu sót, ảnh hưởng từ một số quyết đoán của các nhà phê bình hay các soạn giả sách giáo khoa.

Người ta có thể nghi ngờ sự thành công của Thạch Lam trong địa hạt tiểu thuyết. Người ta có thể tiếc cho Thạch Lam đã chỉ viết có một cơ hội độc nhất để phô trương tài năng của ông trong địa hạt nầy. Nhưng điều không thể chối cãi là chính Thạch Lam, mặc dù vẫn sở trường về truyện ngắn, vẫn là người mang nặng những mối ưu tư về tiểu thuyết, về nghệ thuật tiểu thuyết cũng như các vấn đề liên quan tới bộ môn quyến rũ này. Chỉ cần đọc cuốn *Theo giòng* của ông để thấy rõ mối ưu tư bàng bạc trong hầu hết các bài viết ở đó. Nói cách khác, cuốn *Theo giòng*, mà Vũ Ngọc Phan đã từng chỉ trích, cần được xem như một cơ hội giúp tác giả nhìn lại và soi sáng chính mình hơn là một tác phẩm phê bình theo quan niệm thông thường của mọi người cho tới bây giờ. Vâng, tôi vẫn xem *Theo giòng* như phần lý thuyết do tác giả vạch ra cho chính mình hơn là cho kẻ khác.

Trong *Theo giòng*, Thạch Lam đã viết:

"*...Tôi tưởng quyển tiểu thuyết hay nhất – hay công dụng nhất – là quyển tiểu thuyết sẽ làm cho ta yêu, ham muốn yêu, không phải là yêu một người, nhưng yêu mọi người; không phải một vật, nhưng yêu mọi vật. Hiểu biết tình yêu, thưởng thức những thú vị phức tạp và nhiều mầu sắc của tình yêu, còn gì sung sướng hơn nữa! Mỗi cử chỉ, mỗi hành vi của ta đều có một ý nghĩa riêng. Chính nhà tiểu thuyết gia có biệt tài là nhà văn đã diễn tả đúng và thấu đáo cái tâm lý uyển chuyển của người, nhà văn chính mình có một tâm hồn rất phức tạp và giầu có.*"

(Theo giòng, tr.47)

Đó không phải là lời nói của một nhà phê bình. Nhà phê bình nói trong khoảng cách với đối tượng. Nhà phê bình thiết định hay đề nghị những tiêu chuẩn cho kẻ khác, không cho chính mình bởi lẽ đơn giản là hắn không nhất thiết phải kiêm nhiệm một nhà văn. Ở đây, Thạch Lam không đề nghị những tiêu chuẩn cho ai khác ngoài chính ông là người đầu tiên phải nghe theo. Ông đưa ra một quan niệm về tiểu thuyết, đồng thời là người đầu tiên bị chi phối bởi chính qua niệm đó. Những điều Thạch Lam nói trong *Theo giòng*, người ta có thể kiểm điểm lại ngay trong tác phẩm của ông. Những ý nghĩ về tiểu thuyết của Thạch Lam có thể được xem như những lời chú giải có thẩm quyền nhất của Thạch Lam về Thạch Lam. Những ý nghĩ đó, dù rời rạc và đứt đoạn, đã nói lên mối ưu tư về tiểu thuyết mà ông không ngớt trở về. Những ý nghĩ đó không làm nên một quan điểm phê bình mà làm nên lý thuyết của ông, một Thạch Lam tiểu thuyết gia. Dù góp lại từ những bài đăng báo lẻ tẻ, quyển *Theo giòng* vẫn nói lên mọi đăm chiêu, lo lắng liên tục và thống nhất của một người viết tiểu thuyết luôn bị ám ảnh bởi chính tác phẩm của mình. Ở đó người đọc có thể tìm thấy ẩn hiện qua những bài viết về các đề tài khác nhau một quan niệm của Thạch Lam về chính Thạch Lam. Ở đó chính tác phẩm của Thạch Lam được chiếu rọi bằng những tia sáng có thẩm quyền nhất. Khi Thạch Lam nói về cái hoàn toàn "lạnh lẽo" của nhân vật tiểu thuyết, về nỗi "rung động" của chính nhà văn trong tác phẩm mình hay về sự "quan sát bề trong" để đi sâu vào cái "bí mật" của tâm hồn nhân vật, một cách nào đó, ông đã chỉ lập lại những điều đã "nói" ở ngay trong tiểu thuyết của ông. Vậy thì tại sao đòi hỏi *Theo giòng* phải là một tác phẩm phê bình chặt chẽ vững vàng hơn khi nó chỉ là một cuộc kiểm thảo trong đó tác giả dù nói về ai hay về một điều gì thật ra đã chỉ trò chuyện với chính mình với chính tác phẩm của mình?

Nhưng mà Thạch Lam đã viết *Ngày mới* thế nào?

*

Như mọi người đều biết, Thạch Lam, qua hầu hết các truyện ngắn của ông, đã chứng tỏ là một nhà văn có lối viết nhẹ nhàng, kín đáo và tế nhị hiếm có trên văn đàn Việt-nam. Ở Thạch Lam, dường như không hề có những đề tài táo bạo, những thảm kịch quá lớn lao. Ngòi bút ông chuyên mô tả, làm sống lại những tấn kịch tầm thường của đời sống, đời sống với muôn ngàn kẽ hở, với muôn ngàn động tĩnh nhỏ nhặt, đời sống đáng yêu và đáng ghét, đời sống với vẻ đẹp muôn màu của nó. Đọc truyện Thạch Lam, người ta dễ bắt gặp tâm hồn của chính ông, một tâm hồn nghệ sĩ lúc nào cũng nhạy cảm, sẵn sàng rung động với từng cảnh trí, từng biến đổi thoáng qua của vũ trụ cũng như của tâm hồn con người. Như Vũ Ngọc Phan đã từng nêu nhận xét khá đúng:

"*Phải là người giàu tình cảm lắm mới viết câu này: 'Một cơn gió hay một cái mầm cỏ non, đối với chàng đều có ý nghĩ riêng' (Những Ngày Mới, trang 25). Ý nghĩ đây là những ý nghĩ gây nên bởi cảm giác đối với ngoại vật và cảm tình của người ta đối với một hoàn cảnh thích hợp với mình.*" (Sđd. tr.119-120).

Từ truyện ngắn bước sang truyện dài, ngòi bút Thạch Lam vẫn giữ nguyên bản sắc cùng tâm hồn của nó. Vẫn một bút pháp, vẫn một cách thế nhìn ngắm cuộc đời, vẫn một thế giới với những cảnh vật và nhân vật quen thuộc, thân mến. Đọc *Ngày Mới* cũng như đọc một số truyện ngắn của Thạch Lam, người ta có thể trách Thạch Lam đã chỉ tạo nên những nhân vật quen thuộc, gần gũi nhau cũng như những tấn kịch gần như đồng dạng với nhau. Nhưng liệu người ta có thể trách Thạch Lam đã chọn cho mình một nguồn cảm hứng để trở về, một vũ trụ để thương yêu. Liệu người ta có thể trách Thạch Lam trung thành với chính Thạch Lam qua nguồn cảm hứng đó, qua vũ trụ mộng tưởng đó. Tại sao ta cứ phải đòi hỏi một Thạch Lam tiểu thuyết gia phải khác với một Thạch Lam "sở trường về truyện ngắn" hay một Thạch Lam của "mấy ý nghĩ về văn chương"?

Ngày mới trước tiên là sự mở rộng, đào sâu của một vũ trụ tiểu thuyết quen thuộc, của một

ĐINH HÙNG

Gửi Hương Hồn Thạch Lam

Nhớ xưa cùng bóng dạ lan hương
Anh với tôi nằm mộng canh trường
Giăng kề bên cửa, hoa kề gối
Anh truyện sầu, tôi truyện mến thương.

Tôi với anh giường chung, mộng chung
Vì duyên thơ mới có duyên lòng,
Anh buồn tự thuở trăng lên núi,
Ấy độ tôi hoài ước lại mong.

Ai biết lòng anh thương nhớ đâu?
Gần nhau không nói, nói không sầu.
Cầm tay hỏi mộng, buồn như tủi,
Thầm hiểu anh thôi, lặng cúi đầu.

Tôi cảm thương vì hai chúng ta
Tuổi đang xuân mà bóng sang già
Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối
Anh đã nằm yên dưới mộ hoa.

Anh lánh mùa xuân, nép cửa sầu
Đêm nằm ghê gió lạnh canh thâu
Gặp nhau, nắm chặt tay lần cuối,
Anh khép hàng mi, chẳng nguyện cầu.

Tôi đến tìm anh, vuốt mắt hiền,
Đêm sâu chìm đáy mắt vô biên.
Vọng thanh nghe rợn hồn cô tịch,
Tôi hiểu lòng anh chửa toại nguyền.

Tôi lạc hồn xuân giữa cố đô,
Hỏi trăng, trăng mọc nước Tây Hồ.
Hỏi hoa, hoa vẫn thôn đào, liễu,
Lòng hỏi riêng lòng: đâu bạn xưa?

Trăng nước vô tình, gió đẩy đưa,
Đường tôi muôn vạn ngả tình cờ.
Chiêm bao phảng phất, tôi thường gặp,
Cặp mắt anh nhìn, như trẻ thơ...

Tác phẩm, của một ý tưởng về Tác phẩm mà Thạch Lam đã không ngừng bận tâm, lo lắng.

Trong vũ trụ quen thuộc đó, ngòi bút Thạch Lam tiếp tục dựng lên hình ảnh con người đơn sơ, bình dị và sống thật với những ước muốn, những lo âu, những tấn thảm kịch không vượt ngoài tầm vóc, kích thước của nó.

Trường, nhân vật chính trong *Ngày mới* cũng là hình ảnh con người đó, gần gũi và thân mật:

"*Trường bước từng bước nhẹ nhàng trên hè phố, ngước mắt nghịch nhìn ngôi sao hôm cùng theo chàng đi lấp vào các lá cây. Trời mùa hạ đen và trong thăm thẳm, các vì sao lấp lánh như cùng một điệu. Trường thấy tâm hồn mình cũng cùng một điệu vui vẻ như thế, và vòm trời, ngàn sao, với những cơn gió mát thoảng đến đối với Trường như hòa hợp, thân mật lắm.*

Cái vui của Trường chỉ là một cái vui rất giản dị. Hai ngày trước, chàng vừa thi đỗ bằng Thành chung một cách bất ngờ. Khi nhận thấy tên mình trên bảng, Trường hồi hộp cảm động. Tuy chàng coi sự thi đỗ là một việc thường, và thấy người ta chú trọng đến cuộc thi một cách thái quá, chàng sinh ra khinh bỉ cuộc thi, vậy mà chàng không giữ nổi được sự vui mừng. Đến bây giờ Trường vẫn còn thấy người nhẹ nhõm và khoan khoái."

(Ngày mới, tr.5)

Trang sách đầu tiên. Những dòng chữ thứ nhất. Bao nhiêu đó đã quá đủ để, về phần tác giả, giới thiệu một nhân vật. Và bao nhiêu đó cũng quá đủ để về phần người đọc, nhận ra một vóc dáng, một chân dung, một tâm hồn với những đường nét, những kích thước nổi bật và quyết định.

Ngay trong lần đầu tiên xuất hiện – trên trang sách, dưới mắt người đọc – Trường, nhân vật chánh của cuốn truyện dài, đã "nói" với người đọc rất nhiều. Hắn "nói" bằng thứ ngôn ngữ thầm lặng nhất. Bằng lời tự nhủ. Bằng sự lắng nghe. Hắn lắng nghe, ghi nhận, đo lường từng tiếng động bên ngoài và bên trong hắn, đúng hơn là từng nhịp điệu hòa hợp giữa cái bên ngoài và cái bên trong. Trong suốt quyển truyện, hắn còn phải lắng nghe không ngớt. Nghĩa là kiếm tìm không ngớt một trạng thái tâm hồn lý tưởng nhất trong đó nội giới chuyện trò thân mật với ngoại cảnh, trong đó không còn sự xung khắc hay phân ly giữa cái bên trong và cái bên ngoài, trong đó, để nói theo một cách nói của Goethe, cái bên trong cũng là cái bên ngoài.

Trang sách đầu tiên. Những dòng chữ thứ nhất. Bao nhiêu đó để giới thiệu một nhân vật và đồng thời báo hiệu một đoạn đời, một câu chuyện, một chuyến phiêu lưu. Vâng, tất cả đều được báo hiệu ngay từ trang sách mở đầu, ngay từ cách thế tác giả mở đầu. Tôi muốn nói: tất cả đều được báo hiệu ngay từ những dòng chữ đầu tiên trong đó tác giả thể hiện đầy đủ giọng văn và giòng văn của mình. Một nhận xét thông thường cho thấy qua những dòng chữ đầu tiên đó, Thạch Lam chứng tỏ một ngòi bút tả tình, tả cảnh đặc sắc. Dĩ nhiên qua hầu hết những tác phẩm của Thạch Lam, ông đã không ngừng xác nhận nhận xét nói trên. Và có lẽ cũng không còn ai nghi ngờ giá trị của những đoạn văn tả tình và tả cảnh của Thạch Lam. Nhưng thiết nghĩ vấn đề không chỉ đơn giản có vậy. Cảnh và tình thể hiện trong văn chương Thạch Lam chỉ là hai bộ mặt của cùng chung một trạng thái. Chúng không ngừng kêu gọi lẫn nhau để hòa hợp, tan biến vào nhau. Chúng hiện hữu trong một mối tương quan đằm thắm. Cảnh là cơ hội xuất hiện của tình, và ngược lại. Do đó theo tôi, Thạch Lam không cốt yếu là một nhà văn tả cảnh hay tả tình mặc dù, như Vũ Ngọc Phan đã lập lại nhiều lần trong bài phê bình của ông, Thạch Lam "tả tình, tả cảnh rất hay." Có lẽ phải nói Thạch Lam là nhà văn của những trạng thái hòa hợp tốt đẹp, của sự bình yên trong tâm hồn, của niềm vui và hạnh phúc. Đó cũng là trạng thái mà nhân vật của Thạch Lam không ngừng tìm kiếm: sự hòa hợp giữa tâm hồn và cảnh vật cùng là sự hòa hợp giữa tất cả những ý tưởng, dự phóng, hồi tưởng... không ngừng trò chuyện với nhau, quấn quýt lấy nhau trong nội giới con người.

Thiên truyện dài *Ngày mới* đã mở đầu và kết thúc bằng một trạng thái tâm hồn: sự hòa hợp, niềm vui. Và tôi không ngần ngại cho rằng đó là đề tài chính, câu chuyện chính của *Ngày mới*. Trong suốt cuốn truyện, Trường là hình ảnh một con người luôn khát vọng, luôn tìm kiếm và luôn sống trong ám ảnh của những giây phút êm đềm, vui sống, lý tưởng. Những phút giây đó, hắn đã từng gặp gỡ và đánh mất để sau cùng tìm lại được sau bao nhiêu chặng đường của kinh nghiệm và của sự thất bại. Đó là ý nghĩa của hai tiếng *Ngày mới* mà Thạch Lam đã dùng để đặt thành nhan đề của cuốn truyện. Người thanh niên (Trường) thi đỗ, từ chối cuộc hôn nhân được hai gia đình ưng thuận, yêu và lập gia đình với một người thiếu nữ con nhà nghèo. Đó là bước đầu của những ngày sống kham khổ, thiếu hụt, hắn phải bỏ học đi làm nuôi vợ con với một đồng lương quá ít oi. Hắn khao khát sự giàu sang của mọi người chung quanh và tiếc rẻ đã bỏ lỡ cuộc hôn nhân với người con gái thuộc gia đình khá giả. Hắn bỏ bê vợ con, đi tìm những nguồn an ủi riêng tư. Sau cùng nhân cuộc gặp gỡ một người bạn giàu có hãnh tiến và đần độn, hắn chợt thức tỉnh trước hạnh phúc chân thật của con người, không tùy thuộc

vào tiền của mà tùy thuộc vào chính tâm hồn của mình. Hắn vui vẻ trở về với hoàn cảnh sống khiêm nhường của hắn và bắt đầu sống những "ngày mới" của cuộc đời hắn. Câu chuyện *Ngày mới* có thể tóm lược bằng những dòng chữ ngắn ngủi trên đây, một việc làm gượng gạo, càng gượng gạo hơn đối với tác phẩm Thạch Lam. Bởi điều đơn giản là Thạch Lam thường không quá chú trọng tới phần cốt truyện và những tình tiết trong những sáng tác của ông. Dường như tất cả chỉ là một cái cớ để ông khám phá, đi sâu vào tâm hồn con người với những ước mơ, những mộng tưởng âm thầm lặng lẽ của nó.

Có lẽ một độc giả thông thường cũng như một nhà phê bình bị ràng buộc trong những yêu sách những phạm trù cổ điển của văn chương, họ sẽ thất vọng khi muốn tìm kiếm trong *Ngày mới* một câu chuyện, một tấn kịch đúng nghĩa hay một đường lối giải quyết thỏa đáng, rõ ràng. Có lẽ họ chỉ tìm thấy ở *Ngày mới* một câu chuyện không ra chuyện, một tấn kịch tầm thường, một cách giải quyết đầy lý tưởng và không tưởng nữa. Điển hình cho lớp độc giả này là Vũ Ngọc Phan. Tôi thấy cần ghi nhận lại đây ý kiến của nhà phê bình tiền chiến này để người đọc có dịp tìm hiểu, một cách đọc tiểu thuyết và từ đó một cách nhìn ngắm tác phẩm, một quan niệm văn chương. Vũ Ngọc Phan đã phê bình *Ngày mới* như sau:

"*... Trong tập này người ta cũng thấy nhiều đoạn rất xinh tươi, tả tình và tả cảnh, như những truyện ngắn trong tập Sợi tóc, nhưng nếu xét về toàn tập, người ta thấy cốt truyện xây dựng không được vững cho lắm...*

Dùng hai chữ ngày mới *để chỉ vào sự yên phận, không những to tát quá, mà còn không đúng nữa. Vì yên phận tức là quay về cái phận mình đã có, không đứng núi này trông núi nọ nữa. Vậy cái ý* mới *đã không có rồi. Sau nữa, đã gọi* ngày mới *thì phải có sự tiến hành về một mặt nào rõ rệt, cả về ý nghĩ lẫn về hành động, chứ riêng về ý nghĩ không, không thể được. Nếu Trường biết yên phận nghèo mà vẫn làm công cho nhà buôn, lương tháng vài ba chục, sự túng thiếu vẫn luôn luôn áp bức cái gia đình nhỏ của chàng thì sự yên phận ấy không làm sao bền được. Ai cũng biết cái ảnh hưởng của vật chất, của tài chánh, của kinh tế là cái ảnh hưởng rất ghê gớm, nó làm cho người ta thay đổi cả tâm tính, cả cuộc đời, như vậy thì những* ngày mới *của Trường có còn là những ngày trường cửu được không?*

Người ta có thể có những cảm giác và những cảm tưởng thú vị khi người ta biết xét mình, biết nhận thấy cái "phong phú trong lòng" mình và biết ruồng bỏ sự khao khát giàu sang. Đối với những việc nhỏ, cảm giác và cảm tưởng có thể có một địa vị khả quan, còn đối với những việc lớn như cả một cuộc đời, cả một cuộc sống của nhiều người trong gia đình, sự thú vị về yên phận chỉ là một cảm giác hay một cảm tưởng trong chốc lát.

Nếu đã là những ngày mới, *Trường ít ra phải thay đổi cả cuộc sống của mình, chứ chỉ biết yên phận nghèo không, không đủ."*

(Sđd, tr.137-138)

Tôi thấy thật khó lòng chấp nhận quan điểm phê bình thể hiện qua những lời lẽ trích dẫn trên đây, vì những tính cách sơ sài, nông cạn và độc đoán của nó. Sơ sài: người phê bình không nhìn tác phẩm như một toàn thể hợp nhất và đơn nhất, trái lại đã giản lược nó về những đoạn những trang hợp sở thích của mình. Nông cạn: người phê bình chỉ lĩnh hội tác phẩm, bỏ quên câu chuyện thật, ý nghĩa thật còn tàng ẩn dưới mắt người đọc. Và độc đoán: người phê bình đã chỉ nhìn tác phẩm qua một số khuôn khổ và yêu sách có sẵn của mình, không nhìn tác phẩm như một thực tại có ý nghĩa và đầy đủ ý nghĩa cho nó nghĩa là như một định mệnh. Thành kiến độc đoán của người phê bình dường như lúc nào cũng muốn tác phẩm phải thế này hay thế nọ tức là một cách nào đó phủ nhận chính tác phẩm (cuốn sách) đang nằm dưới mắt mình. "Trường ít ra phải thay đổi cả cuộc sống của mình, chứ chỉ biết yên phận nghèo không, không đủ." Tại sao người phê bình cứ phải yêu sách một nhân vật tiểu thuyết phải *làm* hơn một nhân vật tiểu thuyết, một tác phẩm phải *làm* hơn một tác phẩm. Ở đây phê bình vượt qua giới hạn của chính phê bình. Bởi nó đã phủ nhận thực tế của tác phẩm đang là đối tượng của nó. Thực tế tác phẩm: thực tế của những dòng chữ được viết ra, thực tế của cuốn sách được hoàn tất; thực tế của một cái gì tự đầy đủ, không thể sửa đổi hay hàn gắn gì được nữa. Không thể nhân danh những ảnh hưởng "ghê gớm" của vật chất, của kinh tế, của tài chánh mà "buộc" Trường phải trở thành một nhà cách mạng xã hội, theo đúng khuôn mẫu của người phê bình đặt ra. Không thể đòi hỏi Thạch Lam phải là một nhà văn xã hội trong khi ông chỉ là một nhà văn của những trạng thái và những biến chuyển của tâm hồn bát ngát. Không thể đòi hỏi ở Thạch Lam một quyền năng vượt ngoài giới hạn của chính ông, một nhà văn. Và không trách Thạch Lam, trên bình diện thuần túy văn chương, đã không đi trên một con đường nào khác hơn con đường ông đã đi.

Để trở lại với cái phần ẩn giấu, tới câu chuyện của tác phẩm, tôi muốn nói tới một cái gì khác hơn chính cốt chuyện của cuốn sách mà người đọc có thể tóm lược với một số dữ kiện cần thiết như: Trường thi đỗ, Trường lấy vợ, Trường đi làm, Trường khao khát sự giàu sang, Trường vui vẻ với cảnh nghèo v.v..., những dữ kiện tầm thường của câu chuyện cũng tầm thường không kém. Nhưng đó chỉ là những dữ kiện giả, đó là câu chuyện giả, tất cả chỉ dùng che giấu một sự thật. Sự thật đó chính là tâm hồn Trường trên đường tìm kiếm một niềm vui, niềm vui của một phút giây thoải mái êm đềm hay niềm vui trường cửu của đời người. Diễn tiến của *Ngày mới* không là diễn tiến của một câu chuyện dàn trải trong một giới hạn không gian và thời gian nào đó. Trái lại đó là diễn tiến của một tâm trạng, một cuộc phiêu lưu.

Ngày mới chỉ là cuộc phiêu lưu của một tâm hồn, đúng hơn, của một ý tưởng. "Cái bên trong cũng là cái bên ngoài." Thế giới bên ngoài mang trọn vẹn dự phóng của con người, nó chỉ còn là một phản ảnh, một hình ảnh của chính tâm hồn hay ý thức con người không ngừng thao thức, nói năng, nghe ngóng. Có một dòng ý thức miên tục chạy suốt qua "câu chuyện" của *Ngày mới*, dòng ý thức làm nên từ tất cả những hồi tưởng cùng phóng tưởng của nhân vật. Nhân vật Thạch Lam không ngừng sống và nghĩ, nói khác hơn họ luôn luôn có hai cuộc đời để sống, cuộc đời này chỉ là cái cớ của cuộc đời kia được sinh động, phong phú hơn. Những hồi tưởng, phóng tưởng, dự tưởng, ý tưởng, mộng tưởng..., tất cả làm nên một dòng ý thức, một dòng sống, một đời sống. Tất cả làm nên một tấn thảm kịch.

Tôi nghĩ người đọc còn phải tìm tới thứ ngôn ngữ thầm lặng nhất của *Ngày mới* để truy nguyên tấn thảm kịch sống động nhất của nó. Và người ta không chỉ đọc *Ngày mới*, người ta còn phải lắng nghe, như nhân vật *Ngày mới* đã không ngừng lắng nghe trong khi sống, như chính tác giả *Ngày mới* đã không ngừng lắng nghe trong khi viết, câu chuyện thật của *Ngày mới* là một câu chuyện làm nên từ những băn khoăn, trắc trở của một tâm hồn không ngớt tìm kiếm một sự bình yên, một sự ổn định, một trạng thái trong đó không còn sự phân ly hay xung khắc giữa ý thức và thực tại, giữa ý thức và chính nó.

"Trường tưởng nhớ lại cả quãng đời học hành chăm chỉ, với những điều ước vọng lúc bấy giờ. Hồi ấy, chàng chỉ mơ ước thi đỗ để ra đi làm kiếm tiền. Có lẽ tình cảnh nghèo nàn của gia đình chàng và chung quanh đã khiến chàng chỉ tha thiết mong có thế. Thi đỗ, rồi đi làm công sở, đó là mục đích của cả một đời. Nhưng bây giờ Trường mới rõ cái nhỏ mọn của điều mong ước ấy. Sự sống đã cho chàng bao nhiêu bài học hay. Trường không băn khoăn vì cảnh nghèo của mình nữa. Chàng không ganh ghét với những người sang trọng, giầu có hơn chàng (...), và tự thấy mình giàu hơn họ nhiều, giàu những tính tình tốt đẹp, những ý nghĩ đằm thắm mà những người chỉ biết đến mình không bao giờ có được."

(Ngày mới, tr.236)

"Chàng tự kiêu đã xứng đáng với lòng yêu của vợ và thấy những nỗi băn khoăn, bực tức của chàng trước kia nhỏ mọn không đáng kể. Trường đã mong ước sự giàu sang vì không biết đến những cái phong phú trong lòng chàng, đã tìm danh vọng và địa vị vì chưa tự đầy đủ với tâm hồn."

(Ngày mới, tr.240)

Ngày mới kết thúc khi Trường tỉnh ngộ, trở về với gia đình, chấp nhận hạnh phúc đơn sơ của mình, mãn nguyện với cái "phong phú trong lòng" của mình sau những bước thất lạc ngông cuồng. *Ngày mới* kết thúc ở ngưỡng cửa của những *ngày mới* trong đời Trường. Tôi muốn hiểu hai tiếng *ngày mới* tác giả dùng trong trường hợp này mang ý nghĩa một cuộc thay đổi bên trong. Đó là cuộc hóa thân của một tâm hồn sau chuyến phiêu lưu đánh dấu bằng thất bại và đổ vỡ. Mặc dù *ngày mới* chỉ hứa hẹn một cuộc trở về, trở về với phận nghèo quen thuộc, cũng là cách nào đó, trở về "với bao kỷ niệm êm đềm trong quãng đời trẻ thơ" – (tình yêu của Trường đối với Trinh cô bạn nhỏ ngày xưa phải chăng cũng chỉ là một cách níu kéo lại thời đã mất, sống lại một trạng thái tâm hồn vô cùng bình yên và trong sáng?) – mặc dù thế, tôi vẫn không thấy ý niệm *mới* bị tổn thương chút nào. Không cứ phải "thay đổi cả cuộc sống của mình" mới gọi là *mới*. Bởi điều quan trọng trước tiên là đổi *mới* tâm hồn, làm *mới* viễn vọng.

Dưới ngòi bút Thạch Lam, con người nhất thiết là một khát vọng, một dự phóng không ngưng nghỉ. Hắn luôn sống trong một ý tưởng, một hình ảnh về hạnh phúc, mơ hồ hay rõ rệt. Điều đáng nói là Thạch Lam đã dựng lên những nhân vật với vóc dáng rất "người", những nhân vật không hề được giao phó cho một sứ mạng quá lớn lao. Tôi muốn nói tới hình ảnh con người thường nhật trong tác phẩm Thạch Lam, con người gần gũi và thân mật. Con người không có thảm kịch, không có vấn đề. Và *Ngày mới* chính là thiên hùng ca của một linh hồn tầm thường và bé nhỏ luôn băn khoăn với ý tưởng hạnh phúc.

(Trích từ báo Giao Điểm, Sài Gòn, tháng 12, 1971)

(1) Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại, quyển VI, tr. 119.

QUÀ HÀ NỘI

THẠCH LAM

(Trích từ cuốn Hà Nội 36 Phố Phường)

Quà Hà Nội xưa nay vẫn có tiếng là ngon lành và lịch sự. Ở các thôn quê, chút "quà Hà Nội" là của mong đợi, và tỏ được lòng quý hóa của người cho. Con cháu ngày giỗ kỵ đưa về dâng cha mẹ, hay của bà mẹ ra tỉnh mua về cho các con, và chồng đi làm Nhà nước ngày nghỉ mua tặng cho cô vợ mới cưới... Bao nhiêu ý tốt tình hay gửi vào trong chút quà nơi đô hội, món quà đem đến cho khắp nơi các vị sành và trang nhã của băm sáu phố phường.

HÀNG QUÀ RONG

Người Hà Nội, ăn thì ngày nào cũng ăn, nhưng thường không để ý. Nếu chúng ta về ở tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới biết quà ở Hà Nội ngon là chừng nào. Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế mà sao bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, từ cái nước chấm ngon đi.

Trong một ngày, không lúc nào là không có hàng quà. Mỗi giờ một thứ khác nhau; ăn quà cũng là một nghệ thuật: ăn đúng cái giờ ấy và chọn người bán ấy, mới là người sành ăn.

Tang tảng sáng, tiếng bánh tây đã rao, lẫn với tiếng chổi quét đường. Đó là quà của những thợ đi làm sớm. Rồi, có từng độ, phố xá vang lên tiếng rao "bánh rán nóng, trinh một, xu đôi" của một lũ trẻ con. Cái bánh rán vừa cứng và xấu, thật làm giảm thanh chế của quà Hà Nội, do một cửa hàng nào đó muốn kiếm lời, cứ muốn bắt thiên hạ ăn bánh rán lúc còn ngái ngủ.

Này đây mới là quà chính tông: bánh cuốn, ăn với chả lợn béo, hay với đậu rán nóng. Nhưng là bánh cuốn Thanh Trì mỏng như tờ giấy và trong như lụa. Vị bánh thơm, bột mịn và dẻo. Bánh chay thì thanh đạm, bánh mặn đậm vì chút mỡ hành. Người bán bánh cuốn Thanh Trì đội mẹt và rổ trên đầu, từng tụm năm, bảy người từ phía Lò Lợn đi vào trong phố, dáng điệu uyển chuyển và nhanh nhẹn.

Rồi mùa nực thì hàng xôi cháo: cháo hoa quánh mùi gạo thơm, xôi nồng mùi gạo nếp. Xôi đậu, xôi lạc, xôi vừng mỡ và dừa. Ờ, cái xôi vừng mỡ, nắm từng nắm con, ăn vừa ngậy vừa bùi. Mà có đắt gì đâu! Ăn một, hai xu là đủ rồi. Mùa rét thì xôi nóng, hãy còn hơi bốc lên như sương mù, ăn vừa nóng người vừa chắc dạ.

Và có ai ngẫm nghĩ kỹ cái vị hành khô chưng mỡ ở trong bát ngô nếp bung non; hành giòn và thơm phức, những hạt ngô béo rưới chút nước mỡ trong... Ngô bung (xôi lúa) thì có nhiều hàng ngon, nhưng ngon nhất và đậm vị nhất là ngô bung của một bà già trên Yên Phụ. Cứ mỗi sáng, bà từ ô xuống phố, theo một đường đi nhất định, đã ngoài hai mươi năm nay, để các nhà muốn ăn cứ việc sai người ra đứng chờ. Bà đội thúng ngô, tay thủ vào cái áo cánh bông, và cất lên cái tiếng rao, tựa như không phải tiếng người, một tiếng rao đặc biệt và kỳ lạ: "Eéé... éc", "Eé... ééc...".

Đối với các bà, các cô đi chợ, cô hàng vải, cô hàng cau v.v... là những người ưa món quà gì vừa rẻ vừa ngon, lại vừa no lâu – các cô khó tính, sành ăn và hay xét nét lắm – đã có món quà của cô hàng cơm nắm lẳng lơ với hai quang thúng bỏ chùng. Món quà này sạch sẽ và tinh khiết, tự quà cho đến cả quang thúng, cả cô hàng, tóc vấn gọn, áo nâu mới, quần sồi thâm, cô hàng trông cũng ngon mắt như quà của cô vậy.

Cơm nắm từng nắm dài, to nhỏ có, nằm trên chiếc mẹt phủ tấm vải màu trắng tinh để che ruồi, muỗi. Con dao cắt, sáng như nước, và lưỡi đưa ngọt như đường phèn. Cơm cắt ra từng khoanh, cô hàng lại cẩn thận gọt bỏ lớp ngoài, rồi lại cắt ra từng miếng nhỏ, vuông cạnh và dài, để bày trên đĩa. Cô muốn xơi với gì? Với chả mới nhé hay giò lụa mịn màng?

Các cô vừa ăn vừa nhai nhè nhẹ và thong thả vừa hỏi han thân mật cô hàng: cùng bạn làm ăn cả, một gánh nuôi chồng nuôi con, đóng góp thì nhiều. Âu cũng là cái phận chứ biết làm thế nào.

Đối với các bà ăn dở và thích của lạ miệng, - và độc nữa – đã có bà hàng tiết canh và lòng lợn.

Một mâm đầy những bát tiết canh đỏ ối, ngòng nghèo sợi dừa trắng, điểm xanh mấy lá húng tươi. Thế mà họ ăn ngon lành, một lúc hai, ba bát. Rồi đánh thêm một đĩa lòng vừa dồi, cổ hũ với tràng giòn. Ăn xong quét miệng đứng dậy, bước đi thành chậm chạp.

*

Sao bằng ra đầu phố ăn một bát phở của anh hàng phở áo cánh trắng, gilet đen, và tóc rẽ mượt? Nồi nước sôi sùng sục, tỏa mùi thơm ra khắp phố. Nếu là gánh phở ngon – cả Hà Nội không có đâu làm nhiều, - thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh ớt, và hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa. Ăn xong bát thứ nhất, lại muốn ăn luôn bát thứ hai. Và anh hàng phở chả phải gánh nặng đi đâu cả chỉ việc đỗ một chỗ nhất định, cũng đủ bán một ngày hai gánh như chơi. Và người hàng phố tìm dấu hiệu để gọi tên anh cho dễ nhớ: anh phở trọc, anh phở Bêrê, anh phở Mũ Dạ, anh phở Cao... và dặn thằng nhỏ chớ mua hàng khác về "ông không ăn mà chết đòn."

Phở là một thứ quà thật đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng ở Hà Nội mới có, nhưng chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon. Đó là thứ quà suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa, và ăn phở tối.

Phở bán gánh có một vị riêng, không giống như phở bán ở hiệu. Các gánh phở có tiếng ở Hà Nội đều được người ta đặt tên và tưởng nhớ: phố Ga, phở Hàng Cót, phở Ô Quan Chưởng, phở Cửa Bắc v.v...

Bây giờ nhiều tài năng trẻ trong nghề phở mới nhóm lên và trái lại, những danh vọng cũ trên kia không chắc có còn giữ được "hương vị xứng kỳ danh" nữa. Có người nào thử chịu khó đi khảo nếm lại một lượt xem sao? Một vòng quanh Hà Nội bằng vị phở, chắc có lắm điều mặn, chát, chua, cay đấy.

Nhưng có một nơi phở rất ngon mà không có ai nghĩ đến và biết đến: ấy là gánh phở trong nhà thương. Trong nhà thương vốn có một bà bán các thứ quà bánh ở một gian hàng dựng dưới bóng cây. Cái quyền bán hàng đó là quyền riêng của nhà bà, có từ khi nhà thương mới lập. Bà là người ngoan đạo nên tuy ở địa vị đặc biệt đó bà cũng không bắt bí mọi người và ăn lãi quá đáng. Thức gì bán cũng ngon lành, giá cả phải chăng. Nhưng gánh phở của bà thì tuyệt: bát phở đầy đặn mà tươm tất, do hai con gái bà làm, trông thực muốn ăn. Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút. Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một chút cà cuống, thoảng nhẹ như một nghi ngờ. Mà nhân tâm tùy thích, nhà hàng đã khéo chiều: ai muốn ăn mỡ gầu, có, muốn ăn nạc, có, muốn ăn nửa mỡ, nửa nạc, cũng có sẵn sàng.

Cứ mỗi buổi sáng, từ sáu giờ cho đến bảy giờ, - chỉ trong quãng ấy thôi, vì ngoài giờ là gánh phở hết -, chung quanh nồi nước phở, ta thấy tụm năm tụm ba, các bệnh nhân đàn ông và đàn bà, các bác gác san, các thầy y tá, và cả đến các học sinh trường Thuốc nữa. Chừng ấy người đều hợp lòng trong sự thưởng thức món quà ngon, nâng cách ăn phở lên đến một nghệ thuật đáng kính.

Cùng một thứ quà nước và mặn như phở, Hà Nội còn có hãng mì và mằn thắn. Hai món này chắc hẳn là món ăn của người Tàu, cho nên hễ người Tàu làm thì ngon hơn, cũng như họ làm ngon nhiều món khác...

Cái chí của người Việt cũng khác: món quà bán thì cứ muốn bán cho rẻ và nhiều, thích thế để xiêu lòng khách còn cái phẩm có tốt hay không, không quan tâm đến. Cho nên bát mằn thắn của người mình thì có đủ cả rau thơm, xá xíu, đôi khi mấy miếng dồi, và một phần chia tám quả trứng vịt. Mằn thắn thì làm rất to bột, nặng xuề xòa để trông càng to hơn, nhưng nhân thì hết sức kín đáo và nhỏ bé, vì được một tí thịt chỗ bạc nhạc, mua rẻ của các hàng thịt lậu ôi ở ngoại ô, lúc trút hàng bán rẻ. Nước cũng rất nhiều nữa, dềnh lên như ao sau trận mưa, nhưng nhạt ví như nước bèo. Ấy thế mà tất cả chỉ bán có năm xu. Tưởng đắt hàng là phải.

Thế mà không: người Hà Nội ăn quà sành, nên khó mà lấy nhiều hoa mắt người ta được. Có lẽ người bán nghĩ rằng quà rao là *sực tắc*, hai thanh tre già gõ vào với nhau như tiếng guốc đi của một gái về đêm, mà *sực tắc* chính là hai tiếng Tàu *Thực đắc* mà ra. *Thực đắc* là ăn được, cho nên quà chỉ cốt ăn được, không cốt gì ăn ngon.

Về thức quà này, tôi lại nhớ đến một câu chuyện nhiều ý nghĩa, và có thể là một bài học hay cho người mình.

Trong lúc mọi người bán hàng Việt Nam mỏi vai lê gánh đi khắp phố mòn đốt tre vì tiếng gọi mà vẫn không bán được mấy, thì bỗng nhiên một hôm ở một phố Hà Nội nhỏ hẹp và đông đúc nảy ra một chú khách bán hàng rất dở người. Chú ta

cũng bán mì với mằn thắn, cũng với giá năm xu, nhưng mì thì chỉ có mì không và mằn thắn chỉ có mằn thắn trần, đủ mười lăm cái. Nhưng nước rất trong và rất ngọt, mì thì đậm vị và dẻo, mằn thắn thì bột mềm và mỗi cái có nhân một con tôm. Ăn mãi vẫn ngon không thấy chán.

Bác bán không cần gánh đi đâu, và cũng không cần gì bát. Ai muốn ăn đến hàng mà ăn, ai muốn mua đem bát lại mà mua, và người nhà mang về, chứ một bực thang ngắn bác cũng không chịu bước lên. Bác bán hàng cửa quyền như thế, người ta tuy tức vì cái làm bộ kiêu kỳ của bác, chê vì quà của bác đắt hơn quà của các hàng thường, nhưng người ta vẫn phải mua, vì quà của bác ngon. Người mua ngày dần đông: một gánh bác bán không đủ, phải làm hai gánh, rồi ba, rồi bốn, rồi năm sáu. Mỗi gánh bác lại thuê một người bán, mỗi tháng công năm đồng. Những người này bèn nghĩ cách ăn bớt: một lượng bát mì bác bán, cứ ba bó mì thì họ lại bớt một; mười lăm cái mằn thắn thì họ bán có mười hai.

Nhưng mặc lòng, hàng bác vẫn bán chạy. Mỗi gánh ít nhất bác cũng được lãi ba đồng một ngày. Sáu gánh vị chi là mười tám, một tháng lãi năm trăm hơn. Sáu tháng sau khi bác ở Hải Phòng đặt chân lên Hà Nội, bác đã nghiễm nhiên trở nên một người giàu.

Thế mới biết không có nghề gì là không có lãi, mà cái nghề chúng ta tưởng là hèn mọn ấy lại chóng làm cho người ta giàu hơn chán vạn nghề khác. Miễn là thức hàng bán xứng với đồng tiền, đừng lừa dối người mua: của ngon thì người ta ăn, đắt rẻ không kỳ quản. Đó là một sự thực giản dị trong nghề buôn bán, mà tiếc thay, nhiều nhà buôn người mình không biết đến. hoặc người mình làm tồi bán rẻ hoặc họ đánh lừa được người mua thì lấy làm sung sướng.

Tôi quên nói nốt rằng chú khách bán mằn thắn trên kia, giá cứ giữ lối bán gánh như thế thì không sao. Có tiền, chú lại muốn làm ông chủ hiệu: chú mở hàng cao lâu to ở phía Mã Mây. Cái chí này không có gì là đáng trách. Nhưng chú lại muốn giống các chủ khác ở chỗ đánh bạc, chú đánh phán thán, rồi chú thua. Ba tháng sau, chú vỡ nợ.

Nhưng đấy là tại chú, chứ không tại cái cửa hàng của chú, và cái phương pháp bán hàng của chú vẫn giữ nguyên giá trị khiến chúng ta nên theo.

Sau khi vỡ nợ, tay trắng trở về, chú lại ghé lưng xuống gánh lấy gánh hàng mằn thắn cũ: tiếng vẫn rao vang; và miệng vẫn tươi cười như trước: Đó là một tấm gương mà chúng ta lại càng nên theo nữa.

VẪN QUÀ HÀ NỘI

Kể về các thứ quà mặn, thì Hà Nội còn nhiều: nào bún riêu, bún chả, thang cuốn, nem chua, nào miến lươn và bún ốc. Mỗi thứ, tất nhiên có một vị riêng, và cả đến mỗi hàng, lại cũng có cái ngon riêng nữa.

Tôi thích nhất cô hàng bún ốc, không phải vì món hàng cô tôi thích ăn – xin thú thật rằng tôi sợ các bác ốc lắm – nhưng tôi thích nhìn người ta ăn, vì nghe thức quà của cô là cái điểm không thể thiếu được của một cảnh bình dân hoạt động trong các ngõ con và trên các bờ hè. Người ta xúm lại ăn quà bún ốc một cách mới ngon lành làm sao! Có ai buổi trưa hay buổi đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phấn và mệt lả, miếng ớt cay làm xoa xuýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.

Cô hàng bún ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn: một cái gõ nhẹ, và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọn gàng rơi mình vào bát nước. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp, trông thấy người ta ăn ngon lành, chính cô cũng sinh thèm. Ấy cô có thú thực với tôi như thế.

Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc này: thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, vì hai lẽ: một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lạ có một điều: nhà mình làm lấy, dù bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua của các hàng rong, nhất là hai thứ thang riêu. Tại sao vậy? Có ai tìm ra cái lẽ triết lý thứ ba không?

Miến lươn là thức quà ăn bổ âm, nhiều người bảo thế. Đàn ông thì không hay tin, nhưng đàn bà thì dễ tin lắm. Thế cho nên đã thấy nhiều ông chồng không thích ăn lươn, mà vẫn bị các bà vợ ép cho ăn dù tiền các bà ấy trả lấy. Tình nghĩa đằm thắm của vợ chồng đôi khi có thể lấy nhiều ít miến lươn mà đo được.

Ấy, suýt nữa đi khỏi các thứ quà cốt bún, mà tôi quên không nói đến thứ quà bún quan trọng và đặc điểm nhất của Hà Nội băm sáu phố phường: đó là thức quà bún chả.

Phải, cái thức quà tầm thường đó, sáu tỉnh đường trong, bốn tỉnh đường ngoài, chẳng có đâu ngon bằng ở kinh đô. Ai cũng phải công nhận như thế, hay ít ra những người sành thưởng thức. Một ông đồ cuồng chữ ở nhà quê, một hôm khăn gói, ô lên Hà Nội, đã phải ứng khẩu đọc hai câu thơ như thế này, khi ngửi thấy mùi khói chả:

Ngàn năm bửu vật đất Thăng Long
Bún chả là đây có phải không?

Mà cảm hứng thế là chí phải. Khi ngồi cuối chiều gió, đói bụng mà đón lấy cái khói chả thơm, thì ngài dễ thành thi sĩ lắm. Khói lam cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài và tiếng quạt khẽ đập như cành cây rung động, quà bún chả có nhiều cái quyến rũ đáng gọi là mê hồn, nếu không là mê bụng.

Những thứ rất là tầm thường, rất là giản dị mà đi gần nhau sao lại sinh ra được mùi vị riêng như thế? Ai là người đầu tiên đã nghĩ ra bún chả? Người đó đáng được chúng ta nhớ ơn và kính trọng ngang, hay là hơn với người tạo nên được tác phẩm văn chương... Có lẽ người kia còn làm ích cho nhân loại hơn là người này nữa. Tiếc thay tên người tài tử đó thất truyền, để không liệt kê vào cái sổ vàng của những danh nhân "thực vi đạo."

Thứ bún để ăn bún chả, sợi mảnh và cuộn từng lá mỏng, khác với các thứ bún thường. Chả phải thịt ba chỉ, mà phải dùng cặp tre tươi nướng mới ngon. Quái, sao cái nước chấm của các hàng bún chả ngon thế? Có lẽ họ dùng nước mắm hạng vừa, nghĩa là không quá chua, cho nên thành ngon chăng? Nước chấm ấy mà điểm thêm mấy giọt chanh vào thì tuyệt: có thể thấm nhuần được cả bún, cả rau, cả chả mà không mặn, không gắt như nước chấm của nhà.

Nhưng bún chả Hà Nội đặc biệt có lẽ vì cái rau húng Láng. Vì chỉ có rau húng ở Láng là có mùi vị húng, đem trồng chỗ đất khác, sớm chậm rồi cũng đổi ra mùi bạc hà – Viết đến đây tôi lại nhớ đến bác Tú Mỡ thường mời bạn hữu ăn và thường khoe là mình ẩn dật ngay trong rừng húng – Thế cho nên bún chả thì phải là bún chả Hà Nội mới đủ vị cho người thưởng thức và phải là bà bún chả xưa vẫn ngồi trước đền Bạch Mã, Hàng Buồm, mới là bà bán hàng ngon. (Tất nhiên còn nhiều các hàng khác ở phố cũng ngon chẳng kém, nhưng tiếng tăm chưa nổi đó thôi)./.

HAI ĐỨA TRẺ

THẠCH LAM

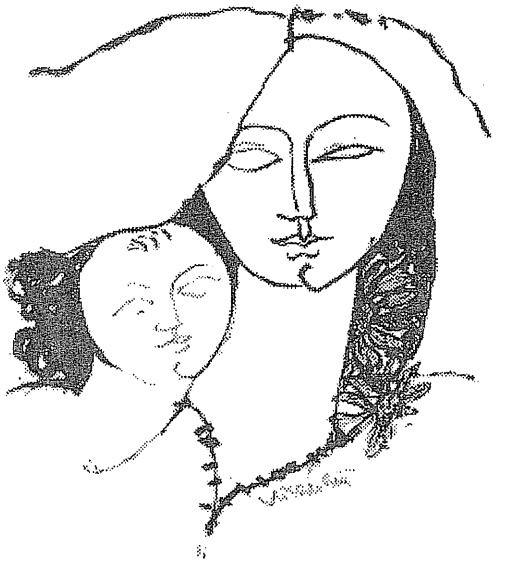

Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một buổi chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của cô bé; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thắp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hẵng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kẻo ở trong ấy muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn, cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cót két.

- Cái chõng này sắp gẫy rồi chị nhỉ?

- Ừ. Để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn hoa kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn giây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vãn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ấm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, đòn gánh đã so sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại. Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính trị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ hai chị em Liên mới thấy thằng cu bé sách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tý, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tý để chõng xuống đất, bầy biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ối chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mộc gạch. Để bán cho ai? mấy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tý chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng, ghế, dịch ngọn đèn hoa kỳ lại ngồi têm trầu, còn thằng cu thì loay hoay dóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên.

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ: chết chửa! rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi; không mẹ ra mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phố quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào

thắp đèn xếp những quả sơn đèn lại. trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà-nội về quê ở, vì thầy Liên mắc việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm, ngăn ra bằng một tấm phên nứa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng sáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lào, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

- Có phải buổi trưa em bán cho bà Lực hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Vâng, bà ta mua hai bánh còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp, không tính nữa:

- Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội tráp tiền với một chiếc khóa chị đeo vào cái giây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khóa chị quí mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái nhớn và đảm đang.

- A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu ty đầy đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên rồi cười ròn rã nói:

- A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chép miệng vừa lần ruột tượng trả tiền - Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lảo đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lần vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng...

*

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im ỉm, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thèm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chõng, đưa mắt theo dõi những bóng người về muộn, lừ lừ đi trong đêm.

Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây. An và Liên lặng ngước mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân-Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn hai đứa trẻ như đầy bí mật và xa lạ, và làm mỏi trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại cúi nhìn về mặt đất, về quãng sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tý. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra. An trỏ tay bảo chị;

- Kìa, hàng phở của bác Siêu đã đến kia rồi.

Tiếng đòn gánh kĩu kịt nghe rõ rệt, khói theo gió tạt lại chỗ hai chị em; bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống nhóm lại lửa, thổi vào cái nứa con. Bóng bác mênh mang ngả xuống đất một vùng và kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngõ. An và Liên ngửi thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quà bác Siêu bán là một thứ quà xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở Hà-nội chị được hưởng những thức quà ngon, lạ - bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền, - được đi chơi bờ hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỷ niệm còn nhớ lại không rõ rệt gì, chỉ là một vùng sáng rực và lấp lánh, Hà-nội nhiều đèn quá ! Từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc bàng với cái tối của quang cảnh phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại xẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tý, và cái bếp lửa của bác Siêu; chiếu sáng một vùng đất cát, trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tý. Thêm được một gia đình bác Sẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tý phe phẩy cành chuối khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói:

- Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà của cụ Thừa, cụ Lục là những khách

hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vẩn vơ:

- Hôm nay trong ông giáo cũng có tổ tôm. Dễ họ không phải đi gọi đâu.

Vợ chồng bác Sẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu, bần bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những rác bẩn vùi trong cát bên đường. Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ.

An và Liên đã buồn ngủ díu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tầu xuống - đường sắt đi ngang qua ngay trước mặt phố - để bán hàng, may ra còn có một vài người mua. Nhưng cũng như mọi đêm, Liên không trông mong còn ai đến mua nữa. Với lại, đêm họ chỉ mua bao diêm hay gói thuốc lá là cùng. Liên và em cố thức là vì cớ khác, vì muốn được nhìn chuyến tầu đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

An đã nằm xuống gối đầu lên đùi chị, mí mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

- Tầu đến chị đánh thức em dậy nhé.

- Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên; chị ngồi yên không động đậy. Qua khe lá của cành bàng ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống cầm canh ở huyện đánh tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào trong tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Tý mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và ăn thuốc lào. Nhưng một lát từ phố huyện đi ra, hai, ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài : mấy người làm công ở hiệu khách đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu nghển cổ nhìn ra phía ga, lên tiếng:

- Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma chơi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Liên đánh thức em:

- Dậy đi, An. Tầu đến rồi.

An nhỏm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng rồn rập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bùng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai - Trước kia, ở sau ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tầu rần rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng chưng, chiếu ánh cả xuống đường Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tầu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tầu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tầu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sang hơn. Nhưng họ ở Hà-nội về! Liên lặng theo mơ tưởng, Hà-nội xa xăm, Hà-nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tầu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tý và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mông và yên lặng.

- Thôi, đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chõng. An cũng ngồi xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật là hết sáo động, chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đèn lồng với bóng người đi về; chị Tý đương sửa soạn đồ đạc và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác Sẩm ngủ gục trên manh chiếu tự bao giờ.

Liên quay lại nhìn em, thấy An cũng đã ngủ say, tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai chị. Liên nhìn quanh đêm tối, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng đã díu lại. Chị gài cửa cẩn thận và vặn nhỏ ngọn đèn đặt lên trên cái quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm xuống. Chị gối đầu lên tay nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình, mờ mờ đi trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tý chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu; mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngáp vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối./.

THEO GIÒNG

Ý kiến văn học trích từ cuốn Theo Giòng của
THẠCH LAM

CẢM HỨNG VÀ LÀM VIỆC

Người ta thường nói đến việc Lý-Thái-Bạch uống một trăm chén rượu, làm một trăm bài thơ, như một việc lạ lùng và đáng phục. Tôi tưởng đó chỉ là một câu chuyện huyền, đẹp đẽ và thú vị. Có lẽ trong một lúc cảm hứng đột ngột, Lý-Bạch đã làm được một, hai bài thơ hoàn toàn, nhưng chắc rằng những bài thơ khác nhà thi sĩ ấy đã trau dồi, sửa mất nhiều ngày giờ. Người sau không muốn nhận cái cảnh nhà thi sĩ đăm đăm cố sức trên mảnh giấy là thanh nhã, nên muốn tìm một sự dung dị, linh hoạt, thần tiên hơn.

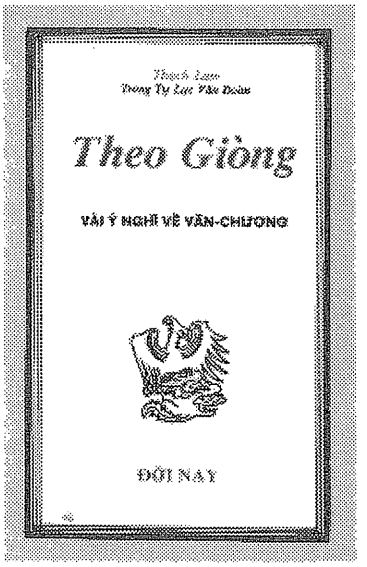

Cái ý muốn một lúc hứng viết xong bài thơ, và ý kiến chỉ thơ làm như thế mới hay, và người làm mới đáng phục, cái ý đó đã khiến nhiều nhà văn ta hiểu lầm. Họ sinh ra khinh bỉ sự cố công, sự làm việc khó nhọc và cố theo đuổi cái tài đặt bút viết một lúc hàng trăm bài. Có lẽ, một bài thơ ngắn, dăm bốn câu, có thể hoàn toàn ngay lúc cao hứng được; nhưng còn nói sao về một thiên tiểu thuyết chẳng hạn, mà sự kết cấu phải cần bao nhiêu công việc và ngày giờ?

Trong lúc này, người ta thấy ra đời nhiều tác phẩm vội vàng, cẩu thả quá. Người đọc đã thấy rằng tác giả đã không chịu cố sức như có thể cố sức được, đã không chịu gọt rũa và sửa chữa tác phẩm cho được đẹp đẽ hơn. Họ đưa ra những tác phẩm mà họ đã không chịu nghiền ngẫm, mang trong trí não từ trước, và lúc viết không chịu tìm tòi cách diễn tả đúng nhất ý tưởng mình. (Tuy thật rằng phần nhiều không có ý tưởng gì, và không như người giầu ý tưởng chỉ còn tìm cách giãi bày thôi, họ lại tìm cách làm thế nào để tỏ ra rằng có ý tưởng).

Cái gương của những văn sĩ phương tây đáng để cho chúng ta soi và bắt chước. Tất cả các văn sĩ có thiên tài mà chúng ta quý mến đều đã phải làm việc ghê gớm, đã trải bao nhiêu đêm trắng để gọt rũa và sửa chữa lại những vần thơ, những câu văn mà trong lúc cao hứng họ đã viết ra trên mặt giấy. Tôi chỉ cần đưa ra một vài thí dụ.

Flaubert đã viết đi viết lại quyển "Madame Bovary." Maupassant có khi viết lại đến năm lần một truyện ngắn. Balzac cũng viết nhiều lần mà đến khi sửa bản giáp nhà in, ông còn chữa chi chít đến nỗi có khi bản sau khác hẳn bản trước. Ấy là Balzac viết vội để chóng có tiền trả nợ đấy. Chateaubriand chẳng đã viết tất cả mười bảy lần bài tả cảnh "Một đêm ở Mỹ Châu" đó ư?

Henri Davernois bao giờ viết cũng có ba màu giấy khác nhau ở trước mặt. Thế nghĩa ít nhất ông cũng viết lại ba lần bất cứ tác phẩm nào của ông, không kể nhiều khi viết hơn nữa. Một hôm có người bạn hỏi xin bản thảo quyển tiểu thuyết ông vừa xuất bản. Duvernois dẫn bạn đến một cái hòm đựng hơn một trăm hai mươi bảy tập giấy và bảo: "Đây bản thảo của tôi."

Tolstoi nhà văn Nga nổi tiếng khắp hoàn cầu, có khi sửa chữa lại bảy lần bản thảo của ông... Ta thử tưởng tượng công việc ông đã làm khi chữa quyển tiểu thuyết "trường giang đại hải" và bất hủ "Chiến tranh và hòa bình." Gogol, một danh sĩ khác người Nga, say bảy năm nghiền ngẫm và viết tập thứ nhì của quyển "Những linh hồn chết" đã đốt cháy bản thảo trước khi từ trần. Lòng bất mãn của nghệ sĩ đối với công việc của mình, hay cớ gì khác? Không ai được biết.

Giờ tôi nói đến Dostoievsky, nhà viết tiểu thuyết, cũng người Nga, có lẽ nhà viết tiểu thuyết có giá trị nhất của thế kỷ và trên hoàn cầu.

– "Lúc năm mươi tuổi ông ta viết: 'Cái tiểu thuyết tôi sắp viết – (ấy là quyển 'Anh em

Karamozov,' mà chín năm sau nữa ông mới bắt đầu viết) – đã làm cho tôi băn khoăn từ ba năm nay nhưng tôi chưa muốn viết vội vì tôi muốn viết thong thả, như Tolstoi, Tourgueniev, Gontcharow đã viết...' Nhưng mặc dầu ông ta đã nói: 'Tôi không hiểu sao người ta có thể viết vội vì tiền được' cái vấn đề tiền ấy đã can thiệp vào công việc của ông nhiều lần: 'Tôi sẽ không viết kịp; tôi không muốn làm hỏng cả vì vội vàng. Tuy rằng cách bố trí đã xếp đặt kỹ càng, người ta vẫn có thể làm hỏng hết vì vội quá.'

"Bởi thế ông đã phải làm việc ghê gớm, vì nếu ông giữ danh dự không sai hẹn với các nhà xuất bản, ông đành thà chết vì công việc còn hơn giao một tác phẩm không hoàn toàn. Thế mà suốt đời ông, ông vẫn giữ cái ý chắc chắn và đau đớn rằng, nếu có nhiều thời giờ hơn, được tự do hơn, ông còn có thể thực hành ý tưởng ông một cách hay hơn nữa. 'Điều khiến tôi băn khoăn lắm, là nếu tôi viết chuyện ấy hẳn một năm trước, rồi được hai ba tháng chép lại và sửa chữa, thì chắc hẳn là khác, tôi quyết thế.' Huyễn tượng chăng? Ai biết được? Nếu nhiều thì giờ hơn ông sẽ thêm được cái gì? Ông tìm gì nữa? – Một sự giản dị hơn, chắc thế, một sự liên lạc chặt chẽ hơn trong các tiểu tiết, tuy những tác phẩm hay của ông, trong nhiều đoạn, đã đến một trình độ tinh vi và rõ ràng tưởng khó vượt được hơn nữa.

"Nhưng được thế, bao nhiêu công trình! 'Chỉ có những cảm hứng là đến đột ngột, hẳn một lúc, còn ngoài ra là công việc nhọc nhằn cả.' Ông biên thư cho người anh nói: 'Anh chắc lẫn cái cảm hứng, nghĩa là sự sáng tác đầu tiên, thoát ngay, của toàn cảnh hay cái hoạt động của linh hồn, với công việc. Này, ví dụ tôi biên chép một cảnh y như lúc hiện ra cho tôi, và tôi lấy làm thích lắm; rồi sau, hàng tháng, hàng năm, tôi viết đi viết lại, và cái kết quả sẽ hay hơn, anh nên tin thế. Cảm hứng đến là được rồi. Tất nhiên không có cảm hứng không có thể làm gì được'." (*)

Và như thế khi viết những thiên tiểu thuyết kiệt tác ấy, ông xóa đi, chép lại, chữa, sửa, thêm bớt, và làm việc như một người tù bị khổ sai. Chúng ta ai đã chịu khó như thế, không nói đến có tài như Dostoivesky? Mà đúng lẽ ra, đã không có tài như nhà văn ấy, chúng ta đáng lẽ phải chịu khó và công phu hơn ông ta mới phải. Nhưng đáng buồn! Tôi biết có nhiều nhà văn sẽ lấy làm xấu hổ nếu phải thú rằng mình viết khó nhọc và công trình. Họ muốn uống một trăm chén rượu, làm một trăm bài thơ, dung dị và thao thao bất tuyệt như nhà thi sĩ Tàu cơ! (Rượu một trăm chén có lẽ – (mà cũng vị tất!) – còn thơ hay trăm bài thì cho phép tôi ngờ lắm).

Đành rằng sự cố sức không đủ, vẫn cần phải có tài năng, có thiên bẩm. Nhưng sự cẩu thả, mình dễ dàng với mình, chẳng bao giờ đưa đến một tác phẩm hay. Nếu câu của Buffon: "Thiên tài chỉ là một sự kiện nhẫn lâu" có đôi phần đúng thì chỉ ở trường hợp này, nhất là đối với các nhà tiểu thuyết, bởi tác phẩm của họ không phải một ngày làm xong được. Và cả câu này nữa của Flaubert, nhà nghệ sĩ trau dồi và yêu mến hình sắc đẹp tha thiết nhất trong làng văn Pháp: "Cảm hứng tức là ngồi vào bàn làm việc đúng giờ đã định." Tôi đưa ra câu sau này để các văn sĩ nước ta ngẫm nghĩ.

(*) Dostoievsky, của André Gide.

VÀI Ý KIẾN VỀ TIỂU THUYẾT

Mấy năm gần đây (*), các tiểu thuyết xuất bản rất nhiều, và số người đọc tiểu thuyết mỗi ngày một tăng. Trong các nguyên cớ khiến cho tiểu thuyết được hoan nghênh tôi có thể chỉ cái cớ này: sự nảy nở của đời sống trong tâm hồn riêng của từng người. Khi người ta bắt đầu có một đời sống bên trong, hay tìm xét những trạng thái của tâm hồn mình, người ta thích đọc tiểu thuyết. Trái lại, tiểu thuyết lại giúp cho đời sống bên trong được dồi dào, sâu sắc thêm. Một quyển tiểu thuyết là để xem, chứ không phải để đọc cho nhau nghe như các văn khác; người đọc tiểu thuyết là một người đọc yên lặng, hay nghĩ ngợi, suy xét, và tìm trong tâm lý các nhân vật của truyện những tư tưởng và ý nghĩ của chính mình.

Tiểu thuyết là thể văn từ xưa tới nay được người ta yêu chuộng nhất. Ngày trước, ta có rất ít tiểu thuyết, chỉ phỏng theo hay dịch của Tàu. Rồi chúng ta bắt chước viết tiểu thuyết, từ quyển "Cành lê điểm tuyết" của Đặng Trần Phát đến quyển "Tố Tâm" của Hoàng Ngọc Phách, qua những tiểu thuyết dịch của Từ Trầm Á như "Tuyết Hồng Lệ Sử" và "Ngọc lê hồn"; đó là thời kỳ tiểu thuyết bắt đầu nẩy nở trong văn chương ta.

Quan niệm tiểu thuyết của chúng ta hồi trước là cái quan niệm vai chính hoàn toàn, "anh hùng hay liệt nữ." Tiểu thuyết nào đại khái cũng có một đôi trai tài gái sắc. Trai thì trung hiếu, gái thì tiết trinh, đều là những người hoàn toàn tốt cả. Nhưng muốn tỏ cái tốt của họ ra thì phải làm thế nào? Tất phải đặt họ vào một hoàn cảnh khó khăn, khiến họ gặp những điều trở ngại: và họ vẫn thắng

được những điều khó khăn đó, trai vẫn giữ được toàn trung hiếu, gái vẫn giữ được tuyết sạch giá trong. Rốt cục, hai bên lấy nhau, lập một gia đình sung sướng và đời đời con cháu hiển vinh; tác giả không dám để họ phải thất bại và tiểu thuyết không thể có một kết cục xấu: cái đức bao giờ cũng phải thắng.

Tiểu thuyết bấy giờ chỉ có giá trị luân lý. Một quyển tiểu thuyết là một tấm gương luân lý gọt giũa khéo hay vụng để cho mọi người soi chung. Thời kỳ tiểu thuyết luân lý rất dài trong văn chương ta.

Nhưng tiểu thuyết luân lý phải cái là lạt lẽo, vô vị. Cứ nhắc đi nhắc lại một cái đề, tác giả làm cho người đọc buồn ngủ và chán nản. Các nhà văn biết rằng phải tìm một cái gì khác hơn.

Sự phản động đến rất nhanh chóng; đó là thời kỳ tiểu thuyết có kết cục xấu; trai tài, gái sắc không lấy được nhau nữa, trái lại bị chia rẽ và đau đớn. Người ta muốn nhìn nhận cuộc đời đúng hơn, và một ý chua chát lẩn vào cái luân lý của truyện. Người ta muốn bi quan bởi muốn tỏ ra người thức thời. Đa sầu đa cảm thành ra một điểm hay của tâm hồn. Người ta muốn nhìn thấy sự thanh nhã và cao quý trên vầng trán xanh xao của nhà văn sĩ. Những tiểu thuyết sầu thảm: "Bể Oan," "Bể Khổ," "Thuyền Tình Bể Ái," "Kiếp Trầm Luân," mà báo Phong Hóa đã giễu một cách ý vị, thi nhau xuất bản. Đó là thời kỳ các văn sĩ tự cáo mình là ho lao, lúc nào cũng có vẻ đau xót cho thân thế.

Lâu dần, về sau, người ta bắt đầu thấy rằng hai thái độ đó, cái lạc quan dễ dàng của tiểu thuyết luân lý và cái bi quan quá đáng của tiểu thuyết sầu đều không đúng với cuộc đời. Sự sống không phải cái này, cũng không phải cái kia. Sự sống phiền phức hơn, và các nhà văn muốn diễn tả cái phức tạp ấy. Nhưng họ chưa đến được ngay.

Vào quãng này, có sự phản động gây nên bởi *Phong Hóa*, trong hình thức và tinh thần. Về phần hình thức, *Phong Hóa* hết sức phá bỏ các sáo cũ trong cách viết văn. Một câu sáo là một câu văn có những chữ đối chọi nhau cho kêu, và những ý nghĩ, những hình ảnh sẵn sàng, chỉ việc chắp nối với nhau. *Phong Hóa* phá bỏ lề lối, và gây nên một lối văn giản dị, dễ hiểu, bình dân hơn và hết sức tránh dùng chữ Hán. Chính lối văn ấy, mỗi ngày một mềm dẻo hơn, giầu thêm vì những cách hành văn của chữ Pháp, là lối văn thịnh hành đến bây giờ.

Về tinh thần, *Phong Hóa* phấn đấu với sự thất lại cam chịu của con người, bày tỏ rằng đa sầu là cái hại, buồn thảm là một cách trốn tránh trước những bổn phận phải làm. Sự vui vẻ không phải là thô tục và đáng khinh nữa. Cái cười lấy lại giá trị của nó, trở nên sâu sắc và thanh nhã.

Sự phản động trên đây đến vừa hợp lúc, đánh tan cái văn chương sầu thảm đi, và gây lên một nền văn mới. Từ năm 1938 trở đi, văn chương ta đến thời kỳ loạn lạc, không quy củ nhất định, nhưng mang ở trong nhiều mầm giống mới. Cuộc tranh luận "Nghệ thuật vị nghệ thuật" và "Nghệ thuật vị nhân sinh" của một vài nhà văn trên các báo là một chứng cớ.

Nhưng phong trào ở nước ta, bất cứ phong trào gì, đều có một tính chung: là nông nổi, chỉ hời hợt bề ngoài. Cái mà chúng ta thiếu nhất là sâu sắc. Bởi ta không chịu phân tách và suy xét kỹ, nên bất cứ một vấn đề gì chúng ta cũng không biết được rõ ràng và chu đáo, biết một cách thấu suốt. Mà tâm hồn người ta lại là một vật khó biết nhất. Những trạng thái tâm lý trong lòng người rất là phiền phức, kín đáo và uyển chuyển. Biết mình, xưa nay vẫn là câu châm ngôn của các nhà hiền triết. Nhưng không một ai dám tự phụ là thực hành được câu ấy cả.

Trong văn chương ta, từ 1935 trở đi, có hai phong trào: phong trào bình dân và phong trào xã hội. Nhưng ở đây cũng như ở trường hợp chính trị, những người hiểu biết và thành thực rất hiếm, phần nhiều chỉ là a dua. Nhiều nhà văn xưa nay không hề chú ý đến tình cảnh sinh hoạt của dân quê, bỗng một sáng tỉnh dậy tự thấy mình là văn sĩ bình dân. Rồi họ viết những tác phẩm tả những nỗi đau khổ của các người nhà quê và thợ thuyền. Nhưng người đọc chịu suy xét không bao giờ bị mắc lừa. Những cảnh mà các nhà văn ấy bầy ra trước mắt ta không làm cho ta rung động; và những hành vi và tâm lý của các nhân vật trong truyện, bởi không nhận xét đúng, nên dễ cho ta nhận thấy rằng những nhân vật đó không thật. Sự khéo léo, cái nghệ thuật vững chắc, có khi làm cho chúng ta phục. Nhưng chỉ có lòng tin tưởng, sự thành thực sâu xa của tác giả mới khiến chúng ta cảm động được.

Văn chương bình dân chỉ nẩy nở khi nào có những nhà văn ở đám bình dân mà ra, hay có những liên lạc mật thiết và chặt chẽ với đám người đau khổ đó. Cách sinh hoạt của những người nhà quê An-nam, cũng như cách sinh hoạt của các hạng người khác trong xã hội, cần phải nhận xét đúng lắm mới diễn tả được. Tôi lấy làm lạ rằng

trong các tiểu thuyết của ta, chưa có quyển tiểu thuyết nào viết về dân quê nếu không phải chỉ là phô bày những hình ảnh sáo, những tâm lý nông nổi và bịa đặt. Chưa có nhà văn nào làm hoạt động những người dân quê thực, bày tỏ những hành vi và tâm trạng thật của bác Nhiêu, bác Xã An-nam không nhìn qua lũy tre qua cái lãng mạn mơ màng hay cái khuôn sáo đẹp đẽ của văn chương. Phong trào thứ hai ở đấy, cùng những điều thiếu thốn ta thấy trong phong trào bình dân. Những tiểu thuyết có luận đề thi nhau xuất bản. Một chứng cớ này đủ tỏ sự nghèo trí tưởng tượng của các nhà văn ta: sau quyển "Đoạn Tuyệt" có đến hai quyển tiểu thuyết nữa, cũng dùng buổi xử ở tòa án để kết cục truyện. Không có gì không thực và "nhân tạo" bằng. Những lời kết tội nghiêm khắc của ông chưởng lý đại diện cho lề lối phong tục cũ và những lời cãi hùng hồn của trạng sư, khiến chúng ta buồn cười.

Trong phong trào xã hội có vấn đề được các nhà văn ta theo nhau nói đến, là vấn đề thanh niên trụy lạc. Nhưng với một đầu đề như thế, tôi lấy làm lạ chưa có nhà văn nào diễn tả được đúng những tâm trạng và các nỗi băn khoăn của thanh niên (mà các nhà văn đều là thanh niên). Bọn thanh niên chúng ta không thấy mình ở trong những tác phẩm đó: chúng ta chỉ thấy những ý nghĩ và tâm lý của tác giả, một tác giả không biết người, cũng không tự biết mình, quyết đoán một cách sai lầm; bởi thế chúng ta dửng dưng và lãnh đạm với tất cả những hành vi của các nhân vật trong truyện.

*

Đến đây, lại thấy cái cần, đối với các nhà văn, phải biết suy xét tâm hồn mình. Qua tâm hồn ta, chúng ta có thể đoán biết được tâm hồn mọi người. Và chỉ khi nào chúng ta hiểu biết được những trạng thái tâm lý của mình một cách sâu sắc, chúng ta mới hiểu biết được trạng thái tâm lý người ngoài.

Tôi còn nhớ, trong một số báo *Nouvelle Revue Indochinoise*, bà Christine Fournier có viết đại ý như thế này: "Các nhà văn Pháp, các nhà văn trong hoàn cầu, đã viết về tất cả những vấn đề mà một nhà văn có thể viết được. Vậy chúng ta – các văn sĩ An-nam – còn viết về cái gì nữa? Còn cần viết gì nữa?". Bà C.Fourtnier trả lời: "Các anh còn tâm hồn các anh. Đó là sự phong phú dồi dào của các anh, các anh không cần tìm đâu nữa."

Chúng ta không cần bắt chước ai, (mà công việc bắt chước không phải là công việc sáng tác). Chúng ta cứ việc diễn tả cái tâm hồn An-nam của chúng ta, những tư tưởng, những ý nghĩ mà chúng ta ấp ủ trong thâm tâm. Chúng ta chỉ có thể bằng các nhà văn ngoại quốc, khi chúng ta đi sâu vào tâm hồn của chúng ta mà thôi.

Tôi đã có dịp được đọc nhiều tác phẩm chưa xuất bản của các nhà văn. Tôi phải buồn rầu khi nhận thấy trong vài chục tác phẩm đó, một sự nghèo nàn không ai ngờ. Các nhà văn đó hình như không biết viết cái gì, nên chừng ấy nghệ sĩ chỉ quanh quẩn trong vài cái đầu đề giống nhau. Vẫn biết cái đề không phải là cái quan hệ, trái lại nữa; nhưng tôi muốn nói rằng những tư tưởng và tâm lý của các nhà văn trên kia cũng gần giống nhau trong vài khuôn sáo sẵn. Họ đi nhầm đường. Họ mang trong người một cái của quý vô hạn mà cứ đi tìm những đâu đâu tựa như người vác gói bạc trên vai mà không biết, lại ngửa tay đi ăn xin. Của quý ấy là tâm hồn họ. Đáng lẽ đi theo những khuôn sáo sẵn, họ trở về trong lòng suy nghĩ và phân tách những sự thay đổi của tâm hồn mình, thì hay biết bao nhiêu.

Do đấy, sự thành thực mới là cái then chốt của nhà nghệ sĩ. Muốn viết một tác phẩm bất hủ, một tác phẩm mà giá trị không theo thời, ta phải để hết nỗi rung động trong tác phẩm đó. Jacques Chardonne nói có hai hạng tiểu thuyết gia. Một hạng chú ý làm cho người đọc giải trí bằng sự diễn tả các phong tục trong xã hội, bằng một cốt truyện ly kỳ hay ngoắt ngoéo. Một hạng viết tiểu thuyết để bày tỏ ý tưởng, những cảm động của mình bằng hành vi của nhân vật trong truyện. Hai hạng có những độc giả khác nhau. Theo ý tôi, một tác phẩm nào của nhà văn cũng có một chút ít nhà văn trong ấy; muốn dùng danh từ gì mặc lòng, tả chân, khách quan, hay chủ quan, cái bản ngã của tác giả cũng lộ ra trong những câu văn tác giả viết. Ta thấy rõ cái địa vị quan trọng của tâm hồn tác giả. Bởi vì tài năng không phải ở cách xếp đặt các câu văn, xếp đặt cốt truyện cho có mạch lạc; cái thực tài của nhà văn nguồn gốc ở chính tâm hồn nhà văn; một nghệ sĩ phải có một tâm hồn phong phú những tình cảm dồi dào. Nếu không, nghệ sĩ đó chỉ là thợ văn khéo mà thôi.

Chịu theo tâm hồn mình lại còn bao hàm cả cái can đảm mình dám là mình. Mấy người có cái can đảm ấy. Tuy nghệ sĩ đã phải là một người khác thường, không chịu bắt chước ai, không chịu ép mình vào khuôn sáo nào. Ngày xưa mình bắt

chước văn Tầu, bây giờ lại bắt chước văn Tây. Ta thấy nhiều nhà văn cóp cả một quyển truyện Pháp làm của mình, hoặc cóp một vài đoạn cho vào tác phẩm viết ra. Cũng như khi họ bắt chước cái cốt truyện và cách diễn tả của một nhà văn có tiếng. Họ không có cái tự kiêu của người độc lập và tâm hồn thanh cao. Những tác phẩm của họ chỉ là những công trình vô giá trị.

* Bài này viết năm 1938

CÂU CHUYỆN BÊN GỐC LIỄU HAY "TÂM-HỒN NGHỆ-SĨ"

Lúc ấy là một đêm vào đầu mùa thu. Thời tiết không lạnh lắm, và gió hiu-hắt đưa lại từng cơn nhẹ. Trời cao trong thẳm, các vì sao lấp-lánh sáng những màu sắc khác thường.

Chúng tôi đứng bên một cây liễu; trước mặt là Tây-hồ mà sóng đến vỗ róc-rách ngay dưới chân. Bên trái chúng tôi là một bụi tre nhỏ, cành hơi ngả nghiêng theo chiều gió, khe khẽ ca cái bài ca sao sác của những lá vàng khô.

- Cành lá tre này cũng như những cành lá tre khác, không có gì đặc-biệt. Nhưng tôi không bao giờ nhìn ngắm một cành tre, mà không thấy nổi lên trong lòng những ý-nghĩ và cảm-giác lúc nào cũng giống nhau. Khi thấy các lá tre gió thổi vút một chiều, tôi cảm thấy một vang-động âm-thầm và kín-đáo trong tâm-hồn. Hình như một cảm-giác gì thanh-thoát và lạnh-lẽo, một cái gì vừa cứng cỏi lại vừa chua-sót, vừa tha-thiết lại vừa lãnh-đạm, như tâm-hồn một nhà ẩn dật thời xưa, chán những điều thế-tục, đem giấu cái tài-năng không được ai biết trong rừng núi... Vài lá tre dài nhọn vắt qua trăng sáng, trong thật giống một bức tranh phóng-bút của Tầu. Nhưng bức tranh ấy không những chỉ phô bầy một cảnh mà thôi, nó còn hàm một ý-nghĩa biểu-hiệu nữa, mà chúng ta không ra thoát. Tre cũng như thông, được người xưa lấy làm biểu-hiệu của người thanh-cao, danh-lợi không phàm, và trong ngọn gió đầu sương vẫn giữ vững được tâm-hồn ngay thẳng. Trong tiếng sào-sạc của lá tre, hay tiếng vi-vu của ngàn thông, chúng ta được nghe lời nói của tâm-hồn ấy, một lời nói không phải ở ngoài vào mà chính tự trong lòng chúng ta từ đời kiếp nào lên. Tôi chẳng bao giờ chỉ nhìn ngắm các cành không thôi cả: cùng một lúc, và không tự ngăn giữ được, còn đi vào những ý nghĩ và những cảm giác quen thuộc ấy.

- Anh nói đúng. Không phải ở trong văn-chương Pháp - thứ văn chương đã cám dỗ chúng ta ngay từ nhỏ - chúng ta mới tìm thấy Thiên-Nhiên. Rousseau tìm thấy Thiên-Nhiên ở thế-kỷ thứ XVIII. Nhưng chúng ta, chúng ta yêu mến cảnh vật và cảm thông với Thiên-Nhiên đã từ lâu lắm rồi. Giữa chúng ta với cảnh vật, với cây cỏ, với núi non, có một sự quen thuộc, một sự thân-mật đằm thắm và sâu sắc lạ lùng. Một cây đối với chúng ta không phải chỉ là một cái cây: đó là một linh hồn đương sống, cũng mừng vui và cũng đau khổ như chúng ta. Hoa mai nở trong làn sương, cỏ non nghiêng trước gió xuân, chúng ta cảm thấy linh-hồn của hoa cỏ ấy một cách đầy đủ và gần gũi hơn chúng ta cảm-thông linh-hồn một người bạn.

- Tôi còn nhớ một buổi đi chơi Xuân ở vùng Lim. Tôi trèo từng bậc đá một con đường dốc khuất khúc để lên chùa Bách-Môn. Bỗng nhiên khỏi hàng rào cây, tôi đứng sững lại trước cảnh tượng thật phi phàm: trước cổng chùa, một cây đào lớn trổ hết các bông hoa, làm hồng tươi cả một phương trời. Ở cái nở tung của những cánh hoa mơn mởn ấy, có một triều nhựa lên mạnh mẽ, một nguồn sống ngấm ngầm, tôi tưởng nghe thấy được. Đấy là hơn sự đầy đủ của một thân cây, đấy hình như là sự nảy nở của cả vũ-trụ, cả mạch đất trong tiết xuân, một bài ca hát xốn xang và tươi thắm của những cái rực rỡ tự mấy kiếp đời nào dồn lại. Nét huyền-bí, mung lung của Phật Quan-Âm, của bà Vương-Mẫu, vẻ thân mật và suồng-sã trong giáng-áo cô giai-nhân của Bồ Tùng-Linh và màu da hồng của các tiên nữ trên thượng-giới, tất cả những cái ảo ảnh ấy đều linh-động trước mắt tôi khi đứng ngắm cây hoa đào nở trước cửa chùa. Không bao giờ tôi quên được những cảm-giác của tôi lúc đó. Ở đâu mà có nguồn cảm-giác ấy? Tôi chưa tìm tòi phân tách để hiểu biết Đạo Phật, coi hòn đá, cỏ cây, con vật như những thứ bậc khác nhau của cái kiếp vẫn luân-hồi, những bước của cái vòng đau khổ ấy mà người ta phải trải qua để đi đến chỗ giải thoát. Có phải vì thế mà chúng ta có cảm-tình thân-thiết và đằm ấm với linh-hồn của cây cỏ, chim muông cũng đang đau khổ như chúng ta chăng? Hay những cảm-giác kia nguồn gốc ở cái ý muốn chìm đắm mình trong vũ-trụ, cái huyền ảnh thần tiên của Đạo-Lão? Tôi chỉ biết rằng chúng ta mang ở trong tâm-hồn nhiều mầm giống, và nhiều tình-cảm tự buổi nào.

- Thật thế. Chúng ta đến bây giờ, và còn mãi mãi, vẫn vui mừng những cái gì đã làm vui mừng ông cha ta, đau khổ những cái gì ông cha chúng

ta đã xót xa, đau khổ. Trong mối tình yêu đột khởi và mạnh mẽ với người con gái mà chúng ta gặp lần đầu, có phải chúng ta nối cái tình yêu dang dở của người khác, yêu với tất cả cái hăng-hái say-mê, cái đau-đớn bất-nguyện của cặp tình-nhân nào tự nghìn năm trước đã yêu nhau? Cũng một duyên-cớ thế trong những cảm-tình khác của tâm-hồn ta. Cuộc đi chẩy chùa Hương năm nào đã đem lại cho tôi một sự bầy tỏ lạ-lùng. Vốn sinh-trưởng ở chốn bùn lầy nước đọng, tôi chưa từng trông thấy rừng núi bao giờ. Vậy mà đến Hương-Tích lần đầu, tôi thấy không phải lần đầu trông thấy núi, mà lại có cảm-giác như được nhìn lại cảnh cũ, một cảnh đã quen thuộc từ lâu. Hình như có lần tôi đã lê gậy trúc của nhà ẩn dật trên sườn những núi đá kia, ngày ngày ngắm những đám mây trắng bay qua trước mặt; hay đã là một kẻ chán công danh, lui về chèo thuyền câu lên trong bờ lau sậy trên dòng suối. Hình như những cảnh của vùng non sông ấy, các màu sắc đổi thay của mây trời, vẻ lạnh-lẽo của sương chiều giải ở chân núi, cho đến tiếng thì-thầm của hốc đá, rừng cây, tất cả đều đã ghi trong trí tôi tự bao giờ và không bao giờ phai-nhạt được.

- Đấy là về cảnh và tình. Cho đến những đau khổ, vui-sướng khác của người, chúng ta cũng cảm-giác như thế. Lòng ghét giận của người bị tình phụ, tình yêu tha-thiết của cha đối với con, cái chán-nản của người tuyệt-vọng, chúng ta không cần trải qua cũng hiểu thấu được, có khi hơn ngay người đương chủ-động. Trong tâm-hồn chúng ta, bao nhiêu là mầm giống của các tình-cảm phức-tạp của loài người, không, của những người cùng giống với ta. Tất cả những cái hương-hỏa bí-mật và tiềm-tàng đó là gì nếu không phải là cái mà người ta gọi là thiên-năng, là thiên-tài riêng của một nước mà người nghệ-sĩ được hưởng ? Tâm-hồn người nghệ-sĩ là sự chung đúc của bao nhiêu tâm-hồn người trước, đúc bằng bao nhiêu nước mắt, nụ cười đã rỏ và nở từ mấy nghìn năm trước trở về đây. Tâm-hồn nghệ-sĩ, bởi vậy, là một tâm-hồn rất phức-tạp, rất phong-phú, vì đủ hết các màu sắc và mầm non của tất cả những tình-cảm của người. Nghệ-sĩ vừa có tâm-hồn của người lành, người ác, tâm-hồn của người quân-tử và kẻ tiểu-nhân, tâm-hồn ông Thánh cho đến tâm-hồn của kẻ trộm cắp, giết người... không có cái nào mạnh đến thắng đoạt cả cái khác, nhưng tất cả các tâm-hồn khác nhau ấy hòa-hợp, sôi séo lấy nhau để tạo nên lòng say-sưa cái Tuyệt-Mỹ, Tuyệt-Thiện, lòng ham-mê sự sáng-tác khiến nghệ-sĩ ngang hàng cả với trời. Phần đông chúng ta thường có quan-niệm sai-lầm về tâm-hồn người nghệ-sĩ: tưởng rằng nghệ-sĩ phải là một người có tâm hồn trong sạch và cao-thượng và chỉ có thế thôi. Nếu chỉ có hai tính cách đó, có lẽ người ấy sẽ trở nên một người hiền lành, hay một người quân-tử, nhưng không bao giờ một nghệ-sĩ. Mà người quân-tử thì chúng ta biết, hoặc giảng dạy luân-lý, hoặc đem mình ra làm gương: không bao giờ sản-xuất được tác-phẩm nghệ-thuật cả.

Người ta sinh ra là nghệ-sĩ hay không, chứ không có thể học tập mà thành được. Muốn cố sức tìm hiểu thế nào cũng không bằng cái "**trực-giác**" nhiệm-mầu của tâm-hồn nghệ-sĩ. Tả cảnh tre trước gió cũng ngần ấy nét, ngần ấy chữ, những sự cảm-giác rộng rãi trong không gian và thời gian của người nghệ-sĩ chân chính khiến nét họa có linh-hồn, có vang động ra xa, khác hẳn với người chỉ biết tả cái gì mắt nhìn trông thấy mà thôi. Một cử chỉ gạt thầm giọt lệ của người đau khổ, kẻ quan-sát thường chỉ biết đấy là một cử chỉ đơn sơ, nhưng nghệ-sĩ, vì cũng đau đớn cái đau đớn của người trước mắt, khiến cử chỉ ấy có một ý nghĩa sâu sắc và đầy đủ hoàn-toàn, và làm chúng ta cảm được sự đau đớn ấy.

- Có hai lối quan-sát, một lối **quan-sát bề ngoài**, và một lối **quan-sát bề trong**. Trông bề ngoài thì chỉ thấy được cái trạng-thái sự vật của một cảnh-tượng: một hành-vi chỉ là một hành vi, chứ không có cái ánh sáng bên trong đem ra soi tỏ, giảng giải và làm thành rộng-rãi. Phái tả chân có cái xa vọng đạt tới nghệ-thuật bằng cách chỉ diễn-tả cái gì trông thấy. Nhưng nếu họ đạt được mục-đích ấy, bằng cách ngăn cấm sự thông hiểu trực-giác, thì họ chỉ tạo nên được những nhân-vật máy, cử chỉ từng khớp mà thôi. Họ sẽ tạo nên những tác-phẩm khôi-hài, chứ không cảm động. Người ta có thể tập nghe cho tinh tường, tập trông cho chu-đáo, nhưng không có con mắt của linh-hồn thì không bao giờ soi thấu được cái bí-mật của tâm-lý. Các nghệ-sĩ là những người không có một cái khoa-học nhân-tạo nào có thể gây thành được. Họ vẫn là những sản-xuất của bao nhiêu thế-hệ, theo một cách thức chung đúc huyền-bí và không có luật-lệ; họ là những cái sinh-sản bất ngờ, những cái đột-nhiên kỳ-dị và ghê gớm, của vũ-trụ. Nhân-vật ra ngoài khuôn-khổ thường, các nghệ-sĩ chân chính bao giờ cũng rất hiếm. Tìm được đích đáng, và tìm được nhiều, đó là danh-dự của cả một thời, cả một dân-tộc./.

Để tưởng nhớ những người thân đã lìa đời nhưng bóng họ vẫn còn phủ lên phần đất này của quê hương.

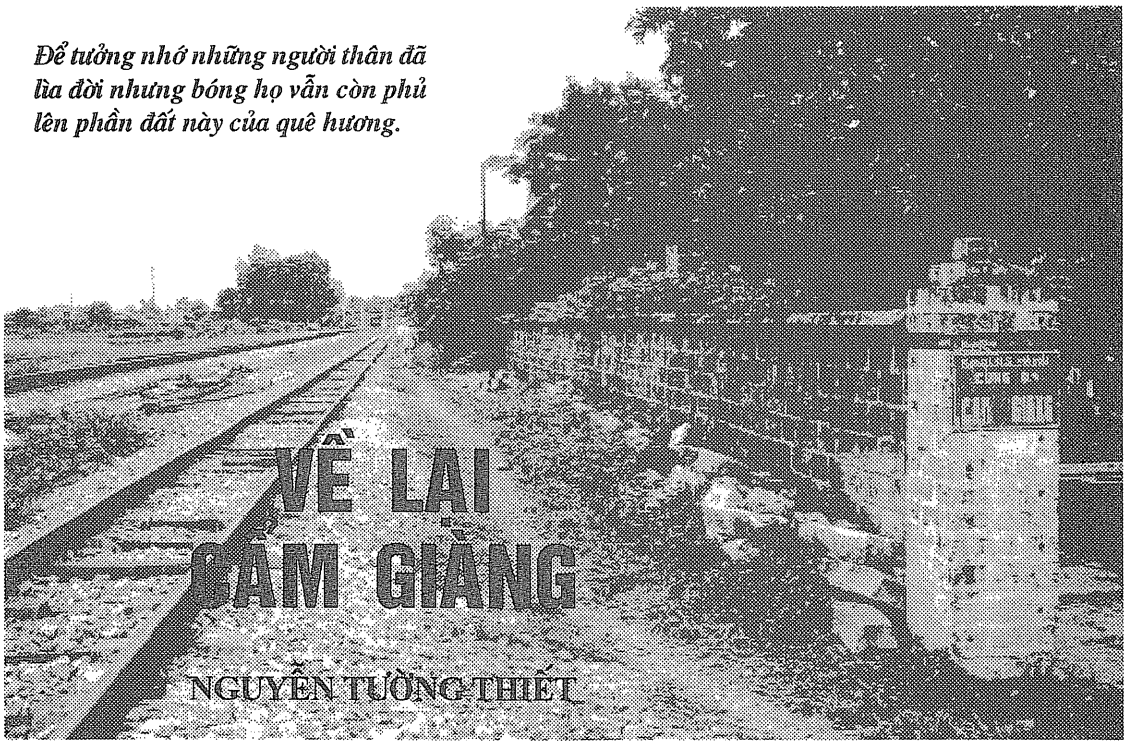

VỀ LẠI CẨM GIÀNG

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Trại Cẩm Giàng, nơi tụ họp đông đủ của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và thân hữu, cũng là bối cảnh cho nhiều cuốn tiểu thuyết nổi danh, xưa kia nằm ở vị trí cuối bờ tường của bức ảnh này.

Trong ký ức xa thẳm nhất của tôi có in căn nhà Yên Phụ ven Hồ Tây. Một căn nhà tranh. Nơi chú Sáu tôi đã sống đã viết và đã chết ở đó. Khi tôi bắt đầu đến ở thì chú tôi đã qua đời trước đó mấy năm và căn nhà được xây lại bằng gạch. Tôi còn nhỏ quá, nhỏ tới độ bây giờ cố nhớ lại tôi chỉ thấy mơ hồ như hình ảnh một căn nhà trong giấc mộng. Tuy thế, lạ lùng thay một vài chi tiết thuộc căn nhà lại làm tôi nhớ và nhớ rõ nét như thể chúng đã được khắc sâu một cách đặc biệt vào tuổi thơ tôi. Chẳng hạn như hình ảnh cái bụi tre ở sát cổng vào lúc nào cũng ngả nghiêng theo gió. Chẳng hạn như những nhánh liễu bay phủ lòa xòa xuống bờ nước. Chính vì thế mà khi đọc áng văn sau đây của chú tôi, áng văn có tựa đề "câu chuyện bên gốc liễu": Cành lá tre này cũng như những cành lá tre khác, không có gì đặc biệt. Nhưng tôi không bao giờ nhìn ngắm một cành tre mà không thấy nổi lên trong lòng những ý nghĩ và cảm giác lúc nào cũng giống nhau. Khi thấy các lá tre thổi vút một chiều, tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn... (Theo giòng - Thạch Lam), tôi không những có thể hình dung lúc đó chú tôi đã ngồi ở đâu trong căn nhà ấy mà tôi còn mường tượng chú tôi đã cảm nhận được những gì vây bủa quanh ông.

Một sáng nào của năm 1942 từ trên giường bệnh chú Sáu tôi mệt nhọc lết đi mở cánh cửa trúc trông ra Hồ Tây và khám phá một nhánh liễu đã bị ai chặt mất, nhánh liễu trước kia vẫn phủ qua cánh cửa sổ ướp những tia nắng một vùng sáng xanh êm dịu, nhánh liễu thân quí của ông từ bao tháng nay để ông tiếp cận với thế giới bên ngoài. "Sáng hôm sau sang thăm, thấy hai mắt chú sáng trong. Tôi ngồi xuống cái ghế cạnh giường, nắm tay chú, bàn tay ấm và mềm. Chú bảo chị đẩy em lên cao một tí để em nhìn thấy cây liễu, chú phàn nàn anh người nhà đem chặt đi mất một cành liễu rủ xuống làm mất đẹp" (Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nguyễn Thị Thế).

Chú tôi đã thấy gì từ cái cửa trông ra Hồ Tây ấy? Chú hẳn phải thấy những cánh bèo trôi dật dờ theo sóng nước, những cánh bèo mà khi tôi ngồi viết những dòng này còn như đang rập rình trôi đi trong ký ức xa vợi của tôi, những cánh bèo bật lên hình ảnh con chuồn chuồn đỏ chót thân cong như quả ớt là xuống nhón đậu trên một cánh hoa bèo tím. Tôi chắc là chú phải nghe tiếng sóng vỗ ồm oạp của Hồ Tây đập vào hàng rào cọc tre ven hồ và "nghe" cả hoa nắng chạy loáng trên bờ tường cổng vào ở mé trái nơi bụi tre ngả

nghiêng theo gió, cái tiếng gió hiu hắt buồn bã lay động những nhánh liễu bay phủ lòa xòa. Tôi nghĩ là chú phải ngửi thấy dù rất nhẹ mùi hương của đầm sen thoảng qua trong gió, mùi hương sen như ướp vào tuổi thơ tôi mỗi lần thằng bé tập tễnh bước đi trên con đường làng Yên Phụ ở một khúc quanh, cái đầm sen nhỏ ở bên kia đường đối diện Tây hồ. Mặc dù không thấy ông trực tiếp tả ra trong bất cứ tác phẩm nào của ông nhưng tôi tin chắc rằng khi còn sống chú tôi đã từng nhìn, từng nghe, từng ngửi thấy những gì loang trong cái không gian bé nhỏ mà cảm nhận còn lưu giữ trong ký ức tôi ngày nay. Tôi tin chắc thế bởi vì với giác quan thiên phú bén nhậy hiếm có của ông, chú tôi không thể nào không bắt được những gì tôi đã cảm nhận nơi căn nhà ấy.

Không gian mà chúng tôi đã từng có chung, cảm nhận chung do không gian đó đem lại, buồn thay, cũng là cái giao tiếp thân thương duy nhất của tôi đối với một người chú đã sớm lìa đời. Khi chú mới ba mươi hai. Khi tôi mới hai tuổi đầu. Ngoài những điều đó ra tôi đến với chú Sáu của tôi như người xa lạ. Hệt như bạn đến với nhà văn Thạch Lam vậy.

Tây Hồ có danh sĩ
Nhà thì ở nhà tranh
Cửa trúc cài phiên gió
Trước thềm bóng liễu xanh...
(thơ Huyền Kiêu)

*

Không có cây liễu, không có cây bàng trong vườn sau nhà. Từ phòng trên ngồi đánh máy tôi trông thấy qua khung kính mùa thu rực rỡ miền Tây Bắc nước Mỹ qua hàng cây maple lưng chừng đồi. Ánh nắng trong vắt phía bên kia rọi chiếu mặt sau những chiếc lá phong làm ánh lên những mảng mầu vàng óng. *Trời muốn trở rét...* Qua câu nói đó của Trúc ông cụ đã thâm trầm cảm nhận cái tiết thu vương vương trong không gian Hà Nội. Còn tôi ở đây thì tôi chỉ trông thấy một mùa thu lồ lộ. Cái tiết thu ở đây bị cái máy sưởi ấm trong phòng làm cho chết khô rồi!

Tôi nhìn vào màn ảnh máy vi tính trước mặt. Màn ảnh cũng trống trơn như trang giấy trải trước mặt ông cụ khi ông khởi viết cuốn Đôi Bạn. Tôi dự tính viết về chú tôi. Chú Sáu. Thạch Lam. Tôi không biết làm sao khởi đầu. Tôi không biết gì về chú. Tôi không có một kỷ niệm nào với chú. Tôi không hình dung nổi ngay cả một khuôn mặt rõ ràng của chú. Nghĩ mãi sau cùng chỉ có một hình ảnh duy nhất gợi lên trong tôi về chú. Đó là cây liễu... Cây liễu ven hồ... Thế là tôi bắt đầu.

Tay tôi ngừng khựng. Bốn câu thơ của Huyền Kiêu chấm dứt Thạch Lam trong tôi. Tôi không thể đánh máy tiếp. Óc tôi như thể không truyền xuống được đến đầu ngón tay. Tôi ngồi đó, rỗng không, đến nửa giờ. Phân vân tôi không biết trong trường hợp này ông cụ xử trí sao nhỉ?

À, trong Đôi Bạn! "Tôi bật đèn điện. Lúc ngồi vào bàn, giở sách và cầm đến bút, tôi thấy một sự yên lặng như tràn vào óc tôi; hai trang giấy đối với tôi lúc đó sao trắng thế, trắng một cách ngao ngán. Để qua khỏi cái phút trống rỗng không tránh được lúc bắt đầu viết, theo thói quen tôi viết liều một câu, bất cứ câu gì vụt hiện ra trong trí:

- *Trời muốn trở rét...*"

Thì ra ông cụ cũng bí như tôi. Chắc lúc đó ông cụ đang ngồi cắn bút. Còn tôi có bút đâu mà cắn! Tôi đọc tiếp:

Gió lên... gió nữa lên!

Tiếng nói của đứa bé ở dưới đường đã cứu ông cụ qua ngõ bí. Ông cụ tắt đèn trong phòng nhìn xuống ngã tư Quán Thánh - Hàng Bún và sau đó là áng văn bất hủ Nhặt Lá Bàng đi vào hậu thế.

Không có đứa bé, không có cây bàng trong vườn sau nhà. Tôi đứng lên ra đứng sát cửa kính nhìn xuống vườn sau, hai tay ôm cái cốc giấy có in cái vòng tròn xanh lá mạ Starbucks Coffee còn tỏa hơi nóng trong lòng bàn tay. *Ngọc hai tay ôm lấy cốc cà-phê cho ấm đứng tựa cửa sổ nhìn xuống. Trời lạnh nhưng ở dưới vườn Thanh đã cởi chiếc áo len chỉ mặc có chiếc áo cánh. Nàng sắn tay áo để lộ hai bắp tay trắng rồi cúi xuống cố sức kéo dây cho thùng xuống giếng lấy nước đổ vô chiếc chậu giặt quần áo. Giặt xong, Thanh mím môi, lấy hai tay cố sức vắt áo thật kỹ rồi rũ và đem phơi lên chỗ giây thép có nắng. Dây thép ở gần chỗ buộc nên hơi cao, nàng phải kiễng chân mới với tới. Bỗng nàng ngửng lên nhìn thấy Ngọc đứng ở cửa sổ, cốc cà-phê cầm tay...* Tôi mỉm cười với nàng, cốc cà-phê Starbucks trên tay. Và Thanh cũng mỉm cười đáp lại. Rồi cô tan mất trong nháy mắt. Cũng lẹ làng như khi cô bất thần xuất hiện. Nhân vật nữ sắc sảo ấy gần đây trở nên rất gần gũi với tôi, sau khi tôi đã bỏ ra ba tháng trời suốt mùa hạ vừa qua để đánh máy toàn bộ bản thảo cuốn truyện dài Giòng Sông Thanh Thủy của ông cụ. Kể từ đó như bóng với hình cô đi theo tôi trên khắp lối đi, thậm chí còn theo tôi vào quán cà-

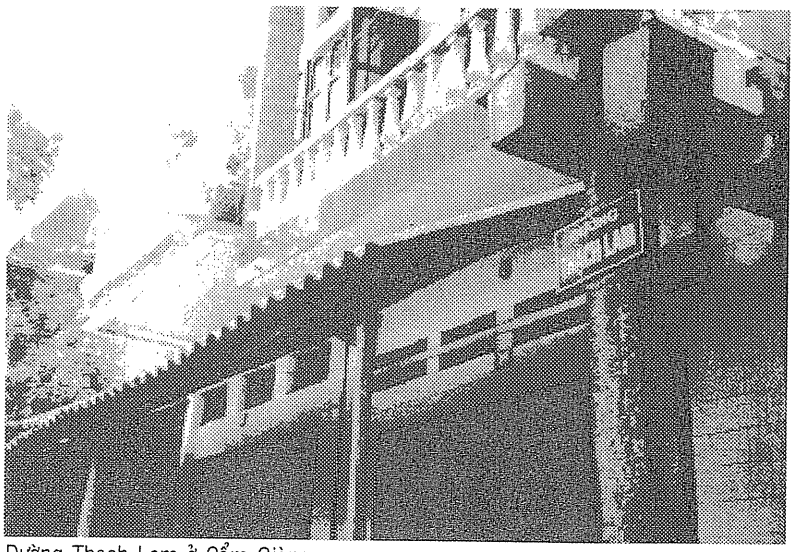

Đường Thạch Lam ở Cẩm Giàng

phê Starbucks ở Green Lake gần nhà tôi để so sánh với cà-phê cô pha 60 năm trước ở thành phố Mông-Tự.

Dưới vườn, nắng vạt chéo vách đá sau nhà tôi, những khối đá tảng đè chồng nhau nơi những giây lá Ivy từ cao rủ xuống thả ngang chừng bao phủ nửa phần trên vách đá. Ngay chỗ *dây thép gần chỗ buộc hơi cao nàng phải kiễng chân mới với tới* nắng đổ trên cây Japanese maple trong vườn những nhánh lá nhỏ dài chĩa ra đỏ tươi như những tia máu. Và ngay chỗ *giếng nước* cái cầu gỗ Nhật Bản xinh xinh sơn màu đỏ tươi nối với vách đá qua một lối mòn trải sỏi. Khu vườn sau nhà tôi là tập hợp của những hòn đá lớn bé đủ hình sắc. Vợ chồng tôi đã tạo sau vườn nhà một rock garden kiểu Nhật Bản. Từ mấy năm nay mỗi lần đi chơi tôi đã tha về một hai hòn đá lấy từ các bãi biển các bờ suối những hòn đá tròn có vân và màu lạ mắt.

Ở giữa vườn dưới bóng cây cherry trên cái bệ tròn xi-măng là vòi nước róc rách, trên bệ để mấy chục hòn đá hòn sỏi tôi lựa riêng vì chúng có những đường vân và màu sắc lạ lùng nhất. Bỗng tôi chú ý nhìn kỹ. Trên bệ lẫn lộn trong đám đá sỏi đẹp đẽ và tròn trịa kia có ba hòn đá nhỏ trông rất tầm thường, ba hòn màu lam sắc cạnh tôi đã đặt ở đó mấy năm trước.

Ba hòn đá xanh. Ba hòn đá xanh trên con đường sắt. Thọ bỏ chiếc điện thoại vào túi rồi nói: "Các cô chú đợi chừng mười phút thôi là có xe đưa cô chú đến Quán Gỏi, cách đây bẩy cây số. Xe hàng về Hà Nội thì chạy suốt đêm cô chú không sợ lỡ chuyến." Năm chúng tôi ngồi sau năm chiếc xe ôm, xe chạy chồm chồm trên con đường đất. Song song cách một cây số về phía tay phải là đường tàu hỏa Hà Nội - Hải Phòng. Đến ngã tư cây bàng chỗ chúng tôi nghỉ ăn trưa, thấy xe anh Ba dẫn đầu cứ chạy thẳng chứ không đi về hướng Cẩm Giàng, tôi bấm vai nói với chú lái xe rẽ tay phải đi về phía đường sắt. Ở chỗ con đường đất băng ngang đường rầy, tôi bảo chú lái xe ngừng, chờ tôi mấy phút. Theo đường ray tôi chạy vội đến trước nhà thóc, lựa một hòn đá xanh to nhất sát gần thanh tà vẹt, bỏ túi. Nghĩ sao tôi lại nhặt thêm hai hòn nữa rồi tôi chạy vội vàng đến chỗ xe máy. Chú lái xe rồ máy chạy vọt đuổi theo bốn chiếc xe phía trước lúc đó đã mất hút khỏi cánh đồng lúa.

Tôi trở lại bàn vi tính. Ngón tay tôi lua đi trên phím chữ. Tôi bắt đầu Về Lại Cẩm Giàng.

*

Vào những năm đầu của thiên kỷ mới, tôi có dịp trở về miền đất cũ, tìm lại thế giới tôi đã sống những ngày ấu thơ, tìm về không gian những người cật ruột của tôi - trong số có chú Sáu - mà cuộc đời cũng như tên tuổi đã vĩnh viễn đi vào lịch sử của văn học. Hôm nay tôi sẽ dẫn bạn cùng với chúng tôi leo lên một chuyến tàu hỏa về thăm lại một vùng đất xưa đã từng nuôi dưỡng ba nhân vật trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn, đã hun đúc nên tinh thần của gia đình Nguyễn Tường.

Với tôi cái không gian ấy tuy bé nhỏ về diện tích nhưng bao la về tâm hồn: Huyện (bây giờ là thị trấn) Cẩm Giàng. Nằm trên con đường sắt Hà Nội - Hải Phòng. Thuộc tỉnh Hải Dương.

Tiếng rao hàng ồn lên ở trước cổng nhà ga Hà Nội. Mới sáng mà trời đã oi bức. *Nước đây! Ai nước nào!* Lẫn trong tạp âm lao xao có tiếng chiếc xích lô hãm gấp, tiếng còi ô-tô tin tin. *Bánh chưng bánh dầy nóng đây!* Tiếng sao là lạ. Không phải cái giọng rao hàng của Hà Nội một thời tôi biết. Nóng đây hay nỏng đây? *Bánh dầy nỏng đây!* Cái giọng pha nửa sắc nửa hỏi, nửa bắc nửa trung, nghe lợ thế nào ấy. Máy phóng thanh từ trong ga nghe như hụt đi tiếng được tiếng không. *Hành*

khách đi tuyến... Lào Kay... Hải Phòng... Cạnh cái cổng sắt đóng chặt, cái cửa hông mở. Đám đông đứng tản trên đường Lê Duẩn nối đuôi dồn trước cửa vào.

Chúng tôi năm người. Anh chị tôi và tôi là Việt kiều. Hai người kia là dân địa phương, một cô em họ và một người bạn của anh tôi. Mục đích của chuyến về Cẩm Giàng lần này là để tìm mộ ông nội chúng tôi. Rút kinh nghiệm chuyến đi tìm mộ thất bại lần trước, chúng tôi không thuê xe hơi đi Cẩm Giàng tìm mộ theo lối "cưỡi ngựa xem hoa," mà đi tàu hỏa. Xuống ga Cẩm Giàng chúng tôi có cả một ngày cuốc bộ để tìm, buổi chiều sẽ đón chuyến tàu Hải Phòng - Hà Nội về lại.

Đám hành khách dồn cục trước cổng. Tôi đặt ba-lô xuống đất, nhìn lên dãy nhà cao từng phía bên kia đường. Ở ngay góc đường Lê Duẩn - Trần Hưng Đạo trên từng cao chót những tấm biển quảng cáo to lớn đập mắt. Bột Giặt. Thuốc Đánh Răng. Kem Bôi Mặt. Các cô gái cười như hoa nở. Cô nào trông cũng trẻ trung cũng cao cấp cũng chất lượng như các mỹ từ các cô ban phát cho món hàng cầm tay.

Theo đám hành khách chúng tôi băng nhiều con đường sắt vòng qua những toa tàu cũ kỹ tới một khoảng nền xi măng trông cũng hoang tàn như các toa tàu. Trên những mảng xi-măng mẻ nứt đám cỏ dại mọc lơ ngơ. Ga Hàng Cỏ! Cái tên ga cũ nghe buồn vắng xao xác. Gợi nhớ những chuyến tàu Cẩm Giàng - Hà Nội của một thuở nào xa vời vợi. Bảy chục năm xưa? Tám chục năm xưa? Những chuyến tàu thả trên nền đất này dấu chân bẩy người ruột thịt của tôi mà có đến ba tôi chẳng hề biết mặt. Bác Thụy, bác Cẩm, bố tôi, chú Long, cô Thế, chú Vinh, chú Bách... thụy cẩm tam long vinh bách thế (Ba con rồng gấm đẹp vinh hiển muôn đời)... Những cái tên những dấu chân tiền định.

Chúng tôi lên toa hạng nhất một con tàu trông tươm tất hơn những toa tàu cũ kỹ chúng tôi vừa đi qua. Trên hành lang hẹp chúng tôi vào buồng nhỏ có ghế nệm da đối mặt nhau. Thủy, người em họ chúng tôi, để cái giỏ tay lên ghế, nói:

- Các anh ở nước ngoài về chỉ vung tiền! Ngồi ghế gỗ toa hạng ba cũng được mà vé rẻ đến hơn nửa. Đi có bốn năm chục cây số chứ có xa xôi gì... Vẽ!

Anh Ba, bạn của anh Việt tôi, trả lời:

- Thôi cô ơi! Không phải vấn đề ngồi đau đít hay không đau đít. Toa hạng ba đông lắm, sợ không có chỗ mà ngồi nữa chứ!

Tôi nhìn đồng hồ tay. Con tàu còn 10 phút nữa mới chạy. Không khí trong toa kín cứ hầm lên thôi. Tôi ra ngoài hành lang tìm chút thoáng khoát. Qua dãy cửa sổ dọc hành lang tôi có thể thấy những tấm biển quảng cáo trên đỉnh những cao ốc nhô khỏi hàng cây. Nhìn xuống dưới là những tuyến đường sắt chằng chịt. Bỗng tôi thấy hoa mắt và tối xầm lại. Người hụt hẫng. Cái hành lang xiêu đi.. Con tầu vụt chạy thụt lùi. Vùn vụt. Rồi con tàu đứng yên tắp. Những cửa sổ sáng hẳn. *Tu tu...* Một hồi còi rúc lên cùng lúc cái đuôi của con tàu khác vừa chạy vụt qua khung cửa. Tôi có cảm giác là cái chuyển động của con tàu này vừa được nối sang con tàu ngoài kia đang thở phì một làn khói đen và rúc lên hồi còi như mừng rỡ đã về đến bến sau một chặng đường dài nhọc nhằn.

Rồi con tàu bỗng rùng mình. Tấm quảng cáo ở xa lắc nhẹ rồi từ từ chậm rãi xoay qua ngọn cây. Tôi trở vào buồng. Con tàu vừa ra khỏi nhà ga đã như đâm ngay vào ruột của Hà Nội. Từ tầm cao qua lưới sắt cửa sổ tôi nhìn xuống lòng phố cổ. Đời sống riêng tư của từng gia đình lần lượt vụt qua... Mái ngói rêu... Khoang vườn nhỏ... Cô gái ngừng tay phơi áo ngước mắt nhìn lên... Bà cụ

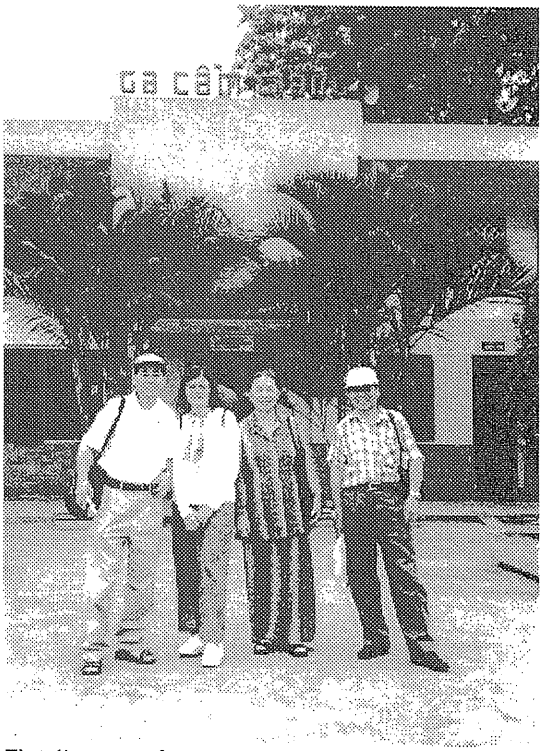

Từ trái sang phải: anh Việt, chị Thoa, Thủy và anh Ba chụp trước nhà ga Cẩm Giàng

khăn mỏ quạ lúi cúi thổi nồi cơm sáng... Bày gà kinh động nhẩy từng tao tác trên sân gạch... Bên chum nước người đàn ông chụp chiếc gáo lên đầu... Những đứa bé giơ tay vẫy vẫy... Rồi hồi còi rúc lên, con tàu đi vào khoảng trống. Sau tấm cảng ngăn những chiếc xe máy nối đuôi dồn cục rồ máy phun khói um một khúc phố. Trện những chiếc xe đầu sát đường rầy những cô thiếu nữ Hà Nội với khăn vải băng kín khuôn mặt chắc là xinh đẹp chỉ chừa đôi mắt nhẫn nại nhìn đoàn tàu dài thượt đi qua.

Nhà cửa cây cối tụt dần sau khung cửa. Con tàu đi trên đường cao. Rồi tiếng rung chuyển loàng xoàng của xe hỏa nghiến trên cầu sắt. Có tiếng anh Việt: "Cầu Paul Doumer!" vừa nói anh Việt vừa đưa máy video ra ngoài nhưng lưới sắt khung cửa cản tầm hoạt động của máy quay phim. Bực mình anh xách video ra ngoài hành lang. Tôi chộp máy ảnh chạy vội theo anh. Cuối toa chúng tôi mở cửa bước ra ngoài khoảng trống chỗ nối hai toa tiếp giáp nhau.

Một con phố chính Cẩm Giàng

Âm thanh vỡ òa. Tiếng loàng xoàng loảng xoảng chói tai. Mùi khói than khét lẹt. Từng đợt nhấp nhô những vòng thép cong đồ sộ của thành cầu Long Biên vùn vụt chạy qua sát cận tàu. Hai bên là lối đi dành cho người đi bộ và xe đạp. Những người gồng gánh. Những chiếc xe thồ chở bầy gà trong giỏ nan. Ở tít xa mé phải cuối tầm mắt xe ô-tô xe hàng xe cam-nhông nối đuôi trên cây cầu mới Chương Dương đúc xi-măng thẳng bằng. Tôi nhìn xuống dưới chân cầu. Dòng sông đỏ cuồn cuộn. Tiếng nghiến loảng xoảng của con tàu nghe như vang vọng tiếng đâm chém của binh đao. *Nhị Hà còn kia! Nhị Hà còn đó! Lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông...* (Thăng Long Hành Khúc - Văn Cao).

Nổi lên trong tôi từ cõi xa xăm một buổi chiều vàng năm mươi năm cũ. Từ một đụn cát cao ở mé sông gần cột đồng hồ - gần vị trí chân cầu Chương Dương ngày nay - đứa bé nhìn về cầu Long Biên phía mãi tít xa bắc ngang một dải cù lao trồng ngô xanh ngát. Bãi Phúc Xá! Trong ráng chiều những nhịp cầu ánh lên màu thép biếc uốn lượn trên bãi ngô ngát xanh mênh mông. Hình ảnh ấy rực trong tuổi thơ tôi một vẻ đẹp hoang tưởng. *Hồng Hà... Mênh mông... Trôi cát... tới chân làng quê... Cuối sông ngoài bến Việt Trì có những chàng áo nâu về say sưa đời chiến vui tràn trề...* (Tiếng Hát Sông Thao - Đỗ Nhuận).

Cùng với con tầu rùng rình đi ra khỏi cầu, cánh đồng ngô trong tâm tưởng của tôi vụt mất. Ở một khúc đường cong tôi ngoái chụp bức ảnh cầu Long Biên trước khi cầu mất dạng. Không thấy anh Việt đâu tôi tính trở về buồng thì anh Ba mở cửa bước ra.

- Tàu sắp đỗ ở ga Gia Lâm. Anh đi xuống toa hạng ba. Chú muốn xem sinh hoạt của tàu đi theo anh.

Tôi theo anh Ba lần xuống cuối tàu. Toa hạng nhì có buồng riêng nhưng ghế gỗ. Hạng ba cả toa tàu thông thống với ghế gỗ dài hai bên thành tàu, dọc theo dãy cửa sổ. Đúng như anh Ba nói, toa hạng ba rất đông hành khách.

Gia Lâm! Cái tên gợi nhớ một phi trường cũ của Hà Nội hơn là tên một huyện như ghi trên bản đồ. Từ tàu hỏa nhìn về phía cầu Chương Dương tôi thấy Gia Lâm như cánh tay vươn của Hà Nội về phía tả ngạn sông Hồng với những

căn nhà gạch nhiều từng mới xây cất. Hành khách đổ lên tàu. Tôi và anh Ba đứng vịn lan can ở khoảng trống giữa hai toa. Anh Ba nói:

- Đây là tàu nhanh. Phần lớn khách tàu nhanh đi Hải Phòng. Tàu chỉ đỗ các ga chính ga Gia Lâm, Cẩm Giàng, Hải Dương... Ngoài tàu nhanh còn tàu chợ. Tàu chợ đỗ thêm ở các ga nhỏ Phú Thị, Tuấn Nghĩa, Lạc Đạo trước khi đến ga Cẩm Giàng. Trông người ta gồng gánh lên tàu vui đáo để. Phải đi tàu chợ mới thấy được cái cảnh các cụ ta ngày xưa đi tàu hỏa. Nhưng đi tàu chợ tốn thì giờ lắm.

Tôi hỏi anh Ba:

- Cẩm Giàng cách Hà Nội bao xa?

- Bốn mươi ki-lô-mét tính theo đường sắt. Đường ô-tô thì 46 cây. Đường bộ theo quốc lộ 5 đi Hải Phòng, đến ngã tư Quán Gỏi thì rẽ trái đi thêm 6 ki-lô-mét nữa.

- Có bốn mươi cây số thôi à? Thế mà em cứ tưởng là xa lắm!

Tôi mỉm cười. Con tàu của chú tôi chỉ vượt chưa đầy 30 miles còn gần hơn khoảng cách từ Santa Ana đến Los Angeles thế mà nghe tả trong truyện thì cứ như đi sang một thế giới khác.

Tám mươi năm trước nơi ga xép huyện Cẩm Giàng ngập đầy bóng tối cô Năm và chú Sáu tôi hồi đó còn bé đêm đêm phải trông một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu. Hai chị em ngồi trên cái chõng nan chong mắt đợi chuyến tàu đêm cuối cùng từ Hà Nội về. Bà nội tôi dặn phải thức đến khi tàu xuống để bán hàng, may ra còn có thêm một vài người mua. Tiếng còi rít lên. Đoàn tàu rầm rộ đi tới. "Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hàng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đóm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre (...) Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tý và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng" (Hai Đứa Trẻ - Thạch Lam).

Những căn nhà gạch thưa đi khi con tàu chạy xa dần khỏi địa phận Gia Lâm vào vùng đất quê của chú tôi. Lẫn trong mùi khói than đã có thoảng mùi lúa chín. Sát bên đường rầy những căn nhà thấp mái ngói rêu cũ, những đụn rơm, bờ tre, ao bèo và ở đằng sau cánh đồng lúa vàng rực mở ra. Tôi nhìn xuống đường sắt chỗ hai tấm thép cong ở các đầu toa tiếp giáp nhau chốc chốc lại chạm xoẹt, tóe tia lửa xanh. Đường rầy đá xanh loáng loáng vụt vụt. Người tôi như du đi trong tiếng động miên man của con tàu. *Lình xình... Loàng xoàng...* Ở một lúc nào đó tiếng lình xình, loàng

TRẦN MỘNG TÚ

Chưa Bao Giờ

Em chưa hề nghe viên kim cương khóc
Dù nó trông như một hạt lệ

Em chưa bao giờ nghe tiếng cười của một đóa hoa
Dù là hoa của người yêu tặng một người yêu

Em chưa bao giờ bắt được một ngôi sao
Dù sao dầy đặc bầu trời và rơi bất cứ lúc nào

Em chưa bao giờ chạm tay vào được vừng trăng
Dù được người yêu hứa tặng cả trăm lần

Em chưa bao giờ đi được hết một giòng sông
Vì thuyền lúc nào cũng nôn nao cập bến

Em chưa bao giờ nhìn thấy một trái tim rớm máu
Dù nghe những người lạc mất tình yêu nói cả nghìn lần

Em chưa bao giờ chạy dưới một cầu vồng
Vì chân cầu vồng bao giờ cũng là nơi không đến được

Làm sao em có thể tin
Những giấc mộng sẽ biến thành sự thật.

5/04

xoàng đổi thành *Lạch cà... Lạch cạch... Lạch cà... Lạch cạch...* Rồi *Ầm ầm... ào ào...* Rồi *Loàng xoàng... Loảng xoảng...* Rồi lại dịu hẳn. *Lình xình... Lình xình...* Mùi lúa chín thoảng qua. Ngào ngạt hơn. Tôi ngửng lên. Tàu hỏa như đâm thẳng vào ruột một cánh đồng lúa bát ngát. Sát tàu tôi có thể nhìn rõ những bông lúa chín vàng chĩu nặng. Tôi mềm đi. Mùi lúa chín có ngái mùi khói than của con tàu. Mùi của quê hương Cẩm Giàng tôi một thuở nào xa vợi đột nhiên bừng dậy. "Các bạn ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ" (Một Thứ Quà Của Lúa Non: Cốm - Thạch Lam).

Một hồi còi vang. Tàu chậm lại qua một cái ga nhỏ nhưng không đỗ. Tiếng anh Ba:

- Đây là làng Phú Thị. Em xem làng này có gì đặc biệt không?

Tôi nhìn vào làng. Một làng xưa tiêu điều như mọi làng khác miền quê đất Bắc.

- Không có gì đặc biệt. Sao vậy anh?

- Cũng như mọi làng khác thôi. Nó nổi tiếng vì đó là quê của Cao Bá Quát.

- Vậy hả anh?

Yên lặng một hồi rồi anh Ba nói với tôi:

- Chú cứ ở đây nghe. Anh về buồng trước. Tàu sẽ đi qua hai xã Tuấn Nghĩa và Lạc Đạo trước khi ngừng ở Cẩm Giàng.

Anh Ba đi khỏi. Từ ở toa tàu trên có một cặp người ngoại quốc đẩy cửa bước ra. Một cặp tình nhân trẻ, tóc vàng mắt xanh. Cả hai mặc đồ short, màu ka-ki. Anh chàng đứng gần chỗ tôi, khum tay, dí đầu vào vách để châm điếu thuốc lá. Tôi nhìn ra ngoài. Con tàu đi ngang một nghĩa trang nằm giữa một vùng cỏ mông quạnh. Trên vuông đất có bờ tường thấp vây quanh quét màu vôi vàng hàng trăm ngôi mộ được xây ngay ngắn. Chính giữa một trụ cao với hàng chữ sơn đỏ: Nghĩa Trang Liệt Sĩ. Nghĩa trang này cùng mẫu với những nghĩa trang khác tôi đã thấy ở nhiều nẻo đường tôi đi qua trên đất Bắc. Cỏ xanh đã úa khô trên những nấm mộ từ một phần tư thế kỷ. Như một cơn mộng dữ đã xa mờ nó nhắc tôi một cuộc chiến tàn khốc đã đi qua. Một cuộc chiến mà bố và các chú tôi đã không sống để chứng kiến.

Bên cạnh tôi cô gái tóc vàng xõa theo gió một tay ôm ngang lưng thanh niên, tay kia gỡ điếu thuốc lá trên môi anh chàng đưa lên miệng mình hút. Hai người trao đổi dăm câu. Không phải tiếng Anh, tiếng Pháp. Tôi đoán họ đến từ nước Đức. Chắc là họ đi tàu hỏa đến Hải Phòng rồi sẽ theo đường thủy đi phà đến Vịnh Hạ Long. Người ngoại quốc đi về phía Hải Phòng chỉ có thể là để thăm cái Vịnh ấy được xem là một kỳ quan thế giới. Tôi nhìn đồng hồ tay, đoán già cũng sắp đến Cẩm Giàng. Rồi tôi mở cửa toa tàu đi lần về buồng.

Tàu hụ một hồi dài, dùng dằng vào ga. Tiếng hãm ken két. Rồi giựt mạnh, ngừng khựng. Phía trước, đánh "xèo" một cái đầu máy thở hắt như có ai vừa tạt nước vào một chảo mỡ nóng. Chúng tôi bước xuống sân ga Cẩm Giàng. Về phía đuôi xe lửa một đám đông hành khách bước lên tàu. Phía toa đầu năm chúng tôi là khách duy nhất bước xuống. Tôi đưa mắt nhìn sân ke rộng hoang vắng.

Chỗ này, non sáu mươi năm trước, ồn ào hỗn loạn. Tôi đã có từng có mặt. *Vú già bế thằng Thiết con anh Tam tôi nào có biết Cẩm Giàng là đâu!* Tôi sẽ vĩnh viễn chẳng thể nào biết được điều đó nếu hình ảnh tôi hồi còn bé không được lưu giữ trong ký ức của cô Năm. Đoạn văn sau đây tả chuyến tàu đi về đến Cẩm Giàng do cô thuật lại: "Trời càng lúc càng tối, đến ga nào cũng phải hò hét gào lên nếu không mọi người không biết để mà xuống. Đến ga Cẩm Giàng, tôi vội lo cho mấy đứa nhỏ xuống trước xong mới trở lên khuân đồ đạc. Vú già bế thằng Thiết con anh Tam tôi nào có biết Cẩm Giàng là đâu! Tôi vừa tìm vừa gọi mãi cũng chẳng thấy! Lúc tàu chạy mới trông thấy bà vú đứng bên kia đường. Hóa ra bà ấy vội đi tiểu nên mình gọi cũng chả thưa. Mà mình có gọi tên bà ấy đâu, toàn kêu tên cháu mình thì bà ấy không thưa là phải!" (Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nguyễn Thị Thế).

Ở phía trước anh Việt một tay cặp cái sack máy quay phim đeo vai, tay kia cầm máy, chạy vội vàng về phía cửa ga:

- Cứ đi tự nhiên nhé! Mình phải quay con tàu này trước khi nó chạy mất!

Từ xa máy video chĩa về phía xe lửa đang hừng hực thở làn khói trắng. Tôi nghe anh Việt nói to vào máy:

- Đây là cái tàu hỏa đưa chúng tôi về lại Cẩm Giàng. Hôm nay là ngày... ngày gì nhỉ?... Ngày mồng Hai tháng Năm năm Hai Ngàn Lẻ Một... Phái đoàn chúng tôi năm người. Người quay phim là tôi, Việt. Có em tôi là Thoa, Thiết. Có thêm cô Thủy, con cậu mợ Tín và anh Vũ Xuân Ba. Hôm nay chúng tôi về lại quê cũ Cẩm Giàng để... Kìa,

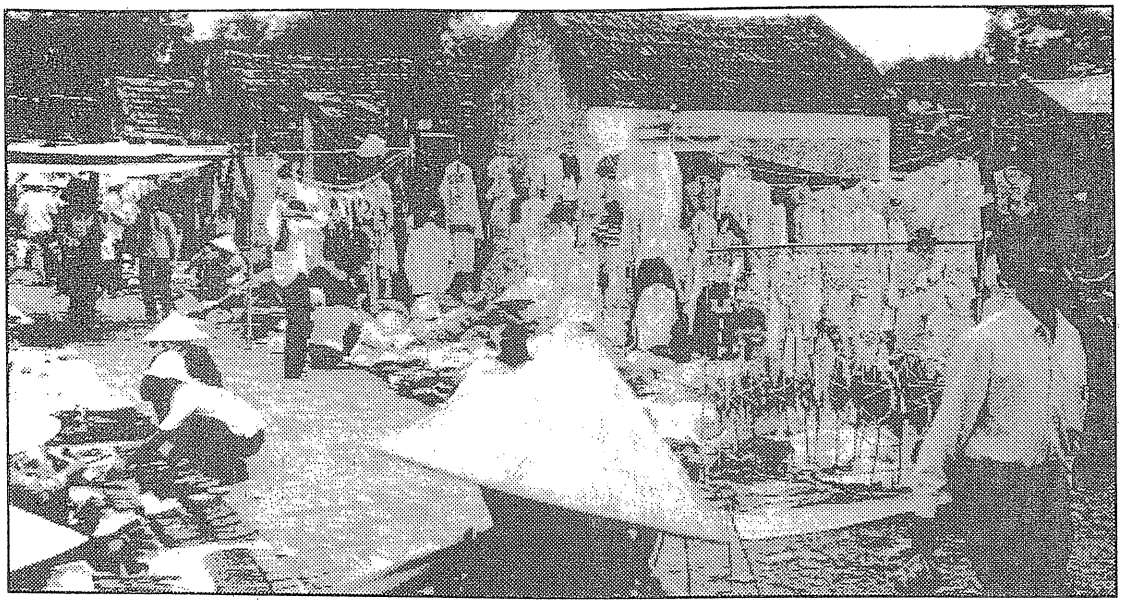

Chợ Cẩm Giàng ngày nay

sao hai cô lại đứng ỳ ra thế kia! Tôi quay phim chứ có chụp ảnh đâu! Cứ đi tự nhiên đi chứ! Đừng có nhìn chằm chằm vào máy... để... để... thưa ông Nội, xin ông Nội linh thiêng phù hộ độ trì! Chúng cháu có lòng thành lặn lội từ ở bên Mỹ bên Pháp về, xin Ông phù hộ giúp chúng cháu tìm được mộ của Ông.

Vâng. Chúng tôi cần một lời khấn. Không có một trợ giúp linh thiêng làm sao có thể tìm được một ngôi mộ không có bia đã 82 năm cũ mà vị trí được mô tả mơ hồ gần như hoang tưởng trong trí nhớ của cô tôi: "Thầy địa lý ngày nào cũng vác địa bàn bọc trong khăn đỏ đi hết cánh đồng này đến cánh đồng khác, mãi đến một tháng mới tìm được một ngôi đất mà theo thầy địa lý là sẽ để mộ vào giữa miệng con rồng kia đấy. Theo con mắt của tôi thì chỉ thấy đẹp ở ba cái ao lớn, mỗi ao lại có cồn cây cối um tùm, có nhiều hoa tầm xuân mà tôi vẫn thích xưa nay. Còn hình con rồng thì tôi chẳng thấy giống con rồng ở điểm nào cả." (Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nguyễn Thị Thế).

Tôi lấy máy chụp bốn người, anh Việt, chị Thoa, Thủy và anh Ba đứng trước ga, thu lấy chữ Ga Cẩm Giàng màu sơn đỏ vào trong khung ảnh. Anh Việt chạy vào trong ga, lát sau anh trở ra:

- Chuyến tàu chót về Hà Nội là 5 giờ kém 15. Nhớ nghe!

Chúng tôi ra khỏi ga bước vào một con phố nhỏ hai bên có bóng mát lá bàng. Qua một ngã tư là con đường lớn hơn chạy song song với đường sắt. Theo sơ đồ vẽ Xóm Cầu Mới của bố tôi thì con đường này xưa kia là phố Phủ. Hai bên phố trên một dãy nhà gạch một từng cũ kỹ có nhiều hàng quán. Giữa đường xe đạp, xe máy. Tôi không thấy có ô-tô nhà chạy. Thỉnh thoảng có vài xe hàng. Một chiếc xe thồ chở bầy lợn đi qua rủng rỉnh. Những con lợn thò cái mũi hồng hồng bóng nhẫy ra ngoài lồng hít hít. Một chiếc xe cam-nhông màu xanh ve cũ kỹ kiểu Liên Sô xịch xịch chạy qua. Tôi chụp bức ảnh con phố với tấm bảng xanh dương đề chữ Thị trấn Cẩm Giàng.

Trong lúc tôi đang ngắm phố và chụp ảnh, Thủy và chị Thoa dừng lại ngó vào mấy cửa hàng. Trước hè ở hai bên cánh cửa một tiệm tạp hóa có căng mấy cái áo len bầy bán. Phía trong tối tối, trông không sáng sủa gì hơn cửa hàng tạp hoá của ông Ninh Ký trong Xóm Cầu Mới. Tôi nhìn quanh không thấy anh Ba và anh Việt đâu. Lát sau ở một quãng nơi góc đường tôi thấy anh Ba chặn một bà già hỏi chuyện. Bà già so với bác Lê gái cũng không tươm tất hơn mấy. Cũng chiếc khăn mỏ quạ, cũng cái áo cánh trắng bạc thếch. Hai người đứng nói chuyện một chặp rồi bà già chỉ tay về hướng tôi đứng. Tôi bước lại phía anh Ba thì có tiếng cười trong trẻo của một cô gái. Lại có cả tiếng nói anh Việt. Hóa ra anh đang trong quán nước. Anh Việt hơn tôi gần mười tuổi nhưng trông anh trẻ lắm, tính cũng trẻ trung. Về Việt Nam gặp cô hàng nào xinh xinh là anh táp vào hỏi chuyện liền tự nhiên như không. Tôi nghĩ bụng anh đi tìm mộ cụ chôn đã trên 80 năm mà cứ nhè hỏi mấy cô trẻ trẻ thì anh có khấn vái cũng vô ích, còn khuya mới tìm ra mộ!

(Còn tiếp)

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của anh chị **Bác sĩ Đặng Phú Ân**
báo tin lễ thành hôn cho trưởng nam

ĐẶNG PHÚ CƯỜNG

đẹp duyên cùng cô

BÀNH NHẬT ANH-CHI

vào ngày 3 tháng 7 năm 2004, tại Saint Laurent, Quebec, Canada.
Thân ái chúc mừng anh chị Đặng Phú Ân
đã kén được dâu hiền, và chúc hai cháu
Phú Cường – Anh Chi trăm năm hạnh phúc.

Gia đình Nguyễn Văn Chuế
Gia đình Vũ Thế Trụ
Gia đình Hà Nhụ Tưởng

SÁCH BÁO MỚI

THE VIETMAMESE COMMUNIST PARTY THROUGH VICISSITUDES OF THE COMMUNIST INTERNATIONALS
by **NGUYỄN MINH CẦN**
Translated into English by **TRẦN NGỌC DỤNG**
Published by Tuổi Xanh, vietrans@cox.net

QUẢNG ĐÀ

Đặc san Biên khảo Văn học Nghệ thuật
Sông Thu xuất bản – Los Angeles, 2004.

NHỮNG ĐÓA MẪU ĐƠN

Tuyển tập truyện ngắn và thơ
ĐẶNG PHÚ PHONG
Văn Hóa California xuất bản 2004

VÒNG TAY ĐỊNH MỆNH

Tập truyện của **VÕ VĂN TÙNG**
Tác giả xuất bản, 2004.

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

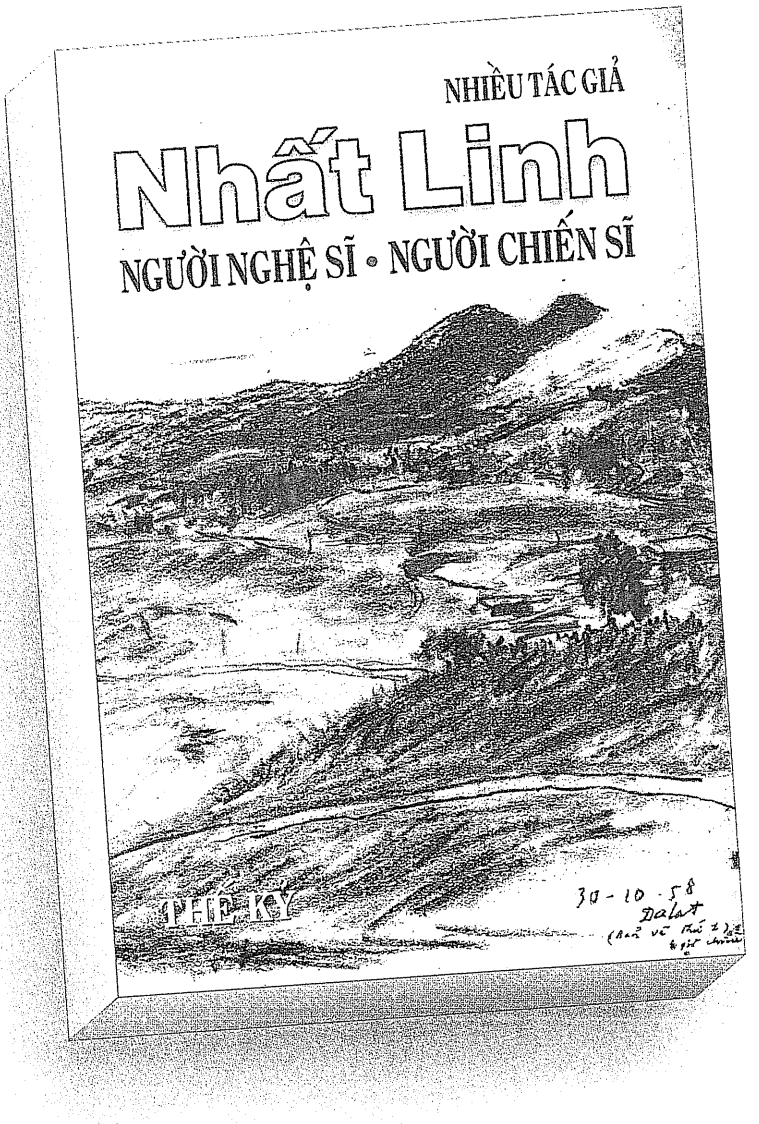

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của: **Nguyễn Tường Bách, Trương Bảo Sơn, Võ Phiến, Đông Hồ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Trần Khánh Triệu, Tú Mỡ, Anh Thơ, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Lê Đình Thông, Trương Kim Anh, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh.**

Văn phẩm của **Nhất Linh** và **Hoàng Đạo**.

Rất nhiều tài liệu thuộc về cuộc đời của nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam: hình ảnh, bản thảo, thủ bút, họa phẩm... **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

Sách phát hành vào đầu tháng Bảy, 2004. Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 **không tính cước phí**. Chi phiếu, bưu phiếu xin đề:

Thế Kỷ 21
14781 Moran Street
Westminster CA 92683 USA

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim